



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

ĐỀ ÁN
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

CHUYÊN NGÀNH
BỆNH HỌC THỦY SẢN
MÃ SỐ: 8 62 03 02

Cần Thơ, 5/2017

TỜ TRÌNH

ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành: **Bệnh học thủy sản**

Mã số: 8 62 03 02

Kính gửi: **Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Nuôi trồng Thủy sản là một thế mạnh đặc biệt của Việt Nam, nhất là của Đồng Bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) đã có những bước phát triển liên tục cao trong hơn 10 năm qua cả về diện tích nuôi, sản lượng và kim ngạch xuất khẩu. Tuy nhiên cùng với sự thâm canh hóa của nghề nuôi thủy sản trong đó có sự gia tăng về mật độ thả nuôi, tăng lượng thức ăn công nghiệp và hóa chất sử dụng, v.v làm cho môi trường nuôi bị suy thoái và dịch bệnh xảy ra ngày càng nhiều và gây ảnh hưởng ngày càng nghiêm trọng hơn. Quản lý dịch bệnh do đó đóng vai trò quan trọng đảm bảo sự thâm canh hóa nuôi trồng thủy sản thành công. Tuy nhiên, lĩnh vực này đòi hỏi phải có đội ngũ cán bộ có chuyên môn sâu như các lĩnh vực khác (ví dụ: Thú y hay bệnh lý học và chữa bệnh trong chăn nuôi động vật; Bảo vệ thực vật trong cây trồng).

Bên cạnh sự gia tăng nhu cầu đào tạo cán bộ có trình độ đại học, đào tạo sau đại học (tiến sĩ và thạc sĩ) cũng là một nhu cầu thực sự bức xúc ở ĐBSCL nhằm phục vụ cho phát triển ngành nghề. Ở các tỉnh ĐBSCL chưa có thạc sĩ chuyên về Bệnh học thủy sản. Hiện nay, chưa có cơ sở đào tạo nào trong nước đào tạo trình độ thạc sĩ ngành này, nên nhu cầu về đội ngũ cán bộ có trình độ cao, đặc biệt là trình độ thạc sĩ trong lĩnh vực bệnh học thủy sản, cho vùng ĐBSCL hiện nay là rất lớn. Việc mở đào tạo bậc thạc sĩ chuyên ngành về Bệnh học thủy sản ở Trường Đại học Cần Thơ là rất cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trình độ cao trong lĩnh vực bệnh học thủy sản cho vùng ĐBSCL, góp phần thực hiện kế hoạch phát triển thủy sản bền vững ở ĐBSCL nói riêng và cả nước nói chung.

Trường Đại học Cần Thơ được thành lập năm 1966 là cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học trọng điểm ở ĐBSCL. Trường đã và đang đào tạo nghiên cứu sinh, học viên và sinh viên ở các trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học và cao đẳng với các hình thức chính quy, vừa làm vừa học và từ xa. Để thực hiện được nhiệm vụ đào tạo chương trình thạc sĩ Bệnh học thủy sản, hiện tại Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ hiện có 57 Cán bộ giảng dạy; về trình độ đào tạo gồm 36 tiến sĩ và 21 thạc sĩ và về chức danh có 01 Giáo sư, 18 Phó Giáo sư, 20 giảng viên chính và 20 giảng viên. Trong số cán bộ giảng dạy thì có 7 CBGD có chuyên ngành sâu về lĩnh vực bệnh học thủy sản (gồm 3 tiến sĩ, 2 nghiên cứu sinh tiến sĩ và 2 thạc sĩ). Bên cạnh, Khoa còn lực lượng cán bộ giảng dạy có trình độ cao (Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ) dạy các môn có liên quan cho ngành Bệnh học thủy sản. Lực lượng cán bộ giảng dạy hiện có của Khoa Thủy sản đã được đào tạo có trình độ cao và chuyên sâu đủ để đảm nhận đào tạo ngành Bệnh học Thủy sản.

Kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo ngành Bệnh học thủy sản ở các đối tượng khác nhau như cơ quan quản lý nhà nước (các Chi cục Thủy sản), doanh nghiệp, cựu sinh viên ở các tỉnh ĐBSCL cho thấy 100% các bên được khảo sát đều đồng ý và tán thành việc mở ngành đào tạo thạc sĩ Bệnh học thủy sản nhằm đáp ứng nhu cầu về quản lý dịch bệnh thủy sản ở ĐBSCL.

Quá trình xây dựng chương trình đào tạo được thực hiện dựa trên cơ sở (i) tham khảo các chương trình đào tạo của một số trường trên thế giới như ĐH Stirling của Scotland; Đại học Queensland của Úc; (ii) tham khảo ý kiến của người sử dụng lao động thông qua kết quả điều tra về nhu cầu nhân lực cho ngành Thủy sản; (iii) tham khảo ý kiến của cán bộ được đào tạo ở các quốc gia trên thế giới và kinh nghiệm trong đào tạo của đội ngũ giảng viên của Khoa.

Ngành đăng ký đào tạo và chương trình đào tạo:

- Tên ngành đào tạo đăng ký mở: Bệnh học thủy sản
- Tên chương trình đào tạo: Bệnh học thủy sản
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 60 tín chỉ
- Thời gian đào tạo: 2 năm

Chỉ tiêu dự kiến tuyển trong 5 năm tới là từ 20-25 học viên hàng năm.

Kết luận và đề nghị

Trường Đại học Cần Thơ khẳng định việc đầu tư để thực hiện có kết quả, đảm bảo chất lượng đối với những ngành đăng ký mở là nhiệm vụ của nhà trường và hoàn toàn đầy đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ.

Toàn bộ nội dung hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo đã được đưa lên trang web của cơ sở đào tạo tại địa chỉ: <http://www.ctu.edu.vn>

Trường Đại học Cần Thơ kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét và cho phép trường mở ngành Bệnh học thủy sản.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT, PDT

MỤC LỤC

PHẦN 1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	1
1. Giới thiệu về Trường Đại học Cần thơ.....	1
2. Giới thiệu về Khoa Thủy sản.....	3
2.1.1. Hình thành và phát triển Khoa Thủy sản.....	3
2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ	4
2.1.3. Tổ chức hoạt động	4
2.1.4. Chương trình đào tạo	5
2.1.5. Những thành tựu khoa học đạt được đóng góp cho xã hội.....	5
2.1.6. Đội ngũ cán bộ.....	6
3. Lý do đề nghị cho phép đào tạo thạc sĩ ngành Bệnh học thủy sản (mã số 8 62 03 02)	6
PHẦN 2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH	8
2.1. Mục tiêu đào tạo	8
2.2. Thời gian đào tạo: 2 năm.....	8
2.3. Đối tượng tuyển sinh	8
2.4. Danh mục các ngành gần, ngành phù hợp với ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo.....	8
2.4.1. Các ngành phù hợp	8
2.4.2. Các ngành gần.....	8
2.4.3. Danh mục các môn học bổ sung kiến thức (đối với ngành gần)	9
2.4.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh: Số lượng tuyển hàng năm từ 20 đến 25 học viên	9
2.4.5. Yêu cầu đối với người tốt nghiệp.	9
PHẦN 3. NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO	10
3.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu	10
3.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.....	14
3.2.1. Thiết bị phục vụ đào tạo	14
3.2.2. Thư viện.....	20
3.2.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học	31
3.2.4. Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn và số lượng học viên có thể tiếp nhận.....	31

3.2.5. Các công trình công bố của cán bộ cơ hữu thuộc ngành đề nghị cho phép đào tạo của cơ sở đào tạo trong 5 năm trở lại đây.....	37
3.3. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học	43
PHẦN 4. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO	44
4.1. Mục tiêu.....	44
4.2. Yêu cầu đối với người dự tuyển	45
4.3. Điều kiện tốt nghiệp	45
4.4. Chương trình đào tạo	45
4.5. Đề cương các môn học (đính kèm phụ lục 1)	49
4.6. Dự kiến kế hoạch đào tạo	49
4.7. Đánh giá học phần	49
4.8. Điều kiện tốt nghiệp	50
PHỤ LỤC 1: ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	
PHỤ LỤC 2: LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA CÁN BỘ CƠ HỮU	
PHỤ LỤC 3: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THAM KHẢO CỦA MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở NƯỚC NGOÀI	
PHỤ LỤC 4: CÁC BIÊN BẢN CÓ LIÊN QUAN	
PHỤ LỤC 5: MINH CHỨNG VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	
PHỤ LỤC 6: MINH CHỨNG VỀ CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ	

PHẦN 1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Giới thiệu về Trường Đại học Cần Thơ

Được thành lập từ năm 1966, Viện Đại học Cần Thơ được đổi thành Trường Đại học Cần Thơ sau ngày giải phóng năm 1975. Nhiệm vụ chính của Trường là đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế, nâng cao đời sống và dân trí trong vùng. Trường đã không ngừng hoàn thiện và phát triển thành một trường đa ngành và đa lĩnh vực. Hiện nay, Trường có 16 khoa, đào tạo 97 chuyên ngành đại học, 42 chuyên ngành cao học và 16 chuyên ngành nghiên cứu sinh. Năm 2016, tổng số sinh viên bậc đại học hệ chính qui đang theo học tại trường và sinh viên đào tạo không chính qui tại các Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trường Cao đẳng Cộng đồng tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long là trên 58.000.

Đối với đào tạo sau đại học thì từ năm 1993 trường được phép tuyển sinh đào tạo cao học lần đầu tiên các ngành Nông học, Chăn nuôi - Thú y và Sinh vật học và Môi trường. Đến năm 1999, nhà trường được Bộ cho phép mở thêm chuyên ngành Nuôi trồng thủy sản; năm 2000, có thêm chuyên ngành Toán, Lý, Hóa. Hiện nay, Trường đã có 42 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ. Đối với đào tạo tiến sĩ thì Trường được phép tuyển từ năm 1982 với hai chuyên ngành là Trồng trọt và Vi sinh vật (QĐ 1207/QĐ-QLKH ngày 15.11.1982 – theo danh mục mới là Vi sinh vật học). Đến năm 2003 thì nhiều chuyên ngành mới cũng được phép tuyển sinh như Bệnh cây và bảo vệ thực vật (QĐ 536/QĐ-BGD&ĐT-SĐH ngày 31.01.2002 - theo danh mục mới là Bảo vệ thực vật); Chăn nuôi động vật nông nghiệp (QĐ 517/QĐ-BGD&ĐT-SĐH ngày 31.01.2002 – theo danh mục mới là Chăn nuôi động vật); Nông hóa (QĐ 1207/QĐ-QLKH ngày 15.11.1982 – theo danh mục mới là Đất và dinh dưỡng cây trồng). Đầu năm 2005, Trường được Bộ Giáo Dục và Đào Tạo đồng ý cho mở ngành Nuôi trồng thủy sản lợi/mặn bậc tiến sĩ. Đến năm 2007, trường cũng được Bộ đồng ý cho mở ngành Nuôi trồng thủy sản nước ngọt bậc tiến sĩ và hiện nay 2 chuyên ngành này ghép lại thành ngành Nuôi trồng thủy sản.

Ngoài tuyển sinh đào tạo sau đại học trong nước, hàng năm Trường còn được Bộ giao nhiệm vụ tuyển sinh đào tạo sau đại học ở nước ngoài bằng ngân sách Nhà nước cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Song song với công tác đào tạo, Trường Đại học Cần Thơ đã tham gia tích cực các chương trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Trường và ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, công nghệ, kinh tế, văn hoá và xã hội cho vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long. Đặc biệt, Trường đã sớm tạo được mối quan hệ hợp tác khoa học kỹ thuật rộng rãi với các trường đại học, các Viện nghiên cứu, các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước. Thông qua các chương trình hợp tác quốc tế, năng lực quản lý và chuyên môn của đội ngũ cán bộ của Trường đã được nâng cao, cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm được bổ sung và hiện đại hóa đã đáp ứng có hiệu quả yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và mở rộng các ngành đào tạo. Thêm vào đó, từ những kết quả của các công trình nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế,

Trường đã tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng cao, thiết thực phục vụ sản xuất, đời sống và xuất khẩu tạo được uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế.

Hiện nay, Trường Đại học Cần Thơ có 15 Khoa, các Viện và Trung tâm nghiên cứu, các phòng ban chức năng và một số đơn vị trực thuộc khác:

Các Khoa:

- Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông
- Khoa Nông nghiệp và Sinh học ứng dụng
- Khoa Thủy sản
- Khoa Sư phạm
- Khoa Ngoại ngữ
- Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Khoa Khoa học Tự nhiên
- Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
- Khoa Công nghệ
- Khoa Luật
- Khoa Khoa học chính trị
- Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên
- Khoa Phát triển Nông thôn
- Khoa Sau đại học
- Khoa Dự bị Dân tộc

Các Viện /Trung tâm nghiên cứu:

- Viện Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ Sinh học
- Viện Nghiên cứu và Phát triển Đồng Bằng Sông Cửu Long
- Viện nghiên cứu biến đổi khí hậu
- Trung tâm Công nghệ Phần mềm
- Trung tâm Ngoại ngữ
- Trung tâm học liệu
- Trung tâm chuyển giao công nghệ và Dịch vụ
- Trung tâm Giáo dục quốc phòng
- Bộ môn Giáo dục thể chất

Các Phòng/Ban chức năng:

- Phòng Kế hoạch Tổng hợp

- Phòng Tổ chức Cán bộ
- Phòng Tài vụ
- Phòng Đào tạo
- Phòng Công tác sinh viên
- Phòng Thanh tra pháp chế
- Phòng Quản lý Khoa học
- Phòng Hợp tác Quốc tế - Quản lý Dự án
- Phòng Công tác Chính trị
- Phòng Quản trị Thiết bị
- Ban Quản lý công trình

Từ năm 1990 đến nay, Đại Học Cần Thơ đầu tư xây dựng mới cho một số công trình lớn phục vụ cho học tập, thí nghiệm, ký túc xá và các công trình công cộng. Trong những năm gần đây, trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo, thí nghiệm, nghiên cứu khoa học được nâng cấp rất nhiều, điển hình là tại các khoa như Khoa Nông nghiệp và Sinh học ứng dụng, Khoa Khoa học Tự nhiên, Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông, Khoa Công nghệ,... Đặc biệt, ĐHCT hiện có hơn 2,000 máy vi tính được nối thành mạng toàn trường. Hệ thống mạng này được nối trực tiếp với nhà cung cấp dịch vụ Internet qua đường thuê bao riêng và ở hầu hết các Khoa; sinh viên có thể thực tập, làm bài tập, luận văn tốt nghiệp, nghiên cứu, truy cập Internet.

2. Giới thiệu về Khoa Thủy sản

2.1.1. Hình thành và phát triển Khoa Thủy sản

Khoa Thủy sản trường Đại học Cần Thơ được thành lập từ năm 1979. Năm 1989, nhóm nghiên cứu tôm và Artemia được tách khỏi Khoa Thủy sản để hình thành Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển Tôm-Artemia và đến năm 1996 được đổi tên thành Viện Nghiên cứu & Phát triển Artemia-Tôm. Cũng trong năm 1996, do nhu cầu liên kết các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ sản xuất nông nghiệp, Khoa Thủy sản cùng với các Khoa Trồng trọt, Khoa Chăn nuôi-Thú y và Khoa Chế biến Nông sản được hợp nhất tạo thành Khoa Nông nghiệp. Đầu năm 2001, Viện Khoa học Thủy sản trực thuộc Khoa Nông nghiệp được thành lập trên cơ sở tái hợp nhất các đơn vị làm công tác giảng dạy, nghiên cứu và quảng bá kỹ thuật nuôi trồng thủy sản ở Đại học Cần Thơ. Tháng 4/2002, Khoa Thủy sản trường Đại học Cần Thơ được tái lập theo Quyết định số 1651/QĐ-BGD&ĐT ngày 8/4/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở Viện Khoa học Thủy sản.

Tính đến năm 2016, Khoa Thủy sản có trên 4.500 sinh viên tốt nghiệp đại học ngành Nuôi trồng thủy sản, Khai thác thủy sản, Bệnh học thủy sản và Quản lý nghề cá, Quản lý nguồn lợi thủy sản, Chế biến thủy sản, Kinh tế thủy sản; hơn 200 học viên cao học của 22 khóa học đã và đang theo học chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nuôi trồng thủy sản. Hiện nay, Khoa Thủy sản có qui mô đào tạo hơn 1.320 sinh viên hệ chính qui

hàng năm đang theo học các chương trình bậc học khác nhau tại Trường Đại học Cần Thơ .

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ

Chức năng nhiệm vụ của Khoa Thủy sản được Hiệu trưởng trường Đại học giao theo quyết định số 456/QĐ-ĐHCT.TCCB là đảm nhận công tác đào tạo cũng như nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, cụ thể như sau:

- Hiện tại Khoa được phép đào tạo bậc đại học các ngành Nuôi trồng Thủy sản, Bệnh học thủy sản, Chế biến thủy sản, Quản lý nguồn lợi thủy sản, Nuôi trồng thủy sản tiên tiến (dạy bằng tiếng Anh). Năm 1999, Khoa được phép đào tạo bậc thạc sĩ chuyên ngành Nuôi trồng Thủy sản (Quyết định số 4188/QĐ-BGD&ĐT-SĐH ngày 18/10/1999 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Năm 2010, Khoa được phép đào tạo bậc thạc sĩ chuyên ngành Quản lý và bảo vệ nguồn lợi . Năm 2005, khoa được phép đào tạo bậc tiến sĩ chuyên ngành nuôi trồng thủy sản nước lợ, mặn. Năm 2007, Khoa cũng được phép đào tạo bậc tiến sĩ chuyên ngành nuôi trồng thủy sản nước ngọt (hiện nay ghép lại thành ngành Nuôi trồng thủy sản).
- Khoa Thủy sản đã và đang thực hiện nhiều nghiên cứu về sản xuất giống các loài cá bản địa nước ngọt và nước lợ, phát triển các quy trình nuôi các đối tượng thủy sản cho địa bàn đồng bằng sông Cửu Long, nghiên cứu sâu về dinh dưỡng, thức ăn cho các giai đoạn của nhiều loài cá bản địa có giá trị kinh tế cao, nghiên cứu sâu về đặc điểm sinh lý của nhiều loài cá trong xu hướng thích nghi với biến đổi khí hậu ở vùng ĐBSCL, nghiên cứu thành phần giống loài và phân bố nguồn lợi thủy sản, đánh giá biến động và quản lý nguồn lợi thủy sản, kinh tế - xã hội nghề cá, quản lý nghề cá, đánh giá và quan trắc môi trường nước, đánh giá chất lượng sản phẩm thủy sản, ứng dụng công nghệ sinh học trong nuôi trồng thủy sản, di truyền chọn giống các loài thủy sản có giá trị kinh tế,...Đặc biệt trong lĩnh vực bệnh học thủy sản, Khoa đã thực hiện nhiều nghiên cứu về các loại bệnh vi khuẩn, vi rút, ký sinh trùng, nấm... trên nhiều đối tượng nuôi quan trọng hiện nay như các loài tôm biển, tôm càng xanh, các loài cá bản địa có giá trị kinh tế....
- Ngoài ra, Khoa còn thực hiện việc chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật về sản xuất giống, ác quy trình chẩn đoán bệnh, quản lý dịch bệnh, ... phục vụ cho sự phát triển thủy sản bền vững ở khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long và các vùng lân cận.

2.1.3. Tổ chức hoạt động

Khoa Thủy sản được tổ chức thành 6 Bộ môn, 01 Trung tâm và 2 trạm trại phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ:

- Bộ môn Thủy sinh học Ứng dụng

- Bộ môn Bệnh học thủy sản
- Bộ môn Dinh dưỡng và Chế biến thủy sản
- Bộ môn Quản lý và Kinh tế nghề cá
- Bộ môn Kỹ thuật nuôi Hải sản
- Bộ môn Kỹ thuật nuôi thủy sản nước ngọt
- Trung tâm ứng dụng thủy sản công nghệ cao
- Trại nghiên cứu thực nghiệm Vĩnh Châu (tỉnh Sóc Trăng)
- Trại thực nghiệm thủy sản nước ngọt tại Cần Thơ

2.1.4. Chương trình đào tạo

Đối với lĩnh vực thủy sản, Khoa Thủy sản đã đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản từ năm 1976 đến nay. Năm 2002, ngành Khai thác thủy sản và chuyên ngành Bệnh học thủy sản được mở. Năm 2010, chuyên ngành Bệnh học thủy sản thuộc ngành Nuôi trồng thủy sản được chuyển thành ngành Bệnh học thủy sản cho đến nay. Ngành Quản lý nghề cá được mở năm 2004, kế tiếp ngành Chế biến thủy sản và chuyên ngành Kinh tế thủy sản được mở vào năm 2005. Chuyên ngành Sinh học biển, sau này chuyển thành Nuôi và bảo tồn sinh vật biển (thuộc ngành Nuôi trồng thủy sản) được mở năm 2007. Năm 2008, được phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo Chương trình tiên tiến Nuôi trồng thủy sản được mở, chương trình được dạy và học bằng tiếng Anh với sự hợp tác của Đại học Auburn, Hoa Kỳ. Hiện nay, các ngành và chuyên ngành đang được đào tạo liên quan đến lĩnh vực thủy sản bao gồm Nuôi trồng thủy sản, Bệnh học thủy sản, Quản lý nguồn lợi thủy sản (đổi tên từ Quản lý nghề cá), Kinh tế thủy sản, Chế biến thủy sản. Tổng số sinh viên các ngành và chuyên ngành liên quan đến thủy sản từ năm 2010 đến 2016 là 4.982 sinh viên với số sinh viên tốt nghiệp là 3.209 sinh viên

2.1.5. Những thành tựu khoa học đạt được đóng góp cho xã hội

Khoa Thủy sản đã đạt được nhiều tiến bộ khoa học và ứng dụng có hiệu quả trong sản xuất, góp phần thúc đẩy sự phát triển nghề thủy sản ở đồng bằng sông Cửu Long cũng như trong cả nước. Những thành tựu chính gồm:

- Quy trình công nghệ sản xuất giống thủy sản
- Các mô hình canh tác kết hợp thủy sản và nông nghiệp
- Quản lý môi trường ao nuôi thủy sản
- Quản lý dịch bệnh trong thủy sản
- Quy trình chẩn đoán và phòng trị bệnh tôm cá
- Các nghiên cứu chuyên sâu về sinh học dinh dưỡng, sinh lý, di truyền
- Đánh giá hiện trạng và quản lý nguồn lợi thủy sản

- Qui trình sản xuất trứng bào xác Artemia và thức ăn tự nhiên phục vụ sản xuất giống thủy sản
- Các nghiên cứu về kinh tế, xã hội trong lĩnh vực thủy sản

2.1.6. Đội ngũ cán bộ

Khoa Thủy sản có 102 cán bộ công chức thuộc diện biên chế và hợp đồng. Trình độ cán bộ công chức gồm:

- 1 Giáo sư
- 18 Phó giáo sư
- 36 Tiến sĩ (bao gồm 1 GS và 18 PGS)
- 41 thạc sĩ (trong đó có 19 đang học tiến sĩ)
- 25 kỹ sư, Cử nhân và Cao đẳng.

Hiện nay, 100% cán bộ giảng dạy của Khoa đã có bằng sau đại học, chủ yếu được đào tạo ở nước ngoài như Mỹ, Pháp, Anh, Bỉ, Đan Mạch, Úc, Thái Lan, Malaysia, Hàn Quốc, Nhật Bản... Cán bộ có chuyên môn rất đa dạng bao gồm các lĩnh vực như Nuôi trồng thủy sản, Sinh học biển, Bệnh học thủy sản, Dinh dưỡng thủy sản, Sinh học sinh lý, Di truyền chọn giống thủy sản, Quản lý nghề cá, Đánh giá nguồn lợi thủy sản, Chế biến thủy sản, Kinh tế xã hội nghề cá, Công nghệ sinh học trong thủy sản,...

3. Lý do đề nghị cho phép đào tạo thạc sĩ ngành Bệnh học thủy sản (mã số 8 62 03 02).

Nuôi trồng Thủy sản là một thế mạnh đặc biệt của Việt Nam, nhất là của đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL); ngành nuôi trồng Thủy sản đã có những bước phát triển liên tục cao trong hơn 10 năm qua cả về diện tích nuôi, sản lượng và kim ngạch xuất khẩu. Tôm nước lợ và cá nước ngọt, đặc biệt là cá tra, là những đối tượng nuôi quan trọng của ngành nuôi trồng thủy sản Việt Nam; và nhất là ở vùng ĐBSCL. Phát triển nuôi trồng thủy sản thâm canh đã được thực hiện thành công ở trong và ngoài nước, tuy nhiên cùng với sự thâm canh hóa của nghề nuôi thủy sản trong đó có sự gia tăng về mật độ thả nuôi, tăng lượng thức ăn công nghiệp và hóa chất sử dụng, v.v làm cho môi trường nuôi bị suy thoái và dịch bệnh xảy ra ngày càng nhiều và gây ảnh hưởng ngày càng nghiêm trọng hơn. Quản lý dịch bệnh do đó đóng vai trò quan trọng đảm bảo sự thâm canh hóa nuôi trồng thủy sản thành công. Tuy nhiên, lĩnh vực này đòi hỏi phải có đội ngũ cán bộ có chuyên môn sâu như các lĩnh vực khác (ví dụ: Thú y hay bệnh lý học và chữa bệnh trong chăn nuôi động vật; Bảo vệ thực vật trong cây trồng).

Nhận thấy được yêu cầu cán bộ có trình độ chuyên sâu về Bệnh học Thủy sản trong sản xuất thủy sản, từ năm 2002, Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ là đơn vị đầu tiên trong cả nước đã mở đào tạo chuyên ngành Bệnh học Thủy sản thuộc ngành Nuôi trồng Thủy sản. Năm 2010, chính thức đào tạo ngành Bệnh học Thủy sản. Đến nay đã có 9 khóa với 395 sinh viên ra trường và hiện đang có 4 khóa với 218 sinh viên đang theo học.. Trong những năm qua số lượng sinh viên tuyển vào chuyên ngành Bệnh

học Thủy sản hàng năm khá ổn định (từ 40-50 sinh viên/năm). Năm học 2009, Khoa Thủy sản đã tiến hành kiểm định chất lượng và lấy ý kiến như cầu đào tạo ngành này ghi nhận được ngành này đang có nhu cầu cao của xã hội và sinh viên ra trường đã có đóng góp tốt trong phát triển ngành nuôi trồng thủy sản hiện tại và tương lai.

Bên cạnh sự gia tăng nhu cầu đào tạo cán bộ có trình độ đại học, đào tạo sau đại học cũng là một nhu cầu bức xúc ở ĐBSCL nhằm phục vụ cho phát triển ngành nghề. Ở Trường Đại học Cần Thơ, số thí sinh dự tuyển và trúng tuyển bậc thạc sĩ luôn tăng hàng năm từ 10-12 học viên/năm (1999) đã tăng lên từ 30 đến 40 học viên/năm. Tuy nhiên, ở các tỉnh ĐBSCL chưa có thạc sĩ chuyên về Bệnh học thủy sản. Hiện nay, chưa có cơ sở đào tạo nào trong nước đào tạo trình độ thạc sĩ ngành này, nên nhu cầu về đội ngũ cán bộ có trình độ cao trong lĩnh vực bệnh học thủy sản hiện nay là rất lớn.

Là trung tâm đào tạo bậc sau đại học duy nhất ở ĐBSCL, Trường Đại học Cần Thơ cần thiết phải xúc tiến nhanh công tác đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ thủy sản cho khu vực. Với sự hợp tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường Đại học Cần Thơ với nhiều đơn vị trong và ngoài nước như Đại học Auburn (Hoa Kỳ), Đại học Gent (Bỉ), Đại học Aarhus (Đan Mạch), Đại học Nông Lâm - thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Nha Trang, và các Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản. Việc mở đào tạo bậc thạc sĩ chuyên ngành về Bệnh học thủy sản ở trường Đại học Cần Thơ là rất cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trình độ cao trong lĩnh vực bệnh học thủy sản cho vùng ĐBSCL, góp phần thực hiện kế hoạch phát triển thủy sản bền vững của Chính phủ.

PHẦN 2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

2.1. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo thạc sĩ về Bệnh học thủy sản có tinh thần yêu nghề; có kiến thức chuyên sâu về bệnh thủy sản; có khả năng quản lý sức khỏe và tư vấn phòng trị bệnh cho các cơ sở sản xuất giống và nuôi thương phẩm các loài thủy sản có giá trị kinh tế; có khả năng làm việc độc lập và quản lý công tác chuyên môn tại các cơ quan nhà nước hoặc các cơ sở doanh nghiệp có liên quan đến nuôi trồng thủy sản; vững về phương pháp luận và có khả năng học lên bậc tiến sĩ hoặc phụ trách các công tác nghiên cứu khoa học ở các viện, trường hoặc tổ chức liên quan; và đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế.

2.2. Thời gian đào tạo: 2 năm

2.3. Đối tượng tuyển sinh

Là cán bộ công chức, công nhân viên đang công tác tại Cơ quan Nhà nước, các doanh nghiệp tư nhân và sinh viên mới tốt nghiệp đại học có nhu cầu học tiếp cao học.

Về văn bằng: người dự thi cần thỏa mãn một trong các điều kiện sau đây:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc phù hợp với ngành đăng ký dự thi;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành gần với ngành đăng ký dự thi, đã học bổ sung kiến thức các môn học hay các học phần để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng.

Về thâm niên công tác

a) Người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên, ngành tốt nghiệp đúng hoặc phù hợp với ngành đăng ký dự thi, được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học.

b) Những trường hợp còn lại phải có ít nhất một năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn đăng ký dự thi, kể từ khi tốt nghiệp đại học (tính từ ngày Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp) đến ngày đăng ký dự thi.

Về sức khỏe:

Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định tại Thông tư liên Bộ Y tế - Đại học, THCN và DN số 10/TT-LB ngày 18/08/1989 và công văn hướng dẫn số 245/TS ngày 20/08/1990 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của cơ sở đào tạo.

2.4. Danh mục các ngành gần, ngành phù hợp với ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo.

2.4.1. Các ngành phù hợp

- Bệnh học thủy sản
- Nuôi trồng thủy sản

2.4.2. Các ngành gần

- Thú y
- Công nghệ sinh học
- Vi sinh vật học
- Sinh học

2.4.3. Danh mục các môn thi đầu vào

- Vi sinh đại cương
- Bệnh học thủy sản đại cương

2.4.4. Danh mục các môn học bổ sung kiến thức (đối với ngành gần)

- Nguyên lý và kỹ thuật chẩn đoán bệnh thủy sản (2 TC)
- Nuôi trồng thủy sản (2TC)
- Quản lý dịch bệnh thủy sản (2TC)

2.4.5. Dự kiến quy mô tuyển sinh: Số lượng tuyển hàng năm từ 20 đến 25 học viên

2.4.6. Yêu cầu đối với người tốt nghiệp.

Học viên hoàn thành các môn học và bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ

PHẦN 3. NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

3.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu

Trường Đại học Cần Thơ là trường đa ngành với đội ngũ cán bộ được đào tạo về nhiều lĩnh vực khác nhau từ khoa học cơ bản đến ứng dụng. Đặc biệt, Đại học Cần Thơ có đội ngũ vững mạnh trong đào tạo các ngành sinh học như Nông nghiệp, Thủy sản, Công nghệ sinh học... nên trường hoàn toàn có đủ năng lực đảm nhận được nhiệm vụ đào tạo sau đại học bậc thạc sĩ và tiến sĩ với nhiều chuyên ngành trong đó có các chuyên ngành về thủy sản.

Riêng đối với Khoa Thủy sản hiện có đội ngũ cán bộ được đào tạo chính qui và hoàn toàn có thể đảm nhận được nhiệm vụ đào tạo cao học và nghiên cứu sinh bậc thạc sĩ và tiến sĩ một số chuyên ngành khác nhau. Đối với chuyên ngành Bệnh học thủy sản thì đội ngũ cán bộ của Khoa Thủy sản và các khoa khác của trường đủ để thực hiện chương trình đào tạo. Các cán bộ tham gia đào tạo hầu hết tốt nghiệp tiến sĩ ngành Vi sinh vật và ký sinh trùng học, thú y thủy sản, Bệnh học thủy sản, dinh dưỡng và thức ăn thủy sản, nuôi trồng thủy sản giảng dạy.

Những cán bộ tham gia đào tạo cũng thực hiện nhiều nghiên cứu chuyên sâu về các lĩnh vực vi sinh thủy sản, bệnh lý học động vật thủy sản, sinh lý động vật thủy sản, quản lý chất lượng nước,... và một số cán bộ tốt nghiệp các chuyên ngành có liên quan gần. Bảng 1, 2 và 3 (Phụ lục III) trình bày chi tiết đội ngũ cán bộ cơ hữu (giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ), đội ngũ cán bộ phối hợp (từ các đơn vị hợp tác) và cán bộ cơ hữu bổ sung trong tương lai.

Bảng 1. Đội ngũ cán bộ tham gia đào tạo cao học chuyên ngành Bệnh học thủy sản và cán bộ có chuyên môn sâu có liên quan đến chuyên ngành của Đại học Cần Thơ.

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
Cán bộ có chuyên môn sâu về bệnh thủy sản						
1.	Đặng Thị Hoàng Oanh, 1969, Trưởng Bộ môn	PGS, 2011	Tiến sĩ, Úc, 2008	Vi sinh t và c	2005, ĐHCT	8 đề tài, 40 báo cáo KH
2.	Phạm Minh Đức, 1971, Phó Giám đốc Dự án ODA	PGS, 2015	Tiến sĩ, Nhật, 2009	Bác sĩ thú y (Bệnh học y	2009, ĐHCT	5 đề tài 22 báo cáo KH

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
3.	Từ Thanh Dung, 1962, Giảng viên chính	PGS, 2013	Tiến sĩ, Bỉ, 2010	Bác sĩ thú y thủy sản (Bệnh học thủy sản)	2007, ĐHCT ĐH TS Nha Trang	9 đề tài, 38 báo cáo KH
4.	Trần Thị Tuyết Hoa, 1974, Phó Trưởng Bộ môn	PGS, 2015	Tiến sĩ, Hà Lan, 2012	Bệnh học thủy sản	2009, ĐHCT	2 đề tài 21 báo cáo KH
5.	Bùi Thị Bích Hằng, 1976, Giảng viên		Tiến sĩ, Bỉ, 2013	Bệnh học Thủy sản	2009, ĐHCT	2 đề tài, 16 báo cáo KH
<i>Cán bộ có chuyên môn sâu về thủy sản</i>						
1.	Nguyễn Thanh Phương, 1964, Phó Hiệu trưởng	PGS, 2004	Tiến sĩ, Pháp, 1998	Thủy sản (Hệ thống nuôi thủy sản)	1998, ĐH TS, HCT, ĐH NL	23 đề tài (chủ nhiệm) 87 báo cáo KH, 13 sách chuyên khảo
2.	Trương Quốc Phú, 1964, Trưởng Khoa	PGS, 2007	Tiến sĩ, Việt Nam, 2001	Nuôi trồng Thủy sản (Nuôi cá và nghề cá biển)	2001, ĐHCT ĐHTS Nha Trang	12 đề tài, 43 báo cáo KH. 4 sách chuyên khảo
3.	Vũ Ngọc Út, 1969, Phó Trưởng khoa	PGS, 2009	Tiến sĩ, Anh quốc, 2003	Sinh học biển ứng dụng	2006, ĐHCT	15 đề tài, 63 bài báo
4.	Dương Nhứt Long, 1959, Trưởng Bộ môn	PGS, 2009	Tiến sĩ, Bỉ, 2002	Nuôi trồng Thủy sản	2002, ĐHCT	27 đề tài, 20 báo cáo KH

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
5.	Bùi Minh Tâm, 1970, Phó Trưởng Bộ môn		Tiến sĩ, Mã Lai, 2007	Nuôi trồng Thủy sản (Di truyền thủy sản)	2006, ĐHCT	6 đề tài (1 chủ nhiệm) 10 báo cáo KH
6.	Đỗ Thị Thanh Hương, 1962, Trưởng Bộ môn	PGS, 2010	Tiến sĩ, Nhật Bản, 2006	Khoa học Sinh học động vật thủy sản	2006, ĐHCT	9 đề tài 25 báo cáo KH
7.	Phạm Thanh Liêm, 1967, Phó Bộ môn	PGS, 2015	Tiến sĩ, Mã Lai, 2009	Nuôi trồng Thủy sản (Chọn giống thủy sản)	2009, ĐHCT	10 đề tài (4 chủ nhiệm) 26 báo cáo KH
8.	Phạm Thị Tuyết Ngân, 1964, Trưởng Bộ môn		Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Nuôi trồng Thủy sản	2013, ĐHCT	20 báo cáo KH
9.	Lam Mỹ Lan, 1972, Giảng viên chính	PGS, 2015	Tiến sĩ, Bỉ, 2006	Nuôi trồng Thủy sản (Hệ thống nuôi TS nước ngọt)	2006, ĐHCT	17 đề tài (2 chủ nhiệm) 35 báo cáo KH
10.	Trần Minh Phú, 1981, Giảng viên		Tiến sĩ, Đan Mạch, 2015	Vệ sinh an toàn thực phẩm		

Bảng 2: Đội ngũ cán bộ cộng tác với cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các báo cáo)
1.	Lê Hồng Phước, 1973, Giám đốc Trung tâm		Tiến sĩ, Bỉ	Bệnh thủy sản	2017 (ĐHCT)	

Bảng 3: Lực lượng cán bộ bổ sung trong tương lai (đang học chương trình tiến sĩ)

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Nước đào tạo, năm sẽ tốt nghiệp	Chuyên ngành	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các báo cáo)
1.	Nguyễn Thị Thu Hằng	Việt Nam, 2017	Nuôi trồng Thủy sản	2 đề tài 7 báo cáo KH 1 giáo trình
2.	Đặng Thụy Mai Thy	Việt Nam, 2017	Nuôi trồng Thủy sản	3 đề tài 10 báo cáo KH

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

Thủ trưởng cơ sở đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

3.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

3.2.1. Thiết bị phục vụ đào tạo

Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ với sự trợ giúp của chính phủ các nước Hà Lan (dự án WES), Nhật (JIRCAS), Úc (ACIAR), Đan Mạch (DANIDA), Bỉ (VLIR), Cộng đồng châu Âu đã nâng cấp toàn diện và đồng bộ các phòng thí nghiệm cơ bản và phòng thực nghiệm với nhiều máy móc hiện đại phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học gồm:

- Phòng thí nghiệm chung
- Phòng chiết tách DNA/RNA
- Phòng miễn dịch học
- Phòng ký sinh trùng và mô bệnh học
- PTN công nghệ sinh học
- Phòng TN virus
- Phòng TN vi khuẩn
- Phòng TN vi nấm
- Phòng xét nghiệm giống thủy sản (PCR)
- Phòng dạy thực hành chẩn đoán bệnh thủy sản
- Phòng kính dạy thực hành kính hiển vi

Ngoài ra trong năm 2003-2004 Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ cũng được tiếp nhận dự án Giáo dục đại học mức C, qua đó được đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu cho ngành bệnh học thủy sản (Phụ lục III).

Bảng 4: Thiết bị phục vụ cho đào tạo

Số TT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị
1.	Cân điện Sartorius, BP 210 S, Phục vụ giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	3	Bệnh truyền nhiễm động vật thủy sản nâng cao, Chẩn đoán và phòng trị bệnh thủy sản, Chuyên đề bệnh ở ĐVTS
2.	Cân điện Mettler Toledo, AG-245, Phục vụ giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	3	Bệnh truyền nhiễm động vật thủy sản nâng cao, Chuyên đề bệnh ở ĐVTS

Số TT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị
3.	Cân phân tích 3 số lẻ, Phục vụ giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	2	Bệnh truyền nhiễm động vật thủy sản nâng cao, Chuyên đề bệnh ở ĐVTS
4.	Cân phân tích 4 số lẻ, Phục vụ giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	6	Chẩn đoán và phòng trị bệnh thủy sản, Bệnh truyền nhiễm động vật thủy sản nâng cao
5.	Cân phân tích 6 số lẻ, Phục vụ giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	5	CNSH ứng dụng trong bệnh học thủy sản, Chẩn đoán và phòng trị bệnh thủy sản
6.	Tủ đông, Phục vụ giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	2	Bệnh truyền nhiễm động vật thủy sản nâng cao, Chẩn đoán và phòng trị bệnh thủy sản
7.	Máy cất nước (7 lít/giờ), Phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	1	Tất cả các học phần có thực hành
8.	Hệ thống lọc nước sạch (20 lít/giờ), Phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	1	Tất cả các học phần có thực hành
9.	Máy khuấy từ có gia nhiệt, Phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	9	Bệnh truyền nhiễm động vật thủy sản nâng cao, Chuyên đề bệnh ở ĐVTS,
10.	Máy lắc đứng, Phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	3	Bệnh truyền nhiễm động vật thủy sản nâng cao, Chẩn đoán và phòng trị bệnh thủy sản , Chuyên đề bệnh ở ĐVTS
11.	Máy lắc ngang, Phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	3	Bệnh truyền nhiễm động vật thủy sản nâng cao, Chuyên đề bệnh ở ĐVTS

Số TT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị
12.	Máy lắc ống nghiệm, Phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	10	Bệnh truyền nhiễm động vật thủy sản nâng cao, Chẩn đoán và phòng trị bệnh thủy sản, Chuyên đề bệnh ở ĐVTS,
13.	Máy làm đá vảy, Phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	1	Bệnh truyền nhiễm động vật thủy sản nâng cao, Chuyên đề bệnh ở ĐVTS
14.	Máy rửa đĩa pettri, Phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	2	Tất cả các học phần có thực hành
15.	Máy rửa ống nghiệm, Phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	2	Tất cả các học phần có thực hành
16.	Microarray system, Phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	1	CNSH ứng dụng trong bệnh học thủy sản, Chuyên đề bệnh ở ĐVTS
17.	Microplate reader, Phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	1	Chẩn đoán và phòng trị bệnh thủy sản
18.	Nồi chưng cách thủy có điều chỉnh nhiệt độ, Phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	6	Mô học động vật thủy sản
19.	Thiết bị làm lạnh có chương trình, Phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	1	Mô học động vật thủy sản
20.	Tủ đông (-20 oC), Phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	6	Sinh học và kỹ thuật nuôi cấy tế bào,
21.	Tủ đông (-45 oC), Phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	5	Sinh học và kỹ thuật nuôi cấy tế bào,
22.	Tủ đông (-80 oC), Phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và thực	Nhật	4	Sinh học và kỹ thuật

Số TT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị
	tập môn học			nuôi cấy tế bào
23.	Tủ sấy chân không, Phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	1	Bệnh truyền nhiễm động vật thủy sản nâng cao
24.	Kính hiển vi có máy chụp ảnh Nikon, Phục vụ giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	2	Mô học động vật thủy sản
25.	Kính hiển vi có máy chụp ảnh, Kruss 2000, Phục vụ giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	1	Mô học động vật thủy sản
26.	Kính lúp có máy chụp ảnh Nikon, SMZ-U, Phục vụ giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	1	Bệnh truyền nhiễm động vật thủy sản nâng cao
27.	Máy ảnh kỹ thuật số, DSE-330-A, Phục vụ giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	1	Mô học động vật thủy sản
28.	Kính hiển vi quang học, Olympus, Phục vụ giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	35	Mô học động vật thủy sản
29.	Kính lúp giải phẫu, Olympus, Phục vụ giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	12	Bệnh truyền nhiễm động vật thủy sản nâng cao
30.	Máy photocopy, Phục vụ giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	1	Tất cả các học phần
31.	Máy scanner, Phục vụ giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	5	Tất cả các học phần
32.	Đầu video - TV, Sony, Phục vụ giảng dạy và thực tập môn học	Nhật	3	Tất cả các học phần
33.	Máy so màu quang phổ, SQ 118, Phục vụ giảng dạy thực tập môn học	Nhật	1	CNSH ứng dụng trong bệnh học thủy sản, Chuyên đề bệnh ở ĐVTS, Chẩn đoán và phòng trị bệnh thủy sản
34.	Máy so màu quang phổ, S750, Phục vụ giảng dạy thực tập môn	Nhật	1	CNSH ứng dụng trong bệnh học thủy sản, Chuyên đề bệnh

Số TT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị
	học			ở ĐVTS, Chẩn đoán và phòng trị bệnh thủy sản
35.	Máy so màu quang phổ, DR 2000, Phục vụ giảng dạy thực tập môn học	Nhật	1	CNSH ứng dụng trong bệnh học thủy sản, Chuyên đề bệnh ở ĐVTS, Chẩn đoán và phòng trị bệnh thủy sản
36.	Máy so màu quang phổ, Meck, Phục vụ giảng dạy thực tập môn học	Nhật	1	CNSH ứng dụng trong bệnh học thủy sản, Chuyên đề bệnh ở ĐVTS, Chẩn đoán và phòng trị bệnh thủy sản
37.	Máy đo NH_4^+ Iron, 720 A, Phục vụ giảng dạy thực tập môn học	Nhật	1	Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản, Luận văn tốt nghiệp
38.	Máy đo chất lượng nước, YEO-KAL, Phục vụ giảng dạy thực tập môn học	Nhật	1	Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản, Luận văn tốt nghiệp
39.	Máy đo chất lượng nước, Horiba, Phục vụ giảng dạy thực tập môn học	Nhật	1	Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản, Luận văn tốt nghiệp
40.	Máy đo Oxy hòa tan, HI 9143, Phục vụ giảng dạy thực tập môn học	Nhật	2	Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản, Luận văn tốt nghiệp
41.	Máy đo Oxy hòa tan, 835, Phục vụ giảng dạy thực tập môn học	Nhật	1	Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản
42.	Khúc xạ kế, Phục vụ giảng dạy thực tập môn học	Nhật	5	Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản, Luận văn tốt nghiệp
43.	Máy đo BOD, Phục vụ giảng dạy thực tập môn học	Nhật	1	Quản lý chất lượng nước trong nuôi

Số TT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị
				trồng thủy sản, Luận văn tốt nghiệp
44.	Máy đo COD, Phục vụ giảng dạy thực tập môn học	Nhật	1	Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản, Luận văn tốt nghiệp
45.	Máy đo pH, Phục vụ giảng dạy thực tập môn học	Nhật	1	Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản, Luận văn tốt nghiệp
46.	Máy đo độ mặn (khúc xạ kế), S Mill-E, Phục vụ giảng dạy thực tập môn học	Nhật	1	Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản, Luận văn tốt nghiệp
47.	Máy đo tự ghi (dataloger), Phục vụ giảng dạy thực tập môn học	Nhật	1	Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

Thủ trưởng cơ sở đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

3.2.2. Thư viện

Thư viện phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu bao gồm thư viện Trường (Trung tâm học liệu) và thư viện Khoa (sách chuyên ngành). Trung tâm học liệu của Trường với 30.000 đầu sách và nhiều tạp chí lưu hành, cũng như được trang bị các phương tiện nghe nhìn hiện đại. Trong đó phòng đọc sau đại học phục vụ nhiều sách và tạp chí chuyên ngành, phương tiện truy cập Internet. Tại Trung tâm học liệu được trang hệ thống máy tính với hơn 440 máy. Ngoài ra, Trường cũng trang bị 1.000 máy tính công cộng bố trí tại nhiều điểm khác nhau nhằm phục vụ cho việc học tập và tự nghiên cứu của sinh viên trong toàn trường.

Đặc biệt thư viện của Khoa Thủy sản với hàng trăm đầu sách và tạp chí chuyên ngành, là nguồn tư liệu quý báu hỗ trợ đắc lực cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học của đơn vị. Bên cạnh mạng máy tính của Trường, mạng máy tính của Khoa Thủy sản với khoảng 100 máy, cũng được nối mạng phục vụ cho cán bộ và sinh viên trong Khoa.

Bảng 5: Danh mục sách và tạp chí

Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
1	Công nghệ sinh học	2012	3	CNSH ứng dụng trong bệnh học thủy sản
2	Tìm hiểu quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn vệ sinh thực phẩm	2012	3	Vệ sinh và an toàn thực phẩm thủy sản
3	Kỷ yếu hội nghị khoa học thủy sản lần 4 (Đại học Cần Thơ ngày 26 tháng 01 năm 2011) =	2011	3	Tất cả các học phần
4	Một số nguyên lý và kỹ thuật ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản	2011	10	Tất cả các học phần
5	Cua biển	2010	5	Chuyên đề bệnh ở ĐVTS nước mặn lợ
6	Kỹ thuật chăm sóc và nuôi dưỡng rùa	2010	5	Chuyên đề bệnh ở ĐVTS
7	Phương pháp nuôi cá lóc	2010	3	Chuyên đề bệnh

Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
				ở ĐVTS
8	Sinh sản & nuôi cua đồng thịt, cua đồng sữa (Somanniathelphusa sinensis (Ng 2000)	2011	5	Chuyên đề bệnh ở ĐVTS nước ngọt
9	Nguyên lý và kỹ thuật chẩn đoán bệnh thủy sản	2011	5	Bệnh lý và sinh lý bệnh thủy sản, Chẩn đoán và phòng trị bệnh thủy sản
10	Động vật học có xương sống	2010	2	Chuyên đề bệnh ở ĐVTS
11	Kỷ yếu hội nghị khoa học thủy sản lần 4 (Đại học Cần Thơ ngày 26 tháng 01 năm 2011) =	2011	4	Tất cả các học phần
12	Giáo trình vi sinh vật học thực phẩm	2012	2	Vệ sinh và an toàn thực phẩm thủy sản
13	Kỹ thuật nuôi trồng thủy sản	2009	5	Tất cả các học phần
14	Tuyển tập hội nghị công nghệ sinh học toàn quốc - khu vực phía nam năm 2009	2010	3	CNSH ứng dụng trong bệnh học thủy sản
15	Phương pháp phân tích vi sinh vật	2012	1	Vắc-xin trong nuôi trồng thủy sản, Chế phẩm sinh học và chất kích thích miễn dịch trong phòng bệnh thủy sản
16	Bệnh truyền nhiễm và nhiệt đới	2011	5	Bệnh truyền nhiễm động vật thủy sản nâng cao, Bệnh lý và

Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
				sinh lý bệnh thủy sản, Chẩn đoán và phòng trị bệnh thủy sản
17	Cơ sở hóa học phân tích hiện đại	2012	2	Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản
18	Kinh tế Việt Nam	2011	2	Qui hoạch và quản lý nuôi trồng thủy sản
19	Giáo trình cơ sở môi trường nước	2010	3	Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản, Quan trắc sinh học môi trường nước
20	Cơ sở sinh lý cá và những ứng dụng vào thực tế sản xuất	2010	2	Sinh lý động vật thủy sản
21	Giáo trình cơ sở môi trường nước	2010	2	Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản, Quan trắc sinh học môi trường nước
22	Cơ sở công nghệ tế bào động vật và ứng dụng	2010	3	Sinh học và kỹ thuật nuôi cấy tế bào, Mô học động vật thủy sản
23	Cơ sở công nghệ vi sinh vật và ứng dụng	2010	5	Vắc-xin trong nuôi trồng thủy sản, Chế phẩm sinh học và chất kích thích miễn dịch trong phòng bệnh thủy sản
24	Phương pháp phân tích vi	2012	1	Vắc-xin trong

Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
	sinh vật			nuôi trồng thủy sản, Chế phẩm sinh học và chất kích thích miễn dịch trong phòng bệnh thủy sản
25	Công nghệ sinh học	2010	6	CNSH ứng dụng trong bệnh học thủy sản, Chẩn đoán và phòng trị bệnh thủy sản
26	Định hướng quản lý tổng hợp vùng bờ biển Bắc Bộ	2011	2	Qui hoạch và quản lý nuôi trồng thủy sản
27	Smart floating raceway for marine fish farming	2010	4	Chuyên đề bệnh ở ĐVTS
28	Success stories in Asian aquaculture	2010	1	Tất cả các học phần
29	Fish disease	2010	1	CNSH ứng dụng trong bệnh học thủy sản, Chẩn đoán và phòng trị bệnh thủy sản, Dịch tễ học và ứng dụng trong bệnh học thủy sản
30	Aquaculture research Vol 41, No2 to No12, 18/01/2010 Aquaculture research Vol 41, No3, 12/02/2010 Aquaculture research Vol 41, No4, 17/03/2010 Aquaculture research Vol 41, No5, 16/04/2010 Aquaculture research Vol	2010	1	Tất cả các học phần

Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
	41, No6, 17/05/2010 Aquaculture research Vol 41, No7, 16/06/2010 Aquaculture research Vol 41, No8, 16/07/2010 Aquaculture research Vol 41, No9, 16/08/2010 Aquaculture research Vol 41, No10, 16/09/2010 Aquaculture research Vol 41, No11, 10/2010 Aquaculture research Vol 41, No12, 11/2010 Aquaculture research Vol 42, No1, 12/2010			
31	Fisheries management and ecology Vol 17, No3, 06/2010 Fisheries management and ecology Vol 17, No4, 297-368, 08/2010 Fisheries management and ecology Vol 17, No5, 369-646, 10/2010 Fisheries management and ecology Vol 17, No6, 12/2010	2010	1	Chuyên đề bệnh ĐVTS
32	Aquaculture research Vol 41, No2, 18/01/2010 Aquaculture research Vol 41, No3, 12/02/2010 Aquaculture research Vol 41, No4, 17/03/2010	2010	1	Tất cả các học phần

Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
	Aquaculture research Vol 41, No5, 16/04/2010 Aquaculture research Vol 41, No6, 17/05/2010 Aquaculture research Vol 41, No7, 16/06/2010 Aquaculture research Vol 41, No8, 16/07/2010 Aquaculture research Vol 41, No9, 16/08/2010 Aquaculture research Vol 41, No10, 16/09/2010 Aquaculture research Vol 41, No11, 10/2010 Aquaculture research Vol 41, No12, 11/2010 Aquaculture research Vol 42, No1, 12/2010			
33	Tạp chí khoa học (ĐHCT): Số 13, năm 2010 Số 14a, năm 2010 Số 14b, năm 2010 Số 15a, năm 2010 Số 15b, năm 2010 Số 16a, năm 2010 Số 16b, năm 2010 Số 17a, năm 2011 Số 17b, năm 2011 Số 18a, năm 2011 Số 18b, năm 2011	2010 2010 2010 2010 2010 2010 2011 2011 2011 2012 2012	6 14 2 2 3 3 2 2 4 6 9	Tất cả các học phần

Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
	Số 21a, năm 2012	2012	4	
	Số 21b, năm 2012	2012	4	
	Số 22a, năm 2012	2012	2	
	Số 22b, năm 2012	2012	2	
	Số 22c, năm 2012	2012	9	
	Số chuyên đề thủy sản, năm 2014	2014	1	
34	Thủy sản Việt Nam			Tất cả các học phần
	Số 1 (77) ngày 7.1.2010	2010	1	
	Số 2 (78) ngày 14.1.2010	2010	1	
	Số 3 (79) ngày 21.1.2010	2010	1	
	Số 4 (80) ngày 28.1.2010	2010	1	
	Số 5+6+7 ngày 25.1.2010	2010	1	
	Số 8 (84) ngày 1.3.2010	2010	1	
	Số 9 (85) ngày 16.3.2010	2010	1	
	Số 10 (86) ngày 1.4.2010	2010	1	
	Số 12 (88) ngày 1.5.2010	2010	1	
	Số 13 (89) ngày 16.5.2010	2010	1	
	Số 14 (90) ngày 1.6.2010	2010	1	
	Số 15 (91) ngày 16.6.2010	2010	1	
	Số 16 (92) ngày 1.7.2010	2010	1	
	Số 17 (93) ngày 16.7.2010	2010	1	
	Số 18 (94) ngày 1.8.2010	2010	1	
	Số 19 (95) ngày 16.8.2010	2010	1	
	Số 20 (96) ngày 1.9.2010	2010	1	
	Số 21 (97) ngày 16.9.2010	2010	1	
	Số 22 (98) ngày 1.10.2010	2010	1	
	Số 23 (99) ngày 16.10.2010	2010	1	

Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
	Số 24 (100) ngày 1.11.2010	2010	1	
	Số 25 (101) ngày 16.11.2010	2010	1	
	Số 26 (102) ngày 11.12.2010	2010	1	
	Số 27 (103) ngày 16.12.2010	2010	1	
	Số 1 (104) ngày 1.1.2011	2011	1	
	Số 2+3 (105+106) ngày 16.1.2011	2011	1	
	Số 5 (108) ngày 1.3.2011	2011	1	
	Số 6 (109) ngày 16.3.2011	2011	1	
	Số 7 (110) ngày 1.4.2011	2010	1	
	Số 8 (111) ngày 16.4.2011	2011	1	
	Số 9 (112) ngày 1.5.2011	2011	1	
	Số 10 (113) ngày 16.5..2011	2011	1	
	Số 11 (114) ngày 1.6.2011	2011	1	
	Số 12 (115) ngày 16.6.2011	2011	1	
	Số 13 (116) ngày 1.7.2011	2011	1	
	Số 14 (117) ngày 16.7.2011	2011	1	
	Số 15 (118) ngày 1.8.2011	2011	1	
	Số 16 (119) ngày 16.8.2011	2011	1	
	Số 17 (120) ngày 1.9.2011	2011	1	
	Số 18 (121) ngày 16.9.2011	2011	1	
	Số 19 (122) ngày 1.10.2011	2011	1	
	Số 20 (123) ngày 16.10.2011	2011	1	
	Số 21 (124) ngày 1.11.2011	2011	1	

Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
	Số 22 (125) ngày 16.11.2011	2011	1	
	Số 23 (126) ngày 1.12.2011	2012	1	
	Số 24 (127) ngày 16.12.2011	2012	1	
	Số 1 (128) ngày 01.01.2012	2012	1	
	Số 2+3 (129+130) ngày 1.2.2012	2012	1	
	Số 4 (131) ngày 16.02.2012	2012	1	
	Số 5 (132) ngày 1.3.2012	2012	1	
	Số 6 (133) ngày 16.3.2012	2012	1	
	Số 7 (134) ngày 1.04.2012	2012	1	
	Số 8 (135) ngày 16.04.2012	2012	1	
	Số 9 (136) ngày 1.05.2012	2012	1	
	Số 10 (137) ngày 16.05.2012	2012	1	
	Số 11 (138) ngày 1.6.2012	2012	1	
	Số 12 (139) ngày 16.06.2012	2012	1	
	Số 14 (141) ngày 16.07.2012	2012	1	
	Số 15 (142) ngày 01.08.2012	2012	1	
	Số 16 (143) ngày 16.08.2012	2012	1	
	Số 17 (144) ngày 01.09.2012	2013	1	
	Số 18 (145) ngày 16.09.2012	2013	1	
	Số 19 (146) ngày 1.10.2012	2013	1	

Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
	Số 20 (147) ngày 16.10.2012	2013	1	
	Số 21 (148) ngày 1.11.2012	2013	1	
	Số 22 (149) ngày 16.11.2012	2013	1	
	Số 23 (150) ngày 01.12.2012	2013	1	
	Số 24 (151) ngày 16.12.2012	2013	1	
	Số 1 (152) ngày 01.01.2013	2013	1	
	Số 2 (153) ngày 16.01.2013	2013	1	
	Số 03+04 (154+155) ngày 01.02.2013	2010	1	
	Số 5 (156) ngày 1.3.2013	2013	1	
	Số 6 (157) ngày 16.03.2013	2013	1	
	Số 7 (158) ngày 01.04.2013	2013	1	
	Số 8 (159) ngày 16.04.2013	2013	1	
	Số 9 (160) ngày 1.05.2013	2013	1	
	Số 10 (161) ngày 16.05.2013			
	Số 11 (162) ngày 01.06.2013			
	Số 12 (163) ngày 16.06.2013			
	Số 14 (165) ngày 16.07.2013			
	Số 15 (166) ngày 01.08.2013			
	Số 16 (167) ngày 16.08.2013			
	Số 17 (168) ngày			

Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
	01.09.2013 Số 18 (169) ngày 16.09.2013 Số 19 (170) ngày 01.10.2013 Số 20 (171) ngày 16.10.2013 Số 21 (172) ngày 01.11.2013 Số 22 (173) ngày 16.11.2013 Số 23 (174) ngày 01.12.2013 Số 24 (175) ngày 16.12.2013			

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

Thủ trưởng cơ sở đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

3.2.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Nghiên cứu khoa học, nhất là nghiên cứu về bệnh thủy sản là hoạt động thế mạnh của Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ. Bên cạnh việc đẩy mạnh công tác đào tạo, nhờ sự cố gắng trong tìm kiếm đề tài nghiên cứu và hợp tác tốt với các đơn vị trong và ngoài nước nên Khoa Thủy sản đã gặt hái được nhiều kết quả tốt trong nghiên cứu, đặc biệt là nhiều kết quả có tính khoa học và ứng dụng cao, góp phần đáng kể vào sự phát triển của nghề thủy sản ở Đồng Bằng Sông Cửu Long nói riêng và Việt Nam nói chung. Các đề tài khoa học đã và đang thực hiện được trình bày ở Phụ lục III. Do có nhiều đề tài nghiên cứu nên học viên học ngành Bệnh học thủy sản có nhiều hướng nghiên cứu khi thực hiện luận văn tốt nghiệp như trình bày ở mẫu 5 Phụ lục III. Cán bộ cơ hữu tham gia giảng dạy cho ngành Bệnh học thủy sản đã có rất nhiều công trình nghiên cứu khoa học đã công bố như trình bày trong Phụ lục III.

Bảng 6: Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên liên quan đến ngành đề nghị cho phép đào tạo do cơ sở đào tạo thực hiện

Số TT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
1.	Nghiên cứu dịch tễ học và xác định tác nhân gây bệnh phân trắng ở tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) nuôi ở Đồng Bằng Sông Cửu Long	Cấp Bộ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Mã số: B2006-16-36	Quyết định số 188/QĐ-BGDĐT Ngày 12/1/2010 Ngày nghiệm thu 2/2/2010	Đạt
2.	Tạo DNA tái tổ hợp của gen 28 để phát triển kháng thể đa dòng trong chẩn đoán bệnh đốm trắng trên tôm sú.	Cấp Bộ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Mã số B2009-16-114	Ngày nghiệm thu 14/5/2012	Xuất sắc
3.	Nghiên cứu xác định nguyên nhân gây bệnh hoại tử gan tụy trên tôm tại một số vùng nuôi tôm của các tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau, Bến Tre	Cấp Bộ, Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn	Quyết định số 1234/QĐ-DHCT Ngày nghiệm thu 8/5/2014	Đạt
4.	Nghiên cứu bệnh đen thân trên cá rô đồng (<i>Anabas testudineus</i>) và biện pháp phòng trị.	Cấp Bộ. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Mã số B2012-16-16	Quyết định số 3946/QĐ-BGDĐT ngày 25/9/2014	Khá
5.	Nghiên cứu xác định tác nhân gây bệnh đục cơ	Cấp tỉnh (Cần Thơ)	Quyết định số 11/QĐ-KHCN	Khá

Số TT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
	(White tail disease) trên tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) ương nuôi tại Cần Thơ		Ngày 11/1/2010 Ngày nghiệm thu 14/1/2010	
6.	Nghiên cứu ứng dụng qui trình mPCR phát hiện một số mầm bệnh vi khuẩn nhiễm trên cá tra nuôi tại Vĩnh Long	Cấp tỉnh (Vĩnh Long)	Quyết định số 104/QĐ-HĐNT ngày 14/9/2011 Ngày nghiệm thu 27/9/2011	Khá
7.	Nghiên cứu bệnh trên cá thất lát còm và giải pháp phòng trị bệnh.	Cấp Tỉnh (Hậu Giang)	QĐ 2921/QĐ- ĐHCT ngày 25/08/2014; ngày nghiệm thu 04/09/2014	Đạt
8.	Định danh vi khuẩn gây bệnh đen thân trên cá rô đồng (<i>Anabas testudineus</i>) và nghiên cứu thuốc hóa chất phòng trị	Cấp Trường Mã số T2014-39	QĐ 847/QĐ- ĐHCT ngày 31/03/2015; ngày nghiệm thu 13/04/2015	Tốt
9.	Nghiên cứu đặc điểm bệnh học của vi nấm gây bệnh trên cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	Cấp Trường Mã số T2014-37	Ngày nghiệm thu 30/12/2016	Đạt
10.	Nghiên cứu bệnh do nấm bậc thấp gây ra trên cá tra và cá rô phi nuôi ở ĐBSCL và biện pháp phòng trị	Cấp Bộ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Mã số B2014-16- 38	5612/QĐ- ĐHCT Nghiệm thu 30/12/2016	Đạt
11.	Nghiên cứu bệnh xuất huyết trên cá Bống kèo (<i>Pseudapocryptes lanceolatus</i>) nuôi thương phẩm và đề xuất giải pháp phòng, trị	Cấp Bộ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, B2013- 16-29		Xất sắc
12.	Tiếp tục làm rõ vai trò của Vibriophage đến hội	Cấp Bộ, Bộ Nông Nghệ và Phát		Đạt

Số TT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
	chứng hoại tử gan tụy ở tôm tôm sú và tôm thẻ chân trắng nuôi ở ĐBSCL	triển Nông thôn		
13.	Định danh vi khuẩn gây bệnh đen thân trên cá rô đồng (<i>Anabas testudineus</i>) và nghiên cứu thuốc hóa chất phòng trị	Cấp Trường Mã số T2014-39	QĐ 847/QĐ- ĐHCT ngày 31/03/2015; ngày nghiệm thu 13/04/2015	Tốt
14.	Chuẩn hóa qui trình RT- PCR phát hiện virus gây hoại tử cơ (Infectious myonecrosis virus- IMNV) gây bệnh trên tôm thẻ chân trắng ở ĐBSCL.	Cấp trường Mã số T2013-71	Ngày nghiệm thu 13/5/2014	Tốt

HIỆU TRƯỞNG

3.2.4. Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn và số lượng học viên có thể tiếp nhận

Số TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, học hàm người người có thể hướng dẫn hoặc viên cao học, NCS	Số lượng học viên cao học, NCS có thể tiếp nhận
1	- Nghiên cứu và phát triển các kỹ thuật chẩn đoán bệnh ở động vật thủy sản - Nghiên cứu xác định tác nhân gây bệnh ở tôm càng xanh, tôm sú, cá tra và cá điêu hồng - Nghiên cứu dịch tễ và quản lý dịch bệnh trong nuôi thủy sản - Nghiên cứu sự kháng thuốc kháng sinh trong thủy sản và các giải pháp hạn chế sử dụng kháng sinh trong nuôi trồng thủy sản - Nghiên cứu vắc-xin và các chất thay thế kháng sinh trong phòng bệnh ở thủy sản - Nghiên cứu ứng dụng RNA can thiệp trong phòng bệnh vi-rút ở động vật thủy sản.	PGs. Ts. Đặng Thị Hoàng Oanh	5 học viên/năm
2	- Nghiên cứu mầm bệnh vi nấm trên ĐVTS và giải pháp phòng trị bệnh vi nấm. - Nghiên cứu ứng dụng cây thuốc nam trong phòng trị bệnh vi nấm. - Nghiên cứu khả năng kháng khuẩn của vi nấm.	PGs.Ts. Phạm Minh Đức	5 học viên/năm
3	- Bệnh học và dịch tễ học trong thủy sản: nghiên cứu nguyên nhân và tác nhân gây bệnh trong thủy sản,	PGs. Ts. Từ Thanh Dung	5 học viên/năm

Số TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, học hàm người người có thể hướng dẫn hoặc viên cao học, NCS	Số lượng học viên cao học, NCS có thể tiếp nhận
	độc lực, mô học, nghiên cứu thuốc, hóa chất phòng trị bệnh thủy sản. Các yếu tố môi nguy liên quan dịch bệnh, các yếu tố lan truyền bệnh trong thủy sản. - Nghiên cứu về bệnh truyền nhiễm do vi khuẩn trên động vật thủy sản: Bệnh học, thuốc kháng sinh, thảo dược, khả năng kháng khuẩn và vaccine phòng bệnh do vi khuẩn trên 1 số loài cá nuôi có giá trị kinh tế.		
4	- Ứng dụng và phát triển qui trình chẩn đoán bệnh ở động vật thủy sản - Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học của một số tác nhân gây bệnh ở động vật thủy sản nuôi vùng đồng bằng Sông Cửu Long - Nghiên cứu khả năng phòng và trị bệnh ở động vật thủy sản.	PGs.Ts. Trần Thị Tuyết Hoa	5 học viên/năm
5	- Nghiên cứu ảnh hưởng của một số chất chiết xuất từ thảo dược lên hệ miễn dịch không đặc hiệu của cá, tôm. - Tìm hiểu khả năng bảo hộ của một số chất kích thích miễn dịch lên cá, tôm nuôi đối với một số bệnh phổ biến - Nghiên cứu ảnh hưởng của probiotic lên tỉ lệ sống, tăng trưởng và một số chỉ	Ts. Bùi Thị Bích Hằng	3 học viên/năm

Số TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, học hàm người người có thể hướng dẫn hoặc viên cao học, NCS	Số lượng học viên cao học, NCS có thể tiếp nhận
	tiêu miễn dịch của tôm nuôi - Tìm hiểu khả năng thay thế kháng sinh bằng chất kích thích miễn dịch trong việc phòng trị bệnh ở cá, tôm - Ứng dụng công nghệ sinh học trong nghiên cứu tác nhân gây bệnh, biện pháp phòng và điều trị bệnh cá, tôm		

HIỆU TRƯỞNG

3.2.5. Các công trình công bố của cán bộ cơ hữu thuộc ngành đề nghị cho phép đào tạo của cơ sở đào tạo trong 5 năm trở lại đây

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
1.	Pathogenicity of gill-associated virus and Mourilyan virus during mixed infections of black tiger shrimp (<i>Penaeus monodon</i>).	Dang T H Oanh, Marielle C W van Hulten, Jeff A Cowley, Peter J Walker	Journal of General Virology 2011: 92 893-901
2.	In vivo effects of Escherichia coli lipopolysaccharide on regulation of immune response and protein expression in striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	Bui Thi Bich Hang, Sylvain Milla, Virginie Gillardin, Nguyen Thanh Phuong, Patrick Kestemont	Fish and Shellfish Immunology 2013: 34 339-347
3.	Can immunostimulants efficiently replace antibiotic in striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) against bacterial infection by <i>Edwardsiella ictaluri</i> ?	Bui Thi Bich Hang, Nguyen Thanh Phuong, Patrick Kestemon	Fish & Shellfish Immunology 2014: 40 556-562
4.	Oral administration of Escherichia coli lipopolysaccharide enhances the immune system of striped catfish, <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> (Sauvage)	Bui Thi Bich Hang, Phuong Thanh Nguyen & Patrick Kestemont	Aquaculture Research, 2014: 1-10
5.	Virus diseases risk-factors associated with shrimp farming practices in rice-shrimp and intensive culture systems in Mekong Delta Viet Nam.	Duc, P.M., T.T.T. Hoa, N.T. Phuong, R.H. Bosma, H.V. Hien, and T.N Tuan, 2015.	Internaional Journal of Scientific and research publications ISSN: 2250-3153. 5(8): 174-179.
6.	Fungal species isolated from water and striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) farmed in earthen ponds in the Mekong Delta of Viet Nam.	Duc, P.M., D.T.M. Thy, and T.N. Tuan, 2015.	International Journal of Science, Engineering and Technology ISSN: 2348-4098. 3(5): 1164-1171.

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
7.	Infection of striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) in Viet Nam caused by the fungus <i>Fusarium incanatum-equiseti</i> .	Duc, P.M., D.T.M. Thy, K. Hatai, and Y. Muraosa, 2015.	Bull. Eur. Ass. Fish Pathol. 35(6): 208-216.
8.	Water molds isolated from eggs and fry of striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) in the Mekong Delta of Viet Nam.	Duc P.M., D.T.M. Thy, N.T.M. Trinh, T.N. Tuan and K. Hatai, 2016.	Fisheriessciences.com 10 (1): 031-036.
9.	Tumor necrosis factor alpha of teleosts: in silico characterization and homology modeling.	Tuan T.N., W. Gui-Tang and P.M. Duc, 2016.	Songklanakarin J. Sci. Technol., 38(5): 549-557. ISI
10.	Effects of replacing fish meal with soya protein concentrate on growth, feed efficacy and digestibility in diets for snakehead, <i>Channa striata</i> .	Hien T.T.T., T.M. Phu, T.L.C. Tu, N.V. Tien, P.M. Duc and D.A. Bengtson, 2016.	Aquaculture Research 7: 1-8.
11.	Characterisation and homology modelling of finfish NF-KAPPA B inhibitor alpha using in silico analysis.	Tuan, T.N., W. Wei-Min, and P.M. Duc, 2015.	J. Sci. & Devel. 13 (2): 216-225.
12.	Growth performance and immune response of snakehead, <i>Channa striata</i> (Bloch 1793) fed soy diets with supplementation of Mannan Oligosaccharides.	Hien T.T.T., P.M. Duc, T.L.C. Tu, T.M. Phu, D.T.M. Thy and D.A. Bengtson, 2016.	Asian Fisheries Science 29: 67-81. ISSN 0116-6514.
13.	Production of red tilapia (<i>Oreochromis</i> spp.) in floating cages in the Mekong Delta, Vietnam: mortality and health management	Annette S. Boerlage ¹ , Tu Thanh Dung ² , Tran Thi Tuyet Hoa ² , Jeffrey Davidson ¹ , Henrik Stryhn ¹ , K. Larry Hammell ^{1,*}	Diseases of aquatic organisms; Vol. 124: 131–144, 2017
14.	Spread of Antibiotic and Antimicrobial Susceptibility of ESBL-Producing <i>Escherichia coli</i> Isolated from Wild and Cultured Fish in the	Nguyen Thi Ngoc Hon, Tran Thi Tuyet Hoa, Nguyen Quoc Thinh, Atsushi Hinenoya, Tatsuya Nakayama,	Fish Pathology 51 (Special issue): S75-S82.

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
	Mekong Delta, Vietnam.	Kazuo Harada, Megumi Asayama, Minae Warisaya, Kazumasa Hirata, Nguyen Thanh Phuong, Yoshimasa Yamamoto (2016)	
15.	Water metagenomic analysis reveals low bacterial diversity and the presence of antimicrobial residues and resistance genes in a river containing wastewater from backyard aquacultures in the Mekong Delta, Vietnam	Tatsuya Nakayama ^{a,b,c} , Tran Thi Tuyet Hoa, Kazuo Harada, Minae Warisaya, Megumi Asayama, Atsushi Hinenoya, Joon Won Lee, Tran Minh Phu, Shuhei Ueda, Yoshinori Sumimura, Kazumasa Hirata, Nguyen Thanh Phuong, Yoshimasa Yamamoto	Environmental Pollution 222 (2017) 294-306
16.	Residues of 2-hydroxy-3-phenylpyrazine, a degradation product of some β -lactam antibiotics, in environmental water in Vietnam	Nguyen Van Sy, Kazuo Harada, Megumi Asayama, Minae Warisaya, Le Hong Dung, Yoshinori Sumimura, Khong Thi Diep, Le Viet Ha, Nguyen Nam Thang, Tran Thi Tuyet Hoa, Tran Minh Phu, Pham Ngoc Khai, Nguyen Thanh Phuong, Le Danh Tuyen, Yoshimasa Yamamoto, Kazumasa Hirata	Chemosphere 172 (2017) 355-362
17.	Comparison of Vietnamese and US isolates of <i>Edwardsiella ictaluri</i>	Matthew L. Rogge ^{1,*} , Lidiya Dubytska ^{1,*} , Tae Sung Jung ² , Judy Wiles ¹ , Ahmad A. Elkamel ³ , Amelia Rennhoff ¹ , Dang Thi Hoang Oanh ⁴ , Ronald L. Thune ^{1,5,**}	DISEASES OF AQUATIC ORGANISMS; Vol. 106: 17–29, 2013
18.	Intra- and interlaboratory performance of antibiotic disk-diffusion-susceptibility	Geert Huys ^{1,*} , Margo Cnockaert ¹ , Kerry Bartie ²	DISEASES OF AQUATIC ORGANISMS

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
	testing of bacterial control strains of relevance for monitoring aquaculture environments	, Dang Thi Hoang Oanh ³ , Nguyen Thanh Phuong ³ , Temdoun Somsiri ⁴ , Supranee Chinabut ⁴ , Fatimah Md Yussoff ⁵ , Mohamed Shariff ⁵ , Mauro Giacomini ⁶ , Stefania Bertone ⁷ , Jean Swings ^{1, 8} , Alan Teale ²	Dis Aquat Org Vol. 66: 197–204, 2005
19.	Đáp ứng miễn dịch tự nhiên của tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) cảm nhiễm vi-rút gây bệnh đốm trắng	Đặng Thị Hoàng Oanh , Lê Hữu Thôi và Nguyễn Thanh Phương	Tạp chí khoa học, trường Đại học Cần Thơ 2012:21b 1-9
20.	Tối ưu hóa và ứng dụng qui trình phân tích các chỉ tiêu miễn dịch tự nhiên ở tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>)	Đặng Thị Hoàng Oanh , Lê Hữu Thôi và N Thanh Phương	Tạp chí khoa học, trường Đại học Cần Thơ 2012: 21b 10-18
21.	Khảo sát mầm bệnh trên cá lóc (<i>Channa striata</i>) nuôi ao thâm canh ở An Giang và Đồng Tháp	Phạm Minh Đức, Trần Ngọc Tuấn và T Thị Thanh Hiền	Tạp chí khoa học, trường Đại học Cần Thơ 2012:21b 124-132
22.	Tạo tái tổ hợp AND VP28 của vi-rút gây bệnh đốm trắng (WSSV) trên tôm sú	Bùi Thị Bích Hằng	Tạp chí khoa học, trường Đại học Cần Thơ 2012: 22a 1-7
23.	Các bệnh nguy hiểm trên tôm nuôi ở Đồng bằng sông Cửu Long	ĐTHOanh và NTPhuong	Tạp chí khoa học, trường Đại học Cần Thơ 2012:22c 106-118
24.	Đặc điểm gen của vi-rút gây bệnh đốm trắng (<i>white spot syndrome virus</i>) phân lập từ hệ thống nuôi tôm sú quảng canh cải tiến	Trần Thị Tuyết Hoa, Mai Nam Hưng và Đặng Thị Hoàng Oanh	Tạp chí khoa học, trường Đại học Cần Thơ 2012: 22c 129-135
25.	Nghiên cứu tác nhân gây bệnh trắng đuôi trên cá tra (<i>Pangasianodon</i>	Từ Thanh Dung, Nguyễn Thị Tiên và Nguyễn Anh Tuấn	Tạp chí khoa học, trường Đại học Cần Thơ 2012: 22c

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
	<i>hypophthalmus</i>) và giải pháp điều trị		136-145
26.	Thử nghiệm điều trị bệnh do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> trên cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) bằng thuốc kháng sinh Erythromycin thiocyanate	Đặng Thị Hoàng Oanh và Nguyễn Thanh Phương	Tạp chí khoa học, trường Đại học Cần Thơ 2012: 22c 146-154
27.	Định danh nấm thủy mi (<i>Achlya bisexualis</i>) và khảo sát hóa chất kháng vi nấm	Phạm Minh Đức và Trần Ngọc Tuấn	Tạp chí khoa học, trường Đại học Cần Thơ 2012: 22c 165-172
28.	Phân lập và xác định khả năng gây bệnh xuất huyết trên lươn đồng (<i>Monopterus albus</i>) của vi khuẩn <i>Aeromonas hydrophila</i>	Đặng Thị Hoàng Oanh và Nguyễn Đức Hiền	Tạp chí khoa học, trường Đại học Cần Thơ 2012:22c 173-182
29.	Phân lập và xác định khả năng gây bệnh xuất huyết trên cá rô đồng (<i>Anabas testudineus</i>) của vi khuẩn <i>Streptococcus agalactiae</i>)	Đặng Thị Hoàng Oanh, Trương Quỳnh Như và Nguyễn Đức Hiền	Tạp chí khoa học, trường Đại học Cần Thơ 2012: 22c 194-202
30.	Phân lập và xác định đặc điểm của vi khuẩn <i>Streptococcus agalactiae</i> từ cá điêu hồng (<i>Oreochromis</i> sp.) bệnh phù mắt và xuất huyết	Đặng Thị Hoàng Oanh và Nguyễn Thanh Phương	Tạp chí khoa học, trường Đại học Cần Thơ 2012: 22c 203-212
31.	Phát hiện monodon baculovirus nhiễm trên tôm càng xanh giống (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) ở Đồng Tháp	Bùi Thị Bích Hằng, Trần Thị Mỹ Duyên và Lê Thanh Nhã	Tạp chí khoa học, trường Đại học Cần Thơ 2012:22c 203-212
32.	Đáp ứng miễn dịch của cá Diêu hồng (<i>Oreochromis</i> sp.) chủng vaccine aquavac strep SA	Đặng Thị Hoàng Oanh và Nguyễn Thị Kiều	Tạp chí khoa học, trường Đại học Cần Thơ 2013: 25b 11-18
33.	<i>Streptococcus iniae</i> , tác nhân gây bệnh “đen thân” trên cá rô đồng (<i>anabas testudineus</i>)	Từ Thanh Dung, Huỳnh Thị Ngọc Thanh và Nguyễn Khương Duy	Tạp chí khoa học, trường Đại học Cần Thơ 2013: 26b 96-103

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
34.	Khả năng đáp ứng miễn dịch của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) chống lại <i>Edwardsiella ictaluri</i>	Từ Thanh Dung, Trần Hoa Cúc, Nguyễn Hoàng Nhật Uyên và Mã Lê Diễm Trang	Tạp chí khoa học, trường Đại học Cần Thơ 2013: 26b 269-276
35.	Thành phần vi nấm kí sinh trên cá tra giống (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>).	Đặng Thụy Mai Thy, Phạm Minh Đức và Trần Thị Tuyết Hoa, 2016.	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 44b: 48-57.
36.	Đánh giá tăng trưởng và khả năng đáp ứng miễn dịch của cá lóc (<i>Channa striata</i>) bằng thức ăn bột đậu nành có bổ sung mannan oligosaccharides.	Trần Thị Thanh Hiền, Lê Hữu Nghị và Phạm Minh Đức, 2016.	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Số 15: 104-111. ISSN 1859-4581.
37.	Khả năng gây bệnh của vi nấm trên cá lóc (<i>Channa striata</i>) nuôi thâm canh	Đặng Thụy Mai Thy, Phạm Minh Đức và Trần Thị Tuyết Hoa, 2016.	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Số 22: 105-113. ISSN 1859-4581.

HIỆU TRƯỞNG

3.3. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Khoa Thủy sản có quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức quốc tế, các trường Đại học khác nhau trên thế giới như Đại học Ghent và Namur (Bỉ), Đại học Aarhus (Đan Mạch), Đại học Auburn (Mỹ), Đại học Stirling (Scotland), Viện Kỹ thuật Châu Á (AIT), Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế Nhật Bản (JIRCAS), Bộ môn Nghiên cứu Hải sản của Tổ chức Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ (CISRO) của Úc, Viện Nghiên cứu Thủy nông và Nghề cá (HAKI - Hungary), Tổ chức CARE, Quỹ bảo trợ môi trường tự nhiên NAGAO (Nhật Bản) và nhiều cơ quan tổ chức quốc tế khác. Khoa cũng hợp tác với các trường Đại học và Viện nghiên cứu trong nước như Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Đại học Nông- Lâm Huế, Đại học Nha Trang, Đại học Nông-Lâm thành phố Hồ Chí Minh, Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản I, II và III (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Các chương trình phối hợp nghiên cứu và giảng dạy đã được thiết lập giữa các nhà khoa học và giảng viên từ các cơ quan, tổ chức nói trên. Sự hợp tác giúp Khoa nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu và cơ sở vật chất qua các dự án. Hợp tác rộng với các đơn vị đào tạo trong và ngoài nước là một ưu thế rất lớn cho công tác đào tạo nhất là đào tạo sau đại học của Khoa.

PHẦN 4. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

4.1. Mục tiêu

Đào tạo thạc sĩ về Bệnh học thủy sản có tinh thần yêu nghề; có kiến thức chuyên sâu về bệnh thủy sản; có khả năng quản lý sức khỏe và tư vấn phòng trị bệnh cho các cơ sở sản xuất giống và nuôi thương phẩm các loài thủy sản có giá trị kinh tế; có khả năng làm việc độc lập và quản lý công tác chuyên môn tại các cơ quan nhà nước hoặc các cơ sở doanh nghiệp có liên quan đến nuôi trồng thủy sản; vững về phương pháp luận và có khả năng học lên bậc tiến sĩ hoặc phụ trách các công tác nghiên cứu khoa học ở các viện, trường hoặc tổ chức liên quan; và đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế. Khối kiến thức được trang bị trong chương trình đào tạo bao gồm khối kiến thức điều kiện, khối kiến thức cơ sở, khối kiến thức chuyên ngành và học phần tốt nghiệp.

4.2 Chuẩn đầu ra

Học viên tốt nghiệp thạc sĩ ngành Bệnh học thủy sản có phẩm chất đạo đức và các khả năng sau:

Kiến thức

- Nắm vững kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực cơ sở ngành bệnh học thủy sản
- Nắm vững các kiến thức về kỹ thuật liên quan đến quản lý sức khỏe và quản lý dịch bệnh trong sản xuất giống và ương nuôi các đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế và nắm vững kiến thức chuỗi sản xuất
- Nắm vững quy định của nhà nước về thú y quốc tế
- Nắm vững phương pháp luận phục vụ cho nghiên cứu khoa học sau này

Kỹ năng

- Tự tổ chức các hoạt động nghiên cứu độc lập liên quan đến bệnh học thủy sản
- Quản lý sức khỏe và vận hành các cơ sở sản xuất giống và nuôi thủy sản/Quản lý và vận hành các phòng thí nghiệm bệnh học thủy sản
- Có khả năng độc lập và phối hợp nghiên cứu, có thể học tiếp tục lên trình độ tiến sĩ.

Thái độ

- Có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, và yêu nghề. Có ý chí lập thân, lập nghiệp, có đạo đức nghề nghiệp với tư duy năng động, sáng tạo.
- Có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong văn minh tốt, có đạo đức và có ý thức rèn luyện sức khỏe để phục vụ ngành nghề.
- Có tinh thần học tập nâng cao trình độ và học tập suốt đời

4.2. Yêu cầu đối với người dự tuyển

Đối tượng tuyển sinh là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có đủ điều kiện sau:

- Đã tốt nghiệp đại học các ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi. Có đủ sức khỏe để học tập.
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn quy định của cơ sở đào tạo.

4.3. Điều kiện tốt nghiệp

Học viên được công nhận tốt nghiệp khi:

- Đã học xong và đạt yêu cầu các môn học trong chương trình đào tạo;
- Bảo vệ luận văn tốt nghiệp đạt yêu cầu;
- Đã đóng học phí đầy đủ;
- Không đang trong thời gian chịu kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Không bị khiếu nại, tố cáo về nội dung khoa học trong luận văn;
- Trình độ ngoại ngữ: đạt được mức tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 của Khung Châu Âu theo Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 về Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ.

4.4. Chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ: 60 TC

Thời gian đào tạo: 2 năm

1	Tên ngành đào tạo (Tiếng Việt và Anh)	Bệnh học thủy sản (<i>Pathology and disease treatment in aquatic organisms</i>)
2	Mã ngành	8 62 03 02
3	Đơn vị quản lý (ghi Bộ môn và Khoa)	Khoa Thủy sản
4	Các ngành dự thi	
4.1	Ngành đúng, phù	Bệnh học thủy sản; Nuôi trồng thủy sản

	hợp (không học bổ sung kiến thức)	
4.2	Ngành gần (học bổ sung kiến thức)	Thú Y; Công nghệ sinh học; Sinh học; Vi sinh vật
5	Mục tiêu (viết thành đoạn văn, lưu ý chương trình theo định hướng nào?)	Đào tạo thạc sĩ về Bệnh học thủy sản: yêu nghề; có kiến thức chuyên sâu về bệnh thủy sản; có khả năng quản lý sức khỏe và tư vấn phòng trị bệnh cho các cơ sở sản xuất giống và nuôi thương phẩm các loài thủy sản có giá trị kinh tế; có khả năng làm việc độc lập và quản lý công tác chuyên môn tại các cơ quan nhà nước hoặc các cơ sở doanh nghiệp có liên quan đến nuôi trồng thủy sản; vững về phương pháp luận và có khả năng học lên bậc tiến sĩ hoặc phụ trách các công tác nghiên cứu khoa học ở các viện, trường hoặc tổ chức liên quan; và đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế.
6	Chuẩn đầu ra	Học viên khi tốt nghiệp sẽ có khả năng
6.1	Kiến thức	
	LO.1	Nắm vững kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực cơ sở ngành bệnh học thủy sản
	LO.2	Nắm vững các kiến thức về kỹ thuật liên quan đến quản lý sức khỏe và quản lý dịch bệnh trong sản xuất giống và ương nuôi các đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế và nắm vững kiến thức chuỗi sản xuất
	LO.3	Nắm vững quy định của nhà nước về thú y quốc tế
	LO.4	Nắm vững phương pháp luận phục vụ cho nghiên cứu khoa học sau này
6.2	Kỹ năng	
	LO.5	Tự tổ chức các hoạt động nghiên cứu độc lập liên quan đến bệnh học thủy sản
	LO.6	Quản lý sức khỏe và vận hành thành thạo các cơ sở sản xuất giống và nuôi thủy sản/Quản lý và vận hành các phòng thí nghiệm bệnh học thủy sản
	LO.7	Viết báo cáo, trình bày báo cáo và đề xuất dự án nghiên cứu
6.3	Ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận văn	Học viên tự học để có chứng nhận B1
6.4	Thái độ	
	LO.8	Có tinh thần tự giác, tự chủ trong học tập và công tác
	LO.9	Có tinh thần yêu nghề
	LO.10	Có tinh thần học tập nâng cao trình độ và học tập suốt đời
7	Cấu trúc chương trình đào tạo	- Kiến thức chung: 5 tín chỉ - Kiến thức cơ sở: 17 tín chỉ - Kiến thức chuyên ngành: 28 tín chỉ - Luận văn tốt nghiệp: 10 tín chỉ

8	Học phần bổ sung kiến thức cho các ngành gần	- Số học phần: 03; tổng tín chỉ: 06 - Tên các học phần (<i>tên, mã số HP, số tín chỉ</i>) 1) Nguyên lý và kỹ thuật chẩn đoán bệnh thủy sản (TS415), 2TC 2) Nuôi trồng thủy sản(TS166), 2TC 3) Quản lý dịch bệnh thủy sản (TS305), 2TC
---	---	---

Chương trình đào tạo chi tiết

Tổng số tín chỉ: 60 TC

Thời gian đào tạo: 2 năm

T T	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết T H	HP tiên n qu yết	HK thực hiện
Phần kiến thức chung (5TC)									
1.	ML605	Triết học	3	3					I
2.	TSB601	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong bệnh học thủy sản	2	2		20	20		I
3.		Ngoại ngữ	Học viên tự học đạt chứng nhận B1 theo khung chuẩn chung Châu Âu						
Phần kiến thức cơ sở									
4.	TSB602	Dược lý học thú y - thủy sản	3	3		45			I
5.	TSN601	Hệ thống sản xuất thủy sản nước mặn/lợ	2	2		30			I
6.	TSN602	Hệ thống sản xuất thủy sản nước ngọt	2	2		30			I
7.	TSB603	Động vật thủy sản và môi trường sống	2	2		30			I
8.	TS605	Các hệ sinh thái thủy vực	2		2	30			I
9.	TS602	Sinh lý động vật thủy sản	2		2	20	20		I
10.	TS619	Vệ sinh và an toàn thực phẩm thủy sản	2		2	30			I
11.	TSB604	Sinh học và kỹ thuật nuôi cấy tế bào	2		2	20	20		I
12.	TSB605	Mô học động vật thủy sản	2		2	20	20		I
13.	TS645	Quan trắc sinh học môi trường nước	2		2	30			I
14.	TS613	Qui hoạch và quản lý nuôi trồng thủy sản	2		2	30			I
Cộng:17 TC (Bắt buộc 9 TC; Tự chọn: 8 TC)			17	9	8				
Phần kiến thức chuyên ngành									

T T	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết T H	HP tiên qu yết	HK thực hiện
15.	TSB606	Bệnh truyền nhiễm động vật thủy sản nâng cao	2	2		20	20		
16.	TSB607	Bệnh nấm và ký sinh trùng nâng cao	2	2		20	20		
17.	TSB608	Dịch tễ học và ứng dụng trong bệnh học thủy sản	2	2		20	20		
18.	TSB609	Bệnh lý và sinh lý bệnh thủy sản	2	2		20	20		
19.	TSB610	Chẩn đoán và phòng trị bệnh thủy sản	2	2		20	20		
20.	TS621	Miễn dịch học nâng cao	2	2		30			
21.	TSB611	CNSH ứng dụng trong bệnh học thủy sản	2	2		20	20		
22.	TSB612	Chuyên đề bệnh ở ĐVTS nước ngọt	3	3		10	70		
23.	TSB613	Chuyên đề bệnh ở ĐVTS nước mặn/lợ	3	3		10	70		
24.	TSN618	Hệ thống tuần hoàn nuôi trồng thủy sản	2		2	30			
25.	TSB614	Bệnh cá cảnh và thủy đặc sản	2		2	20	20		
26.	TSB615	Độc chất học thủy vực nâng cao	2		2	30			
27.	TSB616	Thuyết trình	2		2	30			
28.	TSB617	Bệnh do dinh dưỡng và môi trường	2		2	30			
29.	TSN609	Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản	2		2	20	20		
30.	TSQ613	Quản lý chất lượng trong chuỗi sản xuất thủy sản	2		2	30			
31.	TSB618	Tổng hợp kiến thức bệnh học thủy sản	2		2	30			
Cộng: 28 TC (Bắt buộc: 20 TC; Tự chọn: 8 TC)			28	20	8				
Phản luận văn tốt nghiệp									
32.	TSB900	Luận văn tốt nghiệp	10	10					
		Tổng cộng	60	44	16				

4.5. Đề cương các môn học (đính kèm phụ lục 1)

4.6. Dự kiến kế hoạch đào tạo

Kế hoạch đào tạo dự kiến được thực hiện trong năm 2017 với 1 đợt tuyển sinh vào tháng 8. Từ năm 2018 sẽ tuyển 2 đợt/năm vào tháng 2 và tháng 8.

Chương trình đào tạo tập trung 2 năm, các môn cơ sở ngành và chuyên ngành (bắt buộc và tự chọn) sẽ được giảng dạy trong 3 học kỳ (HK) đầu và luận văn tốt nghiệp (10TC) sẽ được tập trung thực hiện ở HK cuối.

Học viên sẽ lựa chọn các chủ đề để thực hiện luận văn tốt nghiệp từ danh sách đăng ký bởi cán bộ giảng dạy được công bố vào cuối HK 2 hoặc đầu HK 3, sau đó học viên chuẩn bị đề cương và bảo vệ đề cương trong thời gian từ 1-2 tháng. Sau khi kết thúc các học phần, học viên bắt đầu thực hiện đề tài.

Bảo vệ luận văn tốt nghiệp được thực hiện 2 đợt/năm vào các thời điểm tháng 6, (đối với lớp tuyển sinh vào tháng 2) và bảo vệ vào tháng 10 (đối với lớp học tuyển sinh vào tháng 8).

4.7. Đánh giá học phần

Đánh giá quá trình học tập, do giảng viên quyết định, bao gồm:

- Thi giữa kỳ
- Tiểu luận/ Bài tập nhóm
- Thi cuối kỳ (không dưới 50%)

Đối với học phần luận văn tốt nghiệp, điểm học phần là điểm trung bình của 5 thành viên hội đồng dựa trên các tiêu chí chấm điểm như sau:

- Hình thức của luận văn (định dạng, lỗi chính tả, cách hành văn...): 1 đ
- Nội dung luận văn (đặt vấn đề hợp lý, rõ ràng; Tổng quan tài liệu với nội dung đầy đủ liên quan đến nội dung của đề tài, phong phú, trích dẫn tài liệu theo quy định; Phương pháp nghiên cứu đúng, phù hợp, rõ ràng, chi tiết; Kết quả và thảo luận rõ ràng, có biện luận, thảo luận...): 6 đ
- Trình bày, báo cáo (hình thức bài báo cáo powerpoint – sinh động, xúc tích; trình bày tự tin, rõ ràng, trả lời tốt các câu hỏi của hội đồng...): 2
- Công bố bài báo (có bài báo được công bố là tác giả chính hoặc đồng tác giả): 0.5-1 đ

4.8. Điều kiện tốt nghiệp

Học viên được công nhận tốt nghiệp khi:

- a. Đã học xong và đạt yêu cầu các môn học trong chương trình đào tạo;
- b. Bảo vệ luận văn tốt nghiệp đạt yêu cầu;
- c. Đã đóng học phí đầy đủ;
- d. Không đang trong thời gian chịu kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- e. Không bị khiếu nại, tố cáo về nội dung khoa học trong luận văn;
- f. Trình độ ngoại ngữ: đạt được ở mức tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 của khung Châu Âu Chung theo phụ lục III của Thông tư 10/2011/TT-BGDĐT ngày 28/02/2011 về Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ.

**Thủ trưởng cơ sở thẩm định
chương trình đào tạo**
(Ký tên, đóng dấu)

**Thủ trưởng cơ sở đào tạo đề nghị
cho phép đào tạo**
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 1:
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN
TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

- 1.1. Tên học phần: Triết học Mã số ML605
- 1.2. Trình độ: Thạc sĩ, Tiến sĩ
- 1.3. Cấu trúc học phần: Số TC: 3 (LT: 45; TL: 1,5)
- 1.4. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin; Khoa/Viện: Khoa học Chính trị
- 1.5. Thông tin giảng viên:
 - 1.5.1. Họ và tên Giảng viên: Lê Duy Sơn
Học hàm, học vị: Tiến sĩ, Giảng viên chính
Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Chính trị, Trường ĐH Cần Thơ
ĐT: 0913.640.088 Email: ldson@ctu.edu.vn
 - 1.5.2. Họ và tên Giảng viên: Đinh Ngọc Quyên
Học hàm, học vị: Tiến sĩ, Giảng viên chính
Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Chính trị, Trường ĐH Cần Thơ
ĐT: 0918.932.334 Email: dnquyen@ctu.edu.vn
 - 1.5.3. Họ và tên Giảng viên: Lê Ngọc Triết
Học hàm, học vị: Tiến sĩ, Giảng viên chính
Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học Chính trị, Trường ĐH Cần Thơ

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Người học được bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. Cùng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3.1. Giới thiệu tổng quát về học phần

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở; sẽ giảng dạy cho học viên 4 chương.

- Chương 1 gồm các nội dung về đặc trưng của triết học phương Tây, triết học phương Đông (trong đó có tư tưởng triết học Việt Nam, ở mức giản lược nhất) và triết học Mác.

- Chương 2 gồm các nội dung nâng cao về triết học Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay và vai trò thế giới quan, phương pháp luận của nó.

- Chương 3 đi sâu hơn vào quan hệ tương hỗ giữa triết học với các khoa học, làm rõ vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học và đối với việc nhận thức, giảng dạy và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ.

- Chương 4 phân tích những vấn đề về vai trò của các khoa học đối với đời sống xã hội.

3.2. Nội dung chi tiết học phần

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
Chương 1. Khái luận về Triết học 1.1. Triết học là gì 1.2. Triết học phương Đông 1.3. Triết học phương Tây 1.4. Tư tưởng triết học Việt Nam <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu:[5], [8]</i>	5 tiết
Chương 2. Triết học Mác-Lênin 2.1. Sự ra đời của triết học Mác- Lênin 2.2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng 2.3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử 2.4. Triết học Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu:[1], [3], [4]</i>	15 tiết
Chương 3. Mối quan hệ giữa triết học và các khoa học 3.1. Mối quan hệ giữa khoa học với triết học 3.2. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu:[2], [6]</i>	12 tiết
Chương 4. Vai trò của khoa học - công nghệ trong sự phát triển xã hội 4.1. Khoa học và công nghệ 4.2. Cách mạng khoa học và công nghệ 4.3. Khoa học công nghệ ở Việt Nam <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu:[7]</i>	13 tiết

4. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

- 4.1. Phương pháp giảng dạy: học phần được giảng dạy kết hợp gồm lý thuyết (35 tiết), thảo luận (10 tiết).
- 4.2. Phương pháp đánh giá: Điểm tiểu luận môn học 40% và thi cuối kỳ: 60%.

5. TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA HỌC PHẦN

1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2007), *Giáo trình triết học Mác _lênin*, Nxb Hà Nội
2. Vũ Cao Đàm (2006), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, xuất bản lần thứ 13
3. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Khoa Triết học (2000), *Triết học Mác- Lênin (Chương trình cao cấp)*, tập 1,2,3

4. Hội đồng lý luận trung ương (2008), *Giáo trình triết học Mác - Lênin*, Nxb Hà Nội
5. Nguyễn Tấn Hùng (2012), *Lịch sử triết học phương tây từ triết học Hy Lạp cổ đại đến triết học cổ điển Đức*, Nxb chính trị quốc gia Hà Nội
6. Ph. Ăngghen: “Biện chứng của tự nhiên”(1994), C. Mác và Ăngghen: toàn tập, t20, Nxb. chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Hồ Sỹ Quý: *Khoa học xã hội và sự thành bại của các quốc gia*, tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam số 7
8. Nguyễn Đăng Thục (1997), *Lịch sử triết học Phương Đông*, Tập 1,2,3,4, Nxb Hà Nội

Ngày tháng năm 20...

Người biên soạn

Duyệt của đơn vị
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG KHOA/VIỆN



* Lê Ngọc Triết

Lê Ngọc Triết

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

1.1. Tên học phần: Phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong bệnh học thủy sản (*Scientific Research Methodology for Aquatic Animal Pathology*)

Mã số: TSB601

1.2. Trình độ đào tạo: Cao học Ngành Bệnh học thủy sản

1.3. Cấu trúc học phần: Số tín chỉ: 2 (LT: 20; BT:10; TH: 10)

1.4. Đơn vị phụ trách học phần:

- Bộ môn: Kỹ thuật nuôi Hải sản

- Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn: Khoa Thủy sản

1.5. Điều kiện tiên quyết: Không

1.6. Thông tin giảng viên:

Họ và tên Giảng viên: Nguyễn Thanh Phương

Học hàm, học vị: Giáo sư, Tiến sĩ.

Địa chỉ liên hệ: ĐT: 0913870344 Email: ntpuong@ctu.edu.vn.

Họ và tên Giảng viên cùng giảng: Võ Nam Sơn

Học hàm, học vị: Tiến sĩ.

Địa chỉ liên hệ: ĐTDD: 0939705505; Email: vnson@ctu.edu.vn.

2. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

2.1 Kiến thức

Học viên sau khi học môn học sẽ có kiến thức về (i) khoa học và nghiên cứu khoa học (NCKH), phân biệt được các loại hình NCKH và tầm quan trọng của xuất bản công trình NCKH và các báo cáo khoa học; (ii) tiến trình và phương pháp thực hiện hoạt động NCKH (tập hợp tài liệu, xác định chủ đề nghiên cứu, viết đề cương, triển khai thực hiện và quản lý quá trình nghiên cứu); (iii) các phương pháp thí nghiệm; (iv) phương pháp viết các dạng báo cáo khoa học; (v) nội dung, ý nghĩa và phương pháp trình bày báo cáo khoa học tại hội thảo, hội nghị; và (vi) nguyên tắc và phương pháp nhận xét, đánh giá một đề cương vào báo cáo khoa học.

2.2 Kỹ năng

Học viên (hay NCS) có được kỹ năng về (i) phương pháp tìm, thu thập, phân loại các loại tài liệu dùng trong nghiên cứu khoa học và cách đọc và tổng hợp, trích dẫn; (ii) viết được đề cương nghiên cứu và tổ chức và quản lý nghiên cứu và trình bày, diễn giải số liệu; và (iii) viết được báo cáo khoa học và trình bày báo cáo nói (sử dụng PowerPoint) và dạng báo tường (Poster).

2.3 Thái độ

Học viên (hay NCS) có được (i) thái độ học tập đúng đắn, nhận biết tầm quan trọng của môn học và sự phát triển năng lực nghiên cứu và làm việc; (ii) thái độ học tập nghiêm túc, thực hiện các yêu cầu của môn học và cẩn thận trong nghiên cứu; và (iii) tự tin về khả năng viết, trình bày báo cáo khoa học.

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

3.1 Tổng quát về học phần

Môn học sẽ trang bị cho học viên kiến thức về nghiên cứu khoa học mà tập trung vào nội dung về phương pháp thí nghiệm, viết đề cương, viết báo cáo và trình bày báo cáo khoa học. Học viên sẽ được trang bị kiến thức cùng với kỹ năng (nâng cao) về (1) khái niệm khoa học, nghiên cứu khoa học và công bố khoa học; (2) tìm, phân loại và lưu trữ tài liệu khoa học; (3) phương pháp phân tích cây vấn đề để xác định chủ đề, xây dựng logframe, xây dựng đề cương nghiên cứu; (4) các phương pháp và chọn lựa phương pháp nghiên cứu phù hợp cho từng chủ đề; (5) phương pháp viết và trình bày các dạng báo cáo khoa học.

3.2 Cấu trúc nội dung học phần

3.2.1 Lý thuyết

Chương	Nội dung	Số tiết
Chương 1	Khoa học và vai trò của khoa học Chương này sẽ giới thiệu cho học viên các nội dung chính như (i) Khoa học là gì?; (ii) Nghiên cứu khoa học: thế nào là nghiên cứu khoa học, phân biệt các loại hình nghiên cứu khoa học, tiến trình của hoạt động nghiên cứu khoa học; và (iii) Vai trò của NCKH trong đời sống và xã hội và tầm quan trọng của xuất bản công trình NCKH.	3

Chương	Nội dung	Số tiết
Chương 2	Tài liệu và phương pháp thu thập tài liệu khoa học Chương này gồm (i) Khái niệm tài liệu khoa học; (ii) Phân loại và lưu trữ tài liệu khoa học; và (iii) Phương pháp đọc và tổng hợp tài liệu khoa học	2
Chương 3	Phương pháp thí nghiệm Chương sẽ có các nội dung như (i) Phân loại các loại hình nghiên cứu thường gặp; (ii) Điều tra phỏng vấn; (iii) Thu mẫu khảo sát; (iv) Bố trí thí nghiệm (1 và nhiều nhân tố); (v) Chọn và thu mẫu; (vi) Phân tích/xử lý số liệu; và (vii) Một số dạng thí nghiệm, điều tra thường gặp trong nghiên cứu bệnh học thủy sản.	6
Chương 4	Phương pháp nghiên cứu khoa học Chương này sẽ hướng dẫn các chủ đề như (i) Định nghĩa và phân loại các phương pháp nghiên cứu khoa học: phương pháp phi thực nghiệm, phương pháp thực nghiệm; phương pháp gần giống thực nghiệm; (ii) Đề cương nghiên cứu khoa học: thế nào là đề cương nghiên cứu khoa học, phân biệt các loại đề cương nghiên cứu khoa học; (iii) Phương pháp xác định vấn đề nghiên cứu (problem tree); (iv) Phương pháp xây dựng logframe; (v) Phương pháp viết đề cương: đề cương tổng quát, đề cương chi tiết, đề cương luận văn cao học và nghiên cứu sinh; (vi) Phương pháp đánh giá đề cương nghiên cứu khoa học; và (vii) Giới thiệu các mẫu đề cương thường gặp.	4
Chương 5	Phương pháp viết báo cáo khoa học và báo cáo đề tài, dự án Chương này gồm (i) Thế nào là báo cáo khoa học; (ii) Phân loại báo cáo khoa học; (iii) Tầm quan trọng của viết báo cáo khoa học; (iv) Cấu trúc và nội dung yêu cầu của báo cáo khoa học: cấu trúc của bài báo khoa học; cấu trúc của báo cáo khoa học (đề tài/dự án); nguyên tắc viết các nội dung của bài báo và báo cáo KH); và (v) Phương pháp trình bày và diễn giải	3

Chương	Nội dung	Số tiết
	kết quả trong báo cáo	
Chương 6	Phương pháp trình bày báo cáo nói (oral) và báo tường (poster) Chương này gồm (i) Thế nào là báo cáo nói và báo tường; (ii) Cấu trúc của báo cáo nói và báo tường; (iii) Nguyên tắc trình bày báo cáo nói: phương pháp chuẩn bị báo cáo sử dụng phần mềm trình chiếu (powerpoint), và phương pháp báo cáo; và (iv) Phương pháp chuẩn bị và trình bày báo cáo luận văn/luận án	2

3.2.2 Thực hành

	Nội dung	Số tiết
Bài 1	Thực hành viết đề cương tổng quát và chi tiết theo nhóm	4
Bài 2	Thực hành viết tóm tắt và giới thiệu bài báo khoa học	2
Bài 3	Thực hành ứng dụng phần mềm xử lý số liệu	4
Bài 4	Thực hành trình bày kết quả nghiên cứu	4
Bài 5	Thực hành chuẩn bị báo cáo nói (sử dụng powerpoint) và báo tường poster	4
Bài 6	Thực hành trình bày và bảo vệ báo cáo khoa học	2

4. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY:

- Lý thuyết được trình bày trên lớp theo từng Chương đã nêu trên
- Thực hành tại phòng máy tính và bài tập làm ở nhà; mỗi nhóm 3-5 học viên

5. NHIỆM VỤ CỦA HỌC VIÊN:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ các giờ thực hành
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm ở nhà và được đánh giá kết quả đạt.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.

6. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC VIÊN:

6.1. Cách đánh giá

Học viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm chuyên cần	Tham gia 100% số tiết học	5%
	Điểm bài tập	Số bài tập đã làm/số bài tập được giao	10%
2	Điểm thực hành/thực tập	Thi viết	15%
3	Điểm kiểm tra giữa kỳ	Thi viết (30 phút)	15%
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết (60 phút) - Bắt buộc dự thi	55%

6.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] Barnard C., Gilbert F., McGregor P. (2001). Asking questions in Biology. PEARSON Prentive Hall. 190 pages	
[2] Bhujel C. Ram (2008). Statistics for Aquaculture. Wiley-Blackwell. 222 pages	
[3] Grossman M. (2002). Techniques for writing and presenting a scientific paper. Wageningen University, the Netherlands. Lecture notes	
[4] Nguyễn Văn Lê (2001). Phương pháp nghiên cứu khoa học. Nhà xuất bản Trẻ. 199 trang	
[5] Robert B. (1987). Scientists must write: A guide to better writing for scientists, engineers and student. Chapman & Hall. 176 p.	
[6] Shortland. M. and J. Gregory (1991). Communicating science: A handbook. Longman. 186p	
[7] Stapleton, P. (1987). Writing research papers: An easy guide non-native-English speaker. Australian Center for International Agricultural Research. 47p.	
[8] University Putra Malaysia (2000). Guide to the preparation of thesis. 40 pages.	

Cần Thơ, ngày tháng năm 201

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA THỦY SẢN

Người biên soạn

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

- 1.1. Tên và mã số học phần: **DƯỢC LÝ HỌC THÚ Y THỦY SẢN (TSB602)**
- 1.2. Cấu trúc học phần: 2 TC (LT: 1; BT: 1; TH:0), 30 tiết (LT: 15; BT: 15; TH:0)
- 1.3. Học phần tiên quyết:
- 1.4. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kỹ thuật nuôi Hải sản
- 1.5. Thông tin giảng viên:
TS. Phạm Minh Đức

Email: pmduc@ctu.edu.vn

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1 Học phần cung cấp kiến thức đại cương về dược lý học thú y thủy sản; nguyên lý và cơ chế hấp thụ, phân bố, chuyển hóa và thải trừ thuốc; tác dụng của thuốc, cơ chế tác dụng của thuốc và các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc; thuốc kháng khuẩn, cơ chế kháng thuốc của vi khuẩn và sử dụng kháng sinh; thuốc trị ký sinh trùng và vi nấm, thuốc tác động lên hệ máu, thuốc tác động lên hệ hô hấp, tiêu hóa và thuốc tác động lên hệ sinh dục, tiết niệu; thuốc và hóa chất phổ biến trong nuôi trồng thủy sản. Học phần này giúp người học hiểu và áp dụng kiến thức thú y thủy sản trong việc sử dụng đúng, an toàn và hiệu quả thuốc và hóa chất trong nuôi trồng thủy sản.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần này thì người học:

Kiến thức:

- Có kiến thức đại cương về dược lý học thú y thủy sản;
- Có khả năng hiểu rõ về nguyên lý và cơ chế hấp thụ, phân bố, chuyển hóa và thải trừ thuốc;
- Nắm được nguyên lý sử dụng thuốc trong thú y thủy sản, cơ chế tác dụng và hình thức tác dụng;
- Có khả năng nắm được các loại thuốc kháng khuẩn, sự đề kháng của vi khuẩn và phương pháp sử dụng kháng sinh;
- Có khả năng hiểu rõ về cơ chế của thuốc trị bệnh lên từng cơ quan đặc thù bao gồm: thuốc trị ký sinh trùng và vi nấm, thuốc tác động lên hệ máu, thuốc tác động lên hệ hô hấp và tiêu hóa và thuốc tác động lên hệ sinh dục và tiết niệu;
- Có kiến thức về thuốc và hóa chất dùng phổ biến trong nuôi trồng thủy sản.

Kỹ năng:

- Nhận biết được các loại thuốc và hóa chất phổ biến trong thú y thủy sản;
- Biết áp dụng nhiều phương cách đưa thuốc vào cơ thể động vật thủy sản và hóa chất vào môi trường nuôi;
- Pha chế và tính toán liều lượng sử dụng hợp lý;
- Biết lựa chọn, sử dụng thuốc và hóa chất hiệu quả và an toàn.

Thái độ, chuyên cần:

- Có thể tìm kiếm và tổng hợp tài liệu khoa học;
- Có tinh thần kỷ luật và trách nhiệm cao trong quá trình làm việc theo nhóm;
- Có khả năng thiết kế và trình bày báo cáo khoa học hợp lý;
- Có khả năng thảo luận kiến thức chuyên môn thông qua các bài thuyết trình.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
Chương 1. Đại cương về dược lý học thú y thủy sản <i>Nội dung chính trong chương 1 là cung cấp kiến thức về các khái niệm về dược lý học, dược động học, dược lực học, yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc và hóa chất và thông tin cơ bản về thuốc và hóa chất.</i> 1.1 Khái quát về mục tiêu, đối tượng, nhiệm vụ của môn học. 1.2 Khái niệm về dược lý học 1.3 Dược động học 1.4 Dược lực học 1.5 Yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc và hóa chất 1.6 Thông tin cơ bản về thuốc và hóa chất <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1], [5], [8].</i>	2/2/0
Chương 2. Hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ <i>Nội dung chính của chương 2 là cung cấp kiến thức về quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ của thuốc. Giới thiệu các</i>	3/2/0

<i>thông số được động học cơ bản.</i> 2.1 Giới thiệu 2.2 Hấp thu 2.3 Phân bố 2.4 Chuyển hóa 2.5 Thải trừ <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo tài liệu [1], [5], [8].</i>	
Chương 3. Tác dụng của thuốc <i>Nội dung chính của chương 3 là cung cấp kiến thức về các cách tác dụng của thuốc, cơ chế tác dụng chung của thuốc và các yếu tố ảnh hưởng tới tác dụng của thuốc.</i> 3.1. Một số khái niệm 3.2. Cơ chế tác dụng của thuốc 3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc 3.4. Phản ứng bất lợi của thuốc <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1], [5], [8].</i>	3/2/0
Chương 4. Thuốc kháng khuẩn <i>Nội dung chính của chương 4 là cung cấp kiến thức về khái niệm thuốc kháng khuẩn, phân loại thuốc kháng khuẩn, sự đề kháng của vi khuẩn, phương pháp sử dụng kháng sinh và nguyên lý phối hợp kháng sinh.</i> 4.1 Khái niệm 4.2 Phân loại 4.3 Sự đề kháng của vi khuẩn 4.4 Sử dụng kháng sinh 4.5 Phối hợp kháng sinh <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo tài liệu [3], [6].</i>	3/2/0

Chương 5. Cơ chế của thuốc trị bệnh <i>Nội dung chính của chương 5 là cung cấp kiến thức về cơ chế tác dụng của thuốc lên trị kí sinh trùng và nấm, cơ chế của thuốc tác động lên hệ máu, cơ chế của thuốc tác động lên hệ hô hấp và tiêu hóa và cơ chế của thuốc tác động lên hệ sinh dục và tiết liệu.</i> 5.1 Thuốc trị kí sinh trùng và nấm 5.2 Thuốc tác động lên hệ máu 5.3 Thuốc tác động lên hệ hô hấp và tiêu hóa 5.4 Thuốc tác động lên hệ sinh dục và tiết liệu <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [3], [6].</i>	2/2/0
Chương 6. Thuốc và hóa chất trong nuôi trồng thủy sản <i>Nội dung chính của chương 6 là cung cấp kiến thức về phương pháp sử dụng thuốc và hóa chất trong nuôi trồng thủy sản, thuốc và hóa chất sử dụng phổ biến trong nuôi trồng thủy sản, thuốc và hóa chất không được sử dụng trong nuôi trồng thủy sản và thuốc giúp tăng sức đề kháng cho động vật thủy sản.</i> 6.1. Phương pháp sử dụng thuốc và hóa chất trong nuôi trồng thủy sản 6.2. Thuốc và hóa chất thường dùng trong nuôi trồng thủy sản 6.3. Thuốc và hóa chất không được sử dụng trong nuôi trồng thủy sản 6.4. Thuốc giúp tăng sức đề kháng cho động vật thủy sản <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [4], [7].</i>	3/5/0

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

5.1. Phương pháp giảng dạy:

Học phần được giảng dạy kết hợp gồm lý thuyết (15 tiết), chuyên đề (15 tiết); trong quá trình học viên sẽ thuyết trình theo nhóm trước lớp và thảo luận cùng với lớp và giảng viên.

5.2. Phương pháp đánh giá:

- Thuyết trình chuyên đề: 40%,

- Thi cuối kỳ: 60%.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA HỌC PHẦN

- [1] Mai Tất Tố và Vũ Thị Trâm, 2012. Dược lý học. P.199.
- [2] Brown. L., 1993. Aquaculture for Veterinarians Fish Husbandry and Medicine.
- [3] Bùi Thị Tho, 2003. Thuốc kháng sinh và nguyên tắc sử dụng trong chăn nuôi. Nhà xuất bản Hà Nội.
- [4] Arthur, J.R., C.R., Lavilla – Pitogo, R.P., Subasinghe, 1996. Use of Chemicals in Aquaculture in Asia. Proceedings of the Meeting on the Use of Chemicals in Aquaculture in Asia – 20-22 May 1996, Tigbauan, Lioilo, Philippines.
- [5] Phạm Khắc Hiếu, Lê Thị Ngọc Diệp, 1997. Dược Lý Học Thú Y. Nhà xuất bản Nông Nghiệp.
- [6] Treves-Brown, 2000. Applied Fish Pharmacology. Kluwer Academic Publishers.
- [7] Nelson Herwig, 1996. Handbook of drugs and chemicals used in the treatment of fish diseases. A manual of fish pharmacology and materia medica. P.272.
- [8] Huỳnh Kim Diệu, 2009. Giáo trình Dược lý học Thú y. Bộ môn Thú y, Khoa Nông nghiệp, Đại học Cần Thơ.

Ngày 05 tháng 05 năm 2017

Duyệt của đơn vị

Người biên soạn

TL. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA THỦY SẢN

Phạm Minh Đức

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

- 1.1. Tên và mã số học phần: TSN601 - Hệ thống sản xuất thủy sản mặn/lợ
- 1.2. Cấu trúc học phần: 2TC (LT: 2; BT: 0; TH: 0), 3 tiết (LT: 30; BT: 0; TH: 30)
- 1.3. Học phần tiên quyết:
- 1.4. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Trường Đại học Cần Thơ
- 1.5. Thông tin giảng viên:
PGS TS. Trần Ngọc Hải

Email: tnhai@ctu.edu.vn

Cán bộ tham gia giảng dạy:

PGS TS Ngô Thị Thu Thảo

Email: thuthao@ctu.edu.vn

PGS TS Nguyễn Thị Ngọc Anh

Email: ntnhanh@ctu.edu.vn

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học nhằm cung cấp cho học viên kiến thức và thông tin cập nhật về công nghệ nuôi trồng thủy sản nước lợ và nuôi biển. Nội dung môn học bao gồm (i) Phát triển, tiềm năng và trở ngại trong nuôi thủy sản nước lợ và nuôi biển; (ii) Kỹ thuật nuôi thủy sản nước lợ và nuôi biển hiện đại (Nuôi thâm canh, siêu thâm canh, nuôi kết hợp, nuôi lồng biển.. một số loài quan trọng như giáp xác, cá biển, động vật thân mềm, rong biển...); (iii) Quản lý và phát triển bền vững nuôi nước lợ và nuôi biển. Phương pháp giảng dạy gồm 1 hoạt động trên lớp (1 thuyết trình, bài tập, thảo luận..), thực hành và tham quan thực tế. Sau môn học, học viên sẽ có đủ kiến thức, kỹ năng về nuôi thủy sản nước lợ - mặn, làm cơ sở cho các môn học khác, cũng như phục vụ cho quản lý tổng hợp nuôi thủy sản vùng ven biển.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Về lý thuyết:

Sau khi hoàn thành môn học, học viên sẽ:

- Hiểu được những tiến bộ trong phát triển, tiềm năng, trở ngại và chiến lược phát triển nuôi hải sản
- Nắm được kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất giống và quản lý trại các loài hải sản quan trọng
- Nắm được kỹ thuật tiên tiến trong nuôi thương phẩm và quản lý trang trại các loài hải sản quan trọng
- Biết cách áp dụng vào điều kiện ở Việt Nam

Về thực hành:

- Biết cách xây dựng qui hoạch, chọn vị trí, thiết kế, vận hành và quản lý trại và trang trại hải sản
- Biết cách xây dựng dự án nghiên cứu và phát triển cho sản xuất giống và nuôi một số loài hải sản quan trọng
- Biết cách làm việc cá nhân, làm việc theo nhóm, viết báo cáo, trình bày báo cáo của các bài tập.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
Chương 1. Tổng quan về phát triển nuôi hải sản <i>Chương này giới thiệu tổng quan về phát triển nuôi hải sản nhiệt đới, tiềm năng, trở ngại, định hướng phát triển</i> 1.1. Các loài quan trọng cho nuôi hải sản 1.2. Phát triển nuôi thủy sản mặn/lợ trên thế giới và Việt Nam 1.3. Các vấn đề trở ngại và tiềm năng 1.4. Nuôi hải sản kết hợp bền vững <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [7], [15], [18], [19]</i>	2/0/0
Chương 2. Sản xuất giống và nuôi một số loài giáp xác 2.1. Kỹ thuật sản xuất giống và quản lý trại giống giáp xác (tôm biển, tôm càng xanh, cua biển) - Kết cấu và phương tiện trại giống - Nuôi vỗ nguồn bố mẹ - Nuôi ấu trùng - An toàn sinh học và thực hành quản lý trại tốt hơn	5/0/0

- Quản lý chất lượng giống 2.2. Kỹ thuật nuôi và quản lý trang trại giáp xác - Các hệ thống nuôi kết hợp - Các hệ thống nuôi thâm canh và siêu thâm canh trong ao, bể ứng dụng hệ thống tuần hoàn, bioflocs,... - An toàn sinh học trong nuôi thủy sản - Nuôi thủy sản theo chứng nhận <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1], [4], [5], [6], [10], [11], [13], [14], [15], [16], [20], [24]</i>	
Chapter 3: Sản xuất giống và nuôi cá biển <i>Chương này cung cấp những kiến thức về những kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất giống và nuôi một số loài cá biển</i> 3.1 Sản xuất giống và quản lý trại giống cá nước lợ và cá biển - Kết cấu trại và phương tiện - Nuôi vỗ và quản lý cá bố mẹ và kích thích sinh sản một số loài cá quan trọng - Ương nuôi ấu trùng một số loài cá quan trọng - An toàn sinh học và thực hành quản lý tốt hơn - Quản lý chất lượng giống 3.3. Kỹ thuật nuôi và quản lý trang trại nuôi cá nước lợ và cá biển - Các hệ thống nuôi cá kết hợp - Các hệ thống nuôi thâm canh và siêu thâm canh hiện đại	10/0/0

trong ao, lồng, bể - An toàn sinh học và thực hành nuôi tốt - Nuôi thủy sản theo chứng nhận <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [3], [8], [16]</i>	
Chương 4. Sản xuất giống và nuôi một số loài động vật thân mềm <i>Chương này cung cấp những kiến thức về kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất giống và nuôi các loài nhuyễn thể</i> 4.1 Kỹ thuật sản xuất giống và quản lý trại giống - Kết cấu và phương tiện trại giống - Nuôi vỗ và cho sinh sản một số loài quan trọng - Ương nuôi ấu trùng - An toàn sinh học và quản lý tốt hơn - Quản lý chất lượng giống 4.2. Kỹ thuật nuôi và quản lý trang trại động vật thân mềm - Các hệ thống nuôi truyền thống - Các hệ thống nuôi thâm canh và siêu thâm canh hiện đại - An toàn sinh học trong nuôi động vật thân mềm - Vấn đề nuôi theo chứng nhận <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [7], [12]</i>	10/0/0

Chương 5: Nuôi trồng rong biển <i>Chương này cung cấp những kiến thức quan trọng trong nuôi trồng rong biển</i> 5.1 Kỹ thuật sản xuất giống và quản lý trại giống rong biển 5.2 Nuôi trồng rong biển hiện đại 5.3 Sử dụng rong biển <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [2], [9].</i>	3/0/0

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

5.1. Phương pháp giảng dạy:

Phương pháp giảng dạy bao gồm lý thuyết, bài tập, thực hành và tham quan

- Lý thuyết được trình bày bằng Powerpoint, video, tài liệu tham khảo...
- Phương pháp dạy tích cực sẽ được áp dụng
- Bài tập:
 - o Bài tập cá nhân và bài tập nhóm
 - o Các chủ đề bài tập: Bài tập giải quyết các tình huống

5.2. Phương pháp đánh giá:

- Bài tập: 30%
- Thi giữa kỳ: 20%
- Thi hết môn: 50%

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA HỌC PHẦN

1. Arlo W Fast and L James Lester. Marine Shrimp Culture: Principles and Practices (1992). ELSERVIER. 862 pages
2. Dennis J. McHugh, 2003. A guide to the seaweed industry. FAO FISHERIES TECHNICAL PAPER 441
3. Dr Kevin Williams, Dr N.A. Giri, Usman, Dr Richard Knuckey, Adam Reynolds, Dr Claire Marte, 2011. Improved hatchery and grow-out technology for marine finfish aquaculture in the Asia-Pacific region. ACIAR. 102pp.
4. FAO (2002) Farming freshwater prawns : A manual for the culture of the giant river prawn (*Macrobrachium rosenbergii*), 2002. 219 pages
5. FAO (2003) Health management and biosecurity maintenance in white shrimp (*Penaeus vannamei*) hatcheries in Latin America.

- FAO Fisheries Technical Paper*. No. 450. Rome, FAO. 2003. 64p. (<http://www.fao.org/docrep/007/y5040e/y5040e00.htm#Contents>)
6. **FAO (2007)** Improving *Penaeus monodon* hatchery practices. Manual based on experience in India. *FAO Fisheries Technical Paper*. No. 446. Rome, FAO. 2007. 101p (<http://www.fao.org/docrep/010/a1152e/a1152e00.htm>)
 7. FAO (2014) The State of World Fisheries and Aquaculture 2014. E-ISBN 978-92-5-108276-8 (PDF), 243 pages
 8. Halwart, M.; Soto, D.; Arthur, J.R. (eds.), 2007. Cage aquaculture – Regional reviews and global overview. *FAO Fisheries Technical Paper*. No. 498. Rome, FAO. 2007. 241pp.
 9. Hasan, M.R.; Chakrabarti, R., 2009. Use of algae and aquatic macrophytes as feed in small-scale aquaculture: a review. *FAO Fisheries and Aquaculture Technical Paper*. No. 531. Rome, FAO. 2009. 123p.
 10. I Chiu Liao, Nai-Hsien Chao and Leano (Editors) (2016). Progress of shrimp and Prawn Aquaculture in the World. National Taiwan Ocean University, Keelung, Taiwan, The Fisheries Society of Taiwan, Keelung, Taiwan, Asian Fisheries Society, Manila, Philippines, and World Aquaculture Society, Louisiana, USA.
 11. Kevin C W., 2009. Spiny lobster aquaculture in the Asia-Pacific region. ACIAR.
 12. Michael M. Helm, Neil Bourne and Alessandro Lovatelli, 2004. Hatchery culture of bivalves - A practical manual. FAO Fisheries Technical paper 471.
 13. Nguyen Thanh Phuong, Tran Ngoc Hai, Tran Thi Thanh Hien, Marcy Wilder (2003). Principle and technology for seed production of Giant freshwater prawn. Agriculture Publishing House. 137 pages
 14. Phillips B. F. And Kittatka, 2000. Spiny lobster: Fisheries and culture. Fishing News Books. 679pp.
 15. Sena S. D S. 1998. Tropical mariculture. Academic Press. 478pp.
 16. Shelley, C.; Lovatelli, A., (2011) Mud crab aquaculture. No. 567. Rome, FAO. 2011. 78p. (<http://www.fao.org/docrep/015/ba0110e/ba0110e00.htm>)
 17. Soto, D. (ed.). 2009. Integrated mariculture: a global review. *FAO Fisheries and Aquaculture Technical Paper*. No. 529. Rome, FAO. 2009. 183p.
 18. Spencer B.E. (2002) Molluscan Shellfish Farming. Blackwell Publishing, ISBN 0 85238 291-X: 274 pages.
 19. Timmons M.B and Ebeling, 2007. Recirculating Aquaculture. NRAC Publication, No 01-007. 975 pp.
 20. Tran Ngoc Hai and Nguyen Thanh Phuong (2009) Principles and technology of shrimp farming. Agriculture Publishing House. 203 pages

21. Yoram A. 2009. Biofloc Technology – A Practical Guide Book. World Aquaculture Society. 182 pp.

Duyệt của đơn vị
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA THỦY SẢN

Ngày tháng năm 2017
Người biên soạn

Trần Ngọc Hải

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

1.1. Tên và mã số học phần: **Hệ thống nuôi thủy sản nước ngọt (*Freshwater aquaculture production systems*)** - Mã số: TSN602

1.2. Trình độ: Thạc sĩ

1.3. Cấu trúc học phần: 2TC (LT: 2; BT: 0; TH: 0), 30 tiết (LT: 27; BT: 3; TH: 0)

1.4. Học phần tiên quyết: được giảng dạy sau khi học viên học xong các môn học cơ sở chuyên ngành thủy sản.

1.5. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kỹ thuật nuôi thủy sản nước ngọt

1.6. Thông tin giảng viên:

PGS. TS. DƯƠNG NHỰT LONG (Khoa Thủy sản)

Email: dnlong@ctu.edu.vn

Cán bộ tham gia giảng dạy:

TS. BÙI MINH TÂM (Khoa Thủy sản)

Email: bmtam@ctu.edu.vn

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học gồm 2 nội dung giảng dạy chính (1) Kỹ thuật sản xuất giống các loài cá nước ngọt có giá trị kinh tế cao trong điều kiện sản xuất – xuất khẩu ở vùng ĐBSCL (2) Các hệ thống nuôi các đối tượng thủy sản nước ngọt (nuôi đơn, nuôi ghép, nuôi thâm canh, nuôi kết hợp thân thiện với điều kiện môi trường và nuôi luân canh, sản xuất sản phẩm sạch, chất lượng và phát triển bền vững).

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Cung cấp cho học viên những kiến thức kỹ thuật mang tính chất nguyên lý về (1) Nguyên lý căn bản trong việc vận hành và quản lý trại giống, các giải pháp công nghệ sản xuất giống (nuôi vỗ cá bố mẹ, kỹ thuật kích thích cá sinh sản, ấp trứng và kỹ thuật

ương cá giống) (2) Nguyên lý vận hành và quản lý hiệu quả trang trại sản xuất giống và nuôi cá nước ngọt và (3) Giải pháp công nghệ vận hành hiệu quả và phát triển bền vững các mô hình nuôi thủy sản nước ngọt.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
Phần A: Lý thuyết	2/0/0
Chương I. Nguyên lý kỹ thuật nuôi vỗ thành thực sinh dục cá bố mẹ	
Chương II. Nguyên lý về kỹ thuật kích thích cá sinh sản	4/0/0
Chương III. Nguyên lý chung về kỹ thuật ương cá giống.	2/0/0
Chương IV. Quy trình công nghệ sản xuất giống một số loài cá nước ngọt có giá trị kinh tế ĐBSCL	3/0/0
Chương V. Luận cứ khoa học chọn điểm, xây dựng các mô hình nuôi Thủy sản nước ngọt phát triển bền vững	2/0/0
Chương VI. Thiết kế, xây dựng, vận hành và quản lý các mô hình nuôi Thủy sản nước ngọt thương phẩm.	8/0/0
Chương VII. Thiết kế, xây dựng và vận hành các mô hình nuôi Thủy sản kết hợp (hoặc luân canh) hiệu quả.	4/0/0
Chương VIII. Quản lý & phát triển các mô hình nuôi Thủy sản nước ngọt đa dạng, hiệu quả và phát triển bền vững.	2/0/0
Phần B: bài tập, báo cáo các chuyên đề	0/3/0

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

5.1. Phương pháp giảng dạy: học phần được giảng dạy với 2 phần chính: Phần A chủ yếu giảng dạy về cơ sở lý thuyết ở lớp (27 tiết) đáp ứng đầy đủ các nội dung về chuyên môn, kết hợp tài liệu chuyên môn, các CD film, hình ảnh minh họa cụ thể về các qui trình kỹ thuật sản xuất giống và mô hình nuôi thực tiễn ở trong, ngoài nước và phần B:

báo cáo chuyên đề, bài tập tính toán, quản lý, vận hành trang trại sản xuất và nuôi thủy sản thương phẩm đạt hiệu quả và báo cáo các chuyên đề (3 tiết).

5.2. Phương pháp đánh giá

- Tích cực trong học tập: 5 %
- Báo cáo chuyên đề, tính toán qui hoạch sản xuất: 15 %
- Thi cuối kỳ: 80 %.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA HỌC PHẦN

1. Egna, H. S., 1997. Dynamics of pond aquaculture. Lewis Publishers in an imprint of CRC Press. 411 p.
2. Pillay, T.V.R., 1990. Aquaculture principles and practices. Fishing news books publishing house. 575 p.
3. Little, D., J. Muir, 1987. A Guide to Integrated Warm Water Aquaculture. Institute of Aquaculture Publications University of Stirling, 238 p.
4. Robert R. Stickney, 2000. Encyclopedia of Aquaculture. A Wiley-Interscience Publication. John Wiley & Sons, Inc.
5. Nguyễn Tường Anh, 1999. Nội tiết học sinh sản cá.

Ngày 05 tháng 05 năm 2017

Duyệt của đơn vị

Người biên soạn

TL. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA THỦY SẢN

Dương Nhựt Long và Bùi Minh Tâm

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

- 1.1. Tên học phần: **Động vật thủy sản và môi trường sống (TSB603)**
- 1.2. Trình độ: Cao học Ngành Bệnh học thủy sản
- 1.3. Cấu trúc học phần: Số TC: 2 (LT:20; BT:10; TH: 0)
- 1.4. Học phần tiên quyết: Không; Mã số: Không
- 1.5. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Dinh dưỡng và Chế biến thủy sản;
Khoa/Viện: Thủy sản
- 1.6. Thông tin giảng viên:
Họ và tên Giảng viên: Đỗ Thị Thanh Hương
Học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ.
Địa chỉ liên hệ: ĐT: 0908670344 Email: dtthuong@ctu.edu.vn.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần sẽ được giảng dạy các nội dung chính như (i) môi trường sống cơ bản của động vật thủy sản; (ii) cấu trúc các cơ quan trong cơ thể động vật thủy sản; (iii) khả năng thích ứng của các cơ quan với các yếu tố môi trường; (iv) ảnh hưởng bất lợi của các yếu tố môi trường đến hoạt động sống của sinh vật; (v) ảnh hưởng bất lợi đến các cấu trúc các cơ quan; và (vi) ảnh hưởng bất lợi của môi trường đến sức khỏe sinh vật nuôi quan trọng như tôm/cá. Bài tập tổng quan tài liệu các nghiên cứu trên thế giới về ảnh hưởng của môi trường đến động vật thủy sản.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm môi trường sống của ĐVTS và các kiến thức chuyên sâu khả năng thích ứng và biến đổi cơ thể và sức khỏe của động vật thủy sản dưới tác động của các yếu tố môi trường.

Về lý thuyết: học viên phải nắm được (i) vai trò và tác động của môi trường kể cả các yếu tố độc hại đến khả năng thích ứng, sức khỏe của động vật thủy sản; và (ii) kiến thức quan trọng về phương pháp nghiên cứu/thí nghiệm về các chỉ tiêu môi trường ảnh hưởng đến khả năng thích ứng và sức khỏe của động vật thủy sản.

Về bài tập (chuyên đề): qua việc thực hiện bài tập tổng quan tài liệu theo chủ đề của học phần để học viên sẽ làm việc theo nhóm, tạo tinh thần phối hợp trong công việc, nâng cao kỹ năng tìm kiếm thông tin, phân tích và tổng hợp viết báo cáo khoa học; từ đó học viên gắn kết với các môn học có liên quan và vận dụng vào thực tế của ngành.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
Chương 1. Môi trường sống cơ bản của động vật thủy sản Chương này sẽ giảng dạy về vai trò của các yếu tố môi trường quan trọng như oxy hòa tan, nhiệt độ, pH, CO ₂ , NH ₃ , NO ₂ đối với đời sống của động vật thủy sản.	3
Chương 2. Các cơ quan quan trọng trong cơ thể động vật thủy sản điều chỉnh sự thích ứng với môi trường sống Chương này sẽ giới thiệu về cấu trúc và chức năng một số cơ quan quan trọng giúp cơ thể động vật thủy sản thích ứng với môi trường sống như (i) hệ thống tuần hoàn máu của cá và giáp xác; (ii) cấu trúc mang, cơ quan hô hấp khí trời; (iii) cơ quan tạo máu.	3
Chương 3. Khả năng thích ứng của động vật thủy sản với các yếu tố môi trường Chương này tập trung về các chủ đề (i) oxy và hô hấp cá, giáp xác; (ii) pH và cân bằng a-xít và ba-zơ của máu cá và giáp xác; (iii) trao đổi khí của cá và giáp xác; (iv) ảnh hưởng của yếu tố môi trường đến cân bằng a-xít và ba-zơ trong cơ thể cá, giáp xác.	3
Chương 4. Ảnh hưởng bất lợi của các yếu tố môi trường đến hoạt động sống của động vật thủy sản Chương này sẽ bao gồm các nội dung như (i) ảnh hưởng của oxy đến trao đổi chất; (ii) pH và trao đổi chất ở cá, giáp xác; (iii) ảnh hưởng của yếu tố môi trường đến bơi lội; và (iv) ảnh hưởng của	4

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
yếu tố môi trường đến tiêu hóa của cá, giáp xác.	
Chương 5. Ảnh hưởng bất lợi của môi trường đến sức khỏe tôm cá Chương này sẽ thảo luận các chủ đề như (i) ảnh hưởng của oxy, CO ₂ , NO ₂ đến thay đổi về sinh lý, sinh hóa máu của cá và giáp xác; và (ii) ảnh hưởng của yếu tố môi trường đến hoạt tính các enzyme của cá, giáp xác.	4
Chương 6. Ảnh hưởng của độc trong môi trường đến đời sống động vật thủy sản Chương này tập trung giới thiệu về các độc tố thường gặp trong môi trường nước như thuốc trừ sâu, hóa chất,... đến sự chịu đựng và các thay đổi trong cơ thể một số loài nuôi quan trọng như (i) các chỉ số LC ₅₀ của một số độc chất; (ii) các chỉ số sinh lý học (như ngưỡng oxy, tiêu hao oxy, áp suất O ₂ , áp suất CO ₂ trong máu...) và sinh hóa học (hồng cầu, bạch cầu, hoạt tính của các men liên quan để hoạt động thần kinh cholinesterase (ChE), LPO, Catalase, GST., enzym tiêu hóa ở dạ dày, ruột Pepsine, Trypsine, Chymotrypsine, Amylase...)	3
Chương 7. Bài tập Chương này chia nhóm học viên tìm tài liệu và viết báo cáo theo chủ đề và báo cáo trước giảng viên và lớp.	10

4. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

4.1. Phương pháp giảng dạy: học phần được giảng dạy kết hợp gồm lý thuyết (20 tiết) và học viên sẽ làm bài tập và thuyết trình theo nhóm trước lớp (10 tiết).

4.2. Phương pháp đánh giá: Kiểm tra giữa kỳ 10%, bài tập 20% và thi cuối kỳ 70%

5. TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA HỌC PHẦN

1. Johnston I. A and Bennett A. F. (1996) Animal and Temperature: Phenotype and Evolutionary Adaptation. Cambridge University press 419 pp.
2. Evans D. H and Claiborn (2006). The Physiology of Fish. 599 pp
3. Đỗ Thị Thanh Hương và Nguyễn Văn Tư (2010) Một số vấn đề về sinh lý cá và giáp xác. Nhà xuất bản nông nghiệp 152 trang.
4. Glomski A. C. and Alessandra Pica. (2006). Erythrocytes of the poikilotherms: a phylogenetic odyssey. Scientific Publisher. London, United Kingdom. 424 pp.

Ngày tháng năm 2017

Duyệt của đơn vị

Người biên soạn

TL. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA THỦY SẢN

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

1.1. Tên và mã số học phần: **CÁC HỆ SINH THÁI THỦY VỰC; TS605**

1.2. Cấu trúc học phần: 2TC (LT: 2; TH: 0), 30 tiết (LT: 30; TH: 0)

1.3. Học phần tiên quyết: Không

1.4. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Thủy sinh học ứng dụng

1.5. Thông tin giảng viên:

PGS.TS. VŨ NGỌC ÚT

Email: vnut@ctu.edu.vn

Cán bộ tham gia giảng dạy:

PGS.TS. TRƯƠNG QUỐC PHÚ

Email: tqphu@ctu.edu.vn

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Cung cấp cho học viên kiến thức về đặc điểm các hệ sinh thái nước ngọt, lợ, mặn; bao gồm các đặc tính lý hoá học, quần thể sinh vật, các mối quan hệ sinh thái; các quá trình sinh học, lý, hoá học diễn ra trong các hệ sinh thái; các nguyên nhân, ảnh hưởng và đánh giá, kiểm soát sự ô nhiễm, phú dưỡng trong các hệ sinh thái; vai trò của các hệ sinh thái đối với đời sống thủy sinh vật. Tác động của con người, biến đổi khí hậu lên các hệ sinh thái, các biện pháp bảo vệ, phục hồi hệ sinh thái cũng được thảo luận.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

- Nắm vững kiến thức về thành phần vô sinh và hữu sinh trong các hệ sinh thái thủy vực nhiệt đới
- Nắm vững các quá trình sinh học, lý học trong các hệ sinh thái thủy vực nhiệt đới.
- Phân tích, đánh giá hiện trạng của một hệ sinh thái thủy vực
- Áp dụng kiến thức về đa dạng sinh học, khả năng thích ứng của quần thể thực vật, động vật trong hệ sinh thái để đề xuất các biện pháp quản lý, bảo vệ các hệ sinh thái.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
Chương 1: GIỚI THIỆU VỀ HỆ SINH THÁI THỦY VỰC <i>Chương này sẽ cung cấp kiến thức bao gồm các khái niệm về hệ sinh thái, thành phần hữu sinh, vô sinh, sự khác biệt giữa hệ sinh thái dưới nước và trên cạn</i> 1.1. Các khái niệm 1.2. Dòng chảy năng lượng trong hệ sinh thái 1.3. Thành phần sinh vật 1.4. Sự khác biệt giữa hệ sinh thái thủy vực và hệ sinh thái trên cạn <i>Để hiểu tốt chương này, học viên nên tham khảo các tài liệu Error! Reference source not found., Error! Reference source not found., Error! Reference source not found., [4] và [5]</i>	2/0/0
Chương 2: CÁC HỆ SINH THÁI NƯỚC NGỌT NHIỆT ĐỚI <i>Chương này sẽ cung cấp những kiến thức về đặc điểm, thành phần hữu sinh, vô sinh của các hệ sinh thái bao gồm sông, ao, hồ về thủy động học, sự đa dạng, chất lượng nước, sông Mekong là trường hợp tiêu biểu.</i> 2.1. Giới thiệu về hệ sinh thái nước ngọt (sông, ao, hồ) 2.2. Đặc điểm và chức năng của các hệ sinh thái 2.3. Thành phần vô sinh và hữu sinh của các hệ sinh thái 2.4. Tương tác sinh thái (năng suất sơ cấp, phân hủy, chu kỳ dinh dưỡng) 2.5. Các tác động của con người và tự nhiên lên các HST 2.6. Quản lý hệ sinh thái <i>Để hiểu tốt chương này, học viên nên tham khảo các tài liệu Error! Reference source not found., Error! Reference source not found., Error! Reference source not found., [4] và [5]</i>	4/0/3

Chương 3: HỆ SINH THÁI VÙNG CỬA SÔNG NHIỆT ĐỚI <i>Chương này sẽ cung cấp những kiến thức về đặc điểm vô sinh và hữu sinh của hệ sinh thái, chức năng và các tác động lên hệ sinh thái cửa sông.</i> 3.1. Đặc điểm chung 3.2. Thành phần vô sinh và hữu sinh 3.3. Các tương tác sinh thái 3.4. Tác động của con người lên hệ sinh thái <i>Để hiểu tốt chương này, học viên nên tham khảo các tài liệu Error!</i> Reference source not found., Error! Reference source not found., Error! Reference source not found..	6/0/5
Chương 4: HỆ SINH THÁI RỪNG NGẬP MẶN <i>Chương này sẽ cung cấp những kiến thức về đặc điểm vô sinh và hữu sinh của hệ sinh thái, chức năng và các tác động lên hệ sinh thái rừng ngập mặn</i> 4.1. Đặc điểm chung 4.2. Thành phần vô sinh và hữu sinh 4.3. Các tương tác sinh thái 4.4. Tác động của con người lên hệ sinh thái <i>Để hiểu tốt chương này, học viên nên tham khảo các tài liệu Error!</i> Reference source not found., Error! Reference source not found., Error! Reference source not found.	2/0/0
Chương 5: HỆ SINH THÁI RẠN SAN HỒ <i>Chương này sẽ cung cấp những kiến thức về đặc điểm vô sinh và hữu sinh của hệ sinh thái, chức năng và các tác động lên hệ sinh thái rạn san hô.</i> 5.1. Đặc điểm chung 5.2. Thành phần vô sinh và hữu sinh 5.3. Các tương tác sinh thái 5.4. Tác động của con người lên hệ sinh thái 5.5. Hiện tượng tẩy trắng và nguyên nhân <i>Để hiểu tốt chương này, học viên nên tham khảo các tài liệu Error!</i> Reference source not found., Error! Reference source not found..	6/0/12

Chương 6: BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ CÁC HỆ SINH THÁI THỦY VỰC <i>Chương này sẽ cung cấp những kiến thức về vấn đề biến đổi khí hậu và tác động của BĐKH lên các hệ sinh thái thủy vực; phản ứng của các hệ sinh thái đối với tác động của BĐKH và con người.</i> 6.1. Khí hậu, các yếu tố môi trường và hệ sinh thái 6.2. Phản ứng của hệ sinh thái đối với BĐKH 6.3. Giới hạn thích ứng của HST và vai trò của con người <i>Để hiểu tốt chương này, học viên nên tham khảo các tài liệu Error! Reference source not found., Error! Reference source not found..</i>	
--	--

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

5.1. Phương pháp giảng dạy:

Giảng trực tiếp trên lớp kết hợp với báo cáo chuyên đề, học viên được giao thực hiện các chuyên đề theo các chủ đề khác nhau và báo cáo trước lớp khi kết thúc phần lý thuyết.

5.2. Phương pháp đánh giá:

Thi giữa kỳ: 20%

Thuyết trình chuyên đề: 30%,

Thi cuối kỳ: 50%.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA HỌC PHẦN

7. [1] Arvind Kumar (2003). Aquatic Ecosystems. A.P.H. Pub. Corp.
8. [2] Barnes, R.S.K., Hughes, R.N. (1982). An Introduction to Marine Ecology. Blackwell Science Ltd.
9. [3] Loeb, S. L., Spacie, A. (1994). Biological Monitoring of Aquatic Systems. Lewis Publishers, Inc.
10. [4] Nriagu, J.O., Lakshminarayana, J.S.S (1988). Aquatic toxicology and water quality management AEST V22. John Wiley & Sons Inc.
11. [5] Findlay, S., Sinsabaugh, R. (2002). Aquatic ecosystems: Interactivity of dissolved organic matter (A Vol, in the aquatic ecology series). Academic press.
- 12.[6] Campbell, I.C. (2009). The Mekong: Biophysical Environment of an International River Basin. Elsevier Inc. 432pp.

13. [7] Wetzel, R., (2001). Limnology: Lake and River ecosystems. Third edition. Academic press. 1006 pp.
14. [8] Day, J.W., Hall, C.A.S, Kemp, M.W. và Yanez-Arancibia, A. (1989). Estuarine ecology. A Wiley-interscience publication, John Wiley & Son.
15. [9] McLusky, D.S. (1971). Ecology of estuaries. Heinemann Educational Books Ltd. London.
16. [10] Little, C. (2000). The biology of soft shores and estuaries. Oxford university press, 252pp.
17. [11] Kathiresan, K., Qasim, S.Z. (2005). Biodiversity of mangrove ecosystems. Hindustan Publishing Corporation (India), 251 pp.
18. [12] Ong, J.E. & Gong, W.K. (2013) Structure, Function and Management of Mangrove Ecosystems. ISME Mangrove Educational Book Series No. 2. International Society for Mangrove Ecosystems (ISME), Okinawa, Japan, and International Tropical Timber Organization (ITTO), Yokohama, Japan.
19. [13] Hogarth, P.J. (1999). The biology of mangroves. Oxford University Press, 228pp.
20. [14] Walker, P. and Wood, E. (2005). Coral reef. Facts On File Inc, 175pp.
21. [15] Allen, G.R., and Steene, R. (1999). Indo-Pacific Coral reef – Field guide. Tropical reef Research, 378 pp.
22. [16] Barange, M., Field, G.J., Harris, P.R., Hofmann, E.E., Perry, R.I. and Werner, E.F. (2010). Marine ecosystem and global change. Oxford University Press, 412 pp.
23. [17] Poff, L.N., Prinson, M.M. and Day, J.W.J. (2002). Aquatic ecosystems and global climate change. Prepared for the Pew Center on Global climate change, 57pp.

Duyệt của đơn vị
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA THỦY SẢN

Ngày 05 tháng 05 năm 2017
Người biên soạn

Vũ Ngọc Út

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

- 1.1. Tên học phần: **Sinh Lý Động Vật Thủy Sản Mã số: TS 602**
- 1.2. Trình độ: Thạc sĩ
- 1.3. Cấu trúc học phần: Số TC: 2 (LT: 20 ; BT:....; TH: 20)
- 1.4. Học phần tiên quyết: Không.....Mã số:.....
- 1.5. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn dinh dưỡng và chế biến thủy sản;
Khoa/Viện: Thủy sản.
- 1.6. Thông tin giảng viên:

Họ và tên Giảng viên: Đỗ Thị Thanh Hương.

Học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ.

Địa chỉ liên hệ: ĐT: 0908670344. Email: dtthuong@ctu.edu.vn

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học sẽ bổ sung kiến thức cho học viên Thạc sĩ hiểu biết về phần cơ chế các quá trình sinh lý của các cơ quan trong cơ thể tôm, cá mà bậc Đại học chỉ học về định nghĩa và hiện tượng sinh lý. Đây là học phần nội dung bắt buộc học viên Thạc sĩ cần phải học để có thể ứng dụng vào các nghiên cứu, có thể thiết kế thí nghiệm và giải thích hiện tượng, phản ứng sinh lý hoặc tăng trưởng của cá tôm đối với môi trường nuôi khác nhau. Môn học này bao gồm 2 phần lý thuyết và thực hành. Nội dung phần lý thuyết gồm: (i) Cơ chế điều hòa áp suất thẩm thấu của cá tôm (ii) Cơ chế hô hấp của cá và giáp xác; (iii) Quá trình chuyển hóa năng lượng trong cơ thể tôm cá (iv) Cơ chế hoạt động của tuyến nội tiết cá và giáp xác. Nội dung phần thực hành: (i) xác định tiêu hao oxy của cá ở các độ mặn hoặc hàm lượng oxy hay CO₂ khác nhau (ii) xác định khả năng điều hòa áp suất thẩm thấu của tôm cá ở độ mặn khác nhau (iii) ảnh hưởng của hóa chất lên khả năng điều hòa áp suất thẩm của cá tôm (iv) ảnh hưởng của hóa chất hay độ mặn hay lên hoạt động của một số enzyme trong cơ thể cá tôm. (v) trao đổi năng lượng của cá ở hàm lượng oxy hay độ mặn khác nhau

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Học viên sẽ nắm vững các kiến thức cơ bản về cơ chế, chức năng sinh lý của các cơ quan trong cơ thể cá và giáp xác và phương pháp nghiên cứu về sinh lý trên cá, tôm. Học viên sẽ ứng dụng các kiến thức học được vào các nghiên cứu cơ bản hoặc chuyên ngành Nuôi Trồng Thủy Sản.

4. NỘI DUNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
Chương 1. Cơ chế điều hòa áp suất thẩm thấu của cá tôm 1.1. Định nghĩa áp suất thẩm thấu 1.2. Cơ chế điều hòa áp suất thẩm thấu cá nước ngọt, mặn 1.3. Khả năng thích ứng của cá tôm ở các nồng độ muối khác nhau 1.4. Ảnh hưởng yếu tố môi trường đến điều hòa áp suất thẩm thấu 1.5. Thực hành: Bài 1: Xác định khả năng điều hòa áp suất thẩm thấu tôm/cá ở độ mặn khác nhau Bài 2 : Ảnh hưởng của hóa chất lên khả năng điều hòa áp suất thẩm của cá tôm <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu:[2], [3], [5],</i>	5/0/8
Chương 2. Cơ chế hô hấp của cá và giáp xác 2.1. Cơ chế vận chuyển oxy và CO ₂ 2.2. Hô hấp của cá trong môi trường oxy thấp 2.3. Ảnh hưởng của môi trường đến hô hấp của cá tôm 2.4. Thực hành: Xác định tiêu hao oxy của cá ở các độ mặn khác nhau <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1, [4.], [5],</i>	5/0/4
Chương 3. Quá trình chuyển hóa năng lượng trong cơ thể tôm cá 3.1. Chuyển hóa năng lượng cơ bản ở động vật thủy sản	5/0/4

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
3.2. Phương pháp xác định chuyển hóa năng lượng 3.3. Yếu tố môi trường ảnh hưởng đến chuyển hóa năng lượng 3.4. Thực hành: Trao đổi năng lượng của cá ở các độ mặn khác nhau hoặc các loại thức ăn khác nhau <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [3], [4], [5],</i>	
Chương 4. Hoạt động của tuyến nội tiết cá và giáp xác 4.1 Tuyến nội tiết ở cá 4.2 Tuyến nội tiết ở giáp xác 4.3 Thực hành : Ảnh hưởng của hóa chất lên hoạt động một số enzyme trong cơ thể cá tôm <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [5]</i>	5/0/4

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

- 5.1. **Phương pháp giảng dạy:** học phần được giảng dạy kết hợp gồm lý thuyết (20 tiết), thực hành (20 tiết), trong quá trình học học viên sẽ báo cáo kết quả các bài thực hành theo nhóm trước lớp.
- 5.2. **Phương pháp đánh giá:** Kiểm tra giữa kỳ: 20 % và thi cuối kỳ: 50 %, thực hành 30%

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA HỌC PHẦN

1. Perry, S. F. and Tufts B. L. (Eds). 1998. Fish Respiration. In Fish Physiology (volume 17).
2. Patricia A. Wright and Paul M. Anderson (Eds) 2001. Nitrogen Excretion (volume 20).
3. Adalberto L. Val, Vera Maria F. De Almeida-Val, and David J. Randall. (Eds) 2006. The Physiology of Tropical Fishes Volume 21.
4. Jeffrey G. Richards, Anthony P. Farrell, and Colin J. Brauner. Eds 2009. Hypoxia Volume 27

5. Nicholas J. Bernier, Glen Van Der Kraak, Anthony P. Farrell, and Colin J. Brauner. Eds. 2009. Fish Neuroendocrinology Volume 29

Ngày 05 tháng 05 năm 2017
Người biên soạn

Duyệt của đơn vị
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA THỦY SẢN

Đỗ Thị Thanh Hương

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

- 1.1. Tên và mã số học phần: **VỆ SINH VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM THỦY SẢN –TS619**
- 1.2. Cấu trúc học phần: 2TC (LT: 1,5; BT: 0; TH: 0,5), 35 tiết (LT: 25; BT: 0; TH: 10)
- 1.3. Học phần tiên quyết: không
- 1.4. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Dinh dưỡng và Chế biến Thủy sản, Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ
- 1.5. Thông tin giảng viên:
TS. Trần Minh Phú (Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ)
Email: tmphu@ctu.edu.vn

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Vệ sinh an toàn thực phẩm trong nuôi trồng thủy sản trở nên rất quan trọng nhằm tạo nên sản phẩm an toàn cho người tiêu dùng. Môn học này cung cấp các kiến thức về khảo sát và quản lý các mối nguy hóa học, các loại thuốc và hóa chất được phép và không được phép sử dụng trong nuôi trồng thủy sản, việc quản lý tồn lưu thuốc và hóa chất của các nước nhập khẩu và sự đào thải của kháng sinh trên cá. Môn học cũng cung cấp các kiến thức về tồn lưu các loại hóa chất khác như thuốc trừ sâu, PAH, kim loại nặng,... Các phương pháp phân tích và chuẩn hóa phương pháp phân tích dư lượng kháng sinh cũng được giới thiệu. Thêm vào đó, các tiêu chuẩn trong nuôi trồng thủy sản liên quan đến vệ sinh an toàn thực phẩm như GlobalGAP, PAD/ASC, BAP/ACC cũng sẽ được trình bày và thảo luận.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong, người học có kiến thức và khả năng thông hiểu, thảo luận các chủ đề liên quan đến an toàn vệ sinh thực phẩm thủy sản. Người học có thể ứng dụng lý thuyết trong nghiên cứu về an toàn vệ sinh thực phẩm cũng như kỹ năng phân tích tồn lưu kháng sinh trong sản phẩm thủy sản.

Về lý thuyết:

- Hiểu rõ về khảo sát và quản lý mối nguy hóa học trong sản phẩm thủy sản.

- Trình bày các loại thuốc hóa chất được phép và không được phép sử dụng trong nuôi trồng thủy sản, hiểu rõ sự đào thải kháng sinh trên cá.
- Có kiến thức chung về các loại hóa chất khác liên quan đến an toàn vệ sinh thực phẩm như: thuốc trừ sâu, PAH, kim loại nặng,..
- Hiểu rõ phương pháp phân tích tồn lưu kháng sinh và hóa chất
- Có kiến thức về các tiêu chuẩn nuôi trồng thủy sản liên quan đến an toàn vệ sinh thực phẩm.

Về thực hành:

- Có thể phân tích tồn lưu chloramphenicol trên cá bằng phương pháp ELISA.
- Có thể phân tích tồn lưu enrofloxacin trên cá bằng phương pháp sắc ký huỳnh quang.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
Chương 1. Giới thiệu tổng quan <i>Chương này tập trung giới thiệu những khái niệm cơ bản về khảo sát và quản lý môi nguy.</i> 1.1. Khái niệm cơ bản về phân tích môi nguy 1.2. Khái quát về các loại tồn lưu hóa chất và kháng sinh <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo tài liệu [1].</i>	3/0/0
Chương 2. Tồn lưu thuốc và hóa chất trong sản phẩm thủy sản <i>Chương này sẽ cung cấp cho học viên các kiến thức về các loại thuốc và hóa chất được phép và không được phép sử dụng trong nuôi trồng thủy sản ở các nước khác nhau như Châu Âu, Mỹ và Việt Nam. Các thông tin về quản lý tồn lưu thuốc và hóa chất trong thủy sản cũng sẽ được cập nhật và giới thiệu. Dược động lực học của kháng sinh trên cá cũng được trình bày.</i> 2.1. Các loại thuốc và hóa chất cấm 2.2. Các loại thuốc và hóa chất được phép sử dụng 2.3. Quản lý và kiểm soát tồn lưu thuốc và hóa chất: ví dụ từ cộng đồng Châu Âu 2.4. Dược động lực học của kháng sinh trên cá	5/0/0

<i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1], [2] và [3].</i>	
Chương 3. Các loại chất tồn lưu khác <i>Chương này cung cấp các thông tin về các loại chất tồn lưu khác như thuốc trừ sâu, PAH, kim loại nặng.</i> 3.1. Thuốc trừ sâu 3.2. Các loại hóa chất môi trường 3.3. Dioxins và PCBs 3.4. PAH (hydrocarbon đa vòng thơm) 3.5. Kim loại nặng 3.6. Các độc chất sinh học có nguồn gốc từ biển 3.7. Các amine sinh hóa <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1] và [3].</i>	3/0/0
Chương 4. Các phương pháp phân tích xác định tồn lưu thuốc và hóa chất <i>Chương này giảng dạy về các phương pháp phân tích sơ bộ và khẳng định các loại tồn lưu trong thực phẩm.</i> 4.1. Phân tích tồn lưu: phương pháp kiểm tra sơ bộ và khẳng định 4.1.1. Phương pháp kiểm tra sơ bộ: ELISA 4.1.2. Phương pháp kiểm tra khẳng định: GC/MS và LC/MS 4.2. Các phương pháp phân tích kiểm tra kháng sinh 4.3. Thực hành - Phân tích tồn lưu chloramphenicol trên cá bằng phương pháp ELISA. - Phân tích tồn lưu enrofloxacin trên cá bằng phương pháp sắc ký huỳnh quang <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [4] và [5].</i>	5/0/10

5. Chuẩn hóa phương pháp phân tích <i>Chương này sẽ cung cấp cho học viên các kiến thức về chuẩn hóa phương pháp phân tích tồn lưu thuốc và hóa chất trong sản phẩm thủy sản.</i> 5.1. Chuẩn hóa phương pháp phân tích tồn lưu thuốc và hóa chất trong sản phẩm thủy sản theo tiêu chuẩn Châu Âu. 5.2. Chuẩn hóa phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO 17025 <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo tài liệu [6].</i>	3/0/0
6. Các tiêu chuẩn nuôi trồng thủy sản có liên quan đến vệ sinh an toàn thực phẩm thủy sản <i>Chương này giảng dạy các kiến thức về các tiêu chuẩn quốc tế về nuôi trồng thủy sản có liên quan đến vệ sinh an toàn thực phẩm thủy sản.</i> 6.1. GlobalGAP 6.2. BAP/ACC 6.3. PAD/ASC <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [7].</i>	6/0/0

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

5.1. Phương pháp giảng dạy: học phần được giảng dạy kết hợp gồm lý thuyết (25 tiết), thực hành (10 tiết).

5.2. Phương pháp đánh giá: Báo cáo thực hành: 20%, và thi cuối kỳ: 80%.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA HỌC PHẦN

[1] Leon Brimer, 2011. Chemical food safety. CAB International 2011

[2] EC, European Commission. 2010. Commission Regulation (EU) N° 37/2010 of 22 December 2009 on pharmacologically active substances and their classification regarding maximum residue limits in foodstuffs of animal origin. O. J. E. C. L15, 1-72.

[3] Bài báo liên quan đến chương 2.

[4] Handbook of seafood and seafood analysis-CRC-Press-2008.

[5] Bài báo liên quan đến chương 4.

- [6] EC, European Commission. 2002. Commission Decision N° 2002/657/EC. O. J. E. C. 221, 8-36.
- [7] International aquaculture standards such as GlobalGAP, BAP/ACC and PAD/ASC.

Duyệt của đơn vị
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA THỦY SẢN

Ngày 05 tháng 05 năm 2017
Người biên soạn

Trần Minh Phú

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

- 1.1. Tên và mã số học phần: **Sinh học và kỹ thuật nuôi cấy tế bào (TSB604)**
- 1.2. Cấu trúc học phần: 2 TC, 30 tiết (LT: 20; BT:0; TH:20)
- 1.3. Học phần tiên quyết:
- 1.4. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Bệnh học Thủy sản
- 1.5. Thông tin giảng viên:

PGs. Ts. Đặng Thị Hoàng Oanh ; Email: dthoanh@ctu.edu.vn

Ts. Bùi Thị Bích Hằng (Khoa Thủy sản); Email: btbhang@ctu.edu.vn

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp những kiến thức về sinh học của tế bào trong điều kiện môi trường nuôi cấy, nguyên lý và kỹ thuật nuôi cấy tế bào và ứng dụng của kỹ thuật nuôi cấy tế bào trong nghiên cứu bệnh học, sinh học và di truyền ở động vật thủy sản.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Giới thiệu kiến thức đại cương về kỹ thuật nuôi cấy tế bào và các ứng dụng của kỹ thuật này trong nghiên cứu về bệnh học thủy sản. Môn học trang bị kiến thức từ lý thuyết cơ bản đến thao tác thực hành để giúp học viên nắm vững kiến thức và tự tin thao tác những kỹ thuật nuôi cấy tế bào để thực hiện nghiên cứu về bệnh thủy sản.

Về lý thuyết: Học viên nắm được kiến thức về sinh học của tế bào trong điều kiện môi trường nuôi cấy, nguyên lý và kỹ thuật nuôi cấy tế bào và ứng dụng của kỹ thuật nuôi cấy tế bào trong nghiên cứu bệnh học, sinh học và di truyền ở động vật thủy sản.

Về thực hành: Thông qua thực hành kỹ thuật nuôi cấy tế bào, học viên làm quen với các kỹ thuật mới, hiện đại nhằm rèn luyện kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm, biết vận dụng các kỹ thuật tiên tiến vào nghiên cứu bệnh học thủy sản.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
Chương 1. Tổng quan về kỹ thuật tế bào <i>Chương 1 giới thiệu những kiến thức về sự phát triển và những đặc điểm cơ bản về sinh học của tế bào trong điều kiện nuôi cấy, tiềm năng, vai trò và ứng dụng của kỹ thuật tế bào trong đời sống.</i> 1.1 Khái quát về mục tiêu, đối tượng, nhiệm vụ của môn học. 1.2 Những sự kiện lịch sử của sự phát triển kỹ thuật nuôi tế bào 1.3 Những phát triển chủ yếu trong công nghệ nuôi cấy tế bào 1.4 Những đặc điểm cơ bản về sinh học của tế bào trong điều kiện nuôi cấy <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1], [2], [3].</i>	5/0/0
Chương 2. Các kỹ thuật cơ bản trong nuôi cấy tế bào <i>Chương này sẽ giới thiệu cho học viên các kỹ thuật cơ bản trong nuôi cấy tế bào hiện đang được ứng dụng phổ biến trong các nghiên cứu về sinh hóa, di truyền và bệnh học đặc biệt là ở động vật thủy sản.</i> 2.1. Dụng cụ và thiết bị dùng trong nuôi cấy tế bào 2.2. Hóa chất và môi trường dùng trong nuôi cấy tế bào 2.3. Kỹ thuật nuôi cấy tế bào nguyên thủy 2.4. Kỹ thuật nuôi cấy và lưu giữ các dòng tế bào liên tục <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo tài liệu [3], [4], [5].</i>	5/0/10

Chương 3. Ứng dụng kỹ thuật nuôi cấy tế bào trong nghiên cứu sinh lý, sinh hoá và di truyền ở động vật thủy sản <i>Chương này giới thiệu kiến thức về ứng dụng kỹ thuật nuôi cấy tế bào được ứng dụng phổ biến trong nghiên cứu sinh lý, sinh hoá và cứu di truyền ở động vật thủy sản.</i> 3.1. Kỹ thuật nuôi cấy tế bào trong nghiên cứu sinh lý tế bào động vật thủy sản 3.2. Kỹ thuật nuôi cấy tế bào trong nghiên cứu sinh hoá tế bào ở động vật thủy sản 3.3. Kỹ thuật nuôi cấy tế bào trong nghiên cứu di truyền ở động vật thủy sản <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo tài liệu [3], [4], [5].</i>	5/0/5
Chương 4. Ứng dụng kỹ thuật nuôi cấy tế bào trong nghiên cứu bệnh ở động vật thủy sản <i>Chương này giới thiệu kiến thức về ứng dụng kỹ thuật nuôi cấy tế bào được ứng dụng phổ biến trong nghiên cứu bệnh truyền nhiễm ở động vật thủy sản.</i> 4.1. Kỹ thuật nuôi cấy tế bào trong nghiên cứu tương tác giữa các tác nhân gây bệnh và các tế bào 4.2. Kỹ thuật nuôi cấy tế bào trong nghiên cứu tác dụng của thuốc trên các tế bào 4.3. Kỹ thuật nuôi cấy tế bào trong nghiên cứu bệnh virus ở động vật thủy sản <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo tài liệu [3], [4], [5].</i>	5/0/5

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

5.1. Phương pháp giảng dạy: học phần được giảng dạy kết hợp gồm lý thuyết (20 tiết), thực hành (20 tiết); trong quá trình học viên sẽ thuyết trình theo nhóm trước lớp và thảo luận cùng với lớp và giảng viên.

5.2. Phương pháp đánh giá: Thực hành : 30%, và thi cuối kỳ: 70%.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA HỌC PHẦN

- [1] John R. W. Masters (2000). Animal Cell Culture: A Practical Approach. Third Edition. Oxford university press. 336 pages
- [2] Alan Doyle and J. Bryan Griffiths. (1998). Cell and Tissue Culture: Laboratory Procedures in Biotechnology. Wiley. 352 pages.
- [3] Helgason, Cheryl D. and Miller, Cindy L. (2004). [Basic Cell Culture Protocols](#). Springer. 384 pages.
- [4] Summers, M. D. & Smith, G. E. (1987). A Manual of Methods for Baculovirus Vectors and Insect Cell Culture Procedures. Texas Agricultural Experiment Station Bulletin No. 1555.
- [5] Schneider, I. & Blumenthal, A. B., pp. . ase. 399, 166–169. (1978). Drosophila cell and tissue culture. In: Ashburner, M., Wright, T.R.F. (Eds.), The Genetics and Biology of Drosophila. Academic Press, London. 265–315.

Duyệt của đơn vị
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA THỦY SẢN

Ngày 05 tháng 05 năm 2017
Người biên soạn

Đặng Thị Hoàng Oanh

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

- 1.1. Tên và mã số học phần: **MÔ HỌC ĐỘNG VẬT THỦY SẢN (HISTOLOGY OF AQUATIC ANIMALS) (TSB605)**
- 1.2. Cấu trúc học phần: 2 TC, 40 tiết (LT: 20; BT: 0; TH:20)
- 1.3. Học phần tiên quyết:
- 1.4. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt
- 1.5. Thông tin giảng viên:

TS. Phạm Thanh Liêm (Khoa Thủy sản)

Email: ptliem@ctu.edu.vn

ThS. Đặng Thụy Mai Thy (Khoa Thủy sản)

dtmthy@ctu.edu.vn

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần bao gồm các kiến thức chuyên môn về mô học động vật thủy sản và kỹ thuật nghiên cứu mô học. Học viên được giảng dạy lý thuyết về cấu trúc vi thể của các tổ chức mô và cấu trúc của các hệ cơ quan trên các nhóm động vật như cá, giáp xác, thân mềm cũng như kỹ thuật chuẩn bị tiêu bản mô học. Học viên cũng được cung cấp các minh chứng về sự biến đổi trong cấu trúc của các cơ quan dưới tác động của các yếu tố ngoại sinh. Phần thực hành giúp cho sinh viên có cơ hội quan sát trực tiếp các tiêu bản mô học và tìm hiểu các nguyên nhân gây nên sự biến đổi tổ chức mô. Các kiến thức cơ bản của môn học này giúp học viên có thể thực hiện các nghiên cứu trực tiếp về cấu trúc và chức năng của một cơ quan hoặc ứng dụng vào các lĩnh vực nghiên cứu liên quan như mô bệnh học, đánh giá tác động của môi trường lên động vật thủy sản.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Về lý thuyết

Sau khi học xong học phần này, người học sẽ:

- Mô tả được cấu trúc và chức năng của các tổ chức mô cấu tạo nên các hệ cơ quan trên các nhóm động vật thủy sản quan trọng (cá, giáp xác, nhuyễn thể).

- Phân biệt được sự khác nhau về cấu trúc và chức năng giữa (i) các loại mô; (ii) cấu trúc các cơ quan của các nhóm động vật thủy sản; (iii) trạng thái phát triển bình thường và khi có tác động của các yếu tố ngoại sinh.
- Có khả năng chuẩn bị tiêu bản mô phù hợp với yêu cầu chuyên môn; phân tích và trình bày kết quả quan sát trên tiêu bản mô học; giải thích cho các quá trình sinh học hay các biến đổi bất thường về chức năng của tổ chức mô.
- Phát triển và ứng dụng các kiến thức cơ bản về mô học trong các lĩnh vực nghiên cứu khác như dinh dưỡng, sinh sản, bệnh và đánh giá tác động môi trường.

Về thực hành:

- Rèn luyện kỹ năng làm việc cẩn cù, tỉ mỉ trong phòng thí nghiệm; nâng cao kỹ năng tìm kiếm thông tin, ghi nhận số liệu (vẽ hình, chụp ảnh...).
- Phát triển kỹ năng làm việc nhóm; ý thức phối hợp trong công việc, chia sẻ thông tin, kỹ năng phân tích kết quả và viết báo cáo.
- Áp dụng mô học như công cụ lâm sàng trong các lĩnh vực nghiên cứu khác.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
Chương 1. Các loại mô trong cơ thể động vật <i>Chương này giới thiệu cấu trúc vi thể các loại mô trong cơ thể động vật thủy sản. Phần này có 4 tiết thực tập, học viên được xem trực tiếp cấu trúc của các loại mô bằng hình ảnh và xem tiêu bản mô học bằng kính hiển vi.</i> 1.1 Biểu mô 1.2 Mô liên kết 1.3 Mô cơ 1.4 Mô thần kinh 1.5 Mô máu <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [5], [12].</i>	4/0/4
Chương 2. Cấu trúc các hệ cơ quan của động vật thủy sản <i>Chương này sẽ cung cấp cho học viên đặc điểm và cấu trúc mô của</i>	8/0/8

<i>các hệ cơ quan quan trọng của động vật thủy sản ở trạng thái phát triển bình thường như da, cơ quan vận động, cơ quan cảm giác, mang, hệ tiêu hóa, thận, hệ sinh dục, đây là cơ sở quan trọng cho việc ứng dụng mô học trong các lĩnh vực nghiên cứu khác. Học viên có 2 buổi thực tập quan sát tiêu bản các hệ cơ quan của 3 nhóm động vật thủy sản, sau đó mô tả và so sánh sự khác biệt của một hệ cơ quan giữa 3 nhóm.</i> 2.1 Cấu trúc các hệ cơ quan của cá xương 2.2 Cấu trúc các hệ cơ quan của nhuyễn thể 2.3 Cấu trúc các hệ cơ quan của giáp xác <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo tài liệu [1], [2], [4], [7], [10].</i>	
Chương 3. Kỹ thuật làm tiêu bản <i>Chương này sẽ cung cấp cho học viên các kỹ thuật cơ bản trong nghiên cứu mô học và hóa mô trên các đối tượng thủy sản nuôi với các kỹ thuật thu và cố định mẫu, xử lý mẫu, cắt và nhuộm tiêu bản, dán cố định tiêu bản. Học viên cũng được hướng dẫn các kỹ thuật đặc biệt trong thu và cố định mẫu, chọn dung dịch cố định mẫu và nhuộm tiêu bản mô bệnh học, hóa mô học và tiêu bản mô bào. Học viên được thực hành (4 giờ) các thao tác cắt và nhuộm mẫu, dán cố định tiêu bản và đánh giá kết quả thực hiện trong phòng thí nghiệm.</i> 3.1 Kỹ thuật thu và cố định mẫu 3.2 Xử lý mẫu 3.3 Đúc khối 3.4 Cắt và nhuộm tiêu bản 3.5 Kỹ thuật làm tiêu bản mô bào (histocytology) <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [2], [4], [6],</i>	4/0/4

[7].	
Chương 4. Sự biến đổi của cấu trúc mô <i>Chương này học viên được cung cấp các bằng chứng về sự biến đổi cấu trúc mô của các hệ cơ quan do tác động của các yếu tố ngoại sinh như độc tố, tác nhân gây bệnh hay sự thích ứng của sinh vật với môi trường sống. Học viên sẽ thực tập 4 giờ trong phòng thí nghiệm để quan sát tiêu bản cấu trúc mô bệnh học, so sánh với cấu trúc mô bình thường và xác định sự khác biệt. Học viên phải tham khảo tài liệu và thực hiện 1 chuyên đề về sự biến đổi trong cấu trúc mô của một cơ quan do tác động của các yếu tố ngoại sinh sau đó báo cáo chuyên đề theo nhóm 3-5 học viên.</i> 4.1 Thích ứng với môi trường sống 4.2 Ảnh hưởng của độc chất 4.3 Tác động của bệnh <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo tài liệu [3], [7], [8], [9], [10], [11] và các tài liệu xuất bản trên các tạp chí chuyên ngành để thực hiện chuyên đề.</i>	4/0/4

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

- 5.1. Phương pháp giảng dạy:** Là học phần kết hợp gồm lý thuyết (20 tiết), và thực hành (20 tiết). Được giảng dạy bằng phương pháp thuyết trình kết hợp việc trình chiếu hình ảnh, video minh họa cấu trúc mô học của các hệ cơ quan và kỹ thuật thực hiện tiêu bản mô học. Học viên được yêu cầu nắm rõ cấu trúc và sự khác biệt của các loại mô cấu tạo nên các hệ cơ quan trên các nhóm động vật thủy sản thông qua bài giảng trên lớp và phần quan sát trực tiếp trong phòng thí nghiệm. Trong quá trình học, học viên sẽ thực hiện 1 chuyên đề đánh giá sự biến đổi của tổ chức mô do tác động của yếu tố ngoại sinh, viết báo cáo và trình bày theo nhóm (3-5 học viên/nhóm). Có 1 lần kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ để đánh giá kết quả học tập.
- 5.2. Phương pháp đánh giá:** Kiểm tra giữa kỳ: 20%; Thuyết trình chuyên đề: 20%, và Thi cuối kỳ: 60%.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA HỌC PHẦN

- [1] Bell, A.T., and D.V. Lightner, 1988. A handbook of normal Penaeid shrimp histology. World Aquaculture Society, Baton Rouge, Louisiana, 113 p.
- [2] Chinabut, S., C.Limsuwan and P. Kitsawat, 1991. Histology of the walking catfish *Clarias batrachus*. AAHRI, Bangkok, Thailand. 96 p.
- [3] Hadi, A. A. and S. F. Alwan, 2012. Histopathological changes in gills, liver and kidney of fresh water fish, *Tilapia zillii*, exposed to aluminum. Int. J. of Pharm. & Life Sci. (IJPLS), Vol. 3 (11): 2071-2081
- [4] Howard, D. W., E. J. Lewis, B. J. Keller, and C. S. Smith. 2004. Histological techniques for marine bivalve mollusks and crustaceans. NOAA Technical Memorandum NOS NCCOS 5, 218 p.
- [5] Junqueira, L.C., and J. Carneiro, 2003. Basic histology: Text and Atlas, 10th edition. McGraw-Hill Companies, 515 p.
- [6] Kiernan, J.A., 1990. Histological and histochemical methods: Theory and practice, 2nd edition. Pergamon Press, 433 p.
- [7] Mumford, S., J. Heidel, C. Smith, J. Morrison, B. MacConnell, V. Blazer, 2007. Fish Histology and Histopathology. http://nctc.fws.gov/resources/course-resources/fish-histology/Fish_Histology_Manual_v4.pdf
- [8] Oguz, A.R., 2015. Histological changes in the gill epithelium of endemic Lake Van Fish (*Chalcalburnus tarichi*) during migration from alkaline water to freshwater. North-western Journal of Zoology 11 (1): 51-57
- [9] Reddy P.B. and S.S. Rawat, 2013. Assessment of Aquatic Pollution Using Histopathology in Fish as a Protocol. Int. Res. J. Environment Sci., Vol. 2(8): 79-82
- [10] Sharon G., and D. Zilberg, 2012. Atlas of Fish Histology and Histopathology. Funded by JCA Charitable Foundation, Ramat Negev and Centre and Northen. www.moprn.org/moprn2012/fish/fish1.pdf

- [11] Tagrid H. Saber, 2011. Histological adaptation to thermal changes in gills of common carp fishes *Cyprinus carpio* L., Jou. Raf. Sci., Vol. 22 (1): 46- 55
- [12] Trịnh Bình, 2007. Mô – Phôi, phần Mô học. Sách đào tạo Bác sĩ đa khoa. Nhà xuất bản Y Học Hà Nội, 299 trang.

Duyệt của đơn vị
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA THỦY SẢN

Ngày 05 tháng 05 năm 2017
Người biên soạn

Phạm Thanh Liêm

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

- 1.1. Tên và mã số học phần: **QUAN TRẮC SINH HỌC MÔI TRƯỜNG THỦY SẢN (TS645)**
1.2. Cấu trúc học phần: 2TC (LT: 1; TH: 1), 30 tiết (LT: 20; TH: 20)
1.3. Học phần tiên quyết: Không
1.4. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Thủy sinh học ứng dụng
1.5. Thông tin giảng viên:
PGS.TS. VŨ NGỌC ÚT

Email: vnut@ctu.edu.vn

Cán bộ tham gia giảng dạy:

PGS.TS. TRƯƠNG QUỐC PHÚ

Email: tqphu@ctu.edu.vn

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần sẽ cung cấp cho học viên kiến thức về chỉ thị sinh học, quan trắc sinh học, các nhóm sinh vật chỉ thị, các chỉ số và phương pháp sử dụng trong quan trắc sinh học để đánh giá chất lượng nước ở các hệ sinh thái thủy vực. Chi tiết về các nhóm sinh vật chỉ thị, phương pháp thu mẫu, quan trắc cũng sẽ được đề cập trong học phần.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

- Nắm vững kiến thức về quan trắc sinh học, thành phần loài và đặc điểm các nhóm sinh vật chỉ thị môi trường nước
- Nắm vững các chỉ số sinh học và phương pháp sử dụng trong quan trắc và đánh giá chất lượng nước
- Phân tích, đánh giá tính đa dạng sinh vật và chất lượng nước trong thủy vực
- Đề xuất các giải pháp quản lý, bảo vệ, phục hồi các vùng nước có nguy cơ bị ô nhiễm

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
Chương 1: GIỚI THIỆU VỀ QUAN TRẮC SINH HỌC <i>Chương này sẽ cung cấp kiến thức bao gồm các khái niệm về quan trắc sinh học, sinh vật chỉ thị hay chỉ thị sinh học; lịch sử nghiên</i>	5/0/5

<i>cứu và phát triển quan trắc sinh học; các phương pháp sử dụng trong quan trắc sinh học để đánh giá chất lượng môi trường</i> 1.5. Các khái niệm về sinh vật chỉ thị hay chỉ thị sinh học 1.6. Lịch sử nghiên cứu và phát triển quan trắc sinh học 1.7. Vai trò và ý nghĩa của quan trắc sinh học trong đánh giá ô nhiễm 1.8. Ứng dụng quan trắc sinh học trên thế giới và Việt Nam 1.9. Phương pháp thu mẫu trong quan trắc sinh học <i>Để hiểu tốt chương này, học viên nên tham khảo các tài liệu Error!</i> Reference source not found.,[2]	
Chương 2: SINH VẬT CHỈ THỊ SỬ DỤNG TRONG QUAN TRẮC SINH HỌC <i>Chương này sẽ cung cấp những kiến thức về các nhóm thủy sinh vật sử dụng trong quan trắc sinh học, các ưu, nhược điểm khi sử dụng các nhóm sinh vật khác nhau trong quan trắc sinh học</i> 2.1. Thực vật phù du 2.2. Động vật phù du 2.3. Động vật không xương sống cỡ lớn 2.4. Peryphyton 2.5. Cá 2.6. Các ưu, nhược điểm trong sử dụng các nhóm thủy sinh vật <i>Để hiểu tốt chương này, học viên nên tham khảo các tài liệu [2],</i> Error! Reference source not found., Error! Reference source not found..	5/0/5
Chương 3: CÁC CHỈ SỐ QUAN TRẮC SINH HỌC <i>Chương này sẽ cung cấp những kiến thức về các phương pháp và chỉ số sử dụng trong quan trắc sinh học bao gồm các chỉ số đa dạng, chỉ số ô nhiễm, chỉ số ưu thế...</i> 3.1. Tình hình phát triển và ứng dụng các chỉ số sinh học trong quan trắc sinh học 3.1.1. Trên thế giới 3.1.2. Việt Nam 3.2. Các chỉ số quan trắc sinh học 3.2.1. Chỉ số ban đầu xác định ô nhiễm nước	5/0/5

3.2.2. Chỉ số thiếu hụt loài 3.2.3. Chỉ số ô nhiễm 3.2.4. Chỉ số đa dạng 3.2.5. Chỉ số sinh học 3.2.6. Chỉ số dinh dưỡng 3.2.7. Một số chỉ số khác <i>Để hiểu tốt chương này, học viên nên tham khảo các tài liệu</i> Error! Reference source not found., Error! Reference source not found.,.	
Chương 4: PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC SỬ DỤNG ĐỘNG VẬT KHÔNG XƯƠNG SỐNG CỖ LỚN <i>Chương này sẽ cung cấp quy trình đánh giá nhanh chất lượng nước trong quan trắc sinh học dựa vào nhóm động vật không xương sống cỡ lớn</i> 4.1. Các thành tố trong phương pháp đánh giá nhanh 4.2. Phương pháp đánh giá nhanh 4.3. Quy trình đánh giá nhanh đang sử dụng 4.4. Xác định mức độ chính xác của các phương pháp đánh giá nhanh 4.5. Các đặc điểm của một quy trình đánh giá nhanh chính xác <i>Để hiểu tốt chương này, học viên nên tham khảo các tài liệu</i> Error! Reference source not found., Error! Reference source not found.	3/0/5
Chương 5: PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC SINH HỌC VÀ ỨNG DỤNG Ở VÙNG HẠ LƯU SÔNG MEKONG <i>Chương này sẽ cung cấp kiến thức về phương pháp quan trắc sinh học các thủy vực hạ lưu sông Mekong phục vụ cho việc đánh giá chất lượng nước và sức khỏe sinh thái của vùng hạ lưu này</i> 5.1. Các phương pháp thu mẫu 5.2. Các chỉ số sử dụng 5.3. Kết quả quan trắc <i>Để hiểu tốt chương này, học viên nên tham khảo các tài liệu</i> Error! Reference source not found.	2/0/0

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

5.1. Phương pháp giảng dạy:

Giảng trực tiếp trên lớp kết hợp với báo cáo chuyên đề, học viện được giao thực hiện các chuyên đề theo các chủ đề khác nhau và báo cáo trước lớp khi kết thúc phần lý thuyết.

5.2. Phương pháp đánh giá:

Thi giữa kỳ: 20%

Thuyết trình chuyên đề: 30%,

Thi cuối kỳ: 50%.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA HỌC PHẦN

- [1] Knoben, R.A.E., Roos, C. and van Oirschot, M.C.M (1995). Biological assessment methods for watercourse. UN/ECE Task Force on Monitoring & Assessment. RIZA Report Nr. 95.066, 86pp.
- [2] Li Li, Binghui Zheng and Lusan Liu (2010). Biomonitoring and bioindicators used for river ecosystems: Definitions, Approaches and Trends. Procedia Environmental Sciences 2 (2010) 1510–1524.
- [3] Resh, H.V and Jackson, J.K (1993). Rapid assessment approaches to biomonitoring using benthic macroinvertebrates. In: Freshwater biomonitoring and benthic macroinvertebrates (Edited by Rosenberg, D.M and Resh, H.V), Chapman & Hall, Inc, 460pp.
- [4] Barbour, M.T., J. Gerritsen, B.D. Snyder, and J.B. Stribling. (1999). Rapid Bioassessment Protocols for Use in Streams and Wadeable Rivers: Periphyton, Benthic Macroinvertebrates and Fish, Second Edition. EPA 841-B-99-002. U.S. Environmental Protection Agency; Office of Water; Washington, D.C.
- [5] Subramanian, K.A. and Sivaramakrishnan (2007). Aquatic insect for biomonitoring freshwater ecosystem- A methodology manual. Asoka Trust for research in Ecology and Environment, Bangalore, India.
- [6] Le Van Khoa, Nguyen Xuan Quynh, Nguyen Quoc Viet (2007). Environmental bio-indicators. Education publishing house, 279pp.
- [7] MRC (2010). Biomonitoring Methods for the Lower Mekong Basin. Mekong River Commission, Vientiane, 81 pp.

Duyệt của đơn vị
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA THỦY SẢN

Ngày 05 tháng 05 năm 2017
Người biên soạn

Vũ Ngọc Út

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

- 1.1. Tên học phần: **Quy hoạch và quản lý nuôi trồng thủy sản** Mã số: **TS613**
1.2. Trình độ: Thạc sĩ
1.3. Cấu trúc học phần: Số TC: 2 (LT 25; BT: 10; TH: 0)
1.4. Học phần tiên quyết: Không Mã số:.....
1.5. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Quản lý và Kinh tế nghề cá; Khoa: Khoa Thủy sản
1.6. Thông tin giảng viên:

Họ và tên Giảng viên: **Trương Hoàng Minh**

Học hàm, học vị: **PGs. TS.**

Địa chỉ liên hệ: ĐT: 0918.193646;

Email: thminh@ctu.edu.vn

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này sẽ cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về (1) Hiện trạng và triển vọng của nuôi trồng thủy sản (NTTS), lợi ích và những ảnh hưởng bất lợi của NTTS; (2) Quản lý, thiết lập chính sách, quy hoạch và chiến lược phát triển thủy sản; (3) Các nguyên tắc của quy hoạch và quản lý (QH&QL); (4) Tiến trình quy hoạch (QH); và (5) Các công cụ QH&QL.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Mục tiêu học phần: Học viên sau khi học sẽ nắm vững kiến thức về quy hoạch và quản lý NTTS và có khả năng tham gia quy hoạch NTTS.

4. NỘI DUNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
Chương 1. GIỚI THIỆU VỀ QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN THỦY SẢN 1.1. Hiện trạng và triển vọng NTTS 1.2. Nuôi trồng thủy sản Việt Nam và Đồng bằng sông Cửu Long 1.3. Lợi ích và ảnh hưởng bất lợi của NTTS 1.4. Các khái niệm cơ bản trong quy hoạch	3/5/0

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
1.5. Bài tập: Trình bày tổng quan về nuôi cá tra và tôm biển Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu: [1], [2], [3], [5], [6], [8], [10], [11], [15], [16] và [18]	
Chương 2. QUẢN LÝ, THIẾT LẬP CHÍNH SÁCH, QUY HOẠCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỦY SẢN 2.1. Định nghĩa về quản lý 2.2. Các nguyên tắc quản lý tốt 2.3. Tính chất của quản lý tốt 2.4. Định nghĩa về chính sách, chiến lược và quy hoạch, mối liên kết giữa các giai đoạn Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [3]	5/0/0
Chương 3: TIẾP CẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ, KTXH VÀ KHOA HỌC KỸ THUẬT 3.1. Mối tương tác giữa hệ thống KTXH-tự nhiên-quản lý 3.2. Mức độ sản xuất và giá trị kinh tế thủy sản 3.3. Các tiêu chuẩn chứng nhận xuất khẩu thủy sản 3.4. Nuôi thủy sản thân thiện với môi trường 3.5. Đánh giá tác động môi trường 3.6. Phân tích kinh tế xã hội 3.7. Bài tập: tổng quan về các tiêu chuẩn chứng nhận xuất khẩu Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [23], [24], [25]	6/5/0
Chương 4: TIẾN TRÌNH QUY HOẠCH Chương này sẽ cung cấp các kiến thức về:	4/0/0

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
4.1 Tầm quan trọng của QH&QL 4.2 Các giai đoạn chính trong QH&QL 4.3 Tiến trình QH <i>Để hiểu tốt chương này thì học viên nên đọc các tài liệu [3], [5], [10], [15] và [19]</i>	
Chương 5: CÁC CÔNG CỤ QUY HOẠCH VÀ QUẢN LÝ <i>Chương này sẽ cung cấp các kiến thức về:</i> 5.1 Đánh giá nhanh nông thôn (RRA), Đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia cộng đồng (PRA), điều tra kinh tế xã hội (SES) và phân tích mặt mạnh, yếu, cơ hội và mối nguy (SWOT) 5.2 Phân tích thể chế và các bên có liên quan, xác định những mâu thuẫn và giải quyết vấn đề 5.3 Phân vùng nuôi thủy sản 5.4 Viễn thám (RS) và hệ thống thông tin địa lý (GIS) 5.5 Đánh giá tác động môi trường (EIA) 5.6 Các công cụ kinh tế và quản lý-những khuyến khích và ép buộc <i>Để hiểu tốt chương này thì học viên nên đọc các tài liệu [4], [5], [6], [7], [8], [9], [11], [12], [13], [14], [17], [20], [21] và [22]</i>	7/0/0

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

- 5.1. **Phương pháp giảng dạy:** học phần được giảng dạy kết hợp gồm lý thuyết (25 tiết), thực hành (0 tiết), trong quá trình học học viên sẽ làm bài tập và thuyết trình theo nhóm trước lớp (10 tiết).
- 5.2. **Phương pháp đánh giá:** Kiểm tra giữa kỳ: 15% và thi cuối kỳ: 70%, bài tập nhóm: 15%.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA HỌC PHẦN (dùng font size 11)

(liệt kê max = 5 tài liệu quan trọng nhất của học phần), liệt kê giống như viết tài liệu tham khảo của báo cáo khoa học, ví dụ:

1. Barg, U.C. 1992. Guidelines for the promotion of environmental management of coastal aquaculture development. FAO Technical Report No. 328. Rome, FAO. 122 p.
2. Brugere, C., Ridler, N., Haylor, G., Macfadyen, G., Hishamunda, N., 2010. Aquaculture planning: policy formulation and implementation for sustainable development. FAO Fisheries and Aquaculture Technical Paper. No. 542. Rome, FAO. 70 p.
3. Colin E. Nash, 1995. Aquaculture sector planning and management. Cambridge, Mass., USA : Fishing News Books
4. ESCAP, 1985. Environmental impact assessment. Guidelines for planners and decision makers. ESCAP environ. Dev. Ser. (ST/ESCAO/351): 198 p.
5. FAO, 2001. Planning and management for sustainable coastal aquaculture development
6. FAO, 2003. Geography Information Systems in fisheries management and planning. Technical manual, by G. de Graaf, F.J.B. Martin, J. Aguilar-Manjarrez and J. Janssens. FAO Fisheries Technical Report. No. 449. Rome. 162p.
7. FAO, 2009. Environmental impact assessment and monitoring in aquaculture. FAO Fisheries and Aquaculture Technical Report. No. 527. Rome.
8. FAO, 2010. Report of regional workshop and methods for aquaculture policy analysis, Development and Implementation in selected Southeast Asian countries, Bangkok 9-11 December 2009. FAO Fisheries and Aquaculture Report. No. 928. Rome, FAO. 2010. 54p.
9. Gallardo, W.G., Encena, V.C. and Bayona, N.C., 1995. Rapid rural appraisal and participatory research in the Philippines. Community development Journal, 30: 265-275.
10. GESAMP (IMO, FAO, UNESCO, WMO, WHO, IAEA, UN, UNEP Joint group of Experts and Scientific of Marine pollution, 2001. Planning and management for sustainable coastal aquaculture development. Rep. Stud. GESAMP, (68): 90 p.
11. GESAMP (IMO, FAO, UNESCO, WMO, WHO, IAEA, UN, UNEP Joint group of Experts and Scientific of Marine pollution, 1991. Reducing environmental impacts of coastal aquaculture. Rep. Stud. GESAMP, (47): 35 p.
12. GESAMP (IMO, FAO, UNESCO, WMO, WHO, IAEA, UN, UNEP Joint group of Experts and Scientific Aspects of Marine Environmental protection), 1996. Monitoring the ecological effects of coastal aquaculture wastes. Rep. Stud. GESAMP, (57): 38 p.

13. IAIA, 1999. Principles of Environmental Impact Assessment Best Practice.
www.iaia.org/modx/assets/files/document/Principles%20%_web. pdf.
14. IIRI, 1998. Participatory methods in community-base coastal resource management.
3 vols. Institutional Institute Reral Reconstruction, Silang, Cavite, Phillippines.
15. Lewinds, R.J., 2006. Coastal aquaculture and development-planning for
sustainability. Centre for Environment and Society Occasional Paper 2006-4.
University of Essex, UK.
16. Lundgen, R., Stable, D.J., Funge-Smith, S.J. and clausen, J., 2006. Status and
potential fisheries and aquaculture in Asia and the Pacific, 2006. FAO Regional
office for Asia and Pacific. RAP publication 2006/22. 62 pp.
17. Meaden, G.J. and Kapetsky, J.M., 1991. Geography information systems and remote
sensing in inland fisheries and aquaculture. FAO Fisheries Technical Report. No. 318.
Rome, FAO. 262p.
18. Naylor, R.L., Goldburg, R.J., Primavera, J.H., Kuatsky, N., M.C. Beveridge, Clay,
J., Folke, C., Lubchenco, J., Mooney, H., and Troel, M., 2000. Effect of aquaculture
on world fish supplies. Nature 405: 1017-1024.
19. Savaly, S., 2001. Invoving stakeholders in aquaculture policy-making, planning and
management. In: R.P. Subasinghe, B., Bueno, M.J. Phillips, C., Hough, S.E. Mc.,
Graddery and J.R. Arthur, eds. Aquaculture in the Third Milennium. Techniccal
Proceedings on the Conference on Aquaaculture on the Third Milennium, Bangkok,
Thailand, 20-25 Febuary 2000. pp 83-93, NACA, Bangkok and FAO, Rome.
20. Subasinghe, R.P. 2007. Aquaculture: Status and prospects. FAO Aquaculture
Newletters. No. 38, pp 4-6.
21. The state of world fisheries and aquaculture, 2010. <http://www.fao.org/documents>.
22. Wathern, P. 1994. Environmental Impact Assessment: Theory and Practice.
23. Townsley, P., 1996. *Rapid rural appraisal, participatory rural appraisal and
aquaculture*. FAO Fisheries Technical paper No. 358. Rome, FAO. 1996. 109p.
24. FAO, 2009. Environmental impact assessment and monitoring in aquaculture. FAO
Fisheries and Aquaculture Technical Report. No. 527. Rome.
25. Gallardo, W.G., Encena, V.C. and Bayona, N.C., 1995. Rapid rural appraisal and
participatory research in the Phillippines. Community development Journal, 30: 265-
275.

Ngày 05 tháng 05 năm 2017

Người biên soạn

Duyệt của đơn vị
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA THỦY SẢN

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

1.1. Tên và mã số học phần: **Bệnh truyền nhiễm động vật thủy sản nâng cao (TSB606)**

1.2. Cấu trúc học phần: 2 TC, 30 tiết (LT: 20; BT: 0; TH: 20)

1.3. Học phần tiên quyết:

1.4. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Bệnh học thủy sản

1.5. Thông tin giảng viên:

PGs.Ts. Trần Thị Tuyết Hoa

Email: ttthoa@ctu.edu.vn

Ts. Trần Thị Mỹ Duyên

Email: ttmduyen@ctu.edu.vn

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần bao gồm hai phần lý thuyết và thực hành. Trong đó phần lý thuyết cung cấp các thông tin về: (i) các khái niệm, nguyên nhân và điều kiện gây bệnh truyền nhiễm; (ii) các phương pháp xét nghiệm phù hợp cho các dạng bệnh truyền nhiễm; (iii) nguyên tắc cơ bản trong phòng bệnh truyền nhiễm/điều trị bệnh truyền nhiễm; (iv) một số kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến bệnh truyền nhiễm ở đối tượng nuôi chủ lực vùng Đồng bằng Sông Cửu long.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Mục tiêu của môn học là nhằm: (i) nâng cao kiến thức về các bệnh truyền nhiễm thường gặp ở các đối tượng nuôi chính ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long; (ii) tổng hợp và tóm tắt các nghiên cứu đã được thực hiện trong và ngoài nước về các đối tượng đã được giới thiệu; (iii) áp dụng thực hành các phương pháp nghiên cứu bệnh truyền nhiễm bao gồm nghiên cứu vi khuẩn, vi rút.... Từ những kiến thức cơ bản môn học cung cấp, học viên có thể độc lập thực hiện các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong nghiên cứu các bệnh truyền nhiễm trong quần thể động vật thủy sản

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
PHẦN 1. LÝ THUYẾT	
Chương 1. Đại cương về bệnh truyền nhiễm ở động vật thủy sản <i>Chương 1 giới thiệu và giải thích các khái niệm liên quan đến bệnh truyền nhiễm; nguyên nhân và điều kiện gây bệnh truyền nhiễm; và các phương pháp xét nghiệm bệnh phù hợp cho đối tượng nghiên cứu</i> 1.1 Khái quát về mục tiêu, đối tượng, nhiệm vụ của môn học 1.2 Khái niệm bệnh truyền nhiễm 1.3 Nguyên nhân và điều kiện gây bệnh truyền nhiễm 1.4 Xét nghiệm và phát hiện bệnh truyền nhiễm 1.5. Phòng bệnh và điều trị bệnh truyền nhiễm <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1]; [2] và [3]</i>	5/0/0
Chương 2. Bệnh truyền nhiễm ở cá nuôi nước ngọt vùng ĐBSCL <i>Chương 2 tổng hợp và trình bày các thông tin, kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến một bệnh truyền nhiễm phổ biến nhất trên đối tượng nuôi bao gồm: tác nhân, triệu chứng, đặc điểm dịch tễ, phương pháp chẩn đoán và biện pháp phòng chống....</i> 2.1. Bệnh truyền nhiễm ở cá tra và các nghiên cứu ứng dụng 2.2. Bệnh truyền nhiễm ở cá rô phi và các nghiên cứu ứng dụng <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [3] và [4]</i>	5/0/0
Chương 3. Bệnh truyền nhiễm ở cá nuôi nước lợ/mặn vùng ĐBSCL <i>Chương 3 tổng hợp và trình bày các thông tin, kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến một bệnh truyền nhiễm phổ biến nhất trên đối tượng nuôi bao gồm: tác nhân, triệu chứng, đặc điểm</i>	5/0/0

<i>dịch tể, phương pháp chẩn đoán và biện pháp phòng chống....</i>	
3.1. Bệnh truyền nhiễm ở cá chêm và các nghiên cứu ứng dụng 3.2. Bệnh truyền nhiễm ở cá giò và các nghiên cứu ứng dụng <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1]; [3] và [4]</i>	
Chương 4. Bệnh truyền nhiễm ở giáp xác nuôi vùng ĐBSCL <i>Chương 4 tổng hợp và trình bày các thông tin, kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến một bệnh truyền nhiễm phổ biến nhất trên đối tượng nuôi bao gồm: tác nhân, triệu chứng, đặc điểm dịch tể, phương pháp chẩn đoán và biện pháp phòng chống....</i> 4.1. Bệnh truyền nhiễm ở tôm thẻ chân trắng, tôm sú và các nghiên cứu ứng dụng 4.2. Bệnh truyền nhiễm ở tôm càng xanh và các nghiên cứu ứng dụng <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [2] và [4]</i>	5/0/0
PHẦN 2. THỰC HÀNH	
Bài 1-2. Phân lập và định danh vi khuẩn gây bệnh lở loét xuất huyết trên cá điêu hồng	0/0/10
Bài 3-4. Xác định kiểu gen của vi rút gây bệnh đốm trắng trên tôm	0/0/10

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

5.1. Phương pháp giảng dạy: học phần được giảng dạy kết hợp lý thuyết và thực hành bao gồm – (i) Thuyết giảng; Nêu tình huống, giải quyết tình huống; Nêu câu hỏi, thảo luận nhóm qua các bài tập/chuyên đề; trong quá trình học viên sẽ thuyết trình theo nhóm trước lớp và thảo luận cùng với lớp và giảng viên; (ii) Thực hành các phương pháp trong nghiên cứu bệnh do các tác nhân lây nhiễm thường gặp ở các đối tượng nuôi thủy sản.

5.2. Phương pháp đánh giá: Thuyết trình chuyên đề (25%), thực hành (25%) và thi cuối kỳ (50%).

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA HỌC PHẦN

[1] Manual of diagnostic Tests for Aquatic Animals, 2013. <http://www.oie.int>

[2] Lightner D.V, 1996. A Handbook of Pathology and Diagnostic Procedures for

Diseases of Penaeid Shrimp. Special publication of the World Aquaculture Society

[3] Edward J. Noga, 2010. Fish Disease: Diagnosis and Treatment Wiley–Backwell Publishing. Second edition, 519 pages

[4] Melba G. Bondad-Reantaso, 2001. FAO fisheries technical paper 402/2. www.fao.org/docrep/005/Y1679E/Y1679E00.htm

Ngày 4 tháng 5 năm 2017

Duyệt của đơn vị

Người biên soạn

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA THỦY SẢN**

Trần Thị Tuyết Hoa

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

1.1. Tên và mã số học phần: BỆNH NẤM VÀ KÍ SINH TRÙNG Ở ĐỘNG VẬT THỦY SẢN (TSB607)

1.2. Cấu trúc học phần: 2TC (20 tiết LT; 20 tiết TH)

1.3. Học phần tiên quyết: Nguyên lý và kỹ thuật chẩn đoán bệnh Thủy sản

1.4. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Bệnh học Thủy sản

1.5. Thông tin giảng viên:

PGs. Ts. Đặng Thị Hoàng Oanh

Email : pmduc@ctu.edu.vn

NCS. Nguyễn Thị Thu Hằng (Khoa Thủy sản)

Email : ntthang@ctu.edu.vn

NCS. Đặng Thụy Mai Thy (Khoa Thủy sản)

Email: dtmthy@ctu.edu.vn

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học cung cấp những kiến thức chuyên sâu về mầm bệnh nấm và ký sinh trùng gây ra cho động vật thủy sản nuôi trong ao, lồng, bè... Nội dung môn học bao gồm: (i) các bệnh do nấm ở động vật thủy sản (cá, giáp xác và nhuyễn thể), phương pháp chẩn đoán và nghiên cứu bệnh nấm ở động vật thủy sản; và phương pháp phòng trị bệnh do nấm; (ii) khái niệm cơ bản về hình thái, hệ thống phân loại ký sinh trùng và các nguyên lý phòng trị bệnh. Ngoài ra còn cung cấp thông tin về tác nhân gây bệnh, vòng đời, dấu hiệu bệnh lý, phân bố và lan truyền, phương pháp chẩn đoán của một số bệnh do ký sinh trùng gây ra ở động vật thủy sản.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong môn học này, người học sẽ hiểu được mầm bệnh, tác nhân gây bệnh cũng như con đường lây nhiễm và cách thức phòng trị bệnh do nấm và ký sinh trùng ở động vật thủy sản. Người học có thể ứng dụng lý thuyết đã học để phân tích và chẩn đoán nguyên nhân gây bệnh nấm và ký sinh trùng ở ĐVTS. Ngoài ra, người học có khả năng tổ chức và làm việc nhóm; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và nhận định thông tin.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chương	Tiết (LT/TH)
Chương 1: Đại cương về nấm và bệnh nấm ở động vật thủy sản 1.1. Kiến thức cơ bản về vi nấm; 1.2 Bệnh do nấm bậc thấp ở cá 1.3. Bệnh do nấm bậc cao ở cá 1.4. Bệnh do nấm ở giáp xác 1.5. Bệnh do nấm ở nhuyễn thể <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1] và [4]</i>	4/0
Chương 2: phương pháp nghiên cứu bệnh nấm ở động vật thủy sản 2.1. Phương pháp phân lập vi nấm 2.2 Phương pháp xác định hình thái vi nấm 2.3. Phương pháp định danh nấm 2.4: Thực hành: Phương pháp phân lập và định danh vi nấm trên ĐVTS <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1] và [4]..</i>	2/5
Chương 3: Phương pháp phòng và trị bệnh do nấm 3.1. Kiến thức cơ bản về hóa chất và thuốc kháng nấm 3.2. Phương pháp phòng và trị bệnh do nấm bậc thấp 3.3. Phương pháp phòng và trị bệnh do nấm bậc cao. 3.4. Phương pháp khảo sát ảnh hưởng của hóa chất/thuốc kháng nấm đến vi nấm gây bệnh ở ĐVTS 3.5 Thực hành: Phương pháp khảo sát ảnh hưởng của hóa chất đến vi nấm gây bệnh <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1] và [4].</i>	2/5
Chương 4: Ký sinh trùng gây bệnh trên động vật thủy sản, phương pháp chẩn đoán và nghiên cứu 4.1 Kiến thức cơ bản về ký sinh trùng 4.2 Phương thức lây nhiễm, phân bố và vật chủ của ký sinh trùng 4.3 Phương pháp chẩn đoán và nghiên cứu bệnh ký sinh trùng <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1], [3].</i>	2/0
Chương 5: Bệnh nội ký sinh trên động vật thủy sản 5.1 Các tác nhân gây bệnh, cơ quan cảm nhiễm và phổ loài cảm nhiễm 5.2 Dấu hiệu bệnh lý và tác hại và phương pháp chẩn đoán	4/5

5.3 Thực hành: Phương pháp phân tích nội ký sinh trùng và định danh thành phần giống loài ký sinh trùng trên cá/tôm. <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1], [3].</i>	
Chương 6: Bệnh ngoại ký sinh trên động vật thủy sản 6.1 Các tác nhân gây bệnh, cơ quan cảm nhiễm và phổ loài cảm nhiễm 6.2 Dấu hiệu bệnh lý, tác hại và phương pháp chẩn đoán 6.3 Thực hành: Phương pháp phân tích ngoại ký sinh trùng và định danh thành phần giống loài ký sinh trùng trên cá/tôm. <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo tài liệu [1], [2].</i>	4/5
Chương 7: Phương pháp phòng và điều trị bệnh do ký sinh trùng trên động vật thủy sản 7.1 Phương pháp phòng và điều trị bệnh nội ký sinh trùng 7.2 Phương pháp phòng và điều trị bệnh ngoại ký sinh trùng <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo tài liệu [1], [2], [3].</i>	2/0

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

5.1. Phương pháp giảng dạy: học phần được giảng dạy lý thuyết (20 tiết); thực hành (20 tiết)

5.2. Phương pháp đánh giá: Thực hành 30%, thi cuối kỳ: 70%.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA HỌC PHẦN

[1] Nguyễn Thị Thu Hằng và Phạm Minh Đức, 2009. Giáo trình bệnh truyền nhiễm 1 (Nấm và kí sinh trùng ở động vật thủy sản). Khoa Thủy Sản-ĐHCT.

[2] Bùi Quang Tề, 2006. Giáo trình Bệnh truyền nhiễm ở động vật thủy sản - Phần 2. Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I.

[3] Lom, J. and Dykova, I. 1992. *Protozoan parasites of fishes*. Elsevier Science Publishers, Amsterdam, The Netherlands, p. 125-157.

[4] Phạm Minh Đức, Trần Thị Tuyết Hoa và Đặng Thụy Mai Thy, 2015. Vi nấm và phương pháp nghiên cứu vi nấm gây bệnh trên động vật thủy sản. Nhà xuất bản Nông nghiệp. 144 trang.

Ngày 4 tháng 5 năm 2017

Người biên soạn

Duyệt của đơn vị
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA THỦY SẢN

Nguyễn Thị Thu Hằng
 Đặng Thụy Mai Thy

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

- 1.1. Tên và mã số học phần: **Dịch tể học và ứng dụng trong bệnh học thủy sản (TSB608)**
- 1.2. Cấu trúc học phần: 2 TC, 30 tiết (LT: 30; BT: 15; TH: 0)
- 1.3. Học phần tiên quyết:
- 1.4. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Bệnh học thủy sản
- 1.5. Thông tin giảng viên:
PGS.TS. Trần Thị Tuyết Hoa (Khoa Thủy sản) Email: ttthoa@ctu.edu.vn
PGS.TS. Đặng Thị Hoàng Oanh Email: dthoanh@ctu.edu.vn

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp các thông tin liên quan đến: (i) các khái niệm của dịch tể học/dịch tể học phân tử; (ii) các phương pháp tiếp cận của dịch tể học; (iii) dịch bệnh trong quần thể và quá trình phát sinh bệnh động vật thủy sản; (iv) Các biện pháp phòng chống dịch bệnh ở động vật thủy sản ; (v) Ứng dụng phần mềm tin học trong nghiên cứu dịch tể học bệnh thủy sản.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Mục tiêu của môn học là nhằm giúp học viên:

- 3.1. Nâng cao kiến thức về nghiên cứu dịch tể học/dịch tể học phân tử trong bệnh học thủy sản; kiến thức thống kê dùng trong nghiên cứu dịch tể
- 3.2. Thiết kế được các nghiên cứu dịch tể trong việc xác định yếu tố nguy cơ của bệnh ở động vật thủy sản
- 3.3. Phát triển kỹ năng thực hành trong việc phân tích số liệu dịch tể học
- 3.4. Lập kế hoạch cho các nghiên cứu dịch tể trong chương trình phòng chống bệnh ở động vật thủy sản

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
Chương 1. Tổng quan về dịch tể học <i>Chương 1 giới thiệu và tóm tắt cho học viên các khái niệm dịch tể học; các phương pháp nghiên cứu dịch tể học; ứng dụng của các phương pháp này trong nghiên cứu bệnh ở động vật thủy sản</i>	5/0/0

1.1 Khái quát về mục tiêu, đối tượng, nhiệm vụ của môn học. 1.2 Khái niệm dịch tễ học 1.3 Các phương pháp nghiên cứu trong dịch tễ học	
Chương 2. Dịch bệnh trong quần thể và phương thức gây bệnh <i>Chương 2 cung cấp thông tin liên quan đến đối tượng nghiên cứu, các mô hình dịch bệnh trong nuôi động vật thủy sản; phương thức gây bệnh và truyền lây của tác nhân gây bệnh ở động vật thủy sản</i> 2.1. Quần thể trong nghiên cứu dịch tễ 2.2. Các mô hình dịch bệnh 2.3. Quá trình truyền lây	5/0/0
Chương 3. Ứng dụng dịch tễ học trong bệnh học thủy sản <i>Chương 3 giới thiệu phương pháp đo lường đánh giá tần suất và phân bố bệnh, những phương pháp nghiên cứu xác định yếu tố liên quan của bệnh ... góp phần vào việc xác định nguyên nhân bệnh và đề ra phương án phòng chống thích hợp.</i> 3.1 Thiết kế nghiên cứu dịch tễ học 3.2 Đo lường tần suất của dịch bệnh động vật 3.3 Giám sát dịch tễ 3.4 Điều tra ổ dịch	5/5/0
Chương 4. Những vấn đề cơ bản trong nghiên cứu dịch tễ học phân tử <i>Chương 4 giới thiệu về khái niệm, các phương pháp nghiên cứu, các lĩnh vực nghiên cứu của dịch tễ học phân tử trong bệnh học thủy sản</i> 4.1 Khái niệm dịch tễ học phân tử 4.2 Các phương pháp nghiên cứu trong dịch tễ học phân tử 4.3 Dịch tễ học phân tử và ứng dụng trong nghiên cứu bệnh học thủy sản	5/5/0

Chương 5. Các biện pháp phòng chống dịch bệnh ở động vật thủy sản <i>Chương 5 cung cấp thông tin liên quan đến nguyên tắc cơ bản trong phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản; chọn lựa phép xét nghiệm và đánh giá xét nghiệm; các biện pháp trong quản lý dịch bệnh và xử lý dịch bệnh ở động vật thủy sản</i> 5.1. Nguyên tắc cơ bản 5.2. Xét nghiệm và đánh giá xét nghiệm 5.3. Phương thức lây nhiễm và quản lý dịch bệnh 5.4. Các biện pháp thực hiện trong điều kiện xảy ra dịch bệnh	5/0/0
Chương 6. Ứng dụng phần mềm tin học trong nghiên cứu dịch tễ học bệnh thủy sản <i>Chương 6 giới thiệu về các phần mềm tin học; áp dụng xử lý số liệu; và đánh giá số liệu dịch tễ học thu được trong các nghiên cứu dịch tễ học của bệnh thủy sản</i> 6.1. Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng phần mềm 6.2. Ứng dụng phần mềm tin học trong xử lý và đánh giá số liệu của các nghiên cứu dịch tễ học bệnh thủy sản	5/5/0

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

Phương pháp giảng dạy: học phần được giảng dạy kết hợp gồm - Thuyết giảng; Nêu bài tập/tình huống, giải quyết tình huống; Nêu câu hỏi/bài tập, thảo luận nhóm qua các bài tập/chuyên đề; trong quá trình học viên sẽ thuyết trình theo nhóm trước lớp và thảo luận cùng với lớp và giảng viên.

5.1. Phương pháp đánh giá: Thuyết trình chuyên đề: 25%, bài tập xử lý số liệu dịch tễ: 25% và thi cuối kỳ: 50%.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA HỌC PHẦN

[1] Martin SW, Meek AH, Willeberg P, 1986. Veterinary epidemiology. Principles and methods. IOWA State University Press / Ames, Iowa, USA.

[2] Michael Thrusfield, 2007. Veterinary epidemiology, 626 p.

[3] Manual of diagnostic Tests for Aquatic Animals, 2013. <http://www.oie.int>

- [4] Ronald D. Smith, 2006. Veterinary clinical epidemiology, CRC, Taylor & Francis, Third edition, 765 p.
- [5] Edward J. Noga, 2010. Fish Disease: Diagnosis and Treatment Wiley–Backwell Publishing. Second edition, 519 pages
- [6] Melba G. Bondad-Reantaso, 2001. FAO fisheries technical paper 402/2.
www.fao.org/docrep/005/Y1679E/Y1679E00.htm

Duyệt của đơn vị
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA THỦY SẢN

Ngày 05 tháng 05 năm 2017
Người biên soạn

Trần Thị Tuyết Hoa

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

- 1.1. Tên và mã số học phần: **BỆNH LÝ & SINH LÝ BỆNH THỦY SẢN (TSB609)**
- 1.2. Cấu trúc học phần: 2 TC (LT: 1; BT: 0; TH:1), 30 tiết (LT: 20; BT: 0; TH:20)
- 1.3. Học phần tiên quyết:
- 1.4. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Bệnh học Thủy sản
- 1.5. Thông tin giảng viên:
PGS.TS. Từ Thanh Dung (Khoa Thủy sản)

Email: ttdung@ctu.edu.vn

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Là một môn học tổng hợp để làm sáng tỏ và giải thích các cơ chế bệnh lý. Bệnh lý và Sinh lý bệnh Thủy sản vận dụng kiến thức của nhiều môn khoa học khác như Di truyền, Miễn dịch, Giải phẫu, Mô học động vật thủy sản, Hóa sinh, Dược lý học thú y - thủy sản. Môn Bệnh lý và Sinh lý bệnh Thủy sản được coi là cơ sở của các môn lâm sàng như: Chẩn đoán và phòng trị bệnh thủy sản. Học xong học phần này, học viên có thể rút ra những qui luật từ riêng rẽ, đến chung nhất của bệnh nhằm tìm ra phương hướng tốt nhất trong công việc chẩn đoán và phòng bệnh học để áp dụng vào thực tế quản lý, chăm sóc sức khỏe ĐVTS.

MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Cung cấp cho học viên những kiến thức về các qui luật chi phối sự hoạt động của cơ thể, cơ quan, mô và tế bào khi vật nuôi bị bệnh. Đồng thời, giải thích cơ chế của bệnh và các hiện tượng bệnh nói chung nhằm ứng dụng vào công tác chẩn đoán và phòng trị bệnh cho ĐVTS có hiệu quả.

Về lý thuyết:

- Bệnh lý học sẽ cung cấp cho học viên nắm được quá trình diễn biến bốn yếu tố của bệnh: nguyên nhân, cơ chế hình thành (bệnh sinh), sự thay đổi cấu trúc các tế bào (thay đổi về hình thái học) và hậu quả của những thay đổi này (triệu chứng lâm sàng)
- Trong khi đó, sinh lý bệnh học sẽ cung cấp cho người học kiến thức về cơ chế phát sinh, phát triển và kết thúc của bệnh; tức là nghiên cứu những thay đổi của cơ thể bị bệnh trong quá trình bệnh lý điển hình. và cuối cùng để tìm hiểu những quy luật hoạt động của bệnh nói chung.

Về thực hành:

- Thông qua phần thực hành của học phần, giúp cho học viên hiểu rõ các qui luật chi phối sự hoạt động của cơ thể, cơ quan, mô và tế bào khi vật nuôi bị bệnh. giải thích cơ chế của bệnh và các hiện tượng bệnh nói chung. Từ các thực nghiệm thích hợp để chứng minh cho sự phù hợp giữa thực tế lâm sàng và giả thuyết đã nêu; từ đó rút ra được những quy luật chung nhất của bệnh lý và cuối cùng là ứng dụng rộng rãi và có hiệu quả trong thực tế đối với công tác phòng bệnh và điều trị.

3. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
Chương 1. Bệnh lý học <i>Chương này chủ yếu giới thiệu những quan niệm mới về bệnh lý, quá trình và trạng thái bệnh lý và giới thiệu các thời kỳ phát triển của một bệnh. Chương này có 6 tiết thực hành giải phẫu bệnh trên ĐVTS (cá, tôm). Quan sát đại thể và vi thể nhằm ghi nhận diễn biến thay đổi cấu trúc các tế bào (thay đổi về hình thái học) và hậu quả những thay đổi này (triệu chứng lâm sàng): Vị trí cư trú tác nhân gây bệnh/mức độ nặng nhẹ/diễn biến của bệnh.</i> 1.1 Tổng quan tình hình nghiên cứu bệnh học trong thủy sản trong nước và trên thế giới. 1.2 Quan niệm mới về bệnh lý hiện nay và các thuật ngữ liên quan 1.3 Quá trình bệnh lý và trạng thái bệnh lý 1.4 Các thời kỳ của một bệnh <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [2], [4], [6].</i>	5/0/6
Chương 2. Sinh lý bệnh học và sinh lý bệnh thủy sản <i>Chương này sẽ giúp cho học viên hiểu rõ về bệnh nguyên và bệnh sinh từ đó sẽ thấy được vai trò và ảnh hưởng của bệnh nguyên trong quá trình bệnh sinh, là cơ sở khoa học để chẩn đoán và phòng trị bệnh cho ĐVTS có hiệu quả. Chương này có 7 tiết thực nghiệm khoa học được xây dựng các mô hình thực nghiệm trên ĐVTS (cá, tôm...) từ những</i>	5/0/7

<i>quan sát lâm sàng (Mẫu bệnh ngoài tự nhiên hoặc gây cảm nhiễm nhân tạo) để chứng minh cho các giả thuyết đề ra.</i> 2.1 Các quan niệm khác nhau về bệnh nguyên (Pathogenicity) 2.2 Xếp loại các nguyên nhân gây bệnh trong ĐVTS 2.3 Các quan niệm khác nhau về bệnh sinh (Pathogenesis) 2.4 Phân biệt bệnh nguyên và bệnh sinh 2.5 Vai trò và ảnh hưởng của bệnh nguyên trong quá trình bệnh sinh 2.6 Ảnh hưởng của cơ thể tới quá trình bệnh sinh 2.7 Điều trị triệu chứng, điều trị theo cơ chế bệnh sinh và điều trị nguyên nhân 2.8 Diễn biến và kết thúc của bệnh nói chung <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo tài liệu [2], [3], [5], [6], [7].</i>	
Chương 3. Sinh lý bệnh cơ quan trong ĐVTS <i>Chương này sẽ cung cấp cho học viên về sinh lý bệnh từng cơ quan trong ĐVTS để hiểu rõ sự thay đổi của cơ thể bị bệnh trong quá trình bệnh lý điển hình và cuối cùng để tìm hiểu những quy luật hoạt động của bệnh nói chung. Chương này có 7 tiết thực nghiệm có thể tiến hành trên từng tổ chức, từng cơ quan cô lập trên ĐVTS (cá, tôm...) bình thường; hoặc phối hợp với nhau và tiến hành trên cơ thể sống (in vivo) hoặc trong ống nghiệm (in vitro).</i> 3.1 Sinh lý bệnh hệ thống tuần hoàn 3.2 Rối loạn hệ thống tiêu hóa (rối loạn chuyển hóa glucid, Protid, lipid) 3.3 Sinh lý bệnh chức năng hô hấp 3.4. Sinh lý bệnh tạo máu 3.5 Sinh lý bệnh quá trình viêm 3.6 Sinh lý bệnh hoạt động tế bào 3.7 Sinh lý bệnh chức năng gan	6/0/7

3.8 Sinh lý bệnh chức năng thận 3.9 Sinh lý bệnh chức năng nội tiết <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1], [3], [4], [5], [7].</i>	
Chương 4. Miễn dịch học trong bệnh lý <i>Chương này chủ yếu giới thiệu về miễn dịch học trong bệnh lý, diễn hình các bệnh nhiễm khuẩn, vi-rút, ký sinh trùng và bệnh lý chống u bứu (Ung thư) trên cá xương</i> 4.1 Miễn dịch trong nhiễm vi khuẩn 4.2 Miễn dịch trong nhiễm vi-rút 4.3 Miễn dịch trong nhiễm ký sinh trùng 4.4 Miễn dịch trong nhiễm chống u bứu (Ung thư) trên cá xương 4.5. Điều trị miễn dịch <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo tài liệu [1], [6], [7].</i>	4/0/0

4. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

- 4.1. Phương pháp giảng dạy:** học phần được giảng dạy kết hợp gồm lý thuyết (20 tiết), thực hành (20 tiết); trong quá trình học viên sẽ thuyết trình theo nhóm trước lớp và thảo luận cùng với lớp và giảng viên.
- 4.2. Phương pháp đánh giá:** Thuyết trình chuyên đề: 40%, và thi cuối kỳ: 60%.

5. TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA HỌC PHẦN

- [1] Dung T. T., Chiers K., Tuan N. A., Sorgeloos P., Haesebrouck F., Decostere A., 2012. Early interactions of *Edwardsiella ictaluri* with Pangasianodon catfish and its invasive ability in cell lines. Veterinary Research Communications 36: 119-127.
- [2] Đỗ Thị Hoà, Bùi Quang Tề, Nguyễn Hữu Dũng, 2004. Giáo trình Bệnh học Thủy sản. Nhà xuất bản Nông nghiệp. 423 trang.
- [3] Đỗ Thị Thanh Hương và Nguyễn Văn Tư 2010. Một số vấn đề về sinh lý cá và giáp xác. Nhà xuất bản Nông nghiệp. 152 trang.

- [4] Nguyễn Ngọc Lanh, Văn Đình Hoa, Phan Thị Thu Anh và Trần Thị Chinh, 2002. Sinh lý bệnh học. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội. 452 trang.
- [5] Từ Thanh Dung, 2010. Nghiên cứu về huyết học cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*) bệnh trắng gan trắng mang. Tạp chí Khoa học - Đại học Cần Thơ, (15b): 81-90.
- [6] Từ Thanh Dung, Đặng Thị Hoàng Oanh, Trần Thị Tuyết Hoa 2009. Giáo trình Bệnh học Thủy sản, 142 trang.
- [7] Văn Đình Hoa và Nguyễn Ngọc Lanh, 2007. Sinh lý bệnh và miễn dịch. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội. 159 trang.

Duyệt của đơn vị
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA THỦY SẢN

Ngày 05 tháng 05 năm 2017
Người biên soạn

Từ Thanh Dung

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

- 1.1. Tên và mã số học phần: **CHẨN ĐOÁN VÀ PHÒNG TRỊ BỆNH THỦY SẢN (TSB610)**
- 1.2. Cấu trúc học phần: 2 TC, 30 tiết (LT: 20; BT:0; TH:20)
- 1.3. Học phần tiên quyết:
- 1.4. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Bệnh học Thủy sản
- 1.5. Thông tin giảng viên:
PGs. Ts. Đặng Thị Hoàng Oanh (Khoa Thủy sản);
Email: dthoanh@ctu.edu.vn
Ths. Nguyễn Thị Thu Hằng (Khoa Thủy sản);
Email: ntthang@ctu.edu.vn
Ths. Đặng Thụy Mai Thy (Khoa Thủy sản);
Email: dtmthy@ctu.edu.vn

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và nâng cao trong chẩn đoán những bệnh quan trọng ở động vật thủy sản và một số kỹ thuật chẩn đoán được ứng dụng phổ biến hiện nay. Đồng thời học phần cũng cung cấp những kiến thức về các biện pháp phòng trị bệnh ở những đối tượng nuôi thủy sản có giá trị kinh tế cao.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Giới thiệu kiến thức cơ bản và nâng cao trong chẩn đoán, phòng trị bệnh thủy sản nói chung và bệnh ở một số đối tượng thủy sản chủ lực nuôi ở Việt Nam nói riêng. Môn học trang bị kiến thức từ lý thuyết cơ bản đến thao tác thực hành để giúp học viên nắm vững kiến thức và tự tin thao tác những kỹ thuật chẩn đoán và phòng trị bệnh thủy sản.

Về lý thuyết: cơ bản và nâng cao trong chẩn đoán, phòng trị bệnh thủy sản nói chung và bệnh ở một số đối tượng thủy sản chủ lực nuôi ở Việt Nam nói riêng như cá tra, cá điêu hồng/rô phi, cá lóc, cá kèo, tôm càng xanh, tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá bớp, cá chêm.

Về thực hành: Thông qua thực hành kỹ thuật chẩn đoán bệnh thủy sản, học viên làm quen với các kỹ thuật mới, hiện đại và thông dụng nhằm rèn luyện kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm, biết vận dụng các kỹ thuật tiên tiến vào nghiên cứu bệnh học thủy sản.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
Chương 1. Nguyên lý cơ bản trong chẩn đoán bệnh thủy sản <i>Chương 1 giới thiệu những nguyên lý và nguyên tắc cơ bản trong chẩn đoán bệnh thủy sản. Đồng thời giới thiệu khái quát về những phương pháp thông dụng trong chẩn đoán bệnh ở thủy sản hiện nay.</i> 1.1 Các nguyên lý và nguyên tắc cơ bản trong chẩn đoán bệnh thủy sản. 1.2 Vai trò của chẩn đoán trong quản lý dịch bệnh ở thủy sản 1.3 Các mức độ trong chẩn đoán bệnh ở thủy sản 1.4 Phân nhóm kỹ thuật chẩn đoán bệnh ở thủy sản <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1], [2], [3].</i>	3/0/0
Chương 2. Các kỹ thuật cơ bản trong chẩn đoán bệnh thủy sản <i>Chương này sẽ giới thiệu cho học viên các kỹ thuật cơ bản hiện đang được ứng dụng phổ biến trong chẩn đoán bệnh ở động vật thủy sản.</i> 2.1. Quan sát dấu hiệu bệnh, giải phẫu mẫu tươi và mô bệnh học 2.2. Kỹ thuật miễn dịch 2.3. Kỹ thuật phân tử <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo tài liệu [3] [4], [5], [6]</i>	6/0/10
Chương 3. Một số nguyên tắc cơ bản trong phòng trị bệnh thủy sản <i>Chương này giới thiệu những nguyên tắc cơ bản trong phòng trị bệnh thủy sản. Đồng thời giới thiệu một số qui trình phòng trị bệnh hiệu quả đang được áp dụng trong nuôi thâm canh một số đối tượng thủy sản chủ lực.</i> 3.1. Các nguyên tắc cơ bản trong phòng bệnh ở động vật thủy sản. 3.2. Các nguyên tắc cơ bản trong điều trị bệnh ở động vật thủy sản. 3.3. Sử dụng thuốc và hóa chất trong phòng và trị bệnh ở động vật thủy sản. <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo tài liệu [3], [4],[5], [6] .</i>	3/0/0
Chương 4. Một số bệnh thường gặp ở động vật thủy sản và biện pháp phòng trị <i>Chương này giới thiệu kiến thức về chẩn đoán và phòng trị bệnh ở</i>	8/0/10

<i>một số đối tượng nuôi thủy sản chủ lực ở Việt Nam.</i> 4.1. Một số bệnh thường gặp ở cá tra và biện pháp phòng trị 4.2. Một số bệnh thường gặp ở cá điêu hồng/rô phi và biện pháp phòng trị 4.3. Một số bệnh thường gặp ở tôm và biện pháp phòng trị 4.4. Một số bệnh thường gặp ở cá biển và biện pháp phòng trị 4.5. Một số bệnh thường gặp ở một số loài cá nước ngọt và biện pháp phòng trị 4.6. Một số qui trình phòng trị bệnh hiệu quả đang được áp dụng trong nuôi thâm canh một số đối tượng thủy sản chủ lực. <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo tài liệu [3],[4], [5], [6]</i>	
---	--

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

5.1. Phương pháp giảng dạy: học phần được giảng dạy kết hợp gồm lý thuyết (30 tiết), thực hành (30 tiết); trong quá trình học viên sẽ thuyết trình theo nhóm trước lớp và thảo luận cùng với lớp và giảng viên.

5.2. Phương pháp đánh giá: Thực hành : 30%, và thi cuối kỳ: 70%.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA HỌC PHẦN

- 1 Giáo trình Nguyên lý và kỹ thuật chẩn đoán bệnh thủy sản. Nhà xuất bản Nông nghiệp. Đặng Thị Hoàng Oanh (2011).
- 2 Từ Thanh Dung, Đặng Thị Hoàng Oanh và Trần Thị Tuyết Hoa. (2005). Giáo trình bệnh học thủy sản. Đại học Cần Thơ.
- 3 FAO Asia Diagnostic guide for aquatic animal disease. fisheries technical paper 402/2.
- 4 Lightner, D. V. (1996). A Handbook of shrimp Pathology and Diagnostic Procedures for Diseases of Cultured Penaeid Shrimp.
- 5 Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Thanh Phương, Đặng Thị Hoàng Oanh và Trần Ngọc Hải. (2002). Quản lý sức khỏe tôm trong ao nuôi. NXB. Nông Nghiệp
- 6 Edward J. Noga.(2010). Fish Disease: Diagnosis and Treatment. Nhà xuất bản Wiley-Blackwell.

Ngày 05 tháng 05 năm 2017

Duyệt của đơn vị

Người biên soạn

TL. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA THỦY SẢN

Đặng Thị Hoàng Oanh

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

- 1.1. Tên học phần: **Miễn dịch học nâng cao**. Mã số: **TS621**
- 1.2. Trình độ: Cao học.
- 1.3. Cấu trúc học phần: Số TC: 2 (LT: 2; BT: 0; TH: 0)
- 1.4. Học phần tiên quyết: Miễn dịch học thủy sản đại cương. Mã số: TS198.
- 1.5. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bệnh học Thủy sản; Khoa: Thủy sản.
- 1.6. Thông tin giảng viên:

Họ và tên Giảng viên: Bùi Thị Bích Hằng

Học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: ĐT: 0942335960. Email: btbhang@ctu.edu.vn.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần sơ lược lại kiến thức đại cương về miễn dịch học cơ bản và hệ miễn dịch của Động vật thủy sản (ĐVTS) mà một số học viên đã được tiếp cận ở chương trình đại học, đồng thời cũng cung cấp thêm các kiến thức chuyên sâu về cơ chế đáp ứng miễn dịch ở ĐVTS. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu một số phương pháp ứng dụng miễn dịch thông dụng trong nuôi thủy sản. Môn học còn lý giải các nguyên lý hoạt động của chất kích thích miễn dịch, vaccin đối với ĐVTS nhằm giúp người học ứng dụng hiệu quả chất kích thích miễn dịch và vaccine trong nuôi thủy sản thương phẩm. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu các kỹ thuật liên quan đến miễn dịch đã được ứng dụng trong chẩn đoán bệnh và làm rõ các cơ chế hoạt động của từng kỹ thuật.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Sau khi hoàn thành học phần, người học có khả năng thông hiểu, thảo luận các chủ đề về ứng dụng miễn dịch trong nuôi trồng thủy sản cũng như trong chẩn đoán bệnh thủy sản. Người học có thể ứng dụng kỹ thuật miễn dịch cho các nghiên cứu hoặc các mô hình nuôi thủy sản thực tế.

4. NỘI DUNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình bày các chương, mục trong chương và nội dung khái quát. Trong từng chương ghi số tiết giảng lý thuyết, bài tập, thực hành (hoặc thí nghiệm, thảo luận). Đề học viên có thể tự học được, cần chỉ rõ để học chương này cần phải đọc những tài liệu tham khảo nào, ở đâu.

NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
Chương 1. Giới thiệu tổng quan về miễn dịch học <i>Chương này tập trung giới thiệu những khái niệm cơ bản về miễn dịch học.</i> 1.1. Một số khái niệm về miễn dịch học 1.2. Hệ miễn dịch không đặc hiệu 1.3. Hệ miễn dịch đặc hiệu <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1].</i>	5/0/0
Chương 2: Hệ miễn dịch Động vật thủy sản (ĐVTS) <i>Chương này tập trung giới thiệu hệ miễn dịch của động vật thủy sản</i> 2.1. Hệ miễn dịch ở giáp xác 2.2. Hệ miễn dịch ở các loài cá xương <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [2].</i>	5/0/0
Chương 3: Miễn dịch chống vi sinh vật <i>Chương này tập trung giới thiệu các cơ chế đáp ứng miễn dịch chống vi sinh vật của động vật thủy sản</i> 3.1. Cơ chế đáp ứng miễn dịch chống ký sinh trùng 3.2. Cơ chế đáp ứng miễn dịch chống nấm 3.1. Cơ chế đáp ứng miễn dịch chống vi khuẩn 3.2. Cơ chế đáp ứng miễn dịch chống virus <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [3], [4].</i>	5/0/0

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
Chương 4: Sử dụng chất kích thích miễn dịch trong nuôi trồng thủy sản <i>Chương này tập trung giới thiệu chất kích thích miễn dịch trong nuôi trồng thủy sản</i> 3.1. Giới thiệu các chất kích thích miễn dịch 3.2. Cơ chế tác dụng của chất kích thích miễn dịch lên ĐVTS 3.3. Một số nghiên cứu sử dụng chất kích thích miễn dịch trong nuôi trồng thủy sản <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [2], [3], [4].</i>	5/0/0
Chương 5: Sử dụng vaccine trong nuôi trồng thủy sản <i>Chương này tập trung giới thiệu ứng dụng vaccine trong nuôi trồng thủy sản</i> 4.1. Một số khái niệm về vaccine 4.2. Công nghệ sản xuất vaccine 4.3. Phương pháp sử dụng vaccine trong NTTS 4.4. Tiêu chuẩn đánh giá vaccine 4.4. Một số thành tựu và hạn chế của việc sử dụng vaccine <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [2], [5].</i>	5/0/0
Chương 6: Các kỹ thuật miễn dịch sử dụng trong chẩn đoán bệnh thủy sản <i>Chương này tập trung giới thiệu các kỹ thuật miễn dịch sử dụng trong chẩn đoán bệnh thủy sản</i> 5.1. Một số khái niệm cơ bản 5.2. Kháng nguyên và kháng thể 5.3. Nguyên lý chẩn đoán bệnh trên cơ sở ứng dụng kỹ thuật miễn dịch 5.4. Các kỹ thuật miễn dịch trong chẩn đoán bệnh TS: KT ngưng kết,	5/0/0

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
KT western blot, kỹ thuật hóa mô miễn dịch, kỹ thuật ELISA, ... <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo tài liệu [2], [3], [4].</i>	

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

- 5.1. **Phương pháp giảng dạy:** học phần được giảng dạy gồm lý thuyết (30 *tiết*), trong quá trình học học viên sẽ làm bài tập và thuyết trình theo nhóm trước lớp theo các chủ đề liên quan đến miễn dịch.
- 5.2. **Phương pháp đánh giá:** Kiểm tra giữa kỳ, bài tập nhóm: 40% và thi cuối kỳ: 60%.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA HỌC PHẦN (*dùng font size 11*)

- [1] Vũ Triệu An và Jean Claude Homberg, 2001. Miễn dịch học. Nhà xuất bản y học Hà Nội.
- [2] Đặng Thị Hoàng Oanh, Đoàn Nhật Phương, 2007. Giáo trình miễn dịch học động vật thủy sản. Trường Đại học Cần Thơ.
- [3] Charles A. Janeway, Jr., Travers P., Walport M., Shlomchik, M.J., 2001. Immunobiology 5. Garland Publishing.
- [4] Zaccane G., Meseguer J., Gacia-Ayala A., Kapoor B.G., 2009. Fish defenses, vol. 1: Immunology. CRC Press, ISBN 9781578083275.
- [5] Roar Gudding, Atle Lillehaug, Øystein Evensen, 2014. Fish vaccination. Wiley Blackwell Publishing.

Ngày 05 tháng 05 năm 2017

Người biên soạn

Duyệt của đơn vị
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA THỦY SẢN

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

- 1.1. Tên và mã số học phần: **Công nghệ sinh học ứng dụng trong bệnh học thủy sản (TSB611)**
- 1.2. Cấu trúc học phần: 2 TC, 30 tiết (LT: 15; BT:5; TH:20)
- 1.3. Học phần tiên quyết:
- 1.4. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Bệnh học Thủy sản
- 1.5. Thông tin giảng viên:

Ts. Bùi Thị Bích Hằng (Khoa Thủy sản)

Email: btbhang@ctu.edu.vn

TS. Trần Thị Mỹ Duyên

Email : ttmduyen@ctu.edu.vn

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cung cấp những kiến thức đại cương về công nghệ sinh học, đồng thời giới thiệu vai trò và vị trí của công nghệ sinh học ứng dụng trong đời sống. Môn học còn cung cấp các kỹ thuật công nghệ sinh học hiện đại đã và đang được ứng dụng phổ biến trong chẩn đoán, phòng và quản lý dịch bệnh thủy sản ở Việt Nam và thế giới.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Giới thiệu kiến thức cơ bản về các kỹ thuật công nghệ sinh học cơ bản, hiện đại và các ứng dụng kỹ thuật công nghệ này trong bệnh học thủy sản. Môn học trang bị kiến thức từ cơ bản đến ứng dụng để giúp học viên nắm vững kiến thức và tự tin ứng dụng công nghệ sinh học vào lĩnh vực nghiên cứu.

Về lý thuyết: Học viên nắm được vai trò của công nghệ sinh học trong chẩn đoán, quản lý bệnh thủy sản trên thế giới và Việt Nam. Học viên nắm được kiến thức quan trọng về kỹ thuật công nghệ sinh học cơ bản, hiện đại để ứng dụng nghiên cứu trong chẩn đoán bệnh, đề xuất các giải pháp thích hợp trong quản lý dịch bệnh thủy sản.

Về thực hành: Thông qua thực hành ứng dụng kỹ thuật công nghệ sinh học trong chẩn đoán bệnh thủy sản, học viên làm quen với các kỹ thuật mới, hiện đại giúp các học viên nâng cao kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm, biết vận dụng các kỹ thuật tiên tiến vào lĩnh vực nghiên cứu.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
Chương 1. Đại cương về công nghệ sinh học <i>Chương này tập trung giới thiệu những khái niệm cơ bản, tiềm năng vai trò và ứng dụng của công nghệ sinh học trong đời sống. Chương này có 1 tiết để học viên tìm hiểu, tổng hợp thông tin về vai trò và ứng dụng của công nghệ sinh học trong thủy sản</i> 1.1 Khái quát về mục tiêu, đối tượng, nhiệm vụ của môn học. 1.2 Tổng quan về lịch sử phát triển, lĩnh vực nghiên cứu và vị trí của công nghệ sinh học trong đời sống ở Việt Nam và thế giới 1.3 Một số khía cạnh về kinh tế, khoa học của công nghệ sinh học hiện đại <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1], [2], [3].</i>	4/1/0
Chương 2. Các kỹ thuật cơ bản trong công nghệ sinh học hiện đại <i>Chương này sẽ cung cấp cho học viên các kỹ thuật công nghệ sinh học cơ bản, hiện đại hiện đang được ứng dụng phổ biến trong các nghiên cứu y sinh học. Chương này có 1 tiết chuyên đề, 5 tiết thực hành cho học viên nắm vững các kỹ thuật nghiên cứu.</i> 2.1. Công nghệ tái tổ hợp ADN 2.2. Công nghệ protein	4/1/5

2.3. Công nghệ tế bào <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo tài liệu [4], [5], [6].</i>	
Chương 3. Ứng dụng công nghệ sinh học trong chẩn đoán bệnh thủy sản <i>Chương này sẽ cung cấp cho học viên về các kỹ thuật công nghệ sinh học được ứng dụng phổ biến trong nghiên cứu chẩn đoán bệnh thủy sản. Chương này có 1 tiết chuyên đề, 10 tiết thực hành giúp học viên hiểu rõ và nắm vững các kỹ thuật hiện đại.</i> 3.1. Kỹ thuật ly trích ADN và phương pháp Northern blot 3.2. Kỹ thuật ly trích ARN và phương pháp Southern blot 3.3. Kỹ thuật SDS-PAGE và phương pháp Western blot 3.4. Kỹ thuật hóa mô miễn dịch. 3.5. Kỹ thuật lai insitu. <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [6].</i>	4/1/10
Chương 4. Ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng trị và quản lý dịch bệnh thủy sản <i>Chương này giảng dạy về một số kỹ thuật công nghệ sinh học được ứng dụng trong việc phòng và quản lý dịch bệnh thủy sản. Chương này có 1 tiết chuyên đề cho học viên tổng hợp thông tin liên quan đến nội dung học; 5 tiết thực hành cho học viên nắm vững các kỹ thuật công nghệ tiên tiến.</i> 4.1. Công nghệ sản xuất vaccine 4.2. Công nghệ chuyển gen <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo tài liệu [7], [8], [9].</i>	4/1/5

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

5.1. Phương pháp giảng dạy: học phần được giảng dạy kết hợp gồm lý thuyết (15 tiết), thực hành (15 tiết); trong quá trình học viên sẽ thuyết trình theo nhóm trước lớp và thảo luận cùng với lớp và giảng viên.

5.2. Phương pháp đánh giá: Thuyết trình chuyên đề: 30%, và thi cuối kỳ: 70%.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA HỌC PHẦN

- [1] Nguyễn Văn Uyên. 2002. Những kiến thức cơ bản về công nghệ sinh học. Nhà xuất bản Giáo Dục.
- [2] Trần Quang Sen. 2005. Công nghệ sinh học, những vấn đề trong thế kỷ XXI. Nhà xuất bản Trẻ.
- [3] Nguyễn Như Hiền, Nguyễn Như Át. 2006. Công nghệ sinh học và ứng dụng vào phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nhà xuất bản Thanh Niên.
- [4] Liebler Daniel C., 2002. Introduction to proteomics. Humana Press Inc. Totowa, New Jersey.
- [5] Dennison Clive . 2002. A Guide To Protein Isolation. Kluwer Academic Publishers. New York, Boston, Dordrecht, Lodon, Moscow.
- [6] Glick BR, Jackj P. 1994. Molecular Biotechnology. ASM Press. Washington D.C. USA.
- [7] Makrides SC. 2003. Gene Transfer and Expression in Mammalian Cells. Elsevier Science B. V. USA.
- [8] Louis-Marie H. 2003. Animal Transgenesis and Cloning. John Wiley and Sons, Ltd. USA.
- [9] Norman M, Richard JL. 2000. Transgenic fish: an evaluation of benefit and risk. Fish and Fisheries 1, pp 146-172.

Ngày 05 tháng 05 năm 2017

Người biên soạn

Duyệt của đơn vị
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG KHOA THỦY SẢN

Bùi Thị Bích Hằng

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

- 1.1. Tên và mã số học phần: **CHUYÊN ĐỀ BỆNH Ở ĐVTS NƯỚC NGỌT (TSB612)**
- 1.2. Cấu trúc học phần: 3 TC (LT: 1; BT: 0; TH:2), 30 tiết (LT: 10; BT: 0; TH:70)
- 1.3. Học phần tiên quyết:
- 1.4. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Bệnh học Thủy sản
- 1.5. Thông tin giảng viên:
PGS.TS. Từ Thanh Dung (Khoa Thủy sản)
Email: ttdung@ctu.edu.vn
Email: btbhang@ctu.edu.vn
TS. Đặng Thị Hoàn Oanh
Email : dthoanh@ctu.edu.vn
TS. Trần Thị Tuyết Hoa
Email : ttthoa@ctu.edu.vn

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần bao gồm 10 tiết lý thuyết và 70 tiết (tương đương 5 tuần) để thực hành chuyên đề bệnh ở ĐVTS nước ngọt trong điều kiện thực tế ở các trang trại sản xuất, các vùng nuôi thủy sản ở vùng sinh thái nước ngọt. Học phần tạo cơ hội và điều kiện phù hợp để người học có thể vận dụng những kiến thức chuyên sâu về quản lý dịch bệnh, chẩn đoán bệnh, phân tích các tình huống phòng trị bệnh tổng hợp nhằm ứng dụng vào các mô hình ương và nuôi các đối tượng thủy sản. Ngoài ra, học phần còn giúp cho học viên tiếp cận tình huống về quản lý môi trường thủy sản và đánh giá các vấn đề có liên quan đến bệnh học thủy sản. Rèn luyện tác phong nghề nghiệp, các kỹ năng, năng lực nghiệp vụ chuyên môn để làm việc hiệu quả về lĩnh vực chuyên môn.

MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Học phần này giúp cho người học được rèn luyện nghiệp vụ chuyên môn tốt và đáp ứng với yêu cầu thực tế sinh động của sự phát triển kinh tế-xã hội hiện tại. Áp dụng những kiến thức chuyên môn về bệnh học, dịch tễ học và kiểm soát dịch bệnh truyền nhiễm do

vi khuẩn, vi-rút, ký sinh trùng, nấm, giáp xác ký sinh trên động vật thủy sản và các phi sinh vật khác gây hại cá, tôm.

Về lý thuyết:

- Học phần giúp cho học viên tổng hợp những kiến thức chuyên sâu trong công tác chẩn đoán bệnh trên động vật thủy sản, phương pháp phòng trị bệnh tổng hợp.

Về thực hành:

- Khả năng vận dụng những kiến thức chuyên sâu trong quản lý dịch bệnh, chẩn đoán, phân tích tình huống, tham gia phòng trị một số bệnh phổ biến trong nuôi trồng thủy sản.
- Qua học phần này, học viên có khả năng làm việc độc lập và quản lý công tác chuyên môn tại các cơ quan nhà nước, chuyển giao, tư vấn cho cơ quan hoặc công ty và các cơ sở có liên quan nuôi trồng thủy sản.
- Qua chuyên đề này, người học sẽ nâng cao lòng yêu nghề, tự tin, có ý thức trách nhiệm cao và tính cộng đồng trong quản lý dịch bệnh.

3. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
Chương 1. Chuẩn bị nội dung thực hành (Lý thuyết) <i>Phần này tập trung giới thiệu cho học viên các nội dung cần được chuẩn bị đầy đủ và chu đáo cho đợt thực hành chuyên đề bệnh ở ĐVTS nước ngọt, từ công tác chọn địa điểm, xác định nội dung và xây dựng kế hoạch thực hành.</i> 1.1 Giới thiệu về học phần 1.2 Mô tả các tiêu chí để chọn địa điểm và nội dung thực hành 1.3 Giảng viên liên hệ địa điểm và xác định nội dung thực hành cho học viên 1.4 Học viên chủ động chọn điểm và nội dung thực tập, sau đó học viên đăng ký với giảng viên phụ trách 1.5 Phân công địa điểm và nội dung thực tập cho học viên 1.6 Phân công cán bộ hướng dẫn. học viên xây dựng kế hoạch thực tập (có sự hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn trợ giúp và cơ sở thực tập)	10/0/0

Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1],[2], [3], [4], [5].	
Chương 2. Thực tập thực hành về bệnh ĐVTS nước ngọt (Thực hành) <i>Thực hiện tốt phần này sẽ giúp cho học viên có cơ hội để rèn luyện nghiệp vụ chuyên môn. Áp dụng những kiến thức chuyên môn về bệnh học, dịch tễ học và kiểm soát dịch bệnh truyền nhiễm do vi khuẩn, vi-rút, ký sinh trùng, nấm, giáp xác ký sinh trên động vật thủy sản và các phi sinh vật khác gây hại cá, tôm. Thực hành chẩn đoán bệnh, phân tích các tình huống phòng trị bệnh tổng hợp nhằm ứng dụng vào các mô hình ương và nuôi các đối tượng nuôi thủy sản nước ngọt.</i> 2.1 Tiếp nhận công việc tại cơ sở thực tập 2.2 Thực hiện công việc cụ thể tại cơ sở thực hành theo kế hoạch đã được thống nhất. Quan sát theo dõi, ghi nhận thông tin 2.3 Trao đổi trực tiếp với người hướng dẫn tại cơ sở. Thu thập thông tin, dữ liệu, số liệu liên quan đến nội dung thực tập Để học tốt chương này học viên tham khảo tài liệu [1], [2], [3], [4], [5].	0/0/60
Chương 3. Báo cáo thực hành <i>Phần này sẽ giúp cho học viên thực hành không những trong chuyên sâu công tác chẩn đoán bệnh trên động vật thủy sản, phương pháp phòng trị bệnh tổng hợp. mà còn rèn luyện khả năng tổng hợp thông tin, số liệu thông qua chuẩn bị bài báo cáo thực hành.</i> 3.1 Xử lý số liệu và thông tin 3.2 Viết và trình bày báo cáo Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1], [2], [3], [4],[5].	0/0/10

4. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

4.1 Phương pháp giảng dạy: học phần được giảng dạy kết hợp gồm lý thuyết (10 tiết), chuyên đề (70 tiết). Yêu cầu về thuyết trình chuyên đề: Học viên tham gia đầy đủ các buổi thực hành. Đánh giá báo cáo chuyên đề: Trình bài báo cáo, trả lời rõ ràng và đầy đủ câu hỏi của cán bộ giảng dạy.

4.2 Phương pháp đánh giá: Thái độ, kỹ năng nghề nghiệp trong suốt quá trình thực hành 40%, và thuyết trình chuyên đề: 60%

5. TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA HỌC PHẦN

- [1] Edward J. Noga 2010. Fish Disease: Diagnosis and Treatment Wiley–Backwell Publishing. Second edition, 519 pages
- [2] Đặng Thị Hoàng Oanh 2011. Nguyên lý và kỹ thuật chẩn đoán bệnh thủy sản. Nhà xuất bản Nông nghiệp, 148 trang
- [3] Manual of diagnostic Tests for Aquatic Animals, 2003. <http://www.oie.int>
- [4] Nguyễn Thanh Phương, Nguyễn Anh Tuấn, Trần Ngọc Hải, Võ Nam Sơn, Dương Nhật Long 2011. Giáo trình nuôi trồng thủy sản. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 210 trang
- [5] Từ Thanh Dung, Đặng Thị Hoàng Oanh, Trần Thị Tuyết Hoa 2009. Giáo trình Bệnh học Thủy sản, 142 trang

Duyệt của đơn vị
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA THỦY SẢN

Ngày 05 tháng 05 năm 2017
Người biên soạn

Từ Thanh Dung

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

- 1.1. Tên và mã số học phần: **Chuyên đề bệnh ở Động vật thủy sản nước mặn/lợ (TSB613)**
- 1.2. Cấu trúc học phần: 3 TC, 45 tiết (LT: 10; TH:70)
- 1.3. Học phần tiên quyết:
- 1.4. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Bệnh học Thủy sản
- 1.5. Thông tin giảng viên:

TS. Bùi Thị Bích Hằng (Khoa Thủy sản)

Email: btbhang@ctu.edu.vn

TS. Đặng Thị Hoàn Oanh

Email : dthoanh@ctu.edu.vn

TS. Trần Thị Tuyết Hoa

Email : ttthoa@ctu.edu.vn

TS. Từ Thanh Dung

Email : ttdung@ctu.edu.vn

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần bao gồm 10 tiết lý thuyết, 70 tiết thực hành sẽ cung cấp kiến thức tổng quan về tình hình dịch bệnh phổ biến trên một số loài cá và giáp xác nuôi nước lợ/mặn ở Đồng Bằng Sông Cửu Long. Học viên được tạo điều kiện thực hành quản lý dịch bệnh thủy sản trong điều kiện thực tế ở các trang trại sản xuất, các vùng nuôi thủy sản xuất khẩu... trong vùng sinh thái nước lợ, mặn. Học phần tạo cơ hội và điều kiện phù hợp để học viên có thể vận dụng những kiến thức chuyên sâu nhằm chẩn đoán, phân tích tình huống phòng trị bệnh tổng hợp, quản lý dịch bệnh ở các đối tượng nuôi lợ, mặn. Ngoài ra, học phần này, giúp cho sinh viên tiếp cận tình huống quản lý môi trường thủy sản và đánh giá các vấn đề có liên quan về bệnh học thủy sản. Rèn luyện tác phong nghề nghiệp, các kỹ năng, năng lực và nghiệp vụ chuyên môn để làm việc hiệu quả về lĩnh vực chuyên môn.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Tạo điều kiện cho học viên tiếp cận thực tế ngành nuôi Thủy sản nước lợ, mặn, vận dụng các kiến thức đã học nhằm chẩn đoán, phân tích, đề xuất hướng phòng trị và quản lý dịch bệnh thủy sản ở các trang trại sản xuất giống, trại nuôi thương phẩm các loài thủy sản nước lợ, mặn.

Về lý thuyết:

- Học viên nắm được kiến thức cơ bản về một số bệnh phổ biến ở các loài cá, giáp xác lợ, mặn.
- Học viên nắm vững các phương pháp thu mẫu, chẩn đoán bệnh tại hiện trường và phòng thí nghiệm, đề xuất các giải pháp thích hợp trong quản lý dịch bệnh thủy sản nước lợ, mặn.

Về thực hành:

Thông qua hình thức đi thu mẫu thực tế tại vùng nuôi, thực hiện các phương pháp chẩn đoán tại phòng thí nghiệm giúp các học viên nâng cao kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm, biết vận dụng các kỹ thuật tiên tiến vào lĩnh vực nghiên cứu.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Nhóm	Tiết (LT/BT/TH)
Phần 1. Khái quát nội dung thực hành 1.1. Giới thiệu chung về môn học, khái quát một số kiến thức cơ bản trên các đối tượng thủy sản lợ, mặn. 1.2. Mô tả các tiêu chí để chọn địa điểm và nội dung thực hành 1.3. Giảng viên liên hệ địa điểm và xác định nội dung thực hành cho SV 1.4. Phân công địa điểm và nội dung thực tập cho SV 1.5. Phân công cán bộ hướng dẫn. Sinh viên xây dựng kế hoạch thực tập (có sự hướng dẫn của giáo viên và cơ sở thực tập)	10/0/0
Phần 2. Thực hành Thực hành được chia thành 2 nhóm chính Nhóm 1: Thu mẫu và chẩn đoán bệnh trên các đối tượng cá nuôi nước lợ, mặn (cá kèo, cá chêm, cá bớp) Nhóm 2: Thu mẫu và chẩn đoán bệnh trên các đối tượng giáp xác nuôi nước lợ, mặn (tôm sú, cua biển) 2.1. Tham quan, học hỏi kinh nghiệm quản lý ao nuôi tại cơ sở. Trao đổi trực tiếp với người hướng dẫn tại cơ sở. Thu thập thông tin, dữ liệu, số liệu liên quan đến nội dung thực tập 2.2. Thu mẫu, thực hành phân tích mẫu tại hiện trường, cố định và lưu trữ mẫu về phòng thí nghiệm của Bộ môn Bệnh học Thủy sản 2.3. Thực hiện phân tích mẫu tại phòng thí nghiệm của Bộ môn Bệnh học Thủy sản	0/0/60
Phần 3. Báo cáo thực tập 4.1. Xử lý số liệu và thông tin 4.2. Viết và trình bày báo cáo	0/0/10

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

5.1. Phương pháp giảng dạy: học phần được giảng dạy kết hợp gồm lý thuyết (10 tiết), thực hành (70 tiết); Sử dụng phương pháp nêu tình huống, giải quyết tình huống. Cán bộ hướng dẫn thực hành phân công theo dõi, đánh giá sinh viên. Sau khi hoàn thành công việc được phân công, tổng hợp số liệu, thông tin, xử lý và viết báo cáo kết quả thực hành với sự hướng dẫn của giảng viên phụ trách.

5.2. Phương pháp đánh giá: Báo cáo cuối kỳ: 50%, chuyên cần: 20%, thái độ chuyên môn: 30%.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA HỌC PHẦN

[1] Từ Thanh Dung, Đặng Thị Hoàng Oanh, Trần Thị Tuyết Hoa, 2005. Giáo trình Bệnh học Thủy sản.

[2] Pornlerd Chanratchakool, James F. Turnbull, Simon J. Funge-Smith, Ian H. MacRae và Chalor Limsuwan, 2003. Quản lý sức khỏe ao nuôi tôm. Đại học Cần Thơ dịch, tái bản lần 3, 152 trang.

[3] Tài liệu hướng dẫn thực tập giáo trình 1 bệnh học thủy sản. Bộ môn bệnh học thủy sản.

Ngày 05 tháng 05 năm 2017

Duyệt của đơn vị
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA THỦY SẢN

Người biên soạn

Bùi Thị Bích Hằng

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

- 1.1. Tên và mã số học phần: **HỆ THỐNG TUẦN HOÀN NUÔI THỦY SẢN (TSN618)**
- 1.2. Cấu trúc học phần: 2 TC (LT: 1,3; BT: 0; TH: 0,7), 30 tiết (LT: 20; BT: 0; TH: 20)
- 1.3. Học phần tiên quyết: Không
- 1.4. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa Thủy sản – Đại học Cần Thơ
- 1.5. Thông tin giảng viên:
PGS.TS. Trương Quốc Phú (Khoa Thủy sản – Đại học Cần Thơ)
Email: tqphu@ctu.edu.vn
Cán bộ tham gia giảng dạy:
PGS.TS. Phạm Thanh Liêm (Khoa Thủy sản – Đại học Cần Thơ)
Email: ptliem@ctu.edu.vn

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho người học các nguyên lý, khái niệm và vận hành một hệ thống nuôi thủy sản tuần hoàn nước cơ bản (RAS) và ứng dụng RAS trong thực tế nuôi trồng thủy sản. Người học được cung cấp các kiến thức về mối quan hệ giữa vật nuôi với môi trường, khái niệm môi trường bao gồm cả không gian trực tiếp sản xuất và các hệ sinh thái tự nhiên nơi các trang trại hoạt động; và các khía cạnh chính của hệ thống nuôi thủy sản tuần hoàn nước là nước thải, quản lý chất lượng nước, chăm sóc và thiết kế tổng thể hệ thống.

Khóa học bao gồm 2 phần: Lý thuyết (bao gồm bài giảng lý thuyết và thực hành trên lớp) và thực tập (lắp ráp và vận hành một hệ thống RAS trong trại giống)

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Về lý thuyết:

Sau khi hoàn thành khóa học, người học có thể:

- biết rõ các nhóm vi sinh vật có trong hệ thống sản xuất thủy sản và chức năng của chúng trong quá trình phân hủy vật chất hữu cơ;
- hiểu các nguyên tắc cơ bản, khái niệm và chức năng của hệ thống nuôi thủy sản tuần hoàn nước (RAS);
- thiết kế, thu thập dữ liệu và đánh giá hiệu quả của RAS; và
- quản lý chất lượng nước trong RAS, duy trì môi trường sống thích hợp cho vật nuôi.

Về thực hành:

Phần thực hành trên RAS nhằm giúp người học:

- hiểu rõ hơn các quá trình có ảnh hưởng đến chất lượng nước trong hệ thống nuôi thủy sản thâm canh;
- có điều kiện thực tập thực tế việc quản lý và vận hành RAS, đặc biệt là thiết kế RAS; quản lý chất lượng nước dựa trên giám sát chất lượng nước hàng ngày (pH,

oxy, amonium, nitrit, nitrat và độ dẫn điện); thả cá, cho ăn và đánh giá tác động của nguồn thức ăn cấp vào hệ thống và chất lượng nước của lọc sinh học.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
Chương 1. Giới thiệu về hệ thống nuôi thủy sản tuần hoàn nước (RAS) <i>Chương này sẽ cung cấp kiến thức về các nguyên lý của một hệ thống RAS cơ bản và các kiểu RAS</i> 1.1. Các hợp phần và chức năng các hợp phần của một RAS cơ bản 1.2. Các kiểu RAS hiện có và ứng dụng. Thực hành 1: Thiết kế hệ thống tuần hoàn; bắt đầu thực tập quản lý và vận hành RAS trong trại giống. <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [3], [9].</i>	2/0/4
Chương 2. Các quá trình sinh học trong hệ thống sản xuất thủy sản <i>Chương này giới thiệu các nhóm vi sinh vật có các kiểu trao đổi chất khác nhau hiện diện trong hệ thống nuôi thủy sản; các quá trình dị dưỡng của vi khuẩn và quang dưỡng xảy ra trong hệ thống và chức năng của các quá trình này trong việc kiểm soát chất lượng nước.</i> 2.1. Yếu tố ảnh hưởng đến thành phần và sinh khối vi sinh vật 2.2. Các nhóm vi sinh vật quan trọng 2.3. Nitrat hóa 2.4. Phản nitrat hóa 2.5. Quá trình kỵ khí - Anammox 2.6. Quá trình quang dưỡng - tảo và thực vật bậc cao <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1], [2], [9] và [10].</i>	6/0/0
Chương 3. Các quá trình xử lý nước trong RAS <i>Chương này sẽ cung cấp các kỹ thuật thông thường để loại bỏ chất thải và duy trì môi trường nước thích hợp cho động vật thủy sản</i> 3.1. Loại bỏ chất thải rắn 3.2. Các kiểu lọc sinh học 3.3. Bón vôi 3.4. Bể phản nitrat hóa trong RAS 3.5. Trao đổi khí: sục khí và khử khí 3.6. Khử trùng: UV và ozone Thực hành 2: Thực hành lập kế hoạch sản xuất – Tính tăng trưởng, sinh khối vật nuôi và lượng chất thải hình thành trong trang trại sản xuất 100 tấn cá trê Phi. Thực hành 3: Thực hành lập kế hoạch sản xuất - Tính lưu lượng nước, loại bỏ chất rắn và thiết kế lọc sinh học.	8/0/8

Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1], [7], [9] và [10].	
Chương 4. Thiết kế hệ thống <i>Chương này sẽ cung cấp các phương pháp để xác định sức tải của hệ thống (lượng thức ăn cung cấp tối đa, khối lượng vật nuôi, thể tích nuôi), hiệu quả xử lý nước, kiểm soát lưu lượng và quan trắc chất lượng nước; cung cấp đặc điểm của các loại bể nuôi sử dụng trong nuôi trồng thủy sản</i> 4.1. Sức tải của hệ thống, cân bằng dinh dưỡng 4.2. Thiết kế hệ thống bể nuôi Thực hành 4: Thực hành quản lý pH /kiềm và bể phản nitrat Thực hành 5: Các bước thiết kế và vận hành trang trại nuôi ứng dụng RAS Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [4], [5], [6], [7], [8] và [10].	4/0/8
Thực hành ở Trại giống: Vận hành và quản lý RAS - Chuẩn bị hệ thống (RAS) cho thực tập và vận hành nuôi (chuẩn bị lọc sinh học và bể nuôi, kiểm soát chức năng của lọc sinh học). Bắt đầu từ tuần 1 của khóa học. - Vận hành RAS (thả cá nuôi, cho ăn, quan trắc chất lượng nước và kiểm soát hệ thống nuôi). Thời gian: 6 tuần - Kết thúc thực hành: thu hoạch cá và phân tích kết quả	1 giờ/ngày

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

5.1. Phương pháp giảng dạy:

Người học đạt được mục tiêu của học phần bằng:

- Tiếp thu bài giảng lý thuyết trên lớp
- Làm bài tập trong phòng máy tính và thực tập thực tế trong trại giống

Người học phải tham gia tất cả 5 bài Thực hành, bao gồm các bài tập thực hành trong phòng máy tính và thực hành trên hệ thống RAS trong trại giống. Trong suốt khóa học, sẽ có một kỳ kiểm tra giữa kỳ sau khi kết thúc Chương 2 và một kỳ thi cuối khóa học. Đối với phần thực hành, người học sẽ thực hiện theo nhóm 2-5 học viên, sau đó trình bày kết quả đạt được theo nhóm.

5.2. Phương pháp đánh giá: Kiểm tra giữa kỳ: 2/10, thuyết trình kết quả thực hành: 2/10 và thi cuối khóa: 6/10 điểm

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA HỌC PHẦN

- [1] Eding, E.H., A. Kamstra, J.A.J. Verreth, E.A. Huisman and A. Klapwijk, 2006. Design and operation of nitrifying trickling filters in recirculating aquaculture: A review. *Aquacultural Engineering*, 34: 234-260
- [2] Kuypers, M.M.M., A.O. Sliekers, G. Lavik, M. Schmid, B.B. Jørgensen, J.G. Kuenen, J.S.S. Damste, M. Strous and M.S.M. Jetten, 2003. Anaerobic ammonium oxidation by anammox bacteria in the Black Sea. *Nature*, Vol. 422: 608-611

- [3] Losordo, T.M., M.P. Masser, and J.E. Rakocy, 1999. Recirculating Aquaculture Tank Production Systems: A Review of Component Options. SRAC Publication No. 453, 12 pp.
- [4] Nijho, M., 1994. Theoretical effects of feed composition, feed conversion and feed spillage on waste discharge in fish culture. J. Appl. Ichthyol., 10: 274-283
- [5] Nijho, M., 1995. Bacterial stratification and hydraulic loading effects in a plug-flow model for nitrifying trickling filters applied in recirculating fish culture systems. Aquaculture, 134: 49-64
- [6] Ross, R.M., B.J. Watten, W.F. Krise, M.N. DiLauro, 1995. Influence of Tank Design and Hydraulic Loading on the Behavior, Growth, and Metabolism of Rainbow Trout (*Oncorhynchus mykiss*). Aquacultural Engineering, 14: 29–47
- [7] SustainAqua, 2009. Tilapia farming using Recirculating Aquaculture Systems (RAS) - Case study in the Netherlands. In “Integrated approach for a sustainable and healthy freshwater aquaculture – A handbook for sustainable aquaculture”, p. 71-95
- [8] Timmons M.B., S.T. Summerfelt, B.J. Vinci, 1998. Review of circular tank technology and management. Aquacultural Engineering, 18: 51–69
- [9] Timmons, M.B. and J.M. Ebeling, 2007. Recirculating Aquaculture. NRAC Publication No. 01-007. Cayuga Aqua Ventures, New York, USA. 975 pp.
- [10] van Rijn, J., Y. Tal, and H.J. Schreier, 2006. Denitrification in recirculating systems: Theory and applications. Aquacultural Engineering, 34: 364-376

Ngày 05 tháng 05 năm 2017

Người biên soạn

Duyệt của đơn vị
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA THỦY SẢN

Phạm Thanh Liêm

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

- 1.1. Tên và mã số học phần: **BỆNH CÁ CẢNH VÀ THỦY ĐẶC SẢN (TSB614)**
- 1.2. Cấu trúc học phần: 2 TC (LT: 1; BT: 0; TH:1), 30 tiết (LT: 20; BT: 0; TH:20)
- 1.3. Học phần tiên quyết:
- 1.4. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt
- 1.5. Thông tin giảng viên:

TS. Bùi Minh Tâm (Khoa Thủy sản)

Email: bmtam@ctu.edu.vn

ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng

Email: ntthang@ctu.edu.vn

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp những thông tin về đặc điểm về bệnh trên cá cảnh và các loài thủy đặc sản. Từ những kiến thức cơ bản của môn học này, học viên có thể nhận dạng cá và thủy đặc sản bị bệnh từ đó đề ra hướng xử lý.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Cung cấp cho học viên những kiến thức về bệnh cá cảnh và bệnh các loài thủy đặc sản. Từ đó vận dụng vào quan sát thực tế và nhận dạng các dấu hiệu bệnh lý.

- Học viên nắm được các nguyên lý về bệnh động vật thủy sản.
- Học viên nhận ra các dấu hiệu bệnh lý của cá cảnh và thủy đặc sản.
- Từ những kiến thức lý thuyết và thực tiễn, học viên đề ra hướng xử lý.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
Chương 1. Nguyên lý chung <i>Chương này tập trung giới thiệu những khái niệm cơ bản về bệnh thủy sản.</i> 1.1 Khái quát về mục tiêu, đối tượng, nhiệm vụ của môn học.	2/0/0

1.2 Các nguyên lý chung 1.3 Hóa chất và thuốc sử dụng trên cá cảnh 1.4 Môi trường nuôi cá cảnh <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1], [2], [3].</i>	
Chương 2. Những bệnh thường gặp trên cá cảnh <i>Chương này sẽ cung cấp cho học viên đặc điểm sinh học chung của các nhóm cá cảnh, các tác nhân gây bệnh thường gặp.</i> 2.1 Đặc điểm sinh học chung các nhóm cá cảnh 2.2 Kỹ thuật nuôi một số đối tượng thường gặp 2.3 Một số bệnh thường gặp 2.3.1 Bệnh ký sinh trùng 2.3.2 Bệnh vi khuẩn 2.3.3 Bệnh virus Học viên sẽ nhận dạng một số dấu hiệu bệnh và xác định tác nhân gây bệnh trên cá cảnh <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo tài liệu [2], [3], [5], [6].</i>	4/0/8
Chương 3. Những bệnh thường gặp trên Ếch Thái lan <i>Chương này sẽ cung cấp cho học viên về đặc điểm sinh học, kỹ thuật nuôi và một số bệnh trên ếch.</i> 3.1. Đặc điểm sinh học của Ếch Thái Lan 3.2. Kỹ thuật nuôi. 3.3. Các bệnh thường gặp. Học viên sẽ nhận dạng một số dấu hiệu bệnh và xác định tác nhân gây bệnh trên ếch Thái Lan <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1], [7], [8], [9].</i>	4/0/4

Chương 4. Những bệnh thường gặp trên ba ba <i>Chương này cung cấp cho học viên các đặc điểm sinh học, kỹ thuật nuôi và một số bệnh trên ba ba.</i> 4.1 Đặc điểm sinh học ba ba 4.2 Kỹ thuật nuôi 4.3 Một số bệnh thường gặp Học viên sẽ nhận dạng một số dấu hiệu bệnh và xác định tác nhân gây bệnh trên ba ba <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo tài liệu [1], [7], [8].</i>	4/0/4
Chương 5. Những bệnh thường gặp trên cá sấu <i>Chương này cung cấp cho học viên các đặc điểm sinh học, kỹ thuật nuôi và một số bệnh trên cá sấu.</i> 5.5 Đặc điểm sinh học cá sấu 5.6 Kỹ thuật nuôi 5.7 Một số bệnh thường gặp Học viên sẽ nhận dạng một số dấu hiệu bệnh và xác định tác nhân gây bệnh trên cá sấu <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [7], [8]</i>	4/0/4
Chương 6. Những bệnh thường gặp trên rắn ri voi <i>Chương này cung cấp cho học viên các đặc điểm sinh học, kỹ thuật nuôi và một số bệnh trên rắn ri voi.</i> 6.1. Đặc điểm sinh học rắn ri voi. 6.2. Kỹ thuật nuôi. 6.3. Một số bệnh thường gặp. <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [4], [7], [8].</i>	2/0/0

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

5.1. Phương pháp giảng dạy: học phần được giảng dạy kết hợp gồm lý thuyết (30 tiết), trong quá trình học viên sẽ thảo luận cùng với lớp và giảng viên.

5.2. Phương pháp đánh giá: Kiểm tra giữa kỳ: 30%, thực hành 10% và thi cuối kỳ: 60%.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA HỌC PHẦN

- [1] Chan Eng Heng and Liew Hock Chark 1989. The leatherback turtle – A Malaysian Heritage. Tropica
- [2] Dick Milis 1999 Kỹ thuật nuôi cá cảnh
- [3] Herbert R. Axelrod 1988 Koi varieties – Japanese colored carp – nishikigoi
- [4] Nguyễn Chung 2007. Kỹ thuật sinh sản, nuôi và đánh bắt lươn đồng
- [5] Dieter Untergasser, 1989. Handbook of fish disease. Translated by Herbert R. Axelrod. TS-123, T.F.H. Publications Inc.
- [6] Christ Andrews, Adrian Exell and Neville Carrington, 2002. The interpet Manual of Fish Health. Interpet Ltd.
- [7] Buenviaje G., R.G.Hirst and P.M.Summers, 2000. Pathology of Skin Diseases of Crocodiles. Rural Industries Research and Development Corporation
- [8] Bùi Minh Tâm, 2015. Giáo trình Kỹ thuật cá cảnh và thủy đặc sản. Khoa Thủy sản – Đại học Cần Thơ
- [9] Le Minh Quoc, 2012. Frog value chain case study in Ho Chi Minh city, Viet Nam. MSc. Thesis. The Norwegian College of Fishery Science, University of Tromso, Norway & Nha Trang University, Vietnam

Duyệt của đơn vị
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA THỦY SẢN

Ngày 05 tháng 05 năm 2017
Người biên soạn

Bùi Minh Tâm

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

1.1. Tên và mã số học phần: **ĐỘC CHẤT HỌC THỦY VỰC NÂNG CAO
(TSB615)**

1.2. Cấu trúc học phần: 2TC (LT: ; BT , TH), 30 tiết (LT: 20; BT/TH: 20)

1.3. Học phần tiên quyết:

1.4. Bộ môn phụ trách giảng dạy:

1.5. Thông tin giảng viên:

PGS. TS. Nguyễn Văn Công (Khoa MT&TNTN)

Email: nvcong@ctu.edu.vn

Cán bộ tham gia giảng dạy:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Độc chất học thủy vực lĩnh vực khoa học nghiên cứu về “*ảnh hưởng*” của các “*độc chất*” lên “*thủy sinh vật*” ở các mức độ gây hại khác nhau; từ ảnh hưởng tức thời đến sự sống còn của thủy sinh vật đến những ảnh hưởng ở nồng độ dưới ngưỡng gây chết cho sức khỏe thủy sinh vật. Những thành tựu của nghiên cứu về độc chất học thủy vực giúp ích cho đưa ra các ngưỡng độc hại của độc chất đối với thủy sinh vật ở các mức độ nguy hại khác nhau nhằm làm cơ sở cho đánh giá rủi ro và bảo vệ đời sống thủy sinh vật.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Người học sau khi tham dự môn học cần phải biết:

Về lý thuyết:

- Những nguyên lý cơ bản của độc chất học
- Sự thâm nhập, chuyển hóa sinh học, đào thải và tồn lưu của độc chất
- Cơ chế gây hại của một số độc chất phổ biến đối với thủy sinh vật.
- Đánh giá, dự báo rủi ro của chất độc cho thủy sinh vật.

Về thực hành:

- Thiết kế và bố trí thí nghiệm xác định độc cấp tính của độc chất đối với thủy sinh vật

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chương	Tiết (LT/BT/TH)

Chương 1 : Tổng quan về độc chất học thủy vực 1. Lịch sử nghiên cứu và một số khái niệm, thuật ngữ về độc chất học, 2. Các nhân tố ảnh hưởng đến độc tính của chất độc, 3. Những đóng góp của nghiên cứu độc chất trong bảo vệ tài nguyên sinh vật <i>Bài tập: Ước tính LC50 của chất độc và so sánh độc tính giữa các độc chất</i>	2/0/5
Chương 2: Độc chất trong thủy vực 1. Kim loại nặng, 2. Thuốc bảo vệ thực vật, 3. Các hợp chất vô cơ và hữu cơ 4. Các chất độc khác (Aflatoxins....)	3/0/5
Chương 3: Cơ chế xâm nhập, chuyển hóa, đào thải và tích tụ độc chất ở thủy sinh vật 1. Xâm nhập, 2. Chuyển hóa sinh học, 3. Đào thải, 4. Tích tụ sinh học	5/0/5
Chương 4: Cơ chế ảnh hưởng một số độc chất phổ biến đến thủy sinh vật 1. Kim loại nặng, 2. Thuốc bảo vệ thực vật, 3. Các chất vô cơ và hữu cơ <i>A: Seminar về ảnh hưởng của chất độc lựa chọn lên thủy sinh vật</i>	5/0/5
Chương 5: Đánh giá rủi ro độc chất cho thủy sinh vật 1. Xác định nồng độ và nguồn gốc độc chất, 2. Đánh giá sự tiếp xúc, 3. Đánh giá đáp ứng, 4. Tổng kết rủi ro <i>A: Đánh giá và quản lý rủi ro cho một số trường hợp giả định cụ thể</i>	5/0/5

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

5.1. Phương pháp giảng dạy: học phần được giảng dạy kết hợp giảng lý thuyết (20 tiết), và bài tập thuyết trình (20 tiết) theo nhóm trước lớp.

5.2. Phương pháp đánh giá: Thuyết trình chuyên đề, bài tập: 40% và thi cuối kỳ 60%.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA HỌC PHẦN

Rand G.M. (Ed.), 1995. *Fundamentals of Aquatic Toxicology*, 2nd edition. Taylor & Francis. London and New York.

Peakall D. 1992. *Animal Biomarkers as Pollution Indicators*. Chapman & Hall. London.

Sprague J.B. 1971. Review paper: Measurement of pollution toxicity to fish-III, Sub-lethal effects and “safe”

concentrations. *Water Research Pergamon Press*. Vol. 5, p. 245-266

Connell D., Lamm P., Richardson R., and Wu R., 1999. *Introduction to Ecotoxicology*. Blackwell Science.

Masson C. F., 1996. *Biology of Freshwater Pollution*. Third edition. Longman

Richardson M. (Ed.), 1995. *Environmental Toxicity Assessment*. Taylor & Francis.

Duyệt của đơn vị
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA MÔI TRƯỜNG & TNTN

Ngày 05 tháng 05 năm 2017
Người biên soạn

Nguyễn Văn Công

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

- 1.1. Tên và mã số học phần: Thuyết trình, TSB616
- 1.2. Cấu trúc học phần: 2 TC, 30 tiết (LT: ; BT:60; TH:0)
- 1.3. Học phần tiên quyết:
- 1.4. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Bệnh học Thủy sản
- 1.5. Thông tin giảng viên:

PGs. Ts. Đặng Thị Hoàng Oanh (Khoa Thủy sản);

Email: dthoanh@ctu.edu.vn

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Mục đích của học phần này là tổ chức các buổi thuyết trình cho học viên trình bày các chủ đề khác nhau liên quan đến Bệnh học thủy sản như (i) vấn đề sử dụng thuốc trong phòng và chữa bệnh; (ii) các cơ chế miễn dịch của động vật thủy sản; (iii) các phương pháp, kỹ thuật chẩn đoán và phòng bệnh; (iv) các tác nhân gây bệnh trên động vật thủy sản; (v) sử dụng các loại chế phẩm sinh học trong phòng và điều trị bệnh động vật thủy sản... để giúp học viên tự tìm kiếm, nghiên cứu, tư duy và học tập tốt nhất. Ngoài những kiến thức chuyên môn về lý thuyết, trong quá trình trình bày học viên có thể chia sẻ với nhau những kiến thức thực tế, kinh nghiệm thực tế. Sau khi kết thúc học phần học viên có thể lãnh hội được nhiều kiến thức, thông tin và kinh nghiệm giúp họ củng cố khả năng nhận thức, hiểu biết và các kỹ năng khác để có thể áp dụng vào thực tiễn quản lý dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi kết thúc học phần, học viên sẽ đạt được:

- Kiến thức sâu rộng về các vấn đề liên quan đến Bệnh học thủy sản
- Tự tin hơn trong giao tiếp, trình bày vấn đề trước công chúng

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Nội dung	Hours
----------	-------

	(T/A/P)
Thuyết trình I: Các chủ đề về dược lý học - sử dụng thuốc trong phòng và chữa bệnh thủy sản Học viên sẽ trao đổi, chia sẻ với nhau về vấn đề dược lý học và sử dụng thuốc trong phòng và trị bệnh thủy sản.	0/10/0
Thuyết trình II: Các cơ chế miễn dịch của động vật thủy sản Học viên sẽ trao đổi, chia sẻ với nhau về cơ chế miễn dịch của động vật thủy sản.	0/10/0
Thuyết trình III: Các phương pháp, kỹ thuật chẩn đoán và phòng bệnh Học viên sẽ trao đổi, chia sẻ với nhau về phương pháp, kỹ thuật chẩn đoán bệnh thủy sản đang được áp dụng hiện nay trên thế giới và Việt Nam.	0/10/0
Thuyết trình IV: Các tác nhân gây bệnh trên động vật thủy sản Học viên sẽ trao đổi, chia sẻ với nhau về các tác nhân gây bệnh trên tôm, cá như vi khuẩn, vi rút, ký sinh trùng... và những vấn đề môi trường liên quan đến sự hình thành các tác nhân này.	0/10/0
Thuyết trình V: Sử dụng các loại chế phẩm sinh học trong phòng và điều trị bệnh động vật thủy sản Học viên sẽ trao đổi, chia sẻ với nhau về các loại chế phẩm sinh học (vi sinh, chất miễn dịch, thảo dược...) đang được sử dụng trong phòng và trị bệnh thủy sản hiện nay.	0/10/0

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

5.1 Phương pháp giảng dạy:

Các học viên sẽ chọn chủ đề, tổng hợp từ các bài báo đã được công bố và lần lượt trình bày trong các buổi thuyết trình. Tất cả các học viên đều phải tham dự tất cả

các buổi thuyết trình. Giảng viên phụ trách sẽ điều khiển buổi thuyết trình và giúp học viên thảo luận, chia sẻ kiến thức.

5.2 Phương pháp đánh giá:

Điểm học phần là điểm trung bình của điểm trình bày (hình thức, nội dung) báo cáo và điểm tham dự các buổi thuyết trình khác:

- Trình bày báo cáo: 60%
- Tham gia các buổi thuyết trình: 10%
- Tham gia thảo luận, chia sẻ trong các buổi thuyết trình: 30%

Duyệt của đơn vị
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA THỦY SẢN

Ngày 08 tháng 01 năm 2017
Người biên soạn

Đặng Thị Hoàng Oanh

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

- 1.1. Tên và mã số học phần: **Bệnh do dinh dưỡng và môi trường (TSB617)**
- 1.2. Cấu trúc học phần: 2 TC, 30 tiết (LT: 20; BT:10; TH:0)
- 1.3. Học phần tiên quyết:
- 1.4. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Bệnh học Thủy sản
- 1.5. Thông tin giảng viên:
TS. Bùi Thị Bích Hằng (Khoa Thủy sản)

Email: btbhang@ctu.edu.vn

Nguyễn Thị Thu Hằng

Email : ntthang@ctu.edu.vn

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về vai trò của dinh dưỡng và môi trường đối với động vật thủy sản. Đồng thời giới thiệu các kiến thức về bệnh do dinh dưỡng (protein, lipid, glucid, vitamin, các nguyên tố đa lượng, vi lượng) và bệnh do các yếu tố môi trường: các yếu tố vô sinh và hữu sinh... Môn học còn cung cấp kiến thức trong việc nhận biết tác nhân gây bệnh và phương pháp phòng trị bệnh do dinh dưỡng và môi trường cho Động vật thủy sản.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Cung cấp các thông tin về nguyên nhân, triệu chứng, cách phòng trị bệnh do các yếu tố dinh dưỡng và môi trường ở động vật thủy sản. Môn học trang bị kiến thức từ cơ bản đến ứng dụng để giúp học viên nắm vững kiến thức và tự tin trong việc quản lý dịch bệnh thủy sản.

Về lý thuyết:

- Học viên nắm được vai trò của dinh dưỡng và môi trường đối với động vật thủy sản.
- Học viên nắm được kiến thức quan trọng về bệnh do dinh dưỡng và môi trường ở động vật thủy sản. Đồng thời có khả năng phân tích, nhận biết tác nhân gây bệnh và phương pháp phòng trị bệnh do dinh dưỡng và môi trường, từ đó đề xuất các giải pháp thích hợp trong quản lý dịch bệnh thủy sản.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
Chương 1. Đại cương về dinh dưỡng đối với động vật thủy sản <i>Chương này tập trung giới thiệu những khái niệm cơ bản, thành phần dinh dưỡng trong thức ăn thủy sản và vai trò của dinh dưỡng trong đời sống động vật thủy sản. Học viên có 1 tiết để tìm hiểu, tổng hợp thông tin về vai trò dinh dưỡng trong nuôi thủy sản</i> 1.1. Một số khái niệm cơ bản. 1.2. Thành phần dinh dưỡng trong thức ăn thủy sản 1.3. Vai trò của các thành phần dinh dưỡng trong đời sống động vật thủy sản <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1].</i>	4/1/0
Chương 2. Bệnh do dinh dưỡng ở động vật thủy sản <i>Chương này sẽ cung cấp cho học viên các thông tin, kiến thức về bệnh do dinh dưỡng ở động vật thủy sản và phương pháp chẩn đoán bệnh, đề ra các giải pháp phòng trị tương ứng với từng loại bệnh. Học viên có 2 tiết để tổng hợp các thông tin về bệnh do dinh dưỡng.</i> 2.1. Giới thiệu chung về bệnh do dinh dưỡng 2.2. Bệnh do protein và amino acid 2.3. Bệnh do lipid 2.4. Bệnh do glucid 2.5. Bệnh do vitamin 2.6. Bệnh do các nguyên tố đa lượng, vi lượng 2.7. Bệnh do độc tố trong thức ăn <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo tài liệu [2], [3], [4].</i>	8/2/0
Chương 3. Tổng quan về môi trường sống của thủy sinh vật	4/1/0

<i>Chương này sẽ cung cấp cho học viên các thông tin về môi trường sống của thủy sinh vật, nêu rõ vai trò môi trường đối với đời sống của động vật thủy sản. Chương này có 1 tiết chuyên đề giúp học viên tổng hợp thông tin về môi trường nuôi của động vật thủy sản.</i> 3.1. Một số khái niệm cơ bản 3.2. Vai trò của môi trường đối với động vật thủy sản 3.3. Các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến động vật thủy sản. <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [5].</i>	
Chương 4. Bệnh do môi trường ở ĐVTS- các yếu tố vô sinh <i>Chương này giảng dạy về một số bệnh ĐVTS do các yếu tố vô sinh trong môi trường, cung cấp phương pháp nhận biết dấu hiệu bệnh và phương pháp phòng trị. Chương này có 1 tiết chuyên đề cho học viên tổng hợp thông tin liên quan đến nội dung học</i> 4.1. Bệnh do các yếu tố cơ học 4.2. Bệnh do nhiệt độ, pH 4.3. Bệnh do các chất khí trong môi trường nước 4.4. Bệnh do một số chất độc trong môi trường nước <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo tài liệu [5].</i>	4/1/0
Chương 5. Bệnh do môi trường ở ĐVTS- các yếu tố hữu sinh <i>Chương này giảng dạy về một số bệnh ĐVTS do các yếu tố hữu sinh trong môi trường, cung cấp phương pháp nhận biết dấu hiệu bệnh và phương pháp phòng trị. Học viên có 1 tiết chuyên đề để tổng hợp thông tin liên quan đến nội dung học</i> 5.1. Bệnh do phiêu sinh thực vật trong môi trường nước 5.2. Bệnh do một số loài thực vật thủy sinh gây hại 5.3. Bệnh do phiêu sinh động vật trong môi trường nước <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo tài liệu [5], [6].</i>	4/1/0

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

5.1. Phương pháp giảng dạy: học phần được giảng dạy kết hợp gồm lý thuyết (30 tiết), trong quá trình học viên sẽ thuyết trình theo nhóm trước lớp và thảo luận cùng với lớp và giảng viên.

5.2. Phương pháp đánh giá: Thuyết trình chuyên đề: 30%, và thi cuối kỳ: 70%.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA HỌC PHẦN

- [1] Trần Thị Thanh Hiền, 2004 . Giáo trình dinh dưỡng và thức ăn thủy sản. Nhà xuất bản Đại học Cần thơ.
- [2] Albert G.J. Tacon, 1992. Nutritional fish pathology: Morphological sings of nutrient deficiency and toxicity in farmed fish. Rome : FAO.
- [3] Ronald J. Roberts, 2001. Fish pathology. London: W. B. Saunders, 2001
- [4] Woo P. T. K., 2006. Fish disease and disorders. Wallingford, UK : CABI Pub.
- [5] Gilda D. Lio-po, Celia R. Lavilla. 2001. Health Management in Aquaculture.
- [6] Larsen. J and N.L Nguyen. 2004. “Nghiên cứu các loài vi tảo có khả năng gây độc trong các thủy vực ven bờ Việt nam”. 215p

Ngày 05 tháng 05 năm 2017

Duyệt của đơn vị
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA THỦY SẢN

Người biên soạn

Bùi Thị Bích Hằng

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

1.1. Tên học phần: **QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC TRONG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN. Mã số: TSN609**

1.2. Trình độ: Thạc sĩ

1.3. Cấu trúc học phần: Số TC: 2(LT: 20; BT: 0; TH: 20)

1.4. Học phần tiên quyết:.....Mã số:.....

1.5. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Thủy sinh học ứng dụng; Khoa/Viện: Thủy sản

1.6. Thông tin giảng viên:

Họ và tên Giảng viên: Trương Quốc Phú

Học hàm, học vị: Phó giáo sư, tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: ĐT: 0918234306 Email: tqphu@ctu.edu.vn

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần “Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản” cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các quá trình sinh học gây biến động các yếu tố chất lượng nước, ý nghĩa sinh thái học của các yếu tố chất lượng nước như yếu tố vật lý, hóa học và sinh học đối với đời sống thủy sinh vật, đồng thời hướng dẫn sinh viên các biện pháp phân tích và quản lý chất lượng nước trong hệ thống nuôi thủy sản.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi hoàn thành khoa học, người học có khả năng:

Về lý thuyết:

–Biết được những thông số chất lượng nước quan trọng dùng trong quản lý chất lượng nước ao nuôi thủy sản

–Mô tả được các quá trình sinh học xảy ra trong ao nuôi và quy luật biến động của các thông số chất lượng nước theo không gian và thời gian

–Hiểu được tác động của thông số chất lượng nước đến đời sống của thủy sinh vật

–Khái quát được các phương pháp quản lý chất lượng nước ao nuôi thủy sản

Về thực hành:

- Thực hiện đo đạc các thông số chất lượng nước.
- Dự đoán được tình trạng chất lượng nước của ao nuôi thủy sản dựa trên kết quả đo đạc các thông số chất lượng nước.
- Phân tích và lý giải được nguyên nhân của các sự cố về chất lượng nước.
- Đề xuất được biện pháp khắc phục các sự cố về chất lượng nước.
- Xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng nước cho một trang trại nuôi.

4. NỘI DUNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
Chương 1. Các nhóm vi sinh vật gây biến đổi chất lượng nước, các yếu tố ảnh hưởng đến thành phần và số lượng vi sinh vật <i>Chương 1 bao gồm các kiến thức về thành phần, cấu tạo, chức năng của điều kiện sống của các nhóm vi sinh vật có liên quan đến quá trình chuyển hóa vật trong thủy vực gây biến đổi chất lượng nước.</i> 1.1. Các dạng vi sinh vật và chức năng chuyển hóa vật chất 1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của vi sinh vật 1.3. Tỷ lệ C:N và mối quan hệ của các quá trình sinh học <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu: [1], [2], [3]</i>	2/0/0
Chương 2. Quá trình quang hợp và hô hấp <i>Chương này sẽ cung cấp cho học viên kiến thức về quá trình quang hợp và hô hấp, ảnh hưởng của hai quá trình này đến sự biến đổi chất lượng nước</i> 2.1. Quang hợp 2.2. Hô hấp 2.3. Ảnh hưởng của quá trình quang hợp và hô hấp đến sự biến đổi chất lượng nước <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1], [2], [3],</i>	3/0/0
Chương 3. Quá trình nitratre hóa	3/0/0

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
<i>Chương 3 cung cấp cho người học kiến thức về nguyên lý hóa học, sinh học của quá trình nitrate hóa gây biến đổi chất lượng nước và những ứng dụng trong xử lý chất thải trong nuôi trồng thủy sản.</i> 3.1. Quá trình nitrat hóa và ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản 3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hoạt động của vi khuẩn nitrate hóa 3.3. Ảnh hưởng của quá trình nitrat hóa đến sự biến đổi chất lượng nước <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1], [2], [3],</i>	
Chương 4. Quá trình phản nitrate hóa <i>Chương 4 cung cấp cho người học kiến thức về cơ chế của quá trình phản nitrate hóa gây biến đổi chất lượng nước và những ứng dụng trong xử lý chất thải trong nuôi trồng thủy sản.</i> 4.1. Quá trình phản nitrat hóa và ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản 4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hoạt động của vi khuẩn phản nitrate hóa 4.3. Ảnh hưởng của quá trình phản nitrat hóa đến sự biến đổi chất lượng nước <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1], [2], [3],</i>	3/0/0
Chương 5. Các quá trình kỵ khí <i>Chương 5 sẽ tập trung vào cơ chế của các quá trình sinh học xảy ra trong điều kiện thiếu oxy và ảnh hưởng của các quá trình này đến sự biến đổi chất lượng nước tác động đến sức khỏe tôm cá.</i> 5.1. Quá trình methan hóa 5.2. Quá trình phản sulfate hóa 5.3. Quá trình Anammox <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1], [2], [3],</i>	3/0/0

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
Chương 6. Quản lý chất lượng nước <i>Chương 6 sẽ cung cấp cho học viên những phương pháp chính để quản lý (điều chỉnh) các yếu tố chất lượng nước cho phù hợp với nhu cầu của tôm cá trong suốt vụ nuôi</i> 6.1. Bón vôi 6.2. Sục khí và khử khí 6.3. Bón phân 6.4. Khử trùng nước <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1], [2], [3],</i>	4/2/0
Chương 7. Phân tích chất lượng nước và bùn đáy ao <i>Chương này tập trung cung cấp cho người học về kỹ năng phân tích một số yếu tố chất lượng nước và bùn đáy ao. Chương này học viên được học và thực hành tại phòng thí nghiệm</i> 7.1. Phân tích TSS, TDS 7.2. Phân tích COD, TN và TP 7.3. Phân tích Chlorophyll-a <i>Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [4], [5]</i>	0/0/20

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

5.1. Phương pháp giảng dạy: Học phần được giảng dạy kết hợp gồm lý thuyết (20 tiết), thực hành (20 tiết). Trong quá trình học, người học sẽ thực hiện thuyết trình theo nhóm trước lớp..

5.2. Phương pháp đánh giá: Thuyết trình: 20% và thi cuối kỳ: 60%, thực hành 20%.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA HỌC PHẦN

1. Boyd, C.E. 1998. Water quality for pond aquaculture. Research and Development. Series No. 43, August 1998. International Center for Aquaculture and Aquatic Environments Alabama Agricultural Experiment Station, Auburn University. 37p.

2. Boyd, C.E. (1990). Water quality in pond for aquaculture. Birmingham Publishing Co., Birmingham, USA. 482p.
3. Boyd, C.E., Tucker, C.S. (2014). Handbook for aquaculture water quality. *Handbook for Aquaculture Water Quality*. 439p.
4. Boyd, C.E. and C.S. Tucker (1992). Water Quality and Pond Soil Analyses for Aquaculture. Alabama Agricultural Experiment Station, Auburn University, Alabama, 183 p.
5. APHA, AWWA, WEF. 2001. Standard methods for the examination of water and wastewater, 19th edition. American Public Health Association 1015 Fifteenth Street, NW Washington, DC 20005.

Duyệt của đơn vị
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA THỦY SẢN

Ngày 05 tháng 05 năm 2017
Người biên soạn

Trương Quốc Phú

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

1.1. Tên và mã số học phần: **QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TRONG SẢN XUẤT THỦY SẢN – TSQ613** (Quality Management in Aquaculture Production)

1.2. Cấu trúc học phần: 2TC (LT: 1; BT: 1), 40 tiết (LT: 20; BT: 20)

1.3. Học phần tiên quyết: không

1.4. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa Thủy sản

1.5. Thông tin giảng viên:

TS. Võ Nam Sơn (Khoa Thủy sản)

Email: vnson@ctu.edu.vn

Cán bộ tham gia giảng dạy:

GS.TS. Nguyễn Thanh Phương (Khoa Thủy sản) (Email: ntphuong@ctu.edu.vn) NCS.

Trần Minh Phú (Khoa Thủy sản) (Email: tmphu@ctu.edu.vn)

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Quản lý chất lượng trong sản xuất thủy sản là yêu cầu cấp thiết hiện nay trong nghề thủy sản. Môn học cung cấp các thông tin về nguyên lý và yêu cầu trong quản lý chất lượng chuỗi sản xuất từ khâu sản xuất giống đến khâu nuôi thành phẩm. Các tiêu chuẩn về quản lý chất lượng theo các mục tiêu khác nhau sẽ được trình bày bao gồm các tiêu chuẩn quốc tế như BAP/ACC, PAD/ASC, GlobalGAP và tiêu chuẩn trong nuôi trồng thủy sản Việt Nam như VietGAP. Các kiến thức về xây dựng và quản lý sử dụng thương hiệu cũng sẽ được đề cập trong môn học. Người học có thể ứng dụng các kiến thức học được vào thực tế sản xuất nuôi trồng thủy sản để nâng cao chất lượng và giá trị của sản phẩm đồng thời góp phần phát triển nghề nuôi thủy sản bền vững.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong, người học hiểu biết được tầm quan trọng và nguyên lý trong quản lý chất lượng chuỗi sản xuất thủy sản, đủ kiến thức để thảo luận các chủ đề về các tiêu chuẩn áp dụng trong nuôi trồng thủy sản bao gồm các tiêu chuẩn quốc tế như BAP/ACC, PAD/ASC, GlobalGAP và tiêu chuẩn Việt Nam như VietGAP. Ngoài ra,

người học cũng được cung cấp các kiến thức về xây dựng và quản lý sử dụng thương hiệu sản phẩm thủy sản. Người học có thể ứng dụng lý thuyết đã học cho việc xây dựng và đánh giá việc áp dụng các tiêu chuẩn vào thực tế sản xuất.

Về lý thuyết:

- Có kiến thức tổng quan về việc áp dụng tiêu chuẩn trong nuôi trồng thủy sản; lợi ích của tham gia thực hiện tiêu chuẩn nuôi trồng thủy sản; các vấn đề chung cần thực hiện khi tham gia thực hiện các tiêu chuẩn.

- Nắm rõ yêu cầu và phương thức thực hiện các tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong nuôi trồng thủy sản như BAP/ACC, PAD/ASC, GlobalGAP và tiêu chuẩn Việt Nam như VietGAP.

- Tầm quan trọng và nguyên tắc trong xây dựng và quản lý sử dụng thương hiệu sản phẩm thủy sản.

Về thực hành:

- Xây dựng được quy trình quản lý chất lượng chuỗi sản xuất thủy sản; thiết lập hệ thống tiêu chuẩn chứng nhận và thực hiện đánh giá nội bộ các tiêu chuẩn nuôi trồng thủy sản quốc tế và Việt Nam.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chương	Tiết (LT/BT)
Chương 1: Tổng quan Chương này giới thiệu chung về các tiêu chuẩn nuôi trồng thủy sản đang được áp dụng và các vấn đề chung cần thực hiện khi tham gia thực hiện các tiêu chuẩn. Chương gồm các nội dung chi tiết như (i) tổng quan về việc áp dụng tiêu chuẩn trong nuôi trồng thủy sản; (ii) lợi ích của tham gia thực hiện tiêu chuẩn nuôi trồng thủy sản; (iii) các vấn đề chung cần thực hiện khi tham gia thực hiện các tiêu chuẩn; và (iv) khả năng đồng công nhận giữa các tiêu chuẩn chứng	2/0

nhận. Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1], [2], [3], [4],[5] và [6].	
Chương 2: Tiêu chuẩn nuôi trồng thủy sản tốt hơn (Better Aquaculture Practice, BAP Standards) Chương này sẽ cung cấp cho học viên các yêu cầu và tiêu chí thực hiện tiêu chuẩn BAP/ACC trong sản xuất giống và nuôi thương phẩm thủy sản. Sinh viên có 5 tiết bài tập trong xây dựng và đáp ứng các tiêu chí theo tiêu chuẩn này. Chương gồm các chi tiết như (i) giới thiệu về tiêu chuẩn BAP/ACC; (ii) các yêu cầu và quy trình chứng nhận; và (iii) các tiêu chí đáp ứng tiêu chuẩn BAP/ACC Bài tập nhóm Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [1].	3/5
Chương 3: Tiêu chuẩn thực hành tốt nông nghiệp toàn cầu – GlobalGAP Chương này sẽ cung cấp cho học viên các yêu cầu và tiêu chí thực hiện tiêu chuẩn GlobalGAP trong sản xuất giống và nuôi thương phẩm thủy sản. Sinh viên có 5 tiết bài tập trong xây dựng và đáp ứng các tiêu chí theo tiêu chuẩn này. Chi tiết gồm (i) giới thiệu về tiêu chuẩn GlobalGAP; (ii) các yêu cầu và quy trình chứng nhận; và (iii) các tiêu chí đáp ứng tiêu chuẩn GlobalGAP Bài tập Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [4] và [5].	4/5
Chương 4: Tiêu chuẩn đối thoại nuôi cá tra (Pangasius Aquaculture Dialogue - PAD/ASC) và tôm biển Chương này sẽ cung cấp cho học viên các yêu cầu và tiêu chí thực	4/5

hiện tiêu chuẩn PAD/ASC trong nuôi thương phẩm thủy sản. Sinh viên có 5 tiết bài tập trong xây dựng và đáp ứng các tiêu chí theo tiêu chuẩn này. Chương gồm (i) giới thiệu về tiêu chuẩn PAD/ASC; (ii) các yêu cầu và quy trình chứng nhận; và (iii) các tiêu chí đáp ứng tiêu chuẩn PAD/ASC. Bài tập Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [2, 3 và 6].	
Chương 5: Tiêu chuẩn thực hành tốt nông nghiệp Việt Nam – VietGAP Chương này sẽ cung cấp cho học viên các yêu cầu và tiêu chí thực hiện tiêu chuẩn VietGAP trong nuôi thương phẩm thủy sản. Sinh viên có 5 tiết bài tập trong xây dựng và đáp ứng các tiêu chí theo tiêu chuẩn này. Chương sẽ dạy chi tiết về (i) giới thiệu về tiêu chuẩn VietGAP; (ii) các yêu cầu và quy trình chứng nhận; và (iii) các tiêu chí đáp ứng tiêu chuẩn VietGAP. Bài tập Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [7].	4/5
Chương 6: Nguyên lý trong xây dựng và quản lý thương hiệu sản phẩm thủy sản Chương này sẽ cung cấp cho học viên các khái niệm về thương hiệu sản phẩm. Các nguyên lý trong việc xây dựng thương hiệu sản phẩm và phương thức đăng ký, quản lý và quảng bá thương hiệu sản phẩm. Chương gồm các nội dung như (i) khái niệm về thương hiệu sản phẩm thủy sản; (ii) các yêu cầu và quy trình đăng ký thương hiệu sản phẩm; và (iii) quản lý và quảng bá thương hiệu sản phẩm Để học tốt chương này học viên tham khảo các tài liệu [8].	3/0

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

5.1. Phương pháp giảng dạy: học phần được giảng dạy kết hợp gồm lý thuyết (20 tiết), bài tập (20 tiết); trong quá trình học, học viên sẽ làm bài tập và thuyết trình theo nhóm trước lớp. Học viên sẽ được tham quan cơ sở thực hiện các tiêu chuẩn nuôi trồng thủy sản.

5.2. Phương pháp đánh giá: Bài tập thuyết trình: 40% và thi cuối kỳ: 60%.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA HỌC PHẦN

- [1] Aquaculture Facility, Certification, Pangasius Farms, Best Aquaculture Practices, Certification Standards, Guidelines, Revised version September 2014.
- [2] ASC shrimp standard version 1.0 March 2014
- [3] ASC Pangasius standard version 1.0 March 2012
- [4] GLOBALG.A.P. Control Points and Compliance Criteria, Integrated Farm Assurance, AQUACULTURE MODULE, English Version, Final Version 4.0_Mar2011, Valid from: 1 March 2011, Obligatory from: 1 January 2012
- [5] GLOBALG.A.P. Introduction, Integrated Farm Assurance, English Version 4.0 Edition 4.0_2 Mar 2013.
- [6] Pangasius Aquaculture Dialogue Standards, created by Pangasius Aquaculture Dialogue. 2010. All rights reserved by World Wildlife Fund, Inc. Published August 31, 2010
- [7] Quy phạm thực hành Nuôi trồng thủy sản tốt tại Việt Nam (VietGAP). 2014. Bộ NN và PT Nông thôn.
- [8] Thương hiệu sản phẩm thủy sản, online document.

Duyệt của đơn vị
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA THỦY SẢN

Ngày 05 tháng 05 năm 2017
Người biên soạn

Võ Nam Sơn

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN VÀ GIẢNG VIÊN

1.1. Tên và mã số học phần: **Tổng hợp kiến thức Bệnh học thủy sản**

1.2. Cấu trúc học phần: 2 TC, 30 tiết (LT: 20; TH:20)

1.3. Học phần tiên quyết:

1.4. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Bệnh học Thủy sản

1.5. Thông tin giảng viên:

PGs. Ts. Trần Thị Tuyết Hoa

Email : ttthoa@ctu.edu.vn

PGs. Ts. Đặng Thị Hoàng Oanh

Email : dthoanh@ctu.edu.vn

PGs. Ts. Từ Thanh Dung

Email : ttdung@ctu.edu.vn

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần bao gồm 20 tiết lý thuyết, 20 tiết thực hành. Học phần giúp học viên tổng hợp các kiến thức và kỹ thuật thực hành cơ bản và nâng cao trong: (i) nghiên cứu bệnh không truyền nhiễm và bệnh truyền nhiễm ở động vật thủy sản; (ii) sử dụng thuốc/hóa chất và các biện pháp phòng trị bệnh ở những đối tượng thủy sản nuôi vùng Đồng bằng sông Cửu long; (iii) một số kỹ thuật chẩn đoán bệnh ở động vật thủy sản được ứng dụng phổ biến hiện nay. Ngoài ra, học phần giúp rèn luyện tác phong nghề nghiệp, các kỹ năng, năng lực để làm việc hiệu quả về lĩnh vực chuyên môn.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Học phần được thiết kế với các mục tiêu cụ thể

Về lý thuyết:

- Học phần giúp cho học viên tổng hợp những kiến thức chuyên sâu về: (i) một số bệnh phổ biến ở các loài cá, giáp xác nuôi; (ii) phương pháp chẩn đoán bệnh trên động vật thủy sản; (iii) phương pháp phòng trị bệnh tổng hợp.

Về thực hành:

- Học viên nắm vững một số kỹ thuật chẩn đoán bệnh ở động vật thủy sản được ứng dụng phổ biến hiện nay

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chương	Tiết (LT/BT/TH)
Phần 1. Tổng hợp kiến thức	20/0/0
1. Một số bệnh thường gặp trên cá và biện pháp phòng trị	

2. Một số bệnh thường gặp trên tôm và biện pháp phòng trị 3. Các nguyên lý và nguyên tắc cơ bản trong chẩn đoán bệnh thủy sản. 4. Các kỹ thuật cơ bản trong chẩn đoán bệnh thủy sản 5. Ứng dụng dịch tễ học trong quản lý dịch bệnh thủy sản 6. Thuốc, hóa chất và phương pháp sử dụng trong nuôi trồng thủy sản <i>Để học tốt phần 1 học viên tham khảo các tài liệu [1], [2], [3], [4],[5].</i>	
Phần 2. Thực hành kỹ năng 1. Phương pháp giải phẫu kiểm tra kí sinh trùng cá tôm 2. Phân lập và quan sát đặc điểm hình thái vi nấm 3. Phương pháp xác định các chỉ tiêu sinh hoá vi khuẩn 4. Phương pháp kháng sinh đồ. 5. Phát hiện MBV, HPV bằng phương pháp nhuộm nhanh. 6. Phát hiện WSSV bằng kỹ thuật PCR <i>Để học tốt phần 2 học viên tham khảo các tài liệu [6], [7].</i>	0/0/20

5. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

5.1. Phương pháp giảng dạy: học phần được giảng dạy kết hợp gồm lý thuyết (20 tiết), thực hành (20 tiết); Thuyết giảng; Nêu tình huống, giải quyết tình huống; Nêu câu hỏi, thảo luận nhóm qua các bài tập/chuyên đề; trong quá trình học viên sẽ thuyết trình theo nhóm trước lớp và thảo luận cùng với lớp và giảng viên; (ii) Thực hành các phương pháp trong nghiên cứu bệnh do các tác nhân lây nhiễm thường gặp ở các đối tượng nuôi thủy sản.

5.2. Phương pháp đánh giá: Thi cuối kỳ: 50%, chuyên cần: 10%, thái độ chuyên môn: 40%.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA HỌC PHẦN

[1] Từ Thanh Dung, Đặng Thị Hoàng Oanh, Trần Thị Tuyết Hoa, 2005. Giáo trình Bệnh học Thủy sản.

[2] FAO Asia Diagnostic guide for aquatic animal disease. Fisheries technical paper 402/2.

- [3] Lightner, D. V. (1996). A Handbook of shrimp pathology and diagnostic procedures for disease of cultured penaeid shrimp.
- [4] Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Thanh Phương, Đặng Thị Hoàng Oanh và Trần Ngọc Hải. (2002). Quản lý sức khỏe tôm trong ao nuôi. NXB. Nông Nghiệp
- [5] Edward J. Noga.(2010). Fish Disease: Diagnosis and Treatment. Nhà xuất bản Wiley-Blackwell.
- [6] Tài liệu hướng dẫn thực tập giáo trình 1 bệnh học thủy sản. Bộ môn bệnh học thủy sản.
- [7] Đặng Thị Hoàng Oanh (2011). Giáo trình Nguyên lý và kỹ thuật chẩn đoán bệnh thủy sản. Nhà xuất bản Nông nghiệp.

Ngày 4 tháng 5 năm 2017

Người biên soạn

Duyệt của đơn vị
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA THỦY SẢN

Trần Thị Tuyết Hoa

PHỤ LỤC 2:
LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA CÁN BỘ
CƠ HỮU

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Kèm theo Thông tư số: 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: Đặng Thị Hoàng Oanh Giới tính: Nữ
Ngày, tháng, năm sinh: 01/10/1969 Nơi sinh: Cần Thơ
Quê quán: Vĩnh Thạnh, Cần Thơ Dân tộc: kinh
Học vị cao nhất: Tiến sĩ Năm, nước nhận học vị: 2008, Úc
Chức danh khoa học cao nhất: Phó giáo sư Năm bổ nhiệm: 2011
Chức vụ : Trưởng Bộ môn
Đơn vị công tác: Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: 83/13B, đường Hoàng Văn Thụ, TP. Cần Thơ.
Điện thoại liên hệ: CQ: 07103.834532 NR: 07103.813358 DD: 0915858809
Fax: 0710. 3830.323 Email: dthoanh@ctu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy
Nơi đào tạo: Đại học Cần Thơ
Ngành học: Nuôi trồng Thủy sản
Nước đào tạo: Việt Nam Năm tốt nghiệp: 1991

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Khoa học biển
Năm cấp bằng: 1999
Nơi đào tạo: Đại học Aarhus, Đan mạch
- Tiến sĩ chuyên ngành: Vi sinh vật và ký sinh trùng học
Năm cấp bằng: 2008
Nơi đào tạo: Đại học Queensland, Úc
- Tên luận án: Inhibition of viral infection in *Penaeus monodon* prawns by using RNA interference (Ức chế sự sao chép của vi-rút trên tôm sú bằng ARN can thiệp)

3. Ngoại ngữ: 1. Tiếng anh Mức độ sử dụng: Trình độ C

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
1993-1994	Chương trình quốc tế EC tại Việt Nam	Trợ lý về nuôi trồng thủy sản
1995-1996	Khoa Nông nghiệp, Trường Đại học Cần thơ	Giảng dạy và nghiên cứu
1997-1999	Trường Đại học Aarhus, Đan Mạch	Học Thạc sỹ
2000-2002	Khoa Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ	Giảng dạy và nghiên cứu
2003-2007	Trường Đại học Queensland, Úc	Học Tiến sĩ
2008- nay	Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần thơ	Giảng dạy và nghiên cứu

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Nghiên cứu dịch tễ học và xác định tác nhân gây bệnh phân trắng ở tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) nuôi ở Đồng Bằng Sông Cửu Long	2006-2007	B2006-16-36 Cấp Bộ	Chủ nhiệm
2	Nghiên cứu xác định tác nhân gây bệnh đục cơ (White tail disease) trên tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) ương nuôi tại Cần Thơ	2007-2009	Cấp tỉnh (Cần Thơ)	Chủ nhiệm
3	Nâng cao năng lực các phòng thí nghiệm PCR xét nghiệm vi-rút trên tôm ở Việt Nam (Improving capability for shrimp virus PCR testing laboratories in	2008-2009	Hợp tác quốc tế. ACIAR SRA no. FIS/2005/115	Chủ nhiệm

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	Vietnam)			
4	Nghiên cứu ứng dụng quy trình mPCR phát hiện một số mầm bệnh vi khuẩn nhiễm trên cá tra nuôi tại Vĩnh Long	2009-2010	Đề tài cấp tỉnh Vĩnh Long	Chủ nhiệm
5	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật LAMP xác định vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây bệnh gan thận mủ trên cá tra	2009-2010	Đề tài nhánh cấp nhà nước (Viện Công nghệ sinh học Việt Nam)	Tham gia
6	Nghiên cứu tạo dòng vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> nhược độc dùng làm vaccine phòng bệnh gan thận mủ cá tra bằng kỹ thuật gây đột biến gen	2010-2011	Đề tài nhánh cấp nhà nước (Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản III)	Tham gia
7	Nghiên cứu xác định nguyên nhân gây bệnh hoại tử gan tụy trên tôm tại một số vùng nuôi tôm của các tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau, Bến Tre	2012	Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn	Chủ nhiệm
8	Nghiên cứu thử nghiệm để kiểm soát sự lây lan của bệnh chưa rõ nguyên nhân ảnh hưởng đến tôm	2012-2013	FAO TCP/VIE/3304	Chủ nhiệm
9	Xác định vai trò của vi khuẩn <i>Vibrio</i> , phage và ảnh hưởng của các điều kiện môi trường nuôi tôm khác nhau đến hội chứng hoại tử gan tụy ở tôm sú và tôm thẻ nuôi tại ĐBSCL	2013	Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn	Chủ nhiệm

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
10	Nghiên cứu bệnh xuất huyết trên cá Bống kèo (<i>Pseudapocryptes lanceolatus</i>) nuôi thương phẩm và đề xuất giải pháp phòng, trị	2013-2014	B2013- 16-29 Cấp Bộ	Chủ nhiệm
11	Tiếp tục làm rõ vai trò của Vibriophage đến hội chứng hoại tử gan tụy ở tôm sú và tôm thẻ chân trắng nuôi ở ĐBSCL	2014	Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn	Chủ nhiệm
12	Nghiên cứu ảnh hưởng của ô nhiễm hóa chất đến hiện tượng tôm nuôi nước lợ chết hàng loạt tại ĐBSCL	2013-2014	Đề tài nhánh cấp nhà nước (Viện Môi trường nông nghiệp)	Tham gia
13	Xây dựng quy trình phòng và trị bệnh cá lóc từ giai đoạn ương giống đến nuôi thịt	2014-2015	Đề tài cấp tỉnh An Giang	Chủ nhiệm
14	Phân tích mối nguy về sự kháng thuốc kháng sinh trong môi trường nuôi Thủy sản ở Châu Á (Hazard analysis of antimicrobial of resistance associated with Asian aquacultural environments)	2002-2004	Hợp tác quốc tế-INCO-DEV ICA4-2000-10090	Tham gia
15	Sử dụng những chất chiết xuất thảo dược để phòng bệnh trên cá chép và cá tra	2007-2009	Hợp tác quốc tế, Hungary	Tham gia
16	Rebuilding resilience of coastal populations and aquatic resources: habitats, biodiversity & sustainable use options	2007-2010	Chính phủ Hà Lan	Tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
17	Improving management practices and food safety related to the use of chemicals for a sustainable freshwater aquaculture in the Mekong delta (DELTAQUASAFE)	2009-2013	Wallonie, Belgium	Tham gia
18	Sự tự vệ của tôm chống lại vi-rút đốm trắng	2010-2011	FLANDER-NAFOSTED	Tham gia

2. Các công trình khoa học đã công bố: (tên công trình, năm công bố, nơi công bố)

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1.	Trần Quốc Việt, Nguyễn Hồng Sơn, Đỗ Phương Chi, Nguyễn Huy Mạnh, Đặng Thị Hoàng Oanh . Nghiên cứu khả năng gây độc cấp tính và hội chứng gan tụy do Cypermethrin gây ra đối với tôm sú và tôm thẻ chân trắng ở đồng bằng sông Cửu Long .	2015	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn. 79-85
2.	Nguyễn Hoàng Nhật Uyên, Đặng Thị Hoàng Oanh và Huỳnh Kim Nguyên. Đáp ứng miễn dịch của cá tra (pangasianodon hypophthalmus) gây ra bởi vi khuẩn Edwardsiella ictaluri.	2014	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ.
3.	Đặng Thị Hoàng Oanh, Trần Việt Tiên and Nguyễn Thanh Phương. Effect of insecticide containing deltamethrin on immune response of the giant freshwater prawn (Macrobrachium rosenbergii).	2014	Asian Fisheries Science
4.	Nguyễn Thị Kiều và Đặng Thị Hoàng Oanh. Đáp ứng miễn dịch của cá điêu hồng (Oreochromis sp.) chủng vaccine aquavac strep sa.	2013	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 25: 11
5.	Nguyễn Thu Dung và Đặng Thị	2013	Tạp chí Khoa học

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	Hoàng Oanh. Hiện trạng về quản lý dịch bệnh trong nuôi cá bống kèo Ở Tỉnh Bạc Liêu.		Trường Đại học Cần Thơ. 27: 169-177
6.	Lê Thượng Khởi, Đặng Thị Hoàng Oanh và Võ Văn Nha. Kích thích miễn dịch đặc hiệu Ở cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) bằng vi khuẩn edwardsiella ictaluri đột biến gen chondroitinase,	2013	Tạp chí khoa học. Đại học Cần Thơ. 25: 11
7.	M. L Rogge , L. Dubytska , Tae Sung Jung , J. Wiles , Ahmad A Elkamel , A. Rennhoff , DTH Oanh , Ronald L Thune . Comparison of Vietnamese and US isolates of Edwardsiella ictaluri.	2013	Diseases of Aquatic Organisms. 1: 1
8.	J.J. Dantas-Lima, M. Corteel, D.T.H. Oanh, P. Bossier, P. Sorgeloos, H.J. Nauwynck. Development of two haemocyte culture systems for shrimp immunity studies	2012	Aquaculture 366–367: 17–26
9.	Tran Thi Tuyen Hoa, Mai Nam Hung và Dang T. H. Oanh. Đặc điểm gen của vi rút gây bệnh đốm trắng (white spot syndrome virus) từ hệ thống nuôi tôm sú quảng canh cải tiến.	2012	Tạp chí khoa học. Đại học Cần Thơ. 22c: 129
10.	Đặng Thụy Mai Thy , Trần Thị Thủy Cúc, Nguyễn Châu Phương Lam, Đặng Thị Hoàng Oanh và Nguyễn Đức Hiền. Đặc điểm mô bệnh học cá rô nhiễm vi khuẩn Aer? và Str? trong điều kiện thực nghiệm.	2012	Tạp chí khoa học. Đại học Cần Thơ. 22c: 183
11.	Nguyễn Thị Thu Hằng và Dang T. H. Oanh.. Xác định nhóm ký sinh trùng tạo bào nang trên cá tra (Pangasianodon hypophthalmus).	2012	Tạp chí khoa học. Đại học Cần Thơ. 22c: 155
12.	Tran Thi Tuyen Hoa, Mark P. Zwart, Nguyen T. Phuong, Dang T. H. Oanh, Mart C. M. de Jong, Just M. Vlak.. Indel-II region deletion sizes	2012	Diseases of aquatic organisms. 99: 153–162

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	in the white spot syndrome virus genome correlate with shrimp disease outbreaks in southern Vietnam.		
13.	Đặng Thị Hoàng Oanh và Nguyễn Thanh Phương. Các bệnh nguy hiểm trên tôm nuôi ở Đồng Bằng Sông Cửu Long.	2012	Tạp chí khoa học. Đại học Cần Thơ. 22c: 106
14.	Đặng Thị Hoàng Oanh và Nguyễn Thanh Phương. Phân lập và xác định đặc điểm của vi khuẩn <i>Streptococcus agalactiae</i> từ cá điêu hồng (<i>Oreochromis</i> sp) bệnh phù mắt và xuất huyết.	2012	Tạp chí khoa học. Đại học Cần Thơ. 22c: 103
15.	Đặng Thị Hoàng Oanh và Nguyễn Thanh Phương. Thử nghiệm điều trị bệnh do vi khuẩn <i>edwardsiella ictaluri</i> trên cá tra bằng thuốc kháng sinh erythromycin thiocyanate.	2012	Tạp chí khoa học. Đại học Cần Thơ. 22c: 146
16.	Đặng Thị Hoàng Oanh, Trương Quỳnh Như và Nguyễn Đức Hiền. Phân lập và xác định khả năng gây bệnh xuất huyết trên cá rô đồng (<i>Anabas testudineus</i>) của vi khuẩn <i>Streptococcus agalactiae</i> .	2012	Tạp chí khoa học. Đại học Cần Thơ. 22c: 183
17.	Dang T. H. Oanh và Nguyễn Đức Hiền. Phân lập và xác định khả năng gây bệnh xuất huyết trên lươn đồng (<i>monopterus albus</i>) của vi khuẩn <i>aeromonas hydrophila</i> .	2012	Tạp chí khoa học. Đại học Cần Thơ. 22c: 194
18.	Lê Hữu Thôi, Đặng Thị Hoàng Oanh và Nguyễn Thanh Phương. Tối ưu hóa và ứng dụng qui trình phân tích các chỉ tiêu miễn dịch tự nhiên ở tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>).	2012	Tạp chí khoa học. Đại học Cần Thơ. 21b: 10
19.	Lê Hữu Thôi, Đặng Thị Hoàng Oanh và Nguyễn Thanh Phương. Đáp ứng miễn dịch tự nhiên của tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) cảm nhiễm vi-rút gây	2012	Tạp chí khoa học. Đại học Cần Thơ. 21b: 1

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	bệnh đốm trắng (White spot syndrome virus).		
20.	Trần Nguyễn Diễm Tú và Đặng Thị Hoàng Oanh. Chuẩn hóa qui trình mPCR phát hiện đồng thời vi khuẩn <i>E. ictaluri</i> , <i>A. hydrophila</i> và <i>F. columnare</i> từ máu cá tra (<i>P. hypophthalmus</i>).	2012	Tạp chí khoa học. Đại học Cần Thơ. 21b: 188
21.	Trần Nguyễn Diễm Tú và Đặng Thị Hoàng Oanh. Chuẩn hóa qui trình PCR phát hiện vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> , <i>Aeromonas hydrophila</i> và <i>Flavobacterium columnare</i> từ máu cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>).	2012	Tạp chí khoa học. Đại học Cần Thơ. 21b: 179
22.	Hoa, T. T. T. Hoa, M. P. Zwart, N. T. Phuong, D. T. H. Oanh , M. C. M. de Jong and J. M. Vlak. Mixed-genotype white spot syndrome virus infections of shrimp are inversely correlated with disease outbreaks in ponds.	2011	Journal of general virology ISSN: 0022-1317 . 92: 675-680.
23.	Trần Việt Tiên và Đặng Thị Hoàng Oanh . Hoàn thiện qui trình mPCR phát hiện đồng thời vi-rút gây bệnh đốm trắng (white spot syndrome virus) và vi-rút gây bệnh còi (<i>monodon baculovirus</i>) ở tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) sử dụng gen β -actin làm nội chuẩn.	2011	Kỷ yếu hội nghị Khoa học Thủy sản lần 4: 233-240. Nhà Xuất bản Nông nghiệp.
24.	Nguyễn Hà Giang, Trần Việt Tiên và Đặng Thị Hoàng Oanh . Ứng dụng qui trình mPCR phát hiện đồng thời 3 loài vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> , <i>Aeromonas hydrophila</i> và <i>Flavobacterium columnare</i> .	2011	Kỷ yếu hội nghị Khoa học Thủy sản lần 4: 241-249. Nhà Xuất bản Nông nghiệp.
25.	Nguyễn Thị Thu Hằng và Đặng Thị Hoàng Oanh . Kết quả nghiên cứu bước đầu về bệnh gạo trên cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>).	2011	Kỷ yếu hội nghị Khoa học Thủy sản lần 4: 262-269. Nhà Xuất bản Nông nghiệp.

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
26.	Đặng Thị Hoàng Oanh và Đỗ Xuân Hoa. Ứng dụng kỹ thuật realtime-PCR phát hiện vi khuẩn <i>Aeromonas hydrophila</i> gây bệnh xuất huyết trên cá tra.	2011	Kỷ yếu hội nghị Khoa học Thủy sản lần 4: 270-277. Nhà Xuất bản Nông nghiệp.
27.	Trần Thị Yến Nhi và Đặng Thị Hoàng Oanh . Ảnh hưởng của chiết xuất từ cây hoàng kỳ (<i>Astragalus radix</i>) lên một số chỉ tiêu miễn dịch không đặc hiệu của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>).	2011	Kỷ yếu hội nghị Khoa học Thủy sản lần 4: 278-288. Nhà Xuất bản Nông nghiệp.
28.	Đặng Thụy Mai Thy và Đặng Thị Hoàng Oanh . Đặc điểm mô bệnh học ở cá điêu hồng (<i>Oreochromis sp</i>) nhiễm vi khuẩn <i>Streptococcus agalactiae</i> trong điều kiện thực nghiệm.	2011	Kỷ yếu hội nghị Khoa học Thủy sản lần 4: 289-301. Nhà Xuất bản Nông nghiệp.
29.	Oanh, D. T. H. , M. C. W. van Hunten, J. A. Cowley and P. J. Walker. Pathogenicity of gill-associated virus and moribund virus during mixed infections of black tiger shrimp (<i>Penaeus monodon</i>).	2010	Journal of general virology ISSN: 0022-1317 . 92: 893-901.
30.	Đặng Thụy Mai Thy và Đặng Thị Hoàng Oanh . Đặc điểm mô bệnh học và huyết học ở cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) nhiễm vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> trong điều kiện thực nghiệm.	2010	Tạp chí khoa học, Đại học Cần thơ. 14b:232-245.
31.	Đặng Thị Hoàng Oanh và Nguyễn Trúc Phương. Phát hiện vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây bệnh mù gan trên cá tra (<i>P. hypophthalmus</i>) bằng phương pháp PCR.	2010	Tạp chí khoa học. Đại học Cần thơ. 13: 151-159
32.	Nguyễn Ngọc Dung và Đặng Thị Hoàng Oanh . Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật realtime-PCR chẩn đoán	2010	Tạp chí khoa học, Đại học Cần thơ. 14b:221-231

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	bệnh mủ gan do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây ra trên cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>).		
33.	Đặng Thị Hoàng Oanh , Trần Nguyễn Diễm Tú và Trần Việt Tiên. Qui trình mPCR phát hiện đồng thời vi-rút gây bệnh đốm trắng. vi-rút parvo gây bệnh trên gan tụy tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>).	2010	Tạp chí khoa học. Đại học Cần thơ. 13:144-150.
34.	Nguyễn Hà Giang và Đặng Thị Hoàng Oanh . Phân lập và xác định khả năng gây bệnh trắng da trên cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) của vi khuẩn <i>Flavobacterium columnare</i> .	2010	Tạp chí khoa học, Đại học Cần thơ. 14b:211-220
35.	Trần Việt Tiên và Đặng Thị Hoàng Oanh . Phát triển qui trình multiplex PCR phát hiện đồng thời white spot syndrome virus và infectious hypodermal and hematopoietic trên tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) có sử dụng gen beta actin làm nội chuẩn.	2010	Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. 15b: 91-96
36.	Đặng Thị Hoàng Oanh , Marielle C. W. van Hulten and Peter J. Walker. RNA can thiệp lên gen VP28 của WSSV biểu hiện bằng baculovirus tái tổ hợp.	2010	Tạp chí khoa học, Đại học Cần thơ. 15a: 217-
37.	Lê Hữu Thôi, Trương Quỳnh Như, Nguyễn Hà Giang và Đặng Thị Hoàng Oanh . Nghiên cứu ứng dụng qui trình mPCR chẩn đoán đồng thời vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> và <i>Aeromonas hydrophila</i> trên thận cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>).	2010	Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. 16a: 129-135-
38.	Nguyễn Hà Giang, Trương Quỳnh Như, Lê Hữu Thôi và Đặng Thị Hoàng Oanh . Nghiên cứu ứng dụng qui trình PCR chẩn đoán vi khuẩn <i>A. hydrophila</i> trên thận cá tra (<i>P. hypophthalmus</i>) bệnh xuất huyết.	2010	Tạp chí khoa học, Đại học Cần thơ. 16a: 136-

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
39.	Nguyễn Thị Thuý Liễu, Bùi Thị Bích Hằng và Đặng Thị Hoàng Oanh . Sự biến động về huyết học và khả năng diệt khuẩn của huyết thanh trên cá tra nhiễm <i>Edwardsiella ictaluri</i> .	2009	Tạp chí khoa học, Đại học Cần thơ. 17a:20-29.
40.	Trần Việt Tiên, Đặng Thị Hoàng Oanh và Nguyễn Thanh Phương. Phát triển qui trình mRT-PCR phát hiện đồng thời MrNV, XSV và gen β -actin trên tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>). <i>Giải nhất</i> .	2009	Kỷ yếu hội nghị khoa học trẻ các trường Đại học khối nông lâm ngư thủy tại Thái Nguyên 26-27 tháng 3, 2009. 438-441.
41.	Lê Hữu Thôi và Đặng Thị Hoàng Oanh . Ứng dụng qui trình RT-PCR một bước phát hiện <i>Macrobrachium nodavirus</i> (MrNV), extra small virus (XSV) sử dụng gen Beta-actin ở tôm càng xanh làm nội chuẩn.	2009	Kỷ yếu hội nghị Công nghệ Sinh học toàn quốc. Công nghệ sinh học phục vụ Nông-Lâm nghiệp, Thủy sản, Công nghiệp, Y-Dược và bảo vệ môi trường. Thái Nguyên, ngày 26-27 tháng 11, 2009. Mã số 04-09/ĐHTN-2009. 373-375.
42.	Đặng Thị Hoàng Oanh và Đặng Thụy Mai Thy. Nghiên cứu ứng dụng qui trình PCR chẩn đoán vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> trên thận cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>).	2009	Kỷ yếu hội nghị Công nghệ Sinh học toàn quốc. Công nghệ sinh học phục vụ Nông-Lâm nghiệp, Thủy sản, Công nghiệp, Y-Dược và bảo vệ môi trường. Thái Nguyên, ngày 26-27 tháng 11, 2009. Mã số 04-09/ĐHTN-2009. 289-292.
43.	Đặng Thị Hoàng Oanh , Marielle C. W. van Hulsten and Peter J. Walker . RNA can thiệp biểu hiện gen của WSSV và GAV trên tế bào côn trùng.	2009	Kỷ yếu hội nghị Công nghệ Sinh học toàn quốc. Công nghệ sinh học phục vụ Nông-Lâm nghiệp, Thủy sản, Công nghiệp, Y-Dược và bảo

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
			vệ môi trường. Thái Nguyên, ngày 26-27 tháng 11, 2009. Mã số 04-09/ĐHTN-2009. 849-852.
44.	Đặng Thị Hoàng Oanh , Hoàng Tuấn, Lê Hữu Thôi và Nguyễn Thanh Phương. Nghiên cứu xác định tác nhân gây bệnh đục cơ trên tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) ương nuôi ở Cần Thơ.	2009	Kỷ yếu hội nghị Công nghệ Sinh học toàn quốc. Công nghệ sinh học phục vụ Nông-Lâm nghiệp, Thủy sản, Công nghiệp, Y-Dược và bảo vệ môi trường. Thái Nguyên, ngày 26-27 tháng 11, 2009. Mã số 04-09/ĐHTN-2009. 293-296.
45.	Đặng Thị Hoàng Oanh và Nguyễn Thanh Phương. Độc lực của vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> phân lập từ cá tra (<i>P. hypophthalmus</i>) bệnh mù gan.	2009	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn.64-69
46.	John Su, Dang Thi Hoang Oanh , Lyons, R. E., Leeton, L., van Hulten, M. C. W., Tan, S., Song, L., Rajendran, K. V., and Peter, J. W. A key gene of RNA interference pathway in the black tiger shrimp, <i>P. monodon</i> : Identification and functional characterisation.	2008	Fish and Shelfish Immunology. 24:223-233.
47.	Đặng Thị Hoàng Oanh , Phạm Trần Nguyên Thảo và Nguyễn Thanh Phương. Đặc điểm mô bệnh học tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) có dấu hiệu bệnh phân trắng nuôi ở Đồng Bằng Sông Cửu Long.	2008	Tạp chí khoa học. Đại học Cần thơ. 1: 181-186.
48.	Nguyễn Thị Thu Hằng, A. B. Glenn, Đặng Thị Hoàng Oanh và Nguyễn Thanh Phương. Đa dạng sinh học ký sinh trùng trên cá gai (<i>Gasterosteus aculeatus</i>) sống trong các môi trường nước ngọt, lợ và mặn ở	2008	Tạp chí khoa học. Đại học Cần thơ. 1: 213-221.

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	Hordaland, Norway.		
49.	Nguyễn Thị Thu Hằng, Đặng Thuy Mai Thy, Nguyễn Thanh Phương và Đặng Thị Hoàng Oanh . Investigation of parasitic infection in catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) in intensive culture systems in An Giang province.	2008	Tạp chí khoa học. Đại học Cần thơ. 1: 204-212.
50.	Trần Việt Tiên, Đặng Thị Hoàng Oanh và Trần Thị Mỹ Duyên. Phát triển qui trình mRT-PCR phát hiện GAV Gill-associated virus) và Beta-actin ở tôm sú.	2008	Tạp chí khoa học. Đại học Cần thơ. 1: 176-181.
51.	Đặng Thị Hoàng Oanh , Nguyễn Minh Hậu và Nguyễn Thanh Phương. Tỷ lệ cảm nhiễm tự nhiên của một số vi-rút gây bệnh trên tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) bột thả nuôi ở một số tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long.	2007	Tạp chí khoa học. Đại học Cần thơ. 7: 193-202
52.	Geert Huys, K. Bartie, M. Cnockaert, Dang Thi Hoang Oanh , N.T.Phuong, T. Somsiri, S. Chinabut, F. Md Yussoff, M. Shariff, M. Giacomini, A. Teale, J. Swings. Biodiversity of chloramphenicol-resistant mesophilic heterotrophs from Southeast Asian aquaculture environments.	2007	Research in Microbiology. 158: 228-235.
53.	Đặng Thị Hoàng Oanh . Đặc điểm sinh hoá và kiểu ARN ribosom của vi khuẩn Aeromonas phân lập từ bệnh phẩm thuỷ sản nuôi ở Đồng Bằng Sông Cửu Long.	2006	Tạp chí khoa học. Đại học Cần thơ. 5: 85-94.
54.	Kerry Bartie, Dang Thi Hoang Oanh , G. Huys, C. Dickson, M. Cnockaert, J. Swings, N. T. Phuong and A. Teale. Ứng dụng REP-PCR và PFGE để định tít vi khuẩn	2006	Tạp chí công nghệ sinh học. 4 (1): 31-40.

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	kháng chloramphenicol phân lập tại các trại nuôi thủy sản ở Đồng Bằng Sông Cửu Long.		
55.	Đặng Thị Hoàng Oanh , Đoàn Nhật Phương, Nguyễn Thị Thu Hằng và Nguyễn Thanh Phương. Xác định vị trí phân loại và khả năng kháng thuốc kháng sinh của vi khuẩn <i>Vibrio</i> phát sáng phân lập từ hậu ấu trùng tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) .	2006	Tạp chí khoa học. Đại học Cần thơ. 4(2): 42-52.
56.	Đặng Thị Hoàng Oanh , Nguyễn Thị Thu Hằng và Nguyễn Thanh Phương. Sự tập và phân lập vi khuẩn từ mẫu thủy sản nuôi ở Đồng Bằng Sông Cửu Long.	2006	Tạp chí khoa học. Đại học Cần thơ. 4 (2): 53-61.
57.	Somsiri, T., Dang Thi Hoang Oanh , S. Chinabut, N.T. Phuong, M. Shariff, F. Yusoff, K. Bartie, M. Giacomini, M. Robba, S. Bertone, G. Huys and A. Teale. A simple device for sampling soft pond bottom sediment.	2006	Aquaculture. 258: 650-654.
58.	Dang Thi Hoang Oanh , N.T. Phuong, T. Somsiri, S. Chinabut, F. Yusoff, M.Shariff, M. Cnockaert, K. Bartie, G. Huys, M. Giacomini, S. Bertone, J. Swings and A. Teale. Xác định đặc tính kháng thuốc kháng sinh của vi khuẩn phân lập từ các hệ thống nuôi thủy sản ở ĐBSCL.	2005	Tạp chí khoa học. Đại học Cần thơ. 4
59.	Nguyen Thanh Phuong, Dang Thi Hoang Oanh , T.T.Dung and L.X. Sinh. Bacterial Resistance to Antimicrobials Use in Shrimp and Fish Farms in the Mekong Delta, Vietnam.	2005	Proceeding of the international workshop on: Antibiotic Resistance in Asian Aquaculture Environments. Proceeding index ISBN No 88-901344-3-7.
60.	Kerry Bartie, G. Huys, J.Swings, D.T.H. Oanh , N.T.Phuong,	2005	Proceeding of the international workshop

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	M.Shariff, F. Yussoff, T. Somsiri, S.Chinabut, M. Giacomini, S. Bertone and A. Teale. The ASIARESIST project: A study of antimicrobial resistance associated with Asian aquaculture environments.		on: Antibiotic Resistance in Asian Aquaculture Environments. Proceeding index ISBN No 88-901344-3-7.
61.	Geert Huys, M. Cnockaert, K. Bartie, Dang Thi Hoang Oanh , N. T. Phuong, T. Somsiri, S. Chinabut, F. Yusoff, M. Shariff, M. Giacomini, S. Bertone, J. Swings and A. Teale. Intra- and interlaboratory performance of antibiotic disk diffusion susceptibility testing of bacterial control strains of relevance for monitoring aquaculture environments.	2005	Diseases of Aquatic Organisms, 66: 179-204.
62.	Đặng Thị Hoàng Oanh , Đoàn Nhật Phương, Nguyễn Minh Hậu và Nguyễn Thanh Phương. Thiết lập bộ sưu tập vi khuẩn kháng thuốc kháng sinh chloramphenicol tại khoa Thủy sản, Đại Học Cần Thơ.	2004	Tạp chí khoa học. Đại học Cần thơ. 2: 76-81.
63.	Đặng Thị Hoàng Oanh , Nguyễn Minh Hậu và Nguyễn Thanh Phương. Tỷ lệ cảm nhiễm WSSV (vi-rút đốm trắng) và MBV (<i>Monodon baculovirus</i>) trên tôm sú giống (<i>Penaeus monodon</i>) thả nuôi ở một số tỉnh ĐBSCL.	2004	Tạp chí khoa học. Đại học Cần thơ. 4: 143-151
64.	Phạm Trần Nguyên Thảo, Đặng Thị Hoàng Oanh và Trần Đắc Định. Ứng dụng kỹ thuật mô bệnh học vào chẩn đoán bệnh đốm trắng (WSSV) ở tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) tại Khoa Thủy sản, Đại học Cần thơ.	2004	Tạp chí khoa học. Đại học Cần thơ.4: 126-136.
65.	Trần Thị Tuyết Hoa, Nguyễn Thị Thu Hằng, Đặng Thị Hoàng Oanh và Nguyễn Thanh Phương. Thành	2004	Tạp chí khoa học. Đại học Cần thơ.4: 153-163

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	phân loài và khả năng gây bệnh của nhóm vi khuẩn <i>Vibrio</i> phân lập từ hệ thống ương tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>).		
66.	T.T.T. Hoa, R.A. Hodgson, Dang Thi Hoang Oanh , N.T. Phuong, N.J. Preston and P.J. Walker.. Genotypic variations in tandem repeat DNA segments between ribonucleotide reductase subunit genes of White Spot Syndrome Virus (WSSV) isolates from Viet Nam. In P. Walker, R. Lester and M.G. Bondad-Reantaso (eds).	2005	Disease in Asian Aquaculture V, 339-351. Fish Health Section, Asian Fisheries Society, Manila.
67.	Dang Thi Hoang Oanh , N.T. Phuong, P.J. Walker, R. Hodgson and N. Preston. Prevalence of white spot syndrome virus (WSSV) and monodon baculovirus (MBV) infection in penaeus monodon postlarvae in Vietnam. In P. Walker, R. Lester and M.G. Bondad-Reantaso (eds).	2005	Disease in Asian Aquaculture V. Fish Health Section, Asian Fisheries Society, Manila.
68.	Trần Thị Tuyết Hoa, Đặng Thị Hoàng Oanh và Nguyễn Thanh Phương. Study on diseases in giant freshwater prawns (<i>M. rosenbergii</i>): A review.	2003	Proceeding of the 2003 annual workshop of Jircas Mekong Delta Project.
69.	Đặng Thị Hoàng Oanh , Đoàn Nhật Phương và Nguyễn Thanh Phương. Xác định LD50 và thử nghiệm vắc xin phòng bệnh vi khuẩn (<i>Aeromonas hydrophyla</i>) trên cá chép (<i>Cyprinus carpio</i>).	2002	Tạp chí khoa học. Đại học Cần thơ. 242-251.
70.	Dang Thi Hoang Oanh , K. Pedersen and J. L. Larsen. Identification and characterization of <i>Vibrio</i> bacteria isolated from fish and shell fish in Vietnam.	2002	In Diseases in Asian Aquaculture IV. C.R. Lavilla-Pitogo & E.R. Cruz-Lacierda (eds). Fish Health Section, Asian Fisheries Society, Manila.

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
71.	Dang Thi Hoang Oanh , T. T. T. Hoa and N. T. Phuong. Characterization and pathogenicity studies on <i>Vibrio</i> bacteria isolated from freshwater Prawn (<i>M. rosenbergii</i>) hatcheries.	2002	Proceeding of the 2001 annual workshop of Jircas Mekong Delta Project.
72.	Hien, T. T. T, Dang Thi Hoang Oanh , H. V. Viet and M. N. Wilder. Study on the effects of Vitamin C on the larvae of freshwater prawn (<i>M. rosenbergii</i>).	2002	Proceeding of the 2001 annual workshop of Jircas Mekong Delta Project.
73.	Dang Thi Hoang Oanh , N. T. Phuong and T. T. T. Hoa. The use of probiotics in larval rearing water of Giant Freshwater Prawn (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>).	2000	Proceeding of the 2000 annual workshop of Jircas Mekong Delta Project
74.	Jeney, G., D.T.H Oanh , T.T. Dung, Z. Jeney, and N.A. Tuan. A socio-economic survey: Fish health management in the Mekong Delta.	1998	Aquaculture Asia. 2: 35-40.
75.	Jeney G., D. T. H. Oanh , T. T. Dung, Z. Jeney and N. A. Tuan. Preliminary results of the baseline survey on fish health management in freshwater aquaculture of the mekong Delta of Vietnam.	1997	Journal of Applied Ichthyology. 14: 223.

Cần Thơ, ngày 05 tháng 05 năm 2017

Xác nhận của cơ quan

TL.HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Kèm theo Thông tư số: 38/2010 /TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: **PHẠM MINH ĐỨC**

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 27/11/1971

Nơi sinh: Đồng Nai

Quê quán: Tân Hiệp, Kiên Giang

Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: Tiến sĩ

Năm, nước nhận học vị: 2009, Nhật Bản

Chức danh khoa học cao nhất:

Năm bổ nhiệm:

Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Giảng Viên

Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Khoa Thủy Sản, Trường Đại Học
Cần Thơ

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: 75/5 đường 3/2, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, Tp.
Cần Thơ

Điện thoại liên hệ: CQ: 0710 3830247 NR: 0710 3732017 DD: 0983 152109

Fax: 07103 830233

Email: pmduc@ctu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

3. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính qui

Nơi đào tạo: Đại học Cần Thơ

Ngành học: Nuôi trồng Thủy sản

Nước đào tạo: Việt Nam

Năm tốt nghiệp: 1997

Bằng đại học 2:

Năm tốt nghiệp:

4. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Khoa học Thủy sản Năm cấp bằng: 2004

Nơi đào tạo: Hà Lan

- Tiến sĩ chuyên ngành: Bệnh học Thủy sản Năm cấp bằng: 2009

Nơi đào tạo: Nhật Bản

- Tên luận án:

Studies on fungal infection on Japanese mantis shrimp (*Oratosquilla oratoria*) caused by two anamorphic fungi

Nghiên cứu vi nấm bắt toàn gây bệnh trên tôm tít Nhật Bản (*Oratosquilla oratoria*)

3. Ngoại ngữ: 1. Anh Ngữ Mức độ sử dụng: tốt

2. Nhật Ngữ Mức độ sử dụng: giao tiếp

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
1997 - 2004	Khoa Thủy sản. Đại học Cần Thơ	Cán bộ Nghiên cứu
2004 - nay	Khoa Thủy sản. Đại học Cần Thơ	Giảng Viên

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

3. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Integrated mangrove-crab culture system for sustainable use of	1998-1999	Dự án DANIDA	Thành viên

	coastal resources at Ca Mau province, 1998-1999 (Supported by DANIDA project)			
2	Rive-Shrimp alternative farming system, Soc Trang and Bac lieu provinces, 1998-1999 (Supported by ACIAR project)	1998-1999	Dự án ACIAR	Thành viên
3	Study on the community based integrated mangrove-aquaculture system for sustainable use of coastal resources, Ca Mau province, 2000-2001 (Supported by IDRC-Canana)	2000-2001	Dự án IDRC	Thành viên
4	Khảo sát môi trường và bệnh trong ao nuôi cá lóc thâm canh	2010-2011	Dự án cá tạp (USAID)	Thực hiện đề tài nhánh
5	Nghiên cứu vi nấm ký sinh trên cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) và môi trường ương nuôi	2012-2013	Đề tài NAFOSTED	Chủ nhiệm đề tài

4. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Duc, P.M. (1997). Integrated black tiger shrimp (<i>Penaeus monodon</i>) with Milkfish (<i>Chanos chanos</i>) system. BSc. thesis at Can Tho University, Viet Nam.	1997	BSc. thesis at Can Tho University

2	Trương Quốc Phú, Nguyễn Thanh Phương, Trần Ngọc Hải, Trương Hoàng Minh, Phạm Minh Đức , Lê Bảo Ngọc, S.M. Christensen (1999). Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ thị về sự thay đổi môi trường vùng ngập nước ven biển Đồng Bằng Sông Cửu Long. Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học, Đại học Cần Thơ 1999:172-177.	1999	Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học, Đại học Cần Thơ
3	Phu, T.Q., N.T. Phuong, T.N. Hai and P.M. Duc (1999). Developing of indicator for Coastal Environment changes in the Mekong Delta. DANIDA project.	1999	DANIDA project
4	Phuong, N.T., T.T.T. Hoa, P.M. Duc and D.T.H. Oanh (1999). Assessement of quality Postlaevae (<i>Penaeus monodon</i>) in Bac Lieu province. Scientific of Can Tho University.	1999	Scientific of Can Tho University
5	Phuong, N.T., V.N. Son, V.T. Toan, T.T.T. Hien and P.M. Duc (2001). Rice-fresh water prawn ingrated culture in Tan Phu Thanh village, Chau Thanh A District, Can Tho province. Proceeding of the 2001 annual workshop of JIRCAS Mekong Delta Project.	2001	Proceeding of the 2001 annual workshop of JIRCAS Mekong Delta Project.
6	Duc, P.M. (2004). A study evaluates nutrient accumulation in sediments of low and high quality input Nile tilapia <i>Oreochromis niloticus</i> . MSc. thesis at Wageningen University, the Netherlands.	2004	MSc. thesis at Wageningen University, the Netherlands.

7	Trần Ngọc Hải. Nguyễn Thanh Phương. Nguyễn Anh Tuấn và Phạm Minh Đức (2006): Nuôi cua lột (<i>Scylla</i> sp.) trong hệ thống tuần hoàn với các loại thức ăn và mật độ khác nhau. Tạp chí khoa học Đại học Cần thơ. 2: 159-170.	2006	Tạp chí KH. Đại học Cần thơ
8	Nguyễn Thị Thu Hằng. Phạm Minh Đức . 2009. Giáo trình Bệnh truyền nhiễm: Nấm và ký sinh trùng ở động vật thủy sản. 145 trang.	2009	Giáo trình
9	Duc. P.M. , Hatai. K., Kurata. O., Tensha. K., Yoshitaka. U., Yaguchi. T. and Udagawa. S-I. (2009): Fungal infection of mantis shrimp <i>Oratosquilla oratoria</i> caused by two anamorphic fungi found in Japan. Mycopathologia. 167. 229-247.	2009	Mycopathologia
10	Duc. P.M. and Hatai. K. (2009): Pathogenicity of anamorphic fungi <i>Plectosporium oratosquillae</i> and <i>Acremonium</i> sp. to mantis shrimp <i>Oratosquilla oratoria</i> . Fish Pathology. 44. 81-85.	2009	Fish Pathology. Japan
11	Duc. P.M. , Wada. S., Kurata. O., Hatai. K. (2010): In vitro and In vivo efficacy of antifungal agents against <i>Acremonium</i> sp. Fish Pathology. 45. 109-114.	2010	Fish Pathology. Japan
12	Duc. P.M. , Wada. S., Kurata. O., Hatai. K. (2010): Pathogenicity of <i>Plectosporium oratosquillae</i> and <i>Acremonium</i> sp. isolated from mantis shrimp <i>Oratosquilla oratoria</i> against kuruma prawn <i>Penaeus monodon</i> . Fish Pathology. 45. 133-136.	2010	Fish Pathology. Japan

13	Phạm Minh Đức (2010): Thí nghiệm gây cảm nhiễm nấm bất toàn <i>Plectosporium oratosquillae</i> và <i>Acremonium</i> sp. trên tôm he Nhật Bản <i>Penaeus japonicus</i> . Tạp chí khoa học Đại học Cần thơ. 14b: 188-199.	2010	Tạp chí KH. Đại học Cần thơ
14	Trần Ngọc Tuấn và Phạm Minh Đức (2010): Đặc điểm hình thái và sinh học của một số giống nấm phân lập trên cá rô đồng <i>Anabas testudineus</i> bị bệnh “nấm nhót”. Tạp chí khoa học Đại học Cần thơ. 15a: 224-231.	2010	Tạp chí KH. Đại học Cần thơ
15	Phạm Minh Đức , Nguyễn Thanh Phương và Trần Ngọc Tuấn (2010): Tổng quan bệnh nấm ở động vật thủy sản. Tạp chí khoa học Đại học Cần thơ. 16b: 88-97.	2010	Tạp chí KH. Đại học Cần thơ
16	Phạm Minh Đức và Trần Ngọc Tuấn (2011): Nghiên cứu thuốc kháng nấm và hóa chất kháng vi nấm <i>Plectosporium oratosquillae</i> và <i>Acremonium</i> sp. trong phòng thí nghiệm. Tạp chí khoa học Đại học Cần thơ. 19b: 20-29.	2011	Tạp chí KH. Đại học Cần thơ
17	Phạm Minh Đức và Nguyễn Thị Thúy Hằng (2011): Bước đầu nghiên cứu bệnh nấm thủy mi trên cá lóc giống Ở tỉnh Đồng Tháp.	2011	Tạp chí KH Nông nghiệp và PTNT
18	Phạm Minh Đức , Trần Ngọc Tuấn và Trần Thị Thanh Hiền (2012): Khảo sát mầm bệnh trên cá lóc (<i>Channa striata</i>) nuôi ao thâm canh ở An Giang và Đồng Tháp. Tạp chí khoa học Đại học Cần thơ. 21b: 124-132.	2012	Tạp chí KH Nông nghiệp và PTNT

19	Phạm Minh Đức và Trần Ngọc Tuấn (2012): Định danh nấm thủy mi (<i>Achlya bisexualis</i>) và khảo sát hóa chất kháng vi nấm. Tạp chí khoa học Đại học Cần thơ. 22c: 165-172.	2012	Tạp chí KH. Đại học Cần thơ
20	Ngô Thị Thu Thủy và Phạm Minh Đức (2012): Tương quan giữa yếu tố môi trường và sức khỏe nghêu (<i>Meretrix lyrata</i>) nuôi tại Bến Tre và Cần Giờ. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 17: 77-82.	2012	Tạp chí KH Nông nghiệp và PTNT
21	Phạm Minh Đức và Trần Ngọc Tuấn (2012): Phân lập và xác định khả năng gây bệnh của vi khuẩn (<i>Aeromonas hydrophila</i>) trên cá lóc (<i>Channa striata</i>). Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 21: 69-75.	2012	Tạp chí KH Nông nghiệp và PTNT
22	Duc, P.M., T.N. Tuan, K. Hatai (2013): <i>Aeromonas hydrophyla</i> infection in Fingerling of Snakehead (<i>Channa striata</i>) in Viet Nam. Fish pathology 48 (2), 48-51.	2013	Fish pathology, Japan
23	Phạm Minh Đức và Huỳnh Văn Hiền (2013): Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình quản lý bệnh trong mô hình nuôi luân canh tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) lúa ở Sóc Trăng. Tuyển tập hội nghị khoa học trẻ ngành thủy sản toàn quốc lần thứ IV. 489-494.	2013	Tuyển tập hội nghị khoa học trẻ ngành thủy sản toàn quốc lần thứ IV
24	Huỳnh Văn Hiền, Phạm Minh Đức và Trần Phương Ngân (2013): Phân tích các yếu tố ảnh	2013	Tuyển tập hội nghị khoa học

	hưởng đến mô hình liên kết trong nuôi cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) ở Đồng Tháp. Tuyển tập hội nghị khoa học trẻ ngành thủy sản toàn quốc lần thứ IV. 621-627.		trẻ ngành thủy sản toàn quốc lần thứ IV
25	Tuan, T.N., P.M. Duc , K. Hatai (2013): Overview of the use of probiotics in aquaculture. International Journal of Research in Fisheries and Aquaculture. 3: 89-97.	2013	International Journal of Research in Fisheries and Aquaculture
26	Phạm Minh Đức , Nguyễn Hoàng Nhật Uyên và Đặng Thụy Mai Thy (2013): Nghiên cứu vi nấm bậc cao (<i>Fusarium</i> sp.) nhiễm trên cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>). Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 15: 74-79.	2013	Tạp chí KH Nông nghiệp và PTNT
27	Phạm Minh Đức , Đặng Thụy Mai Thy và Nguyễn Hoàng Nhật Uyên (2013): Phân lập và định danh vi nấm bậc thấp trên trứng và cá tra bột (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>). Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 21: 59-64.	2013	Tạp chí KH Nông nghiệp và PTNT
28	Nguyễn Thị Cho và Phạm Minh Đức (2014): Ảnh hưởng của Bronopol và Metylen Blue đến sự phát triển của vi nấm <i>Fusarium</i> sp., <i>Saprolegnia</i> sp. và <i>Achlya</i> sp. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 3+4: 163-167. ISSN 1859-4581.	2014	Tạp chí KH Nông nghiệp và PTNT
29	Phạm Minh Đức và Trần Ngọc Tuấn (2014): Vi nấm (<i>Trichoderma</i> sp. và <i>Trichophyta</i> sp.) nhiễm trên rắn ri voi (<i>Enhydryis bocourti</i>) nuôi bể	2014	Tạp chí KH Nông nghiệp và PTNT

	ở Cần Thơ và Sóc Trăng. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Số 6: 54-59. ISSN 1859-4581.		
30	Nguyễn Văn Thường và Phạm Minh Đức (2014): Thành phần loài và phân bố của tôm họ Squillidae ở vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí khoa học trường Đại học Cần thơ, số chuyên đề thủy sản. Số 2: 270-277. ISSN: 1859-2333.	2014	Tạp chí KH. Đại học Cần thơ
31	Trần Thị Thanh Hiền, Trần Lê Cẩm Tú, Nguyễn Vĩnh Tiến, Nguyễn Bảo Trung, Trần Minh Phú, Phạm Minh Đức và Bengston David (2014): Thay thế bột cá bằng một số nguồn bột đậu nành trong thức ăn cho cá lóc (<i>Channa striata</i>). Tạp chí khoa học trường Đại học Cần thơ, số chuyên đề thủy sản. Số 1: 310-318. ISSN: 1859-2333.	2014	Tạp chí KH. Đại học Cần thơ
32	Phuong, L.H., C.T. Tao, P.M. Duc (2014): The effect of probiotics on the quality postlarvae whiteleg shrimp (<i>Litopenaeus vannamei</i>). International conference on aquaculture and environment: A focus in the Mekong Delta, Viet Nam. April 3-5, 2014, Can Tho university, Can Tho city, Viet Nam. Book of abstracts and program. Abstract 09-Poster presentation, P.67.	2014	Hội nghị môi trường và thủy sản
32	Pham Minh Duc and Dang Thuy Mai Thy (2014): Histopathology of <i>Fusarium</i> sp. infected with striped catfish (<i>Pangasianodon</i>	2014	Hội nghị bệnh thủy sản

	<i>hypophthalmus</i>). The 9 th symposium on diseases in asian Aquaculture (DAA-9), 24-28 November 2014, Ho Chi Minh City, Viet Nam. Book of Abstracts. Abstract ID 295, Poster presentation, P.192.		
33	Ngo Thi Mong Trinh, Pham Minh Duc and Dang Thuy Mai Thy (2014): Composition of fungal occurrence in snakehead fish (<i>Channa striata</i>) culture and water environment. International fisheries symposium (IFS-2014), 30-31 October 2014, Surabaya, Indonesia. Abstract book ID 1-O-36, Oral presenter, P.12.	2014	IFS
34	Vo Ngoc Duyen, Dang Thuy Mai Thy, Ngo Thi Mong Trinh and Pham Minh Duc (2014): In vitro inhibition of <i>Fusarium</i> sp. infection in striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) by bronopol and methylene blue. International fisheries symposium (IFS-2014), 30-31 October 2014, Surabaya, Indonesia. Abstract book ID 2-O-18, Oral presenter, P.53.	2014	IFS
35	Muendo P.N., M.C.J. Verdegem, J.J. Stoorvogel, A. Milstein, E.N. Gamal, P.M. Duc , and J.A.J. Verreth. 2014. Sediment accumulation in fish pond; its potential for agricultural use. International Journal of Fisheries and Aquatic Studies 1 (5): 228-241. (ISSN: 2347-5129). .	2014	International Journal of Fisheries and Aquatic Studies
36	Hai, T.N., P.M. Duc , V.N. Son, T.H. Minh, and	2015	Word

	N.T. Phuong, 2015. Innovation in seed production and farming of marine shrimp in Vietnam. Word aquaculture magazine published by the Word aquaculture society ISSN: 1041-5602. (1) 32-37.		aquaculture society
37	Tuan, T.N., W. Wei-Min, and P.M. Duc , 2015. Characterisation and homology modelling of finfish NF-KAPPA B inhibitor alpha using in silico analysis. J. Sci. & Devel. 13 (2): 216-225.	2015	J. Sci. & Devel.
38	Duc, P.M. , T.T.T. Hoa, N.T. Phuong, R.H. Bosma, H.V. Hien, and T.N Tuan, 2015. Virus diseases risk-factors associated with shrimp farming practices in rice-shrimp and intensive culture systems in Mekong Delta Viet Nam. Internaional Journal of Scientific and research publications ISSN: 2250-3153. 5(8): 174-179.	2015	Internaional Journal of Scientific and research publications
39	Duc, P.M. , D.T.M. Thy, and T.N. Tuan, 2015. Fungal species isolated from water and striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) farmed in earthen ponds in the Mekong Delta of Viet Nam. International Journal of Science, Engineering and Technology ISSN: 2348-4098. 3(5): 1164-1171.	2015	International Journal of Science, Engineering and Technology
40	Duc, P.M. , D.T.M. Thy, K. Hatai, and Y. Muraosa, 2015. Infection of striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) in Viet Nam caused by the fungus <i>Fusarium incanatum-equiseti</i> . Bull. Eur. Ass. Fish Pathol. 35(6): 208-	2015	Bull. Eur. Ass. Fish Pathol.

	216.		
41	Phạm Minh Đức , Trần Thị Tuyết Hoa và Đặng Thụy Mai Thy (2015). Vi nấm và phương pháp nghiên cứu vi nấm gây bệnh trên động vật thủy sản. Nhà xuất bản Nông nghiệp. 144 pp.	2015	Nhà xuất bản Nông nghiệp.
42	Duc P.M. , D.T.M. Thy, N.T.M. Trinh, T.N. Tuan and K. Hatai, 2016. Water molds isolated from eggs and fry of triped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) in the Mekong Delta of Viet Nam. Fisheriesciences.com 10 (1): 031-036.	2016	Fisheriesscience s.com
43	Duc P.M. , H.T. Nhan, T.T.T. Hoa, H.M. Huyen, C.T. Tao, C.M. An, D.T.M. Thy, T.N. Hai, H. Hirose and O. Satoru, 2016. Effects of heat-killed <i>Lactobacillus plantarum</i> strain L-137 on growth performance and immune responses of white leg shrimp (<i>Litopenaeus vannamei</i>) via dietary administration. International Journal of Scientific and research publications ISSN: 2250-3153. 6(3): 270-280.	2016	International Journal of Scientific and research publications
44	Tuan T.N., W. Gui-Tang and P.M. Duc , 2016. Tumor necrosis factor alpha of teleosts: in silico characterization and homology modeling. Songklanakarin J. Sci. Technol., 38(5): 549-557. ISI	2016	Songklanakarin J. Sci. Technol.
45	Phạm Minh Đức , Trần Thị Thu Thảo và Trần Ngọc Tuấn, 2016. Phân tích khía cạnh kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi hàu cửa sông	2016	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt

	(<i>Crassostrea virularis</i>) trong bè ở tỉnh Bạc Liêu. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 14 (3): 384-391.		Nam
46	Phạm Minh Đức , Trần Thị Thu Hà, Huỳnh Văn Hiền và Trần Ngọc Tuấn, 2016. Hiện trạng kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) ở tỉnh Sóc Trăng. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Số 8: 114-120. ISSN 1859-4581.	2016	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
47	Trần Thị Thanh Hiền, Lê Hữu Nghị và Phạm Minh Đức , 2016. Đánh giá tăng trưởng và khả năng đáp ứng miễn dịch của cá lóc (<i>Channa striata</i>) bằng thức ăn bột đậu nành có bổ sung mannan oligosaccharides. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Số 15: 104-111. ISSN 1859-4581.	2016	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
48	Hien T.T.T., P.M. Duc , T.L.C. Tu, T.M. Phu, D.T.M. Thy and D.A. Bengtson, 2016. Growth performance and immune response of snakehead, <i>Channa striata</i> (Bloch 1793) fed soy diets with supplementation of Mannan Oligosaccharides. Asian Fisheries Science 29: 67-81. ISSN 0116-6514.	2016	Asian Fisheries Science
49	Hien T.T.T., T.M. Phu, T.L.C. Tu, N.V. Tien, P.M. Duc and D.A. Bengtson, 2016. Effects of replacing fish meal with soya protein concentrate on growth, feed efficacy and digestibility in diets for snakehead, <i>Channa striata</i> . Aquaculture	2016	Aquaculture Research

	Research 7: 1-8.		
50	Trần Ngọc Tuấn và Phạm Minh Đức , 2016. Giới thiệu vi nấm bậc cao được phân lập từ cá nuôi ở Đồng bằng sông Cửu Long. Kiến thức chăn nuôi và Thủy sản, 2: 34-40. ISBN 982650 3592228, Nhà xuất Bản Thông Tấn.	2016	Nhà xuất Bản Thông Tấn
51	Phạm Minh Đức và Trần Ngọc Tuấn, 2016. Bệnh vi nấm thủy mi gây bệnh trên động vật thủy sản ở Đồng Bằng sông Cửu long. Kiến thức chăn nuôi và Thủy sản, 1: 33-36. ISBN 982650 3592228, Nhà xuất Bản Thông Tấn.	2016	Nhà xuất Bản Thông Tấn
52	Đặng Thụy Mai Thy, Phạm Minh Đức và Trần Thị Tuyết Hoa, 2016. Thành phần vi nấm kí sinh trên cá tra giống (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 44b: 48-57.	2016	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ
53	Đặng Thụy Mai Thy, Trần Thị Tuyết Hoa và Phạm Minh Đức , 2016. Khả năng gây bệnh của vi nấm trên cá lóc (<i>Channa striata</i>). Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Số 22: 105-113. ISSN 1859-4581.	2016	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
54	Từ Thanh Dung, Đặng Thị Hoàng Oanh và Phạm Minh Đức , Chương 8: Bệnh và quản lý dịch bệnh trong nuôi cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>), trang 156-189. Chủ biên: Nguyễn Thanh Phương và Nguyễn Anh Tuấn, 2016. Nuôi cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) ở Đồng Bằng sông Cửu Long:	2016	Nhà xuất bản nông nghiệp

	Thành công và thách thức trong phát triển bền vững. Nhà xuất bản nông nghiệp. 239 Trang. ISBN: 978-604-60-2289-3		
--	---	--	--

Cần thơ, ngày 05 tháng 05 năm 2017

Xác nhận của cơ quan

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

TL.HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC

PHẠM MINH ĐỨC

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Kèm theo Thông tư số: 38/2010 /TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: TỪ THANH DUNG

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 21-08-1962

Nơi sinh: Xã Thới Đông, Q. Ô Môn, tp. Cần Thơ

Quê quán: Q. Ô Môn, tp. Cần Thơ

Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: Tiến sĩ khoa học

Năm, nước nhận học vị: 2010

Chức danh khoa học cao nhất: Phó giáo sư tiến sĩ

Năm bổ nhiệm: 2013

Chức vụ: Giảng viên chính

Đơn vị công tác: Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: 31/7 Mậu Thân, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều, tp. Cần Thơ

Điện thoại liên hệ: CQ: : 0710-3831530-8415 ĐD: 090 3 349399

Fax: 08 710 3830323

Email: ttdung@ctu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: chính qui

Nơi đào tạo: Trường đại học Cần Thơ

Ngành học: Nuôi trồng Thủy sản

Nước đào tạo: Việt Nam

Năm tốt nghiệp: 1986

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Nuôi trồng Thủy sản

Năm cấp bằng: 1996

Nơi đào tạo: AIT- Thái Lan

- Tiến sĩ chuyên ngành: Thú y Thủy sản

Năm cấp bằng: 2010

Nơi đào tạo: Trường Đại học Ghent, Bỉ

- Tên luận án: *Edwardsiella ictaluri* in *Pangasianodon* catfish: antimicrobial resistance and the early interactions with its host.

3. Ngoại ngữ: 1. Anh văn

Mức độ sử dụng: tốt

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
Từ tháng 10/1986 – nay	Khoa Thủy sản, trường Đại học Cần thơ	Giảng dạy và nghiên cứu

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	In vitro and vivo study of the effect of selected herb extracts on bacterial isolated from hybrid catfish (Clarias macrocephalus x C. gariepinus).	1996	Luận văn Thạc sĩ, AIT- Thái Lan	Thực hiện
2	Baseline survey on fish health management in freshwater aquaculture of the Mekong Delta, Vietnam. In the framework of the international program named “West-East-South” (WES project, EC funding)	1997	Hợp tác quốc tế	Tham gia
3	Preliminary results of the study of parasitic and red spot diseases on high economical valuable catfish species in the Mekong Delta.. In the framework of the international program named “Catfish Asia” project (the cooperation with the CIRAD and ORSTOM) about the “The biological diversity and aquaculture of Clariid and Pangasiid catfishes in South-East Asia”	1998	Hợp tác quốc tế	Tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
4	Studies on the ecto-parasite infection in Pangasius hypophthalmus fingerling. In the framework of the international program named “Catfish Asia” project (the cooperation with the CIRAD and ORSTOM)	2000	Hợp tác quốc tế	Tham gia
5	Control of bacterial diseases in small scale freshwater aquaculture. (project 7054)	1999	Hợp tác quốc tế	Thư ký
6	Strategies for improved diagnosis and control of bacterial diseases in small scale freshwater aquaculture. (Project R 7463)	2001	Hợp tác quốc tế	Chủ nhiệm đề tài
7	Ảnh hưởng của chiến lược sức khỏe động vật thủy sản lên cách sinh kế của nông dân nghèo khu vực Châu Á (Project R 8119)	2002	Hợp tác quốc tế	Thư ký
8	Nghiên cứu tác nhân gây bệnh trắng đuôi trên cá bóng tượng (Oxyeleotris marmoratus)	2003	Cấp bộ	Chủ nhiệm đề tài
9	Strategies to reduce risk and livelihood impact associated with outbreaks of Bacillary Necrosis of Pangasius spp. (BNP) faemed in the Mekong Delta, Vietnam. (Project R 8093)	2004	Đề tài hợp tác với ĐH Stirling- Hội đồng Anh	Chủ nhiệm đề tài
10	Assessment of information relating to the fish health management in tra (Pangasius hypophthalmus) farming in An Giang province, Vietnam	2006	Đề tài hợp tác với ĐH Stirling- Hội	Thư ký đề tài

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
			đồng Anh	
11	Khảo sát tính kháng thuốc của nhóm vi khuẩn Edwardsiella trong ao nuôi cá tra thâm canh (trên cá, môi trường nước và đáy ao).	2008	Đề tài cấp bộ	Chủ nhiệm đề tài

2. Các công trình khoa học đã công bố: (tên công trình, năm công bố, nơi công bố...)

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Dung T.T , Ngọc N.T.T, Binh Q.T. Nghiên cứu bệnh ngoại ký sinh trên cá da trơn giống <i>Pangasius hypophthalmus</i> .	2000	Proceedings of the final workshop of the Catfish Asia project: Biodiversity and Aquaculture of South-East Asian Catfishes. May 15-20 2000, Bogor, Indonesia.
2	Crumlish, M., Dung, T. T. , Somsiri, T., Inglis, V., Thompson, K.D. Development of a sampling method for isolation of head kidney macrophage at the pond side.	2000	<i>Journal of fish disease</i> .2000, 23, 289-293.
3	Ferguson, H. W., Turnbull, J.F., Shinn, A., Thompson, K., Dung, T.T. , Crumlish, M. Bacillary necrosis in farmed <i>Pangasius hypophthalmus</i> (Sauvage) from the Mekong Delta, Vietnam.	2001	<i>Journal of fish disease</i> 2001. 24, 509-513.
4	Crumlish, M., Dung, T.T. , Turnbull, J.F.,	2002	<i>Journal of fish disease</i> 25, 733-736.

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	Ngoc, N.T.N., Ferguson, H.W. Identification of <i>Edwardsiella ictaluri</i> from diseased freshwater catfish, <i>Pangasius hypophthalmus</i> (Sauvage, 1878), cultured in the Mekong Delta, Vietnam.		
5	Dung, T.T. , Crumlish, M., Ferguson, H., Ngoc, N.T.N., Thinh, N.Q., Thy, D. T. M. 2003. Xác định vi khuẩn gây bệnh đốm trắng trên gan cá tra (<i>Pangasius hypophthalmus</i>) nuôi thâm canh ở đồng bằng sông Cửu Long	2003	Tuyển tập báo cáo khoa học, hội thảo chuyên ngành thủy sản quốc gia.
6	Nguyễn Quốc Thịnh, Từ Thanh Dung và Ferguson H.W, 2004. Nghiên cứu mô bệnh học cá tra (<i>Pangasius hypophthalmus</i>) bị bệnh trắng gan	2004	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ 2004: 120-125.
7	Từ Thanh Dung , M. Crumlish, Nguyễn Thị Như Ngọc, Nguyễn Quốc Thịnh và Đặng Thụy Mai Thy. Xác định vi khuẩn gây bệnh trắng gan trên cá tra (<i>Pangasius hypophthalmus</i>).	2004	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ 2004: 137-142.
8	Crumlish, M, S. Paffrath, A.M. Diab, T.T. Dung and K.L. Bartie. A fingerling of <i>Edwardsiella ictaluri</i> isolates recovered from natural outbreaks of	2005	Book of abstracts and proceedings of 6 th symposium on diseases in Asian Aquaculture 2005

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	bacillary of Pangasius (BNP) in Vietnam.		
9	Tu Thanh Dung , Nguyen Thi Nhu Ngoc , Andrew Shinn, Nguyen Quoc Thinh, Dang Thuy Mai Thy, Nguyen Anh Tuan and Margaret Crumlish. Common diseases of Pangasius Catfish farmed in Vietnam.	2008	Global aquaculture advocate.Vol 11, Issue 4
10	Dung T. T. , Haesebrouck F., Tuan N. A., Sorgeloos P., Baele M. and Decostere A. Antimicrobial susceptibility pattern of <i>Edwardsiella ictaluri</i> isolates from natural outbreaks of bacillary necrosis of <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> in Vietnam	2008	Microbial Drug Resistance. 14: 311-316.
11	Dung T.T. , Haesebrouck F., Sorgeloos P., Tuan N.A., Pasmans F., Smet A. and Decostere A. IncK plasmid-mediated tetracycline resistance in <i>Edwardsiella ictaluri</i> isolates from diseased freshwater catfish in Vietnam.	2009	<i>Aquaculture</i> . 295: 157-159.
12	Từ Thanh Dung , Freddy Haesebrouck , Nguyễn Anh Tuấn, Partrick Sorgeloos, Margo Baele và Annemie	2010	Tạp chí Khoa học - Đại học Cần Thơ, 2010 (15a): 162-171.

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	Decostere. Hiện trạng kháng thuốc kháng sinh trên vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây bệnh gan, thận mủ trên cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) ở đồng bằng sông Cửu Long.		
13	Từ Thanh Dung. Nghiên cứu về huyết học cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) bệnh trắng gan trắng mang	2010	Tạp chí Khoa học - Đại học Cần Thơ, 2010 (15b): 81-90.
	Nguyễn Thiện Nam, Phạm Thanh Hương, Trần Duy Phương, Từ Thanh Dung. Nghiên cứu sự đa kháng thuốc của vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây bệnh trên cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>).	2010	Tạp chí Khoa học - Đại học Cần Thơ, 2010 (14): 200 - 210.
14	Từ Thanh Dung. Nghiên cứu thử nghiệm vắc xin ALPHA JECT® Panga 1 chống lại <i>Edwardsiella ictaluri</i> , trên cá Tra (<i>Pangasianodon Hypophthalmus</i>)	2011	Tạp chí thương mại thủy sản Việt Nam. ISSN 1859-1175: 85-90
15	Pham Thi Thanh Huong, Nguyen Thien Nam, Tu Thanh Dung , Nguyen Anh Tuan. Multiple antimicrobial resistance of <i>Edwardsiella ictaluri</i> and <i>Aeromonas hydrophila</i> in pathogenic bacteria on stripe catfish <i>Pangasianodon</i>	2011	Journal of Science 4: 250-261

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	<i>hypophthalmus</i> farmed in the Mekong Delta		
16	Dung T. T. , Chiers K., Tuan N. A., Sorgeloos P., Haesebrouck F., Decostere A. Early interactions of <i>Edwardsiella ictaluri</i> , with <i>Pangasianodon</i> catfish and its invasive ability in cell lines.	2012	Veterinary Research Communications 36: 119-127.
17	Nguyen Thi Tien, Tu Thanh Dung , Nguyen Anh Tuan, Mags Crumlish. First identification of <i>Flavobacterium columnare</i> infection in farmed freshwater catfish.	2012	Dieases of Aquatic organims 100: 83–88.
18	Bartie K.L, Austin F. W., Diab A., Dickson C., Dung T. T. , Giacomini M., Crumlish M. Intraspecific diversity of <i>Edwardsiella ictaluri</i> isolates from diseased freshwater catfish, <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> (Sauvage), cultured in the Mekong Delta, Vietnam	2012	Journal of Fish Diseases 35: 671–682.
19	Từ Thanh Dung , Nguyễn Thị Tiên và Nguyễn Anh Tuấn. Nghiên cứu tác nhân gây bệnh trắng đuôi trên cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) và giải pháp phòng trị	2012	Đại học Cần Thơ, 2012 (22c): 136-145

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
20	Nguyen Minh Tri, Tran Thi My Han and Tu Thanh Dung . Identification and pathogenicity of <i>Aeromonas hydrophila</i> on clown knife fish (<i>Chitala chitala</i>) in the Mekong delta, Vietnam.	2012	International Fisheries Symposium-IFS. November 6-8 2012, Cantho Vietnam, 87.
21	Tu Thanh Dung , Pham Minh Truc, Doan Nhat Tan and Pham Minh Duc. Identification of etiological agents in swim bladder inflammation disease on striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) in the farms.	2012	International Fisheries Symposium-IFS. November 6-8 2012, Cantho Vietnam, 231.
22	Tran Huu Tinh, Nguyen Bao Trung, Tran Thi Tuyet Hoa and Tu Thanh Dung , 2012. Isolation, identification and determination of antibiotic susceptibility of <i>Streptococcus iniae</i> in Asian sea bass (<i>Lates calcarifer</i>).	2012	International Fisheries Symposium-IFS. November 6-8 2012, Cantho Vietnam, 86.
23	Tu Thanh Dung , Huynh Thi Ngoc Thanh and Nguyen Khuong Duy. <i>Streptococcus iniae</i> , the causative agent on “Dark body” disease in climbing perch (<i>Anabas testudineus</i>) in the Mekong delta, Vietnam.	2012	International Fisheries Symposium-IFS. November 6-8 2012, Cantho Vietnam, 85

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
24	Tu Thanh Dung , Tran Hoa Cuc, Nguyen Hoang Nhat Uyen, Ma Le Diem Trang and Kjersti Gravingen. The immune response ability of striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) against <i>Edwardsiella ictaluri</i>	2012	International Fisheries Symposium-IFS. November 6-8 2012, Cantho Vietnam, 72
25	Từ Thanh Dung , Huỳnh Thị Ngọc Thanh và Nguyễn Khương Duy . Streptococcus iniae, tác nhân gây bệnh “đen thân” trên cá rô đồng (<i>anabas testudineus</i>)	2013	Tạp chí khoa học, trường Đại học Cần Thơ 2013: 26b 96-103
26	Tu Thanh Dung , Nguyen Minh Thuat, Tran Thi My Han. Study on Edwardsiellosis in clown knifefish (<i>Chitala chitala</i>) in the Mekong Delta, Vietnam.	2013	International Fisheries Symposium-IFS. November 28-30 2013, Cantho Vietnam, 248.
27	Từ Thanh Dung , Trần Hoa Cúc, Nguyễn Hoàng Nhật Uyên và Mã Lê Diễm Trang. Khả năng đáp ứng miễn dịch của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) chống lại <i>Edwardsiella ictaluri</i>	2013	Tạp chí khoa học, trường Đại học Cần Thơ 2013: 26b 269-276
28	Tu Thanh Dung , Nguyen Khuong Duy. Mutiple Streptococcal species infection in farmed climbing perch <i>Anabas testudineus</i> .	2013	Asian-pacific Aquaculture. December 10-13. p476.
29	Đặng Thụy Mai Thy, Từ	2013	Tạp chí khoa học, trường Đại học Cần

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	Thanh Dung , Phạm Thị Kim Phụng. Đặc điểm mô bệnh học của cá thác lác còm (<i>Chitala chitala</i>) nhiễm vi khuẩn <i>Aeromonas hydrophila</i>		Thơ 2014 kỳ 2: 29-36
29	Từ Thanh Dung , Lý Văn Khánh và Trần Ngọc Hải. Xác định một số mầm bệnh trên cá chình bông (<i>Anguilla marmorata</i>) nuôi trong bể.	2014	Tạp chí khoa học, trường Đại học Cần Thơ 2014 kỳ 2: 177-183
30	Quách Văn Cao Thi, Từ Thanh Dung và Phạm Đăng Hòa Hiệp. Hiện trạng kháng thuốc kháng sinh trên 2 loài vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> và <i>Aeromonas hydrophila</i> gây bệnh trên cá tra nuôi ở ĐBSCL	2014	Tạp chí khoa học, trường Đại học Cần Thơ 2014 kỳ 2: 7-14

Cần thơ, ngày 05 tháng 05 năm 2017

Xác nhận của cơ quan

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

TL.HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC

(Kèm theo Thông tư số: 38/2010 /TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
1997-2001	Khoa Nông Nghiệp – Đại học Cần Thơ	Nghiên cứu viên
2001-2003	Đại học Queensland, Úc	Học viên Cao học
2004-2007	Khoa Thủy Sản - Đại học Cần Thơ	Giảng viên
2007-2012	Trường Đại học Wageningen, Hà Lan	Nghiên cứu sinh
2012-nay	Khoa Thủy Sản - Đại học Cần Thơ	Giảng viên

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Determine the Outbreak Mechanisms and Development of a Monitoring System at Food Administration for Multi-Drug Resistant Bacteria	2017	Satreps - Japan	Tham gia
2	Study on probiotic of Bacillus subtilis recombination to prevent white spot syndrome virus in shrimp	2014	Đề tài cấp nhà nước	Chủ nhiệm đề tài
3	Rebuilding resilience of coastal populations and aquatic resources: habitats, biodiversity and sustainable use options	2013	INREF – Hà Lan	Đề tài tiến sĩ
4	Standardized RT-PCR for detection of Infectious myonecrosis virus-IMNV infected the white shrimp (Penaeus vannamei) in the Mekong Delta	2013	Đề tài cấp trường	Chủ nhiệm đề tài

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
5	Xóc định cóc tóc nhõn gõy bệnh trắng đũi ở tùm cầg xanh (Macrobrachium rosenbergii) nuôi tại Cần Thơ	2009	Đề tài cấp tỉnh- Sở khoa học và Công Nghệ – Cần Thơ	Tham gia
6	Theo dừi mụi trường và xóc định cóc tóc nhõn gõy bệnh trong nuụi cỏ tra (Pangasius hypophthalmus và P. bocourti) và tùm cầg xanh (Macrobrachium rosenbergii) ở tỉnh An Giang	2007	Đề tài cấp tỉnh- Sở khoa học và Công Nghệ - An Giang	Tham gia
7	Investigation on preventative measures for shrimp disease infection	2006	Ngân hàng thế giới	Chủ nhiệm đề tài
8	Novel approaches for viral disease management in shrimp farming in Vietnam - Vietnam-Belgium bilateral project	2006	Hợp tác song phương (Vietnam – Bỉ)	Chủ nhiệm đề tài
9	Rice-Shrimp Farming in the Mekong Delta: Biophysical and Socioeconomic Issues	2003	ACIAR – Úc	Tham gia
10	Development of new technology for sustainable farming systems in the Mekong Delta: Disease in Macrobrachium rosenbergii	2003	JIRCAS – Nhật	Tham gia
11	Control of bacterial diseases in small scale freshwater aquaculture	1999	DFID – Stirling	Tham gia

2. Các công trình khoa học đã công bố: (tên công trình, năm công bố, nơi công bố...)

STT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1.	Trần Thị Tuyết Hoa. Phát hiện vi khuẩn <i>Vibrio harveyi</i> và <i>Streptococcus agalactiae</i> bằng phương pháp PCR khuẩn lạc	2014	Tạp chí khoa học, trường Đại học Cần thơ, 2014, số 2: 1-6
2.	Hồng Mộng Huyền, Trần Thị Tuyết Hoa. 2014. Phát triển qui trình đa môi mPCR phát hiện <i>White spot syndrome virus (WSSV)</i> và <i>Vibrio harveyi</i> nhiễm trên tôm nuôi	2014	Tạp chí khoa học, trường Đại học Cần thơ, 2014, số 2: 24-28
3.	Tran Thi Tuyet Hoa, Zwart MP, Nguyen T Phuong, Vlak JM, de Jong MCM (2012a) Low numbers of repeat units in VNTR regions of White spot syndrome virus are correlated with disease outbreaks	2012	Journal of Fish Diseases 35:817-826
4.	Tran Thi Tuyet Hoa, Zwart MP, Phuong NT, Oanh DTH, de Jong MCM, Vlak JM (2012b) Indel-II region deletion sizes in the white spot syndrome virus genome correlate with shrimp disease outbreaks in Southern Vietnam.	2012	Diseases of Aquatic Organisms 99:153-162
5.	Trần Thị Tuyết Hoa, Mai Nam Hưng và Đặng Thị Hoàng Oanh 2012. Đặc điểm gen của vi-rút gây bệnh đốm trắng (white spot syndrome virus) phân lập từ hệ thống nuôi tôm sú quảng	2012	Tạp chí khoa học, trường Đại học Cần Thơ 2012: 22c 129-135

STT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	canh cải tiến		
6.	Trần Thị Tuyết Hoa , Đào Bá Cường và Nguyễn Thanh Phương 2011. Đặc điểm gen của vi-rút gây bệnh đốm trắng (white spot syndrome virus) phân lập từ hệ thống nuôi tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) bán thâm canh	2011	Hội nghị khoa học thủy sản lần IV. 2011. 4: 221-232.
7.	Trần Thị Tuyết hoa . 2011. Qui trình nested-PCR phát hiện vi-rút gây bệnh đốm trắng (WSSV) và nội chuẩn giáp xác mười chân trên nhiều đối tượng cảm nhiễm.	2011	Tạp chí khoa học, trường Đại học Cần Thơ 2011: 17a 1-8
8.	Tran Thi Tuyet Hoa , Zwart MP, Phuong NT, Oanh DTH, de Jong MCM, Vlak JM (2011a) Mixed-genotype WSSV infections of shrimp are inversely correlated with disease outbreaks in ponds.	2011	Journal of General Virology 92: 675–680
9.	Tran Thi Tuyet Hoa , Zwart MP, Phuong NT, Vlak JM, de Jong MCM (2011b) Transmission of white spot syndrome virus in improved-extensive and semi-intensive shrimp production systems: A molecular epidemiology study.	2011	Aquaculture 313: 7–14
10.	Trần Thị Tuyết Hoa , Triệu Thanh Tuấn và Nguyễn Thanh Phương. 2008. Ứng dụng phương pháp PCR-genotyping (ORF94) trong nghiên cứu virus gây bệnh	2008	Tạp chí khoa học, trường Đại học Cần Thơ 2008:164-170

STT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	đốm trắng trên tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)		
11.	Trần Thị Mỹ Duyên và Trần Thị Tuyết Hoa . 2007. Ứng dụng qui trình PCR-genotyping trong nghiên cứu dịch tễ học của bệnh vi rút đốm trắng (WSSV).	2007	Hội nghị khoa học trẻ toàn quốc lần III khối Nông-Lâm-Ngư; 721-727
12.	Tran Thi Tuyet Hoa , Richard AJ Hodgson, Dang TH Oanh, Nguyen T Phuong, Nigel J Preston and Peter J Walker (2005). Genotypic Variations in Tandem Repeat DNA Segments between Ribonucleotide Reductase Subunit Genes of White Spot Syndrome Virus (WSSV) Isolates from Vietnam.	2005	Disease in Asian Aquaculture V, 339-351. Fish Health Section, Asian Fisheries Society, Manila
13.	Michele A Burford, Nigel P.P., Truong Hoang Minh, Tran Thi Tuyet Hoa , Stuart E. B. and Vanessa M. F (2004). Dominant sources of dietary carbon and nitrogen for shrimp reared in extensive rice-shrimp ponds	2004	Aquaculture research, 35: 195-203.
14.	Trần Thị Tuyết Hoa , Nguyễn Thị Thu Hằng, Đặng Thị Hoàng Oanh và Nguyễn Thanh Phương. Nghiên cứu thành phần loài và các mầm bệnh vi khuẩn vibrio phân lập từ các trại ương tôm càng xanh ((<i>Macrobrachium rosenbergii</i>))	2004	Tạp chí khoa học, trường Đại học Cần Thơ 2004:153-164

STT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
15.	Tran Thi Tuyet Hoa , Dang Thi Hoang Oanh and Nguyen Thanh Phuong (2003). Study on Diseases in Giant Freshwater Prawns (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>): A Review. In: “Development of new technologies and their practice for sustainable farming systems in the Mekong Delta”.	2003	Proceedings of the Final workshop of JIRCAS Mekong Delta project, 275-281.
16.	Tran Thi Tuyet Hoa , Dang Thi Hoang Oanh and Nguyen Thanh Phuong (2000). Characterization and pathogenicity of <i>Vibrio</i> bacteria isolated from freshwater prawn (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) hatcheries. In: “Development of new technologies and their practice for sustainable farming systems in the Mekong Delta”.	2000	Proceedings of the 2000 annual workshop of JIRCAS Mekong Delta project, 186-192
17.	Dang Thi Hoang Oanh, Tran Thi Tuyet Hoa , Nguyen Thanh Phuong (2000). The effects of probiotics on cultured condition of freshwater prawn (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) larvae. In: “Development of new technologies and their practice for sustainable farming systems in the Mekong Delta”.	2000	Proceedings of the 2000 annual workshop of JIRCAS Mekong Delta project, 200-206.

STT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
18.	Tran Thi Tuyet Hoa , Christopher J. Jackson, Le Bao Ngoc, Ta Van Phuong, Truong Hoang Minh, Nguyen Thanh Phuong and Nigel Preston (2000). The effects of water exchange on water quality, sedimentation rate and productivity and growth of <i>Penaeus monodon</i> in a low- intensity integrated rice-shrimp culture system. In: “An evaluation of the sustainability of farming systems in the brackish water region of the Mekong Delta”	2000	Proceeding of final workshop of rice-shrimp project (ACIAR).
19.	Truong Hoang Minh, Christopher J. Jackson, Tran Thi Tuyet Hoa , Le Bao Ngoc and Nigel Preston (2000). Growth and survival of <i>Penaeus monodon</i> in relation to the physical conditions in rice-shrimp ponds in the Mekong delta. In: “An evaluation of the sustainability of farming systems in the brackish water region of the Mekong Delta”	2000	Proceeding of final workshop of rice-shrimp project (ACIAR).

Cần Thơ, ngày 05 tháng 05 năm 2017

Xác nhận của cơ quan

TL.HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Kèm theo Thông tư số: 38/2010 /TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: Bùi Thị Bích Hằng

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 09/07/1986

Nơi sinh: Xã Mỹ Thạnh An, Thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Quê quán: Xã Phú Ngãi Trị, huyện Châu Thành, tỉnh Long An

Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: Tiến Sĩ

Năm, nước nhận học vị: 2013

Chức danh khoa học cao nhất:

Năm bổ nhiệm:

Chức vụ: Giảng viên

Đơn vị công tác: Bộ môn Bệnh học Thủy sản, khoa Thủy sản, trường Đại học Cần Thơ

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: N14/13, khu I, trường Đại học Cần Thơ, đường 30/4, Thành phố Cần Thơ

Điện thoại liên hệ: CQ: (0710 3) 830247

NR:

DD: 094 2 335 960

Fax: 84-81-830323

Email: btbhang@ctu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính qui

Nơi đào tạo: Đại học Cần Thơ

Ngành học: Nuôi trồng Thủy sản

Nước đào tạo: Việt Nam

Năm tốt nghiệp: 1988

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Công nghệ Sinh học Năm cấp bằng: 2007

Nơi đào tạo: Đại học Mahidol, Thái Lan.

- Tiến sĩ chuyên ngành: Miễn dịch học Năm cấp bằng: 2013

Nơi đào tạo: Đại học Namur, Vương quốc Bỉ

- Tên luận án: Effect of immunostimulants on immune response and resistance of striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) to bacterial disease: in vitro and in vivo approach

3. Ngoại ngữ: 1. Tiếng Anh

Mức độ sử dụng: thành thạo

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
1988-2004	Khoa Nông nghiệp- Đại học Cần Thơ	Nghiên cứu viên
2004-2005	Khoa Thủy sản – Đại học Cần Thơ	Giảng viên
2005-2007	Đại học Mahidol	Học viên cao học
2007-2009	Khoa Thủy Sản - Đại học Cần Thơ	Giảng viên
2009-2013	Đại học Namur	Nghiên cứu sinh
2013- nay	Khoa Thủy sản - Đại học Cần Thơ	Giảng viên

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Sử dụng các loài thực vật làm thức ăn cho cá	1999-2001	Dự án VLIR-Hợp tác với Bỉ	Tham gia
2	Sử dụng cám gạo làm thức ăn cho tôm càng xanh	2002-2004	Dự án JIRCAS - Hợp tác với Nhật	Tham gia
3	Phân biệt cua sen và cua lửa bằng phương pháp điện di allozyme	2003/2004	Cấp trường	Chủ nhiệm đề tài
4	Tạo DNA tái tổ hợp của gen VP 28 để phát triển kháng thể đa dòng trong chẩn đoán bệnh đốm trắng trên tôm sú.	2009/2011	Cấp Bộ	Chủ nhiệm đề tài
5	Cải tiến thực hành quản lý và an toàn thực phẩm liên quan đến sử dụng hóa chất trong nuôi thủy sản nước ngọt bền vững ở Đồng Bằng	2009-2014	Dự án CUD-Hợp tác với Bỉ	Tham gia

	song Cửu Long.			
--	----------------	--	--	--

2. Các công trình khoa học đã công bố: (tên công trình, năm công bố, nơi công bố...)

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Bui Thi Bich Hang, Nguyen Thanh Phuong, Patrick Kestemon. Can immunostimulants efficiently replace antibiotic in striped catfish (Pangasianodon hypophthalmus) against bacterial infection by Edwardsiella ictaluri?	2014	Fish & Shellfish Immunology 2014: 40 556-562
2	Bui Thi Bich Hang, Phuong Thanh Nguyen & Patrick Kestemont. Oral administration of Escherichia coli lipopolysaccharide enhances the immune system of striped catfish, Pangasianodon hypophthalmus (Sauvage)	2014	Aquaculture Research, 2014: 1-10
3	Hang B.T.B., Milla S., Gillardin V., Phuong N.T., Kestemont P. In vivo effects of Escherichia coli lipopolysaccharide on regulation of immune response and protein expression in striped catfish (Pangasianodon hypophthalmus).	2013	Fish and Shellfish Immunology 34, pp 339-347.
4	Hang B.T.B. Tạo DNA tái tổ hợp của gen VP 28 của virus gây bệnh đốm trắng (WSSV) trên tôm sú	2012	Tạp chí Đại học Cần Thơ 22a, trang 1-7

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
5	Hang B.T.B., Duyên T.T.M., Nha L.T. Phát hiện Monodon Baculovirus nhiễm trên tôm càng xanh giống (Macrobrachium rosenbergii) ở Đồng Tháp.	2011	Tạp chí Đại học Cần Thơ 22c, trang 213-219.
6	Lieu NTT., Hang B.T.B., Oanh D.T.H. Tìm hiểu sự biến động các yếu tố miễn dịch không đặc hiệu trên cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) nhiễm Edwardsiella ictaluri	2011	Tạp chí Đại học Cần Thơ 17a, trang 20-29.
7	Hang B.T.B., Timothy W. F. Phát triển kháng thể đơn dòng của virus gây bệnh hoại tử cơ quan tạo máu và cơ quan lập biểu mô (IHHNV) của tôm.	2008	Tạp chí Đại học Cần Thơ, trang 171-176
8	Hang B.T.B., Saengchan S., Timothy W. F. Development of a polyclonal antibody for infectious hypodermal and hematopoietic necrosis virus (IHHNV).	2006	Proceedings of 18th annual meeting of the Thai society for Biotechnology “Benefit & Bioethics”. Bangkok, Thailand from November 2-3, 2006. pp: 102
9	Huong D.T.T., Hang B.T.B., Bui T.V. Nghiên cứu hoạt tính men Na/K-ATPase của tôm càng xanh giống nuôi trong nồng độ muối thấp	2004	Tạp chí Đại học Cần Thơ, trang 80-90.
10	Huong D.T.T., Viet L.Q., Hang B.T.B. Ảnh hưởng của formalin, BKC và Dipterex lên tỉ lệ lột xác	2004	Tạp chí Đại học Cần Thơ, trang: 96-103

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	của tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>).		
11	Hang B.T.B., D.T. Yên, T.T.T. Hiền and V.T.Toàn. 2001. Ảnh hưởng của tỉ lệ cám gạo trong thức ăn lên tăng trưởng và thành thực của tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>).	2004	Báo cáo tại hội thảo JIRCAS (27-29/11/ 2001) trang pp: 167-172.
12	Trần Thị Thanh Hiền, N.T. Phương, Nguyễn Văn Bá, B.T.B.Hằng & Huỳnh Thị Tú .The use of rice bran for fish feed.	1999	Scientific Research, Can Tho University, 178-184
13	Phuong, N.T., M.V. Thi and B.T. B. Hang. Sử dụng protein thực vật (bột đậu nành) thay thế protein động vật (bột cá) trong thức ăn cá basa giống.	1998	Báo cáo tại hội thảo “Cá da trơn Châu Á” (11-15/1998), trang 179-185.

Cần thơ, ngày 05 tháng 05 năm 2017

Xác nhận của cơ quan

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

TL.HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Kèm theo Thông tư số: 38/2010 /TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: Nguyễn Thanh Phương Giới tính: Nam
Ngày, tháng, năm sinh: 03/04/1965 Nơi sinh: Vĩnh Long
Quê quán: Vĩnh Long. Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: 9/118, Khu Dân cư số 9, Đường 30/4, Phường Xuân
Khánh, Quận Ninh Kiều, tp. Cần Thơ
Điện thoại liên hệ: 0710 3872099 E-mail: ntphuong@ctu.edu.vn
Chức vụ: Phó Hiệu trưởng Đơn vị công tác: Trường Đại học Cần Thơ
Ngạch viên chức: Giáo sư Thâm niên giảng dạy: 27 năm (đến năm 2013)
Trình độ chuyên môn cao nhất: Tiến sĩ

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học

Hệ đào tạo: Chính qui, tập trung Nơi đào tạo: Đại học Cần Thơ
Ngành học chuyên môn: Nuôi trồng Thủy sản Năm tốt nghiệp: 1986
Bằng đại học 2: Năm tốt nghiệp:

2. Thạc sĩ

Thời gian đào tạo: 1991-1992 Nơi đào tạo: Viện Công nghệ Châu Á (AIT)
Chuyên ngành đào tạo: Nuôi trồng Thủy sản
Tên luận văn: Ảnh hưởng của thuốc trừ sâu Methyl parathion lên cá rô phi
(*Oreochromus niloticus*) nuôi trong ruộng lúa.
Tháng, năm được cấp bằng: 20/8/1992

3. Tiến sĩ

Thời gian đào tạo: 1995-1998
Nơi đào tạo: Khoa học Nông nghiệp, chuyên ngành Viện Bách Khoa, Quốc gia Toulouse

(Pháp)

Chuyên ngành đào tạo: Thủy sản

Tên luận án: L'Aquaculture en cages de Pangasius spp dans le bassin du Mékong (Viet Nam): Analyse de la situation actuelle et mise au point d'aliments adaptés.

Tháng, năm được cấp bằng: 17/12/1998

4. Học hàm

Phó Giáo sư ngành: Nuôi trồng Thủy sản Năm được phong: 2004

Giáo sư ngành: Thủy sản Năm được phong: 2013

5. Ngoại ngữ

1. Anh văn Mức độ thành thạo: Thành thạo

2. Pháp văn Mức độ thành thạo: Cơ bản

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

1. Các hoạt động chuyên môn đã thực hiện

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm trách
6/2012-nay	Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ	Giáo sư (từ 2013) Phó Hiệu trưởng
5/2004-3/2012	Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ	Giảng viên chính/Phó Giáo sư Trưởng Khoa
8/2002-5/2004	Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ	Giảng viên Phó Trưởng Khoa
7/1998-7/2002	Viện Khoa học Thủy sản, Khoa Nông nghiệp, Đại học Cần Thơ	Giảng viên Phó Giám đốc
1997-6/1998	Bộ môn Hải sản, Khoa Nông nghiệp, Đại học Cần Thơ	Giảng viên Trưởng Bộ môn
1986-1997	Bộ môn Hải sản, Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ	Giảng viên

2. Hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ:

- Số nghiên cứu sinh hướng dẫn chính và phụ đã bảo vệ thành công: 11
- Số nghiên cứu sinh hướng dẫn chính và phụ đang học: 7
- Số học viên cao học hướng dẫn chính đã bảo vệ thành công: 43
- Số học viên cao học hướng dẫn chính đang học: 3

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã thực hiện

TT	Tên đề tài nghiên cứu/lĩnh vực ứng dụng	Năm hoàn thành	Đề tài cấp (Cơ sở, bộ ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1.	Phát triển các kỹ thuật phân tích sinh và hóa học nhằm hỗ trợ cho sự phát triển bền vững nghề nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam	9/2010	Cấp nhà nước (Nghị định thư; 11/2007-NĐT)	Chủ nhiệm
2.	Nghiên cứu giải pháp cải thiện sự bền vững và an toàn trong nuôi tôm sú	4/2007	Cấp nhà nước (Nghị định thư)	Chủ nhiệm
3.	Nghiên cứu sản xuất giống các loài thủy sản bản địa đồng bằng sông Cửu Long	13/10/2008	Cấp bộ	Chủ nhiệm
4.	Nghiên cứu gia hóa và tạo tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) bố mẹ chất lượng cao	12/8/2005	Cấp bộ	Chủ nhiệm
5.	Nghiên cứu phát triển thức ăn và kỹ thuật nuôi thâm canh cá rô đồng	2005	Cấp bộ	Chủ nhiệm

TT	Tên đề tài nghiên cứu/lĩnh vực ứng dụng	Năm hoàn thành	Đề tài cấp (Cơ sở, bộ ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
6.	Nghiên cứu qui trình sản xuất giống tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>)	16/10/2004	Cấp bộ	Chủ nhiệm
7.	Chuyển giao công nghệ sản xuất giống tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) qui mô nông hộ.	11/8/2003	Cấp bộ	Chủ nhiệm
8.	Nghiên cứu hoàn thiện qui trình kỹ thuật sản xuất giống tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) áp dụng mô hình nước xanh cải tiến	3/6/2003	Cấp bộ	Chủ nhiệm
9.	Nghiên cứu nâng cao năng suất ương ấu trùng tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) áp dụng mô hình nước xanh cải tiến	8/2007	Cấp Tỉnh	Chủ nhiệm
10.	Quan trắc môi trường và xác định tác nhân gây bệnh trên cá da trơn (tra – <i>Pangasius hypophthalmus</i> và basa – <i>P. bocourti</i>) và tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) ở tỉnh An Giang	17/7/2007	Cấp Tỉnh	Chủ nhiệm
11.	Nghiên cứu phát triển mô hình	17/3/2003	Cấp Tỉnh	Chủ nhiệm

TT	Tên đề tài nghiên cứu/lĩnh vực ứng dụng	Năm hoàn thành	Đề tài cấp (Cơ sở, bộ ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	nuôi tôm càng xanh trong ruộng lúa ở tỉnh Trà Vinh			
12.	Nghiên cứu sản xuất giống tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) theo mô hình nước xanh cải tiến	12/7/2001	Cấp Tỉnh	Chủ nhiệm
13.	Nghiên cứu sử dụng cám gạo làm thức ăn nuôi cá	8/10/1999	Cấp Tỉnh	Chủ nhiệm
14.	Nghiên cứu nhu cầu dinh dưỡng và chế biến thức ăn nuôi cá basa (<i>Pangasius bocourti</i>)	17/7/2001	Cấp Cơ sở	Chủ nhiệm
15.	Khảo sát chất lượng tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) giống tại khu vực Thị xã Bạc Liêu (Tỉnh Bạc Liêu)	17/7/2001	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
16.	Tăng cường năng lực huấn luyện, quản lý và phát triển hệ thống nuôi thủy sản tuần hoàn	12/2012	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
17.	Ảnh hưởng của sự biến đổi khí hậu đến nghề nuôi thủy sản (Aquaclimate)	2012	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
18.	Phát triển và thực hiện các giải pháp nuôi tốt cho cá tra và cá	2010	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm

TT	Tên đề tài nghiên cứu/lĩnh vực ứng dụng	Năm hoàn thành	Đề tài cấp (Cơ sở, bộ ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	basa ở đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam			
19.	Quan trắc chất lượng nước trong nuôi cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) ở đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam	8/2009	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
20.	Đào tạo và nghiên cứu về sinh lý động vật Thủy sản ở đồng bằng sông Cửu Long	12/2010	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
21.	Nâng cao năng lực để phát triển bền vững nghề nuôi trồng thủy sản ở Nam bộ	3/1999	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
22.	Cải tiến thức ăn và kỹ thuật cho ăn trong nuôi trồng thủy sản qui mô nhỏ (Việt Nam, Campuchia và Úc)	12/2009	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
23.	Bước đầu nghiên cứu nguồn lợi thủy sản và các hoạt động bảo tồn nguồn lợi của người dân địa phương	2010	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
24.	Hỗ trợ phát triển giống cá tra chất lượng cao ở đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam	2010	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm

TT	Tên đề tài nghiên cứu/lĩnh vực ứng dụng	Năm hoàn thành	Đề tài cấp (Cơ sở, bộ ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
25.	Phát triển kỹ thuật mới và ứng dụng nhằm phát triển bền vững hệ thống canh tác ở đồng bằng sông Cửu Long	2004	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
26.	Quản lý bùn thải trong ao nuôi cá tra ở đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam (SuPA)	Chưa hoàn thành	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
27.	Nuôi trồng thủy sản bền vững đáp ứng chuẩn thương mại (SEAT)	Chưa hoàn thành	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
28.	Cải thiện giải pháp quản lý và an toàn trong sử dụng hóa chất nhằm phát triển bền vững nghề nuôi thủy sản nước ngọt ở đồng bằng sông Cửu Long (CUD)	Chưa hoàn thành	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
29.	Biến đổi khí hậu trong Nuôi trồng Thủy sản (iAQUA)	Chưa hoàn thành	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm

2. Sách và giáo trình xuất bản

T T	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả
1.	Sách: Nguyên lý và kỹ thuật sản xuất giống tôm càng xanh	NXB Nông nghiệp	2003	Tác giả thứ nhất

	(<i>Macrobrachium rosenbergii</i>)			
2.	Giáo trình: Tiếng Anh chuyên ngành Nuôi trồng Thủy sản	Nhà xuất bản Nông nghiệp	2004	Đồng tác giả
3.	Sách: Mô tả định loại cá đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam (Fishes of the Mekong Delta, Viet Nam) (tiếng Việt và anh)	NXB Đại học Cần Thơ	2013	Đồng tác giả
4.	Sách: Nguyên lý và Kỹ thuật nuôi tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)	Nhà xuất bản Nông nghiệp	2009	Đồng tác giả
5.	Giáo trình: Nuôi trồng Thủy sản	NXB Đại học Cần Thơ	2012	Chủ biên và tác giả
6.	Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi giáp xác	Thư viện Điện tử, Bộ GD&ĐT	2009	Tác giả thứ nhất
7.	Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi cá biển	Thư viện Điện tử, Bộ GD&ĐT	2009	Đồng tác giả

3. Các công trình nghiên cứu khoa học đã công bố

Sách/Books

1. Trần Đắc Định, S. Koichi, **Nguyễn Thanh Phương**, Hà Phước Hùng, Trần Xuân Lợi, Mai Văn Hiếu Hieu and U. Kenzo (2013). Mô tả định loại cá đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam (Fishes of the Mekong Delta, Viet Nam). Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, (tiếng Việt và Anh).
2. Nguyễn Thanh Phương (Chủ biên) (2012). Nuôi trồng Thủy sản. Giáo trình. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ. 152 trang.
3. Trần Ngọc Hải và Nguyễn Thanh Phương (2009). Nguyên lý và Kỹ thuật nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*). Nhà xuất bản Nông nghiệp.
4. Nguyễn Anh Tuấn, Lê Thanh Hùng and **Nguyễn Thanh Phương** (2004). Tiếng Anh chuyên ngành Nuôi trồng Thủy sản. Giáo trình. Nhà xuất bản Nông nghiệp.
5. **Nguyễn Thanh Phương**, Trần Ngọc Hải, Trần Thị Thanh Hiền và M.N. Wilder (2003). Nguyên lý và kỹ thuật sản xuất giống tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*). NXB Nông nghiệp.

Chương của sách/Book chapters

1. **Nguyen, T.P.** 2013. On-farm feed management practices for striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) in Mekong River Delta, Viet Nam. In: M.R. Hasan and M.B. New, eds. On-farm feeding and feed management in aquaculture. FAO Fisheries and Aquaculture Technical Paper No. 583. Rome, FAO. pp. 241–267.
2. **Phuong, N.T.**, B.M. Tam, N.A. Tuan and S. De Sila (2013). Developments in hatchery technology for striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*). In: G. Allan and G. Burnell (eds). Advances in aquaculture hatchery technology. Woodhead Publishing Limited, pp: 498-518.
3. Davy, F.B., Soto, D., Bhat, V., Umesh, N.R., Yucel-Gier, G., Hough, C.A.M., Derun, Y., Infante, R., Ingram, B., **Phuong, N.T.**, Wilkinson, S. & De Silva, S.S. (2012). Investing in knowledge, communications and training/extension for responsible aquaculture. In: R.P. Subasinghe, J.R. Arthur, D.M. Bartley, S.S. De Silva, M. Halwart, N. Hishamunda, C.V. Mohan & P. Sorgeloos (eds). Farming the Waters for People and Food. Proceedings of the Global Conference on Aquaculture 2010, Phuket, Thailand. 22–25 September 2010. pp. 569–625. FAO, Rome and NACA, Bangkok.
4. **Phuong, NT** and D.T.H. Oanh (2009). Striped Catfish Aquaculture in Vietnam: A Decade of Unprecedented Development. In: Sena S. De Silva and F. Brian Davy (eds). Success Stories in Asian Aquaculture. Springer. pp: 133-150.
5. **Phuong, N.T.**, Sinh, L.X., Thinh, N.Q., Chau, H.H., Anh, C.T. and Hau, N.M. (2007). Economics of aquaculture feeding practices: Viet Nam. In: M.R. Hasan (ed.). Economics of aquaculture feeding practices in selected Asian countries. FAO Fisheries Technical Paper. No. 505. Rome, FAO. 2007. pp. 183–205.
6. Marcy N Wilder, **N.T. Phuong**, T.N. Hai, T.T.T. Hien, T.V. Bui, D.T.T. Huong, V.N. Son, Yoshinori Morooka, Yutaka Fukuda (2007). Development, dissemination and evaluation of freshwater prawn seed production and culture technology in the Mekong Delta region of Vietnam. In: Yamada R. and S Yamasaki (Eds), Development of Technologies and Sustainable Farming Systems in the Mekong Delta of Vietnam. JIRCAS Working Report No. 55, ISSN 1341-710X. pp. 47-56
7. Minh, T.H, C.J. Jackson, T.T.T. Hoa, L.B. Ngoc, N. Preston and **N.T. Phuong** (2003). The shrimp pond environment: factor effecting the shrimp production. Part A: Growth and survival of *Penaeus monodon* in relation to the physical condition in rice-shrimp ponds in the Mekong delta. In: Rice-shrimp farming in the Mekong delta: biophysical and socioeconomic issues. ACIAR Technical reports 52. pp: 27-34.
8. **Phuong, N.T.**, D.N. Long, L. Varadi, Z, Jeney and F. Pekar (2002). Chapter 19: Farmer-managed trials and extension of rural aquaculture in the Mekong Delta, Viet Nam. In: P. Edwards, D. Little and H. Demaine (eds.). Rural aquaculture. CAB International. pp: 276-283.

Bài báo có phản biên đăng trong tạp chí/Articles in peer-reviewed journals

TIẾNG ANH/ENGLISH LANGUAGE (từ 2010 đến nay)

1. Bui Thi Bich Hang, **Nguyen Thanh Phuong** and Patrick Kestemont (2014). Can immunostimulants efficiently replace antibiotic in striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) against bacterial infection by *Edwardsiella ictaluri*?. *Fish & Shellfish Immunology* 40: 556-562.
2. Dang Thi Hoang Oanh, Tran Viet Tien and **Nguyen Thanh Phuong** (2014). Effect of Insecticide Containing Deltamethrin on Immune Response of the Giant Freshwater Prawn, *Macrobrachium rosenbergii* (De Man 1879). *Asian Fisheries Science* 27: 90-103
3. Sjannie L., T. Wang, A. Jensen, N. V. Cong, D.T.T. Huong, **N.T. Phuong** and M. Bayley. (2014). Air-breathing fishes in aquaculture. What can we learn from physiology?. Review paper. *Journal of Fish Biology*. doi:10.1111/jfb.12302.
4. Rasmus Ern, Do Thi Thanh Huong, **Nguyen Thanh Phuong**, Tobias Wang, Mark Bayley (2014). Oxygen delivery does not limit thermal tolerance in a tropical eurythermal crustacean. *The Journal of Experimental Biology*. 217: 1-6. doi:10.1242/jeb.094169
5. Bui Thi Bich Hang, Sylvain Milla, Virginie Gillardin, **Nguyen Thanh Phuong** and Patrick Kestemont (2013). In vivo effects of *Escherichia coli* lipopolysaccharide on regulation of immune response and protein expression in striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*). *Fish & Shellfish Immunology* 34 (2013) 339-347.
6. Tam M. Bui, **Nguyen Thanh Phuong**, Gia Hien Nguyen, Sena S. De Silva (2013). Fry and fingerling transportation in the striped catfish, *Pangasianodon hypophthalmus*, farming sector, Mekong Delta, Vietnam: A pivotal link in the production chain. *Aquaculture* 388–391 (2013) 70–75.
7. Sjannie Lefevre, Tobias Wang, Do Thi Thanh Huong, **Nguyen Thanh Phuong** and Mark Bayley (2013). Partitioning of oxygen uptake and cost of surfacing during swimming in the air-breathing catfish *Pangasianodon hypophthalmus*. *J Comp Physiol B* (2013) 183:215–221.
8. Yuichi Kano, Mohad Shalahuddin Adnan, Chaiwut Grudpan, Jarungjit Grudpan, Wichan Magtoon, Prachya Musikasinthorn, Yoshihiro Natori, Stefan Ottomanski, Bounthob Praxaysonbath, Koneouma Phongsa, Achariya Rangsiruji, Koichi Shibukawa, Yukihiro Shimatani, Nam So, Apinun Suvarnaraksha, Phanara Thach, **Phuong Nguyen Thanh**, Dac Dinh Tran, Kenzo Utsugi and Tomomi Yamashita (2013). An online database on freshwater fish diversity and distribution in Mainland Southeast Asia. *Ichthyol Res*. DOI 10.1007/s10228-013-0349-8. <http://ffish.asia>.
9. Nguyen, P.T. & Tran, T.C.L. (2013). Species profile: striped catfish (*Pangasionodon hypophthalmus* Sauvage, 1878). *In: Aquaculture Feed and Fertilizer Resources Information System* (www.fao.org/fishery/affris/en/org/fishery/affris/en/). Rome, FAO.
10. Andreu Rico, Kriengkrai Satapornvanit, Mohammad M. Haque, Jiang Min, **Phuong T. Nguyen**, Trevor C. Telfer and Paul J. van den Brink (2012). Use of chemicals and biological products in Asian aquaculture and their potential environmental risks:

- A critical review. *Reviews in Aquaculture* (2012) 4: 75–93.
11. David C. Little, Simon R. Bush, Ben Belton, **Nguyen Thanh Phuong**, James A. Young, Francis J. Murray (2012). Whitefish wars: *Pangasius*, politics and consumer confusion in Europe. *Marine Policy*, 36: 738-745.
 12. Huynh Thi Tu, Frederic Silvestre, Bertrand De Meulder, Jean-Pierre Thome, **Nguyen Thanh Phuong** and Patrick Kestemont (2012). Combined effects of deltamethrin, temperature and salinity on oxidative stress biomarkers and acetylcholinesterase activity in the black tiger shrimp (*Penaeus monodon*). *Chemosphere*, 86:83-91.
 13. Sjannie Lefevre , Do Thi Thanh Huong, **Nguyen Thanh Phuong**, Tobias Wang, Mark Bayley (2012). Effects of hypoxia on the partitioning of oxygen uptake and the rise in metabolism during digestion in the air-breathing fish *Channa striata*. *Aquaculture*, [http://dx.doi.org/ 10.1016/j.aquaculture.2012.08.019](http://dx.doi.org/10.1016/j.aquaculture.2012.08.019)
 14. Sjannie Lefevre, Do Thi Thanh Huong, **Nguyen Thanh Phuong**, Tobias Wang, Mark Bayley (2012), Partitioning of oxygen uptake and cost of surfacing during swimming in the air-breathing catfish *Pangasianodon hypophthalmus*. *Journal of Comparative Physiology Part B: Biochemical, Systemic, and Environmental Physiology*, DOI: 10.1007/s00360-012-0701-8
 15. Sjannie Lefevrea, Frank B. Jensenb, Do T.T. Huong, Tobias Wang, **Nguyen T. Phuong**, Mark Bayley (2012). Haematological and ion regulatory effects of nitrite in the air-breathing snakehead fish *Channa striata*. *Aquatic Toxicology*, 118–119: 48–53
 16. Tran Thi Tuyet Hoa, Mark P. Zwart, **Nguyen T. Phuong**, Dang T. H. Oanh, Mart C. M. de Jong, Just M. Vlak (2012). Indel-II region deletion sizes in the white spot syndrome virus genome correlate with shrimp disease outbreaks in southern Vietnam. *Diseases of Aquatic Organisms*, 99: 153–162, 2012. doi: 10.3354/dao02463.
 17. Sena S. De Silva and **Nguyen T. Phuong** (2011). Striped catfish farming in the Mekong Delta, Vietnam: a tumultuous path to a global success. *Reviews in Aquaculture*, 3: 45-73
 18. Sjannie Lefevre, Do Thi Thanh Huong , Tobias Wang, **Nguyen Thanh Phuong** and Mark Bayley (2011). Hypoxia tolerance and partitioning of bimodal respiration in the striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*). *Comparative Biochemistry and Physiology, Part A* 158: 207–214.
 19. Sjannie Lefevre, Do Thi Thanh Huong, Nguyen Thi Kim Ha, Tobias Wang, **Nguyen Thanh Phuong**, Mark Bayley (2011). A telemetry study of swimming depth and oxygen level in a *Pangasius* pond in the Mekong Delta. *Aquaculture*, 315: 410–413.
 20. Sjannie Lefevre, Do Thi Thanh Huong, Tobias Wang, **Nguyen Thanh Phuong**, Mark Bayley (2011). Hypoxia tolerance and partitioning of bimodal respiration in the striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*). *Comparative Biochemistry and Physiology, Part A*, 158: 207–214.

21. Sjannie Lefevre, Frank B. Jensen, Do. T. T. Huong, TobiasWang, **Nguyen T. Phuong** and Mark Bayley (2011). Effects of nitrite exposure on functional haemoglobin levels, bimodal respiration, and swimming performance in the facultative air-breathing fish *Pangasianodon hypophthalmus*. *Aquatic Toxicology* 104: 86–93.
22. Tran Thi Tuyet Hoa, Mark P. Zwart, **Nguyen T. Phuong**, Dang T. H. Oanh, Mart C. M. de Jong and Just M. Vlak (2011). Mixed-genotype white spot syndrome virus infections of shrimp are inversely correlated with disease outbreaks in ponds. *Journal of General Virology*, 92: 675–680
23. Tran Thi Tuyet Hoa, Mark P. Zwart, **Nguyen Thanh Phuong** , Just M. Vlak , Mart C.M. de Jong (2011). Transmission of white spot syndrome virus in improved-extensive and semi-intensive shrimp production systems: A molecular epidemiology study. *Aquaculture* 313:7–14.
24. Vu Nam Son, **Nguyen Thanh Phuong**, Tran Ngoc Hai and Amararatne Yakupitiyage (2011). Production and economic efficiencies of intensive black tiger prawn (*Penaeus monodon*) culture during different cropping seasons in the Mekong delta, Vietnam. *Aquacult Int.*, 19:555–566
25. Amit Kumar Sinha, C. Vanparys, G. De Boeck, P. Kestemont, N. Wang, **NT Phuong**, ML. Scippo, W. De Coen and J. Robbens (2010). Expression characteristics of potential biomarker genes in Tra catfish, *Pangasianodon hypophthalmus*, exposed to trichlorfon. *Comparative Biochemistry and Physiology, Part D* 5 (2010) 207–216
26. Bui, Tam M., Phan, Lam T., Ingram, B.A., Nguyen, Thuy T.T., Gooley, G. J., Nguyen, Hao V., **Nguyen Phuong T.**, De Silva, S. S. (2010). Seed production practices of striped catfish, *Pangasianodon hypophthalmus* in the Mekong Delta region, Vietnam. *Aquaculture* 306: 92–100.
27. Danyi, S., Widart, J., Douny, C., Dang, P.K., Baiwir, D., Wang, N., Tu, H.T., Tung, V.T., **Phuong, N.-T.**, Kestemont, P., Scippo, M.-L. (2010). Determination and kinetics of enrofloxacin and ciprofloxacin in Tra catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) and giant freshwater prawn (*Macrobrachium rosenbergii*) using a liquid chromatography/mass spectrometry method. *J. Vet. Pharmacol. Therap.* doi: 10.1111/j.1365-2885.2010.01204.x.
28. Dinh, T.D. , J. Moreau, M.V. Van, **N.T. Phuong** and V.T. Toan (2010). Population Dynamics of Shrimps in Littoral Marine Waters of the Mekong Delta, South of Viet Nam. ISSN 1028-8880. *Pakistan Journal of Biological Sciences* 13 (14): 683-690, 2010.
29. Frédéric Silvestre, Huynh Thi Tu, Amandine Bernard, Jennifer Dorts, Marc Dieu, Martine Raes, **Nguyen Thanh Phuong**, Patrick Kestemont (2010). A differential proteomic approach to assess the effects of chemotherapeutics and production management strategy on giant tiger shrimp *Penaeus monodon*. *Comparative Biochemistry and Physiology, Part D* 5 (2010) 227-233
30. Glencross, B., Hien T.T.T., **Phuong N.T.** and Cam Tu, T.L (2010). A factorial approach to defining the energy and protein requirements of tra catfish

- (*Pangasianodon hypophthalmus*). Aquaculture nutrition. doi: 10.1111/j.1365-2095.2010.00774.x.
31. Hien, T.T.T., **Phuong, N.T.**, Tu, T.L.C and Glencross B. (2010). Assessment of method for the determination of digestibility of feed ingredients for tra catfish, *Pangasianodon hypophthalmus*. Aquaculture nutrition, 2010 16; 351-358
 32. Huong DTT, T. Wang, B. Mark and **NT. Phuong** (2010). Osmoregulation, growth and moulting cycles of the giant freshwater prawn (*Macrobrachium rosenbergii*) at different salinities. Aquaculture Research, 2010, 1-9
 33. Huong, D.T.T., TobiasWang, Mark Bayley & **NguyenThanh Phuong** (2010). Osmoregulation, growth and moulting cycles of the giant freshwater prawn (*Macrobrachium rosenbergii*) at different salinities. Aquaculture Research: 1-9 (doi:10.1111/j.1365-2109.2010.02486).
 34. Huynh Thi Tu, Frederic Silvestre, Neil Wang, Jean-Pierre Thome, **Nguyen Thanh Phuong** and Patrick Kestemont (2010). A multi-biomarker approach to assess the impact of farming systems on black tiger shrimp (*Penaeus monodon*). Chemosphere 81 (2010) 1204–1211.
 35. Huynh Thi Tu, Frederic Silvestre, **Nguyen Thanh Phuong** and Patrick Kestemont (2010). Effects of pesticides and antibiotics on Penaeid shrimp with special emphases on behavioral and biomarker responses. Environmental Toxicology and Chemistry, Vol. 29, No. 4, pp. 929–938.
 36. M.V. Van, **N.T. Phuong**, T.D. Dinh, M. Villanueva and J. Moreau (2010). A Mass-Balance Ecopath Model of Coastal Areas in the Mekong Delta, Vietnam. Asian Fisheries Science 23(2010):208-223.
 37. Minh, TH, W.G Gallardo and **NTPhuong** (2010). Fishery and Aquaculture of Juvenile Mudskipper *Pseudapocryptes elongatus* (Cuvier, 1816) in the Coastal Zone of Mekong Delta, Viet Nam. Asian Fisheries Science 23(2010):224-239.
 38. Sena S. De Silva, Brett A. Ingram, **Phuong T. Nguyen**, Tam M. Bui, Geoff J. Gooley and Giovanni M. Turchini (2010). Estimation of Nitrogen and Phosphorus in Effluent from the Striped Catfish Farming Sector in the Mekong Delta, Vietnam. AMBIO. Royal Swedish Academy of Sciences. DOI 10.1007/s13280-010-0072-x.
 39. Tu., H.T., Frederic Silvestre, **N.T. Phuong** and Patrick Kestemont (2010). Effects of pesticides and antibiotics on penaeid shrimp with special emphases on behavioral and biomarker responses. Environmental Toxicology and Chemistry, Vol. 29, No. 4, pp. 929–938.
 40. Van, M.V., **N.T. Phuong**, T.D. Dinh, M. Villanueva and J. Moreau (2010). A Mass-Balance Ecopath Model of Coastal Areas in the Mekong Delta, Vietnam. Asian Fisheries Science 23:208-223.

TIẾNG VIỆT/VIETNAMESE LANGUAGE (từ 2010 đến nay)

1. Lê Thị Tiểu Mi, Trần Thị Hương Diễm, Nguyễn Thị Kim Hà, Đỗ Thị Thanh Hương và **Nguyễn Thanh Phương** (2013). Hoạt tính men tiêu hóa α -amylase, pepsin và sự

tiêu hóa thức ăn theo chu kỳ cho ăn gián đoạn ở cá tra giống (*Pangasianodon hypophthalmus*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ Phần B: Nông nghiệp, Thủy sản và Công nghệ Sinh học: Số 25: 200-207.

2. Nguyễn Loan Thảo, Võ Minh Khỏe, Hồ Văn Tỏa, Nguyễn Hồng Ngân, Nguyễn Thị Kim Hà, Nguyễn Thanh Phương và Nguyễn Trọng Hồng Phúc (2013). Ảnh hưởng của độ mặn lên sự tăng trưởng và hàm lượng cortisol của cá tra nuôi (*Pangasianodon hypophthalmus*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ Phần B: Nông nghiệp, Thủy sản và Công nghệ Sinh học: 25: 1-10.
3. Châu Tài Tảo, **Nguyễn Thanh Phương**, Đỗ Thị Thanh Hương và Trần Ngọc Hải (2012). Đánh giá chất lượng hậu ấu trùng tôm sú (*Penaeus monodon*) qua các lần sinh sản của tôm mẹ. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số 23a: 20-30.
4. Đặng Thị Hoàng Oanh và **Nguyễn Thanh Phương** (2012). Phân lập và xác định đặc điểm của vi khuẩn *Streptococcus agalactiae* từ cá điêu hồng (*Oreochromis sp.*) bệnh phù mắt và xuất huyết. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số: 22c: 203-212
5. Đặng Thị Hoàng Oanh và **Nguyễn Thanh Phương** (2012). Thử nghiệm điều trị bệnh do vi khuẩn *edwardsiella ictaluri* trên cá tra (*Pangasius hypophthalmus*) bằng thuốc kháng sinh erythromycin thiocyanate. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số: 22c: 146-154.
6. Đặng Thị Hoàng Oanh và **Nguyễn Thanh Phương** (2012). Các bệnh nguy hiểm trên tôm nuôi ở đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số: 22c: 106-118
7. Trần Thiện Anh, Nguyễn Thị Kim Hà, Nguyễn Quang Trung, Đỗ Thị Thanh Hương và **Nguyễn Thanh Phương** (2012). Ảnh hưởng của quinalphos lên men cholinesterase và tăng trưởng của cá mè vinh (*Barbodes gonionotus*). Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số: 22a: 269-279
8. Nguyễn Thị Kim Hà, Đoàn Minh Hiếu, Lê Thị Trúc Mơ, Nguyễn Văn Toàn, Đỗ Thị Thanh Hương và **Nguyễn Thanh Phương** (2012). Ảnh hưởng của oxy hòa tan lên tăng trưởng và tiêu hóa của cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*). Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số: 22a: 154-164
9. Nguyễn Thúy Liễu, Đỗ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Hà và **Nguyễn Thanh Phương** (2012). Ảnh hưởng của oxy hòa tan lên tăng trưởng, tiêu hao oxy và ngưỡng oxy của cá chép (*Cyprinus carpio*). Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số: 21b: 108-115.
10. Đặng Thị Hoàng Oanh, Lê Hữu Thôi và **Nguyễn Thanh Phương** (2012). Tối ưu hóa và ứng dụng qui trình phân tích các chỉ tiêu miễn dịch tự nhiên ở tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*). Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số: 21b: 1-9
11. Đặng Thị Hoàng Oanh, Lê Hữu Thôi và **Nguyễn Thanh Phương** (2012). Đáp ứng

- miễn dịch tự nhiên của tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*) cảm nhiễm vi-rút gây bệnh đốm trắng. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số: 21b: 1-9.
12. Châu Tài Tảo, **Nguyễn Thanh Phương** và Trần Ngọc Hải (2011). Ảnh hưởng của a-xít arachidonic trong thức ăn lên sự thành thực và sinh sản của tôm sú (*Penaeus monodon*) bố mẹ nuôi trong bể lọc tuần hoàn. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số: 18b: 43-52
13. Trương Hoàng Minh và **Nguyễn Thanh Phương** (2011). Nghề nuôi cá kèo (*Pseudapocryptes elongatus*, Cuvier 1816) ở tỉnh Sóc Trăng và Bạc Liêu. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số: 18b: 219-227
14. Nguyễn Thị Quế Trân, Đỗ Thị Thanh Hương và **Nguyễn Thanh Phương** (2011). Ảnh hưởng của thuốc trừ sâu Kinalux 25EC chứa hoạt chất Quinalphos lên hoạt tính men Cholinesterase (ChE) cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*) giống. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số: 18a: 46-55.
15. Trần Thị Tuyết Hoa, Đào Bá Cường và **Nguyễn Thanh Phương** (2011). Đặc điểm gen của vi-rút gây bệnh đốm trắng (white spot syndrome virus) phân lập từ hệ thống nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*) bán thâm canh. Kỷ yếu Hội nghị khoa học Thủy sản lần 4, Trường Đại học Cần Thơ, trang: 212-220.
16. Dương Hải Toàn, Lý Tiểu Mi và **Nguyễn Thanh Phương** (2011). Ảnh hưởng của cho ăn gián đoạn và luân phiên lên tăng trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn của cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*). Kỷ yếu HN khoa học Thủy sản lần 4, Trường Đại học Cần Thơ, trang: 178-190.
17. Nguyễn Hoàng Xuân, Lý Văn Khánh, **Nguyễn Thanh Phương** và Phạm Thanh Liêm (2011). Sự phát triển ống tiêu hóa của cá nâu (*Scatophagus argus*) giai đoạn bột. Kỷ yếu Hội nghị khoa học Thủy sản lần 4, Trường Đại học Cần Thơ, trang: 191-201.
18. Trần Thị Tuyết Hoa và **Nguyễn Thanh Phương** (2011). Phát hiện vi-rút gây bệnh đốm trắng (white spot syndrome virus) trong thức ăn nuôi vỗ tôm sú bố mẹ. Kỷ yếu Hội nghị khoa học thủy sản lần 4, Trường Đại học Cần Thơ, trang 221-232.
19. Lý Văn Khánh, Nguyễn Hoàng Xuân, Phạm Thanh Liêm và **Nguyễn Thanh Phương** (2011). Ảnh hưởng của thức ăn lên sinh trưởng và tỉ lệ sống cá nâu (*Scatophagus argus*) giai đoạn 15 ngày tuổi. Kỷ yếu Hội nghị khoa học thủy sản lần 4, Trường Đại học Cần Thơ, trang: 352-360.
20. Nguyễn Chí Lâm, Đỗ Thị Thanh Hương, Vũ Nam Sơn và **Nguyễn Thanh Phương** (2011). Ảnh hưởng của độ mặn lên thay đổi sinh lý và tăng trưởng của cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*) giống. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số 17a:60-69.
21. Trương Hoàng Minh và **Nguyễn Thanh Phương** (2011). Tổng quan nuôi cá kèo (*Pseudapocryptes elongatus*, Cuvier 1816) ở tỉnh Sóc Trăng và Bạc Liêu. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số 18b: 219-227.
30. Châu Tài Tảo, Đỗ Thị Thanh Hương, Trần Ngọc Hải và **Nguyễn Thanh Phương** (2010). Biến đổi hàm lượng protein tạo noãn hoàng của tôm sú (*Penaeus monodon*)

trong quá trình thành thực và sinh sản. Tạp chí Khoa học. Đại học Cần Thơ. Số 14a: 213–221.

31. Đoàn Xuân Diệp, Đỗ Thị Thanh Hương và **Nguyễn Thanh Phương** (2010). Ảnh hưởng của hàm lượng oxy hòa tan lên tăng trưởng và tiêu hao oxy cơ sở của tôm sú (*Penaeus monodon*). Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ, Số 14b: 76-89.
32. Đoàn Xuân Diệp, Đỗ Thị Thanh Hương và **Nguyễn Thanh Phương** (2010). Ảnh hưởng của độ mặn lên sử dụng thức ăn và tiêu hao oxy cơ sở của tôm sú (*Penaeus monodon*). Tạp chí Khoa học 2010:14 135-145
33. Lâm Ngọc Bửu, Trần Ngọc Hải, Đỗ Thị Thanh Hương và **Nguyễn Thanh Phương** (2010). Khả năng sử dụng cây năn tượng (*Scirpus littoralis*) xử lý dinh dưỡng nước thải từ nuôi tôm. Tạp chí Khoa học 2010:14b 56-65.
34. Lâm Trường Ân, Trương Hoàng Minh và **Nguyễn Thanh Phương** (2010). So sánh hiệu quả tài chính và kỹ thuật trong nuôi cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*) giữa vùng nước ngọt và vùng nhiễm mặn ở đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ, Số 14b: 341-353.
35. Lý Văn Khánh, Trần Ngọc Hải và **Nguyễn Thanh Phương** (2010). Nghiên cứu biện pháp kích thích cá nâu (*Scatophagus argus*) sinh sản nhân tạo bằng các loại hormon khác nhau. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ, Số 14b: 255-262.
36. Lý Văn Khánh, Trần Ngọc Hải, Đỗ Thị Thanh Hương và **Nguyễn Thanh Phương** (2010). Nghiên cứu một số chỉ tiêu sinh lý sinh sản của cá nâu (*Scatophagus argus*) ở Đồng bằng Sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học 2010:14 186-194.
37. Lý Văn Khánh, Trần Ngọc Hải, Trần Thị Thanh Hiền và **Nguyễn Thanh Phương** (2010). Ảnh hưởng của độ mặn lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá nâu (*Scatophagus argus*) từ giai đoạn hương lên giống. Tạp chí Khoa học 2010:14b 90-99.
38. Lý Văn Khánh, Trần Thị Thanh Hiền, Trần Ngọc Hải và **Nguyễn Thanh Phương** (2010). Ảnh hưởng của độ mặn lên sự tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá nâu giống (*Scatophagus argus*) giai đoạn 2 đến 5 tháng tuổi. Tạp chí Khoa học 2010:14 177-185 Trường Đại học Cần Thơ
39. Nguyễn Thanh Long và **Nguyễn Thanh Phương** (2010). Phân tích khía cạnh tài chính và kỹ thuật của các nghề khai thác thủy sản chủ yếu ở tỉnh Sóc Trăng. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ, Số 14b: 354-366.
40. **Nguyễn Thanh Phương**, Phương Ngọc Tuyết, Nguyễn Văn Công và Đỗ Thị Thanh Hương (2010). Ảnh hưởng của thuốc trừ sâu Decis lên điều hòa áp suất thẩm thấu và tăng trưởng tôm sú (*Penaeus monodon*). Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. 2010:14:107-118
41. Nguyễn Thị Kim Hà, Quách Chí Tâm, Đỗ Thị Thanh Hương và **Nguyễn Thanh Phương** (2010). Ảnh hưởng của việc sử dụng dipterex lên một số chỉ tiêu huyết học và tăng trưởng của cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*) giống. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số 16a: 141-150.
42. Nguyễn Trọng Hồng Phúc, Đỗ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Hà và **Nguyễn Thanh**

Phương Ảnh hưởng của Bassan 50 EC lên khả năng tăng trưởng và hoạt tính men Cholinesterase của cá chép (*Cyprinus carpio*) Tạp chí Khoa học. Đại học Cần Thơ. Số 16b: 221-229.

43. Nguyễn Trọng Hồng Phúc, Đỗ Thị Thanh Hương, Nguyễn Văn Công và **Nguyễn Thanh Phương** (2010). Ảnh hưởng của fenobucarb lên các chỉ tiêu huyết học và hoạt tính men cholinesterase (ChE) của cá chép (*Cyprinus carpio*). Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ, Số 14b: 175-187.
44. Phạm Minh Đức, **Nguyễn Thanh Phương** và Trần Ngọc Tuấn (2010): Tổng quan bệnh nấm ở động vật thủy sản. Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ. 16b: 88-97.

Cần thơ, ngày 05 tháng 05 năm 2017

Xác nhận của cơ quan

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

TL.HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Kèm theo Thông tư số: 38/2010 /TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: Trương quốc Phú

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 20/06/1965

Nơi sinh: Tiền Giang

Quê quán: Cái Bè, Tiền Giang

Dân tộc: kinh

Học vị cao nhất: Tiến sĩ

Năm, nước nhận học vị: 2001

Chức danh khoa học cao nhất: Phó giáo sư

Năm bổ nhiệm:

Chức vụ : Trưởng khoa

Đơn vị công tác: Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Nhà G1 Khu I Đại học Cần Thơ, số 211, đường 30/4, TP. Cần Thơ.

Điện thoại liên hệ: CQ: 07103.834307

NR: DD: 0918 234306

Fax: 0710. 3830.323

Email: tqnhu@ctu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy

Nơi đào tạo: Đại học Cần Thơ

Ngành học: Nuôi trồng Thủy sản

Nước đào tạo: Việt Nam

Năm tốt nghiệp: 1988

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành:

Năm cấp bằng:

Nơi đào tạo:

- Tiến sĩ chuyên ngành: Nuôi cá biển và nghề cá biển

Năm cấp bằng: 2001

Nơi đào tạo: Đại học Thủy sản Nha Trang

- Tên luận án: Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học, sinh hóa và kỹ thuật nuôi Nghêu Meretrix lyrata (Sowerby) đạt năng suất cao

3. Ngoại ngữ: 1. Tiếng anh

Mức độ sử dụng: Trình độ C

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
1988-1990	Bộ môn cơ sở Thủy sản, khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ	Giảng dạy và nghiên cứu khoa học
1990-1996	Bộ môn Hải sản, khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ	Giảng dạy và nghiên cứu khoa học
1996-1998	Bộ môn Hải sản, khoa Nông nghiệp, Đại học Cần Thơ	Giảng dạy và nghiên cứu khoa học
1998-2000	Viện Hải sản, khoa Nông nghiệp, Đại học Cần Thơ	Giảng dạy và nghiên cứu khoa học
2000-2002	Viện khoa học Thủy sản, khoa Nông nghiệp, Đại học Cần Thơ	Giảng dạy và nghiên cứu khoa học
2002-2013	Bộ môn Thủy sinh học Ứng dụng, khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ	Giảng dạy và nghiên cứu khoa học
8/2013-nay	Bộ môn bệnh học Thủy sản, khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ	Giảng dạy và nghiên cứu khoa học

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1.	Tìm hiểu thành phần và sinh lượng các loài Nhuyễn thể Hai mảnh vỏ ở các thủy vực tỉnh An Giang	1992	Tỉnh	Tham gia
2.	Thực nghiệm nuôi tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)	1996	Quốc tế (Canada)	Tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	bán thâm canh theo mô hình ít thay nước ở Duyên Hải- Trà Vinh			
3.	ảnh hưởng của thức ăn lên sinh trưởng và thành thực của tôm càng xanh	1998	Trường	Tham gia
4.	Nghiên cứu mô hình lâm ngư (nuôi cua trong rừng, nuôi cua ao,...) trên cơ sở cộng đồng để quản lý, sử dụng bền vững nguồn lợi và môi trường vùng ven biển	2001	Quốc tế (IDRC, Canada)	Chủ nhiệm đề tài
5.	Tác động giữa môi trường và nghề nuôi cá trôn trong bè trên sông Cửa Long, Việt Nam	2003	Quốc tế (AIT, Thái Lan)	Chủ nhiệm đề tài
6.	Nghiên cứu phát triển cộng đồng khu bảo tồn U Minh Thượng, Kiên Giang	2003	Quốc tế	Tham gia
7.	Nghiên cứu phát triển mô hình nuôi tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) trong ruộng lúa ở tỉnh Trà Vinh	2002/2003	Tỉnh	Tham gia
8.	Nghiên cứu kiến thức về quản lý nghề cá (KNOWFISH)	2004	Quốc tế (EC)	Chủ nhiệm
9.	Ảnh hưởng của Aflatoxin lên sinh trưởng và tỉ lệ sống của cá Tra (<i>Pangasius hypophthalmus</i>)	2005	Bộ	Chủ nhiệm

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
10.	Xây dựng mô hình nuôi tôm bền vững với qui trình kỹ thuật nuôi tôm sú ghép với cá rô phi ở tỉnh Sóc Trăng	2006	Tỉnh	Chủ nhiệm
11.	Khảo sát nguồn lợi và mức độ khai thác cá kèo giống (<i>Pseudapocryptes elongates</i>) ở vùng biển Bạc Liêu và Sóc Trăng	2009	Bộ	Chủ nhiệm
12.	Nghiên cứu hàm lượng dinh dưỡng, độc chất và vi sinh vật của lớp bùn đáy ao nuôi cá Tra thâm canh và sử dụng cho sản xuất nông nghiệp	2011	Tỉnh	Chủ nhiệm

2. Các công trình khoa học đã công bố: (tên công trình, năm công bố, nơi công bố...)

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1.	Nguyễn Anh Tuấn, Cao Thăng Bình, Đỗ Thị Thanh Hương, Trần Thị Thanh Hiền, Lê Xuân Sinh, Trương Quốc Phú (1993). Một số khía cạnh kinh tế, kỹ thuật của nghề nuôi cá bè ở Châu Đốc – An Giang.	1993	Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học, phần nuôi trồng Thủy sản, trường Đại học Cần Thơ 1993:7-15
2.	Sanh N.V., T.Q.Phu, Farlyz Villanueva, Jens Peter Tang Dalsgaard (1993). Integrated Rice-Prawn Farming in the	1993	NAGA Quarterly April-July 1993:18-20

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	Mekong Delta, Vietnam. A Route Towards Sustainable and Profitable Farming System.		
3.	Phu T.Q. (1996) Clam Farming in the Mekong Delta.	1996	NAGA Quarterly October 1996: 60-62
4.	Trương Quốc Phú (1997). Thực nghiệm nuôi tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) bán thâm canh theo mô hình ít thay nước ở Duyên Hải – Trà Vinh.	1997	Tuyển tập công trình khoa học công nghệ Đại học Cần Thơ 1993-1997:158-165
5.	Trương Quốc Phú (1997) kỹ thuật nuôi Nghêu <i>Meretrix lyrata</i> (Sowerby) của Ngư dân ở Đồng bằng Sông Cửu Long.	1997	Tuyển tập báo cáo khoa học hội nghị Sinh vật biển toàn quốc lần thứ I, 27-28/10/1995: 486-492.
6.	Trương Quốc Phú (1998) Thành phần sinh hóa của thịt Nghêu <i>Meretrix lyrata</i> (Sowerby) vùng Gò công đông – Tiền Giang.	1998	Tập san khoa học công nghệ thủy sản (Đại học Thủy sản), số 2/98:25-34
7.	Trương Quốc Phú, Nguyễn Thanh Phương, Trần Ngọc Hải, Trương Hoàng Minh, Phạm Minh Đức, Lê Bảo Ngọc, S.M Christensen (1999). Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ thị về sự thay đổi môi trường vùng ngập nước ven biển Đồng Bằng Sông	1999	Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học, Đại học Cần Thơ 1999:172-177

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	Cửu Long.		
8.	Marcy N. Wilder, Do Thi Thanh Huong, Muharijadi Atmomarsono, Tran Thi Thanh Hien, Truong Quoc Phu, Wei-Jun Yang(2000). Characterization of Na/K-ATPase in Macrobrachium rosenbergii and the effect of changing salinity on enzymatic activity.	2000	Comparative Biochemistry and Physiology Part A 125 (2000): 377-388
9.	Wilder, N.M., W.J. Yang, D.T.T. Huong, M. Maeda, T.T.T. Hien, T. Q. Phu, N.T. Phuong and H.Y. Ogata (2000). Reproductive mechanisms in the giant freshwater prawn, Macrobrachium rosenbergii, and cooperative research to improve seed production technology in the Mekong Delta region of Vietnam	2000	Proceeding of the twenty-eighth US-Japan Natural Resources Aquaculture Panel: Spawning and Maturation of Aquacultur Species. UJNR technical report.
10.	Trương Quốc Phú, Nguyễn Thanh Toàn, Mai Viết Văn, Nguyễn Thanh Long (2002). Hiện trạng sản xuất lâm ngư kết hợp ở huyện Ngọc Hiển và Đầm Dơi - Cà Mau	2002	Tạp chí khoa học và công nghệ biển, T.2 (2002), số phụ trương, TR 161-173

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
11.	Truong Quoc Phu and Tran Thi Thanh Hien. Changes in types of feeds for Pangasius catfish culture improve production in the Mekong Delta.	2003	Aquanews Vol. 18, No. 3: 4/5.
12.	Lê Bảo Ngọc, Trương Quốc Phú, Trần Đức Định (2004). Đặc tính môi trường nước khu bảo tồn thiên nhiên U Minh Thượng tỉnh Kiên Giang.	2004	Tạp chí khoa học, Đại học Cần Thơ 2004: 43-52 (chuyên đề Thủy sản)
13.	Huỳnh Trường Giang, Trương Quốc Phú (2004). Nghiên cứu sự biến động và tương quan của một số yếu tố môi trường trong ao nuôi tôm Sú (<i>Penaeus monodon</i>) thâm canh.	2004	Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ 2004:53-63
14.	Nguyễn Thị Kim Liên, Trương Quốc Phú và Nguyễn Thanh Toàn (2004). Hiện trạng kinh tế xã hội và kỹ thuật của mô hình nuôi cá bè ở huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	2004	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ 2004:340-348 (Chuyên đề Thủy sản)
15.	Trương Quốc Phú và Yang Yi (2005). Ảnh hưởng của việc nuôi cá da trơn bè đến chất lượng môi trường nước của huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.	2005	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ 2005: (3) 8-17
16.	Nguyễn Lê Hoàng Yến	2006	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	và Trương Quốc Phú (2006). Khả năng hấp thụ của ammonia của zeolite tự nhiên trong môi trường nước có độ mặn khác nhau.		2006: (1) 1-7 (số đặc biệt)
17.	Nguyễn Thị Thanh Thảo, Huỳnh Trường Giang và Trương Quốc Phú (2006) Khảo sát thành phần và số lượng tảo trong ao nuôi tôm sú thâm canh kết hợp với cá rô phi	2006	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ 2006: (1) 42-51
18.	Trần Thị Kiều Trang, Trần Công Bình và Trương Quốc Phú (2006) Xác định ngưỡng ozone cho các giai đoạn ấu trùng và hậu ấu trùng tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)	2006	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ 2006: (1) 241-249 (số đặc biệt)
19.	Trương Quốc Phú và Dương Thúy Yên (2006) Ảnh hưởng của Aflatoxin B1 lên cấu trúc mô gan của cá Tra (<i>Pangasius hypophthalmus</i>) và cá basa (<i>P. bocourti</i>)	2006	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ 2006: (2) 24-30 (số đặc biệt)
20.	Nguyễn Anh Tuấn, Trương Quốc Phú và Dương Thúy Yên (2006). Ảnh hưởng của Aflatoxin B1 lên sinh trưởng và một số chỉ tiêu sinh lý của cá Tra (<i>Pangasius hypophthalmus</i>) và cá	2006	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ 2006: (2) 31-41 (số đặc biệt)

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	basa (P. bocourti)		
21.	Tạ Văn Phương, Trương Quốc Phú (2006). Thực nghiệm nuôi sò huyết (<i>Anadara granosa</i>) trong ao nước tĩnh.	2006	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ 2006: (2) 192-200 (số đặc biệt)
22.	Trương Quốc Phú (2007). Hiện trạng, tồn tại và giải pháp quản lý chất thải trong nuôi tôm sú thâm canh.	2007	Thông tin Khoa học Công nghệ và Kinh tế Thủy sản. Tháng 4/2007
23.	Lê Xuân Sinh, Đỗ Minh Chung, Huỳnh Văn Hiền và Trương Quốc Phú (2007). Nghiên cứu thị trường Nghêu ở tỉnh Trà Vinh trong mối liên hệ với các tỉnh ven biển phía nam.	2007	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ 2007:8 38-46
24.	Tạ Văn Phương, Trần Văn Việt và Trương Quốc Phú (2007) Nghiên cứu sự tích lũy đạm lân trong ao nuôi tôm sú thâm canh mùa mưa ở Sóc Trăng	2007	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ 2007:8 132-138
25.	Dương Thị Hoàng Oanh và Trương Quốc Phú (2008) Khả năng kiểm soát sự phát triển của tảo trong bể nuôi tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) bằng biện pháp kết tủa phosphor.	2008	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ 2008: (1) 23-32 (số đặc biệt)
26.	Phạm Thị Tuyết Ngân,	2008	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	Tô Công Tâm và Trương Quốc Phú (2008). Ảnh hưởng của dầu thực vật lên sự đa dạng quần thể sinh vật trong bể lọc sinh học		2008: (1) 33-42 (số đặc biệt)
27.	Nguyễn Bạch Loan, Nguyễn Văn Thảo, Trương Quốc Phú (2010). Đặc điểm hình thái giải phẫu của cá ngát (<i>Plotosus canius</i> Hamilton, 1822)	2010	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ 2010: 14 233-242 (số đặc biệt)
28.	Lê Đông Cung, Phạm Thị Tuyết Ngân và Trương Quốc Phú (2010) Xác định khả năng chuyển hóa đạm của nhóm vi khuẩn hữu ích trong hệ thống ương nuôi tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) nước tuần hoàn	2010	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ 2010: 14b 15-28
29.	Phạm Thị Tuyết Ngân và Trương Quốc Phú (2010) Biến động các yếu tố môi trường và mật độ vi khuẩn <i>Bacillus</i> sp. trong bể nuôi tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)	2010	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ 2010: 14b 29-42
30.	Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Quốc Thanh và Trương Quốc Phú (2010). Một số đặc điểm sinh học sinh sản cá chạch lấu (<i>Mastacemphalus favus</i>)	2010	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ 2010: 14b 158-164

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
31.	Phạm Thị Tuyết Ngân và Trương Quốc Phú (2011) Ảnh hưởng của vi khuẩn Bacillus (B8, B37 và B18) lên chất lượng nước bể nuôi tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)	2011	Kỷ yếu hội nghị KH lần 4: 28-42 (NXB Nông nghiệp)
32.	Huỳnh Trường Giang, Vũ Ngọc Út và Trương Quốc Phú (2011). Sử dụng chiết xuất Beta-glucan từ rong biển để tăng sức đề kháng của tôm biển:		Tổng quan: Kỷ yếu hội nghị KH lần 4: 103-113 (NXB Nông nghiệp)
33.	Phạm Thị Tuyết Ngân, Vũ Ngọc Út, Trương Quốc Phú và Nguyễn Hữu Hiệp (2011) Ảnh hưởng của vi khuẩn hữu ích lên các yếu tố môi trường và tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) nuôi trong bể	2011	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ 2011:20b 59-68
34.	Trần Cẩm Tú, Trương Quốc Phú và Đỗ Thị Thanh Hương (2011). Ảnh hưởng của chlorine đến sự hình thành hợp chất Chloramine và Methemoglobine trong máu cá rô phi (<i>Oreochromis niloticus</i>)	2011	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ 2011: 18b 1-9
35.	Trương Quốc Phú, Trần Kim Tính và Huỳnh Trường Giang (2012) Khả năng sử dụng bùn thải ao nuôi cá tra (<i>Pangasianodon</i>	2012	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ 2012:24a 135-143

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	hypophthalmus) thâm canh cho canh tác lúa.		
36.	Trương Quốc Phú và Trần Kim Tính (2012) Thành phần hóa học bùn đáy ao nuôi cá tra thâm canh	2012	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ 2013: 22a 290-299
37.	Huỳnh Trường Giang, Dương Thị Hoàng Oanh, Vũ Ngọc Út và Trương Quốc Phú (2013) Thành phần hóa học, hoạt tính chống oxy hóa của hỗn hợp polysaccharide ly trích từ rong mơ Sargassum microcystum.	2013	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ 2013: 25 183-191

Cần thơ, ngày 05 tháng 05 năm 2017

Xác nhận của cơ quan

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

TL.HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Kèm theo Thông tư số: 38/2010 /TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: Vũ Ngọc Út	Giới tính: Nam
Ngày, tháng, năm sinh: 07/9/1969	Nơi sinh: Buôn Mê Thuộc, Daklak
Quê quán: Nam Định	Dân tộc: Kinh
Học vị cao nhất: Tiến sĩ	Năm, nước nhận học vị: 2003, Anh
Chức danh khoa học cao nhất: PGS	Năm bổ nhiệm: 2010
Chức vụ: Phó Trưởng Khoa	
Đơn vị công tác: Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ	
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: 78/6 Tầm Vu, P. Hưng Lợi, Ninh Kiều, TP Cần Thơ	
Điện thoại liên hệ: CQ:	NR: DD: 0913 618858
Fax:	Email: vnut@ctu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

5. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy	
Nơi đào tạo: Đại học Cần Thơ	
Ngành học: Nuôi trồng Thủy sản	
Nước đào tạo: Việt Nam	Năm tốt nghiệp: 1991
Bằng đại học 2: Không	Năm tốt nghiệp:

6. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Nuôi trồng Thủy sản	Năm cấp bằng: 1997
Nơi đào tạo: Đại học Ghent, Vương quốc Bỉ	
- Tiến sĩ chuyên ngành: Sinh học biển ứng dụng	Năm cấp bằng: 2003
Nơi đào tạo: Đại học Wales Bangor, Vương Quốc Anh	
- Tên luận án: “Assessment of feasibility of stock enhancement of mud crab <i>Scylla paramamosain</i> in the Mekong Delta, Vietnam”	

3. Ngoại ngữ: 1. Anh ngữ

Mức độ sử dụng: thành thạo

2.

Mức độ sử dụng:

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm trách
1991-1995	Trung tâm NC&PT Artemia-Tôm, Đại học Cần Thơ	Nghiên cứu
1995-1997	Học Thạc sĩ tại Bỉ	Học viên cao học
1998-2002	Khoa Nông nghiệp – Đại học Cần Thơ Đại học Wales Bangor, Anh quốc	Giảng dạy và nghiên cứu Nghiên cứu sinh
2002-2007	Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ	Giảng dạy và nghiên cứu, Phó Trưởng Bộ môn
2007- 6/2012	Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ	Giảng dạy và nghiên cứu, Trưởng Bộ môn
6/2012-nay	Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ	Giảng dạy và nghiên cứu, Phó Trưởng khoa

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

5. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu/lĩnh vực ứng dụng	Năm hoàn thành	Đề tài cấp (Cơ sở, bộ ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Thực nghiệm mô hình tôm-lúa Long Hoà-Hoà Minh, Châu Thành, Trà Vinh (đề tài nhánh)	2005	Cấp Tỉnh	Chủ nhiệm
2	Quan trắc môi trường và tác nhân gây bệnh trên cá da trơn- <i>Pangasius hypophthalmus</i> và Basa – <i>P. bocourti</i>) và tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) ở tỉnh An Giang	2007	Cấp Tỉnh	Tham gia
3	Ảnh hưởng của chế độ dinh dưỡng lên chất lượng của bố mẹ và ấu trùng của biển (<i>Scylla</i>	2005	Cấp Bộ	Tham gia

	<i>paramamosain</i>)			
4	Điều tra hiện trạng môi trường nước vùng nuôi Artemia, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	2008	Cấp Bộ	Chủ nhiệm
5	Sản xuất bền vững của biển <i>Scylla</i> sp. thông qua việc phục hồi nguồn lợi trong rừng ngập mặn - (Sustainable production of mud crab <i>Scylla</i> sp. through stock enhancement in mangroves”	2001	Hợp tác quốc tế (EU)	Chủ nhiệm
6	Nuôi và quản lý của biển <i>Scylla</i> sp. –(Culture and management of <i>Scylla</i> sp.)	2005	Hợp tác quốc tế (EU)	Chủ nhiệm
7	Quản lý vi sinh vật trong ương nuôi ấu trùng giáp xác (Microbial management of crustacean larviculture)	2008	Hợp tác quốc tế (Bi)	Chủ nhiệm
8	Đánh giá sự đa dạng của nhóm động vật có vỏ trong hệ sinh thái rừng ngập mặn ảnh hưởng bởi nghề nuôi tôm thâm canh ở ĐBSCL, Việt Nam (Assessment of shellfish biodiversity in the mangrove ecosystem impacted by shrimp intensive culture in the Mekong Delta, Vietnam)	2008	Hợp tác quốc tế (Anh)	Chủ nhiệm
9	Đánh giá tác động của các mô hình nuôi tôm sú lên quần thể động vật nổi và đáy ở đồng bằng sông Cửu Long	2011	Cấp Bộ	Chủ nhiệm
10	Sản xuất thức ăn tự nhiên phục vụ cho nuôi trồng thủy sản từ nước thải hầm ủ biogas (Dự án Bèo lục bình)	2010	Hợp tác quốc tế (Luxemburg)	Chủ nhiệm
11	Nghiên cứu biện pháp hạn chế sự phát triển của vẹm sông <i>Dreissena</i> sp. sống bám trên ốc gạo (<i>Cipangopaludina leucostriata</i>) trên địa bàn huyện Chợ Lách, Bến Tre.	2012	Cấp Tỉnh	Chủ nhiệm
12	Đánh giá nguồn lợi cá ngựa	2011	Hợp tác quốc	Chủ nhiệm

	(Hippocampus) ở quần đảo Phú Quốc (Assessment on seahorse (Hippocampus) resource in Phu Quoc Archipelago).		tế (Anh)	
13	Đánh giá đa dạng sinh học cá trên sông Hậu (Biodiversity of fish in Hau River, Vietnam)	2012	Hợp tác quốc tế (USA)	Chủ nhiệm
14	Nghiên cứu quy trình nhân giống và nuôi sinh khối hai loài giáp xác chân chèo <i>Schmackeria dubia</i> và <i>Apocyclops denzigicus</i>	2016	Bộ	Chủ nhiệm
15	Xây dựng mạng lưới nghiên cứu đa dạng di truyền sông Mekong (Building a Mekong River genetic biodiversity research network)	2014-2017	Hợp tác quốc tế (USAID, Hoa Kỳ)	Chủ nhiệm
16	Liên kết đào tạo dựa trên nền tảng nghiên cứu về nuôi trồng thủy sản – VLIR-Network-Vietnam	2013-2019	Hợp tác quốc tế (Bỉ)	Chủ nhiệm

6. Các công trình khoa học đã công bố: (tên công trình, năm công bố, nơi công bố...)

STT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
7.	Assessment of water quality in catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) production systems in the Mekong Delta.	2016	Can Tho University Journal of Science. Vol 3: 71-78.
8.	Chất lượng nước trên sông chính và sông nhánh thuộc tuyến sông Hậu.	2016	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 43:68-79.
9.	Potential aquaponics in the Mekong Delta.	2016	1 st International Conference on Tropical Animal Science and Production (TASP 2016): 72-75.
10.	Diversity of fish Hau river, Mekong Delta, Vietnam.	2015	Journal of Fisheries and Technology, Nha Trang University. Special issue-2015:167-174.
11.	Khả năng sử dụng men	2015	Tạp chí Khoa học Trường Đại học

	bánh mì và tỉ lệ thu hoạch tối ưu trong nuôi sinh khối <i>Schmackeria dubia</i> .		Cần Thơ, 37:120-129.
12.	Vòng đời và đặc điểm sinh sản của copepoda <i>Apocyclops dengizicus</i> các điều kiện nhiệt độ khác nhau.	2015	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 14:94-102.
13.	Assessment of water quality in shrimp culture areas in the Mekong Delta.	2014	Journal of Agricultural Science and Technology B, 4: 571-580.
14.	Thành phần động vật đáy (zoobenthos) trên sông Hậu.	2014	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Số chuyên đề Thủy sản, 2: 239-247.
15.	Thành phần động vật nổi (zooplankton) trên sông Hậu – đoạn thuộc tỉnh Hậu Giang và Sóc Trăng vào mùa khô.	2014	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Số chuyên đề Thủy sản, 2:284-291.
16.	Effects of feeding time, rates and frequencies on survival rate of Stripped catfish fries (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) fed by freshwater rotifers (<i>Brachionus angularis</i>).	2013	LARVI '13 – FISH & SHELLFISH LARVICULTURE SYMPOSIUM. C.I. Hendry (Ed). European Aquaculture Society, Special Publication No. XX, Oostende, Belgium, 2013.
17.	Applying of freshwater rotifers (<i>Brachionus angularis</i>) in rearing newly hatching fries of marble goby (<i>Oxyeleotris marmoratus</i>)	2013	LARVI '13 – FISH & SHELLFISH LARVICULTURE SYMPOSIUM. C.I. Hendry (Ed). European Aquaculture Society, Special Publication No. XX, Oostende, Belgium, 2013.
18.	Đa dạng động vật phiêu sinh trong hệ sinh thái rừng ngập mặn. Cù lao dung, tỉnh Sóc Trăng	2013	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ
19.	Sự phát triển tuyến sinh	2013	Tạp chí Khoa học Trường Đại học

	dục và mùa vụ sinh sản của vẹm vàng <i>limnoperna fortunei</i> bám trên Ốc gạo ở cồn Phú đa, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre		Cần Thơ
20.	Thành phần hóa học, hoạt tính chống oxy hóa của hỗn hợp polysaccharide ly trích từ rong mơ <i>Sargassum microcystum</i>	2013	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ
21.	Sử dụng luân trùng nước ngọt (<i>Brachionus angularis</i>) trong ương cá bống tượng <i>Oxyeleotris mamoratus</i> giai đoạn mới nở đến 10 ngày tuổi	2013	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ
22.	Impacts of saline water irrigation and shrimp pond discharges on the surrounding waters of a coastal district in the Mekong delta of Vietnam	2013	Environmental Earth Sciences
23.	Thành phần loài và hiện trạng khai thác cá ngựa (<i>Hippocampus</i> spp.) ở Phú Quốc, Kiên Giang	2012	Proceeding of the International conference on "Bien Dong 2012"
24.	Physico-chemical characteristics of the improved extensive shrimp farming system in the Mekong Delta of Vietnam	2011	Aquaculture Research
25.	Biological characteristics of the improved extensive shrimp system in the Mekong delta of Vietnam	2011	Aquaculture Research
26.	Ảnh hưởng của vi khuẩn hữu ích lên các yếu tố	2011	Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ

	môi trường và tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) nuôi trong bể		
27.	Phân bố động vật đáy Ở rạch Cái Sao, tỉnh An Giang	2011	Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ
28.	Thành phần động vật không xương sống đáy ở khu vực nuôi tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)	2011	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học thủy sản lần 4, Đại học Cần Thơ. Nhà xuất bản Nông nghiệp
29.	Nghiên cứu khả năng xử lý nước thải của tảo <i>Spirulina platensis</i>	2011	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học thủy sản lần 4, Đại học Cần Thơ. Nhà xuất bản Nông nghiệp
30.	Sử dụng chiết xuất β -Glucan từ rong biển để tăng sức đề kháng của tôm biển: Tổng quan	2011	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học thủy sản lần 4, Đại học Cần Thơ. Nhà xuất bản Nông nghiệp
31.	Nghiên cứu nuôi sinh khối luân trùng siêu nhỏ (<i>Brachionus rotundiformis</i>)	2011	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học thủy sản lần 4, Đại học Cần Thơ. Nhà xuất bản Nông nghiệp
32.	Đặc điểm phân bố của luân trùng nước ngọt (<i>Brachionus angularis</i>) trong các hệ sinh thái khác nhau	2011	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học thủy sản lần 4, Đại học Cần Thơ. Nhà xuất bản Nông nghiệp
33.	Ảnh hưởng của tỉ lệ thay nước và thu hoạch lên sự phát triển của quần thể luân trùng nước ngọt (<i>Brachionus angularis</i>)	2011	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học thủy sản lần 4, Đại học Cần Thơ. Nhà xuất bản Nông nghiệp
34.	Thành phần động vật phù du trong khu vực nuôi tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) ở huyện Cầu Ngang, Trà Vinh	2011	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học thủy sản lần 4, Đại học Cần Thơ. Nhà xuất bản Nông nghiệp
35.	Effect of different forms of Artemia biomass as a food source on survival,	2010	Aquaculture Nutrition

	molting and growth rate of mud crab (<i>Scylla paramamosain</i>)		
36.	Nghiên cứu đặc điểm dinh dưỡng của cá ngát (<i>Plotosus canius</i>)	2010	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ
37.	Ảnh hưởng của nhiệt độ và pH lên một số chỉ tiêu sinh học sinh sản của luân trùng nước ngọt (<i>Brachionus angularis</i>)	2010	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ
38.	Ảnh hưởng của tảo <i>Chlorella</i> và men bánh mì lên sự phát triển của quần thể luân trùng nước ngọt (<i>Brachionus angularis</i>) nuôi trên bề	2010	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ
39.	Effects of urine on growth of algae.	2009	Bonner Agrikulturchemische Reihe
40.	Use of urine in fish culture	2009	Bonner Agrikulturchemische Reihe
41.	Khả năng cải thiện pH vùng đất phèn của nước thải hầm ủ biogas	2009	Hội thảo dự án Bèo lục bình năm 2009. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ
42.	Sử dụng nước thải hầm ủ biogas gây nuôi trứng nước (<i>Moina</i> sp.)	2009	Hội thảo dự án Bèo lục bình năm 2009. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ
43.	Sử dụng nước thải hầm ủ biogas gây nuôi tảo <i>Chlorella</i>	2009	Hội thảo dự án Bèo lục bình năm 2009. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ
44.	Approaches to Stock Enhancement in Mangrove-Associated Crab Fisheries	2008	Fisheries Science
45.	Hiện trạng chất lượng nước vùng nuôi <i>Artemia</i> , Vĩnh Châu, Sóc Trăng	2008	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ
46.	Biến động các yếu tố môi	2008	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ

	trường trong ao nuôi cá Tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) thâm canh ở An Giang		
47.	Development of nursery culture techniques for the mud crab <i>Scylla paramamosain</i> (Estampador)	2007	Aquaculture Research
48.	Comparative performance of hatchery-reared and wild <i>Scylla paramamosain</i> (Estampador, 1949) in pond culture	2007	Aquaculture Research
49.	Sea cucumber fisheries around Phu Quoc Archipelago: A cross-border issue between South Vietnam and Cambodia	2007	SPC Beche-de-mer Information Bulletin #25
50.	Population ecology of the mud crab <i>Scylla paramamosain</i> (Estampador) in an estuarine mangrove system; A mark recapture study	2007	Marine Biology
51.	Quality of hatchery-reared juveniles for marine fisheries stock enhancement	2007	Aquaculture

Cần thơ, ngày 05 tháng 05 năm 2017

Xác nhận của cơ quan

TL.HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Kèm theo Thông tư số: 38/2010 /TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: DƯƠNG NHỰT LONG

Giới tính: nam

Ngày, tháng, năm sinh: 10/12/1959

Nơi sinh: Đồng Tháp

Quê quán: Đồng Tháp

Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: Tiến sĩ khoa học

Năm, nước nhận học vị: 2002

Chức danh khoa học cao nhất: Phó giáo sư

Năm bổ nhiệm: 2009

Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Trưởng bộ môn Kỹ thuật nuôi TS nước ngọt

Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Khoa Thủy sản, ĐHCT.

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Bộ môn kỹ thuật nuôi, Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ.

Điện thoại liên hệ: CQ: 07103- 831542

NR:

DD: 0918.162680

Fax:

Email: dnlong@ctu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính qui

Nơi đào tạo: Đại học Cần Thơ

Ngành học chuyên môn: Nuôi trồng Thủy sản

Nước đào tạo: Việt Nam

Năm tốt nghiệp: 1981

Bằng đại học 2:

Năm tốt nghiệp:

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Nuôi Thủy sản

Năm cấp bằng: 1995

Nơi đào tạo: Học viện công nghệ Châu Á (AIT), Bangkok, Thailand

- Tiến sĩ chuyên ngành: Sinh học

Năm cấp bằng: 2002

Nơi đào tạo: Namur University, Belgium

- Tên luận án: Phát triển bền vững mô hình canh tác Lúa – Cá kết hợp cho vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long

3. Ngoại ngữ: 1. Anh Văn

Mức độ sử dụng: tốt

2.

Mức độ sử dụng:

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
1981 – 1993	Bộ môn cơ sở Thủy sản	Phó trưởng bộ môn
1993 – 1995	Đi học AIT	
1995 – 1998	Bộ môn Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	Phó trưởng bộ môn
1998 – 2000	Bộ môn Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	Trưởng bộ môn
2000 – 2002	Đi học PH.D. tại Belgium	
2002 – 2006	Bộ môn Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt	Trưởng bộ môn
2007 - Nay	Bộ môn Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt	Trưởng bộ môn

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1.	Điều tra – qui hoạch phát triển nghề nuôi thủy sản ở Lâm trường Tỉnh Biên – An Giang	1989	Tỉnh	Thư ký, thành viên tham gia thực hiện
2.	Điều tra – qui hoạch phát triển nghề nuôi thủy sản ở Lâm ngư trường Sông Trẹm – Cà Mau	1990	Tỉnh	Thư ký, thành viên tham gia thực hiện
3.	Điều tra – qui hoạch phát triển nghề nuôi thủy sản ở Nông ngư trường Sông Đốc – Cà Mau	1990	Tỉnh	Thư ký, thành viên tham gia thực hiện
4.	Điều tra – qui hoạch phát triển nghề nuôi thủy sản ở Tỉnh Cần Thơ	1996	Tỉnh	Thành viên tham gia thực hiện

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
5.	Mô hình nuôi cá trong ruộng vườn cho vùng ĐBSCL	1997	Trường	Chủ nhiệm đề tài
6.	Qui hoạch phát triển nghề nuôi thủy sản vùng Lạc Địa tỉnh Bến Tre	1998	Tỉnh	Chủ nhiệm đề tài
7.	Khảo sát chất lượng nước và thức ăn tự nhiên ở vùng đất có vấn đề	1999	Hợp tác (Sarec)	Thành viên tham gia thực hiện phần TS
8.	Xây dựng mô hình nuôi cá tra thâm canh trong ao đất tại huyện Thốt nốt	2000	Tỉnh	Đồng chủ nhiệm đề tài
9.	Xây dựng mô hình nuôi cá, tôm càng xanh trong ruộng vườn huyện Châu Thành, Cần Thơ	2000	Tỉnh	Đồng chủ nhiệm đề tài
10.	Kỹ thuật sinh sản nhân tạo cá đồng (Sặc rằn, rô đồng và cá Lóc)	2000	Hợp tác (Jircas)	Chủ nhiệm đề tài
11.	Kỹ thuật nuôi ghép trong mô hình nuôi kết hợp Heo – Cá cho vùng nông thôn vùng ĐBSCL	2000	Hợp tác (Jircas)	Chủ nhiệm đề tài
12.	Nghiên cứu ảnh hưởng của chất thải lên sự tăng trưởng của cá nuôi trong mô hình VAC và VAC – B.	2003	Hợp tác (Jircas)	Chủ nhiệm đề tài
13.	Sử dụng thức ăn tự chế để nuôi thâm canh cá Lóc	2000	Bộ	Chủ nhiệm đề tài
14.	Thực nghiệm xây dựng mô hình nuôi tôm càng xanh trong ruộng lúa luân canh tại tỉnh Long An	2003	Tỉnh	Chủ nhiệm đề tài
15.	Nghiên cứu cải tiến năng suất nuôi tôm trong	2004	Tỉnh	Thành viên tham gia thực hiện

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	ao đất và ruộng lúa ở Vĩnh Long			
16.	Thực nghiệm xây dựng mô hình nuôi tôm càng xanh thâm canh trong ao đất tại Long An	2004	Tỉnh	Chủ nhiệm đề tài
17.	Thực nghiệm xây dựng mô hình nuôi cá rô đồng thâm canh trong ao đất tại Long An	2004	Tỉnh	Chủ nhiệm đề tài
18.	Thực nghiệm xây dựng mô hình nuôi tôm càng xanh thâm canh trong ao đất tại Bến tre	2005	Tỉnh	Chủ nhiệm đề tài
19.	Nghiên cứu đặc điểm sinh học, kỹ thuật sinh sản nhân tạo và nuôi thương phẩm cá Kết.	2004 - 2007	Tỉnh	Chủ nhiệm đề tài
20.	Nghiên cứu đặc điểm sinh học và kỹ thuật sinh sản nhân tạo cá Bông Lau (<i>Pangasius kreml</i>)	2005 - 2008	Tỉnh	Chủ nhiệm đề tài
21.	Thực nghiệm nuôi cá Kèo thâm canh ở tỉnh Bến Tre	2005	Tỉnh	Cố vấn kỹ thuật
22.	Đặc điểm sinh học, kỹ thuật sinh sản nhân tạo và nuôi thương phẩm cá Lóc đen ở vùng ĐBSCL.	2004	Bí	Đồng chủ nhiệm đề tài nghiên cứu
23.	Thực nghiệm nuôi tôm càng xanh thương phẩm tại 5 huyện: Chợ Lách, Châu Thành, Mỹ Cày, Giồng Trôm và Ba Tri, Bến Tre	2005	Tỉnh	Chủ nhiệm đề tài
24.	Nghiên cứu ứng dụng các biện pháp kỹ thuật nâng cao hiệu quả nuôi	2005	Tỉnh	Chủ nhiệm đề tài

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	Tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergi</i>) trong ruộng lúa luân canh tại huyện Tam Nông tỉnh Đồng Tháp			
25.	Nghiên cứu kỹ thuật sinh sản nhân tạo cá Leo ở tỉnh An Giang	2006	Tỉnh	Chủ nhiệm đề tài
26.	Nghiên cứu biện pháp kỹ thuật thuần hoá, sản xuất giống và ứng dụng nuôi cá Chép dòng Hungary trong mô hình Lúa – Cá ở tỉnh Hậu Giang.	2007	Tỉnh	Chủ nhiệm đề tài
27.	Chuyên giao mô hình sản xuất giống và nuôi tăng sản cá Sặc Rằn tại huyện An Phú tỉnh An Giang	2007	Tỉnh	Chủ nhiệm dự án

2. Các công trình khoa học đã công bố: (tên công trình, năm công bố, nơi công bố...)

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1.	Kỹ thuật sinh sản nhân tạo và ương nuôi cá Lóc	2000	ĐHCT
2.	Mô hình VAC cho vùng ĐBSCL	2000	Quốc tế (Rwanda)
3.	Kỹ thuật sinh sản nhân tạo và ương nuôi cá sặc rằn	2001	ĐHCT
4.	Kỹ thuật sinh sản nhân tạo và ương nuôi cá rô đồng	2001	ĐHCT
5.	Kỹ thuật nuôi cá trong mô hình Heo – Cá kết hợp cho vùng ĐBSCL	2001	ĐHCT – Tạp chí Bộ Thủy sản

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
6.	Mô hình Lúa – Cá phát triển bền vững cho vùng ĐBSCL (6 loài, mật độ 1 và 2 con/m ²).	2002	Quốc tế (Belgium)
7.	Mô hình Lúa – Cá phát triển bền vững cho vùng ĐBSCL (3 loài, mật độ 1 và 2 con/m ²).	2003	Quốc tế (Belgium)
8.	Nghiên cứu cải tiến năng suất nuôi tôm trong ao đất và ruộng lúa ở Vĩnh Long	2004	ĐHCT
9.	Nuôi thương phẩm cá Tra trong ao đất ở vùng ĐBSCL	2004	ĐHCT
10.	Mô hình nuôi tôm càng xanh thâm canh trong ao đất tại Long An	2004	Long An
11.	Thực nghiệm xây dựng mô hình nuôi tôm càng xanh trong ruộng lúa luân canh tại tỉnh Long An	2003	Long An
12.	Thực nghiệm xây dựng mô hình nuôi cá rô đồng thâm canh trong ao đất tại Long An	2004	Long An
13.	Đặc điểm sinh học, kỹ thuật sinh sản nhân tạo và nuôi thương phẩm cá Lóc đen ở vùng ĐBSCL.	2005	Bỉ - ĐHCT
14.	Thực nghiệm nuôi cá Kèo thâm canh ở tỉnh Bến Tre	2005	Bến Tre – ĐHCT
15.	Thực nghiệm xây dựng mô hình Tôm sú – Lúa – Cá nước ngọt tại huyện Hồng Dân – Bạc Liêu	2006	ĐHCT
16.	Thực nghiệm nuôi tôm càng xanh trong ao đất tại tỉnh Long an	2006	ĐHCT

Cần thơ, ngày 05 tháng 05 năm 2017

Xác nhận của cơ quan

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

TL.HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Kèm theo Thông tư số: 38/2010 /TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: BÙI MINH TÂM

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 22/01/1970

Nơi sinh: Tân An (Cần Thơ)

Quê quán: Tân An (Cần Thơ)

Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: Tiến sĩ

Năm, nước nhận học vị: 2007

Chức vụ: Phó bộ môn kỹ thuật nuôi cá nước ngọt

Đơn vị công tác: Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: 192/6A, phường An Bình, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Điện thoại liên hệ: CQ: : 0710-3831542 DĐ:

Fax: 08 710 3830323

Email: bmtam@ctu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: chính qui

Nơi đào tạo: Trường đại học Cần Thơ

Ngành học: Nuôi trồng Thủy sản

Nước đào tạo: Việt Nam

Năm tốt nghiệp: 1991

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Nuôi trồng Thủy sản

Năm cấp bằng: 2000

Nơi đào tạo: Đại học Putra Malaysia, Malaysia

- Tiến sĩ chuyên ngành: Nuôi trồng Thủy sản

Năm cấp bằng: 2007

Nơi đào tạo: Trường Đại học Malaysia Terengganu, Malaysia

Tên luận án: **Morphometrics, meristics and molecular genetics of snakehead fish (*Channa spp*) in Malaysia**

3. Ngoại ngữ: 1. Anh văn

Mức độ sử dụng: thành thạo

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
1991-1996	Khoa Thủy sản, trường Đại học Cần thơ	Nghiên cứu viên
1997-2000	Trường đại học Putra Malaysia, Malaysia	Học viên cao học
2000-2007	Trường đại học Malaysia Terengganu, Malaysia	Nghiên cứu sinh
2007-nay	Khoa Thủy sản, đại học Cần Thơ	Giảng viên

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Phát triển nguồn nhân lực thủy sản cho ĐBSCL – dự án WES	1994	Ngành	Tham gia
2	Dự án cá trơn (Catfish project)	1996	Ngành	Tham gia
3	Các mô hình nuôi thủy sản kết hợp – dự án JICA	2000	Ngành	Tham gia
4	Sản xuất giống cá Bông lau, thát lát còm, lóc bông (Đề tài hợp tác với các tỉnh)	2007	Tỉnh	Tham gia
5	Xây dựng qui trình công nghệ sản xuất giống và nu thương phẩm cá (Symphysodon aequifasciatus) và cá neon (Paracheirodon	2010	Bộ	Chủ nhiệm đề tài nhánh

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	<i>innesi</i>) có giá trị xuất khẩu			
6	Nghiên cứu sản xuất giống dày (<i>Channa lucius</i>)	2011	Tỉnh	Chủ nhiệm

2. Các công trình khoa học đã công bố: (tên công trình, năm công bố, nơi công bố...)

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1.	Tuan, N.A., Thuy, N.Q., Tam, B.M. , and Ut, V.V., 1994. Use of water hyacinth (<i>Eichornia crassipes</i>) as supplementary feed for nursing fish in Vietnam. In De Silva, S.S.	1994	Fish Nutrition Research in Asia. Proceeding of the Fifth Asian Fish Nutrition Workshop. Manila, Philippines, Asian Fisheries Society, pp. 101-106
2.	Hung L T, Tam B M , Cacot P and Lazard J (1999). Larval rearing of the Mekong catfish, <i>Pangasius bocourti</i> (Pangasidae, Siluroidei): Substitution of Artemia nauplii with live and artificial feed.	1999	Aquatic Living Resource 12(3):229-232
3.	Ambok Bolong Abol-Munafi, Bui Minh Tam , Mohd Azmi Ambak and Patimah Ismail, 2004. Effect of Different Diets on Growth and Survival Rates of Snakehead Larvae (<i>Channa striata</i> Bloch, 1797).	2004	Korean Journal of Biological Sciences, 8:313-317.
4.	Mohd Azmi Ambak, Abol-Munafi Ambok Bolong, Patimah Ismail and Bui Minh Tam , 2006. Genetic variation of Snakehead fish (<i>Channa striata</i>) population using random amplified	2006	Biotechnology, 5 (1): 104-110.

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	polymorphic DNA		
5.	Bùi Minh Tâm và Abol-Munafi A.B., 2006. Ảnh hưởng của hàm lượng protein đến sinh sản của cá thần tiên (<i>Pterophyllum scalare</i>)	2006	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ 04/2006-quyển 1
6.	Ambok Bolong Abol-Munafi, Mohd Azmi Ambak, Patimah Ismail and Bui Minh Tam , 2007. Molecular data from Cytochrom b for the phylogeny of Channidae (<i>Channa</i> spp) in Malaysia.	2007	Biotechnology, 6(1)22-27
7.	Bùi Minh Tâm , Nguyễn Thanh Phương và Dương Nhựt Long, 2008. Ảnh hưởng của mật độ lên tốc độ phát triển và tỉ lệ sống của cá lóc bông (<i>Channa micropeltes</i>) từ giai đoạn ấu trùng tới giai đoạn cá con nuôi trong bể xi măng	2008	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ 2008:B2: 11-19.
8.	Bùi Minh Tâm , Nguyễn Thanh Phương và Dương Nhựt Long, 2008. Ảnh hưởng của liều lượng và phương pháp tiêm HCG lên sinh sản bán nhân tạo cá lóc bông (<i>Channa micropeltes</i>)	2008	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ 2008:B2:76-81
9.	Lam T. Phan, Tam M. Bui , Thuy T.T. Nguyen, Geoff J. Gooley, Brett A. Ingram, Hao V. Nguyen, Phuong T. Nguyen, Sena S. De Silva, 2009. Current status of farming practices of striped	2009	Aquaculture 296: 227-236.

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	catfish, <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> in the Mekong Delta, Vietnam		
10.	Tam M. Bui , Lam T. Phan, Brett A. Ingram, Thuy T.T. Nguyen, Geoff J. Gooley, Hao V. Nguyen, Phuong T. Nguyen, Sena S. De Silva, 2010. Seed production practices of striped catfish, <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> in the Mekong Delta region, Vietnam	2010	Aquaculture 306: 92-100
11.	Sena S. De Silva, Brett A. Ingram, Phuong T. Nguyen, Tam M. Bui , Geoff J. Gooley, Giovanni M. Turchini, 2010. Estimation of Nitrogen and Phosphorus in Effluent from the Striped Catfish Farming Sector in the Mekong Delta, Vietnam	2010	AMBIO - DOI 10.1007/s13280-010-0072-x
12.	Đặng Quang Hiếu, Hà Lê Thị Lộc and Bùi Minh Tâm , 2010. Ảnh hưởng của hàm lượng <i>Spirulina</i> và astaxanthin trong thức ăn đến tăng trưởng giai đoạn 20 – 50 ngày tuổi.	2012	Tạp chí Khoa học - Đại học Cần Thơ, 2012:22a 261-268.
13.	Tam M. Bui , N. Thanh Phuong, Gia Hien Nguyen, Sena S. De Silva, 2013. Fry and fingerling transportation in the striped catfish, <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> , farming sector, Mekong Delta, Vietnam: A pivotal link in	2013	Aquaculture 388–391 (2013) 70–75

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	the production chain.		
14.	Nguyen., T.P., T. M. Bui and T. A. Nguyen, and S. De Silva, 2013. Chapter 16 - Developments in hatchery technology for striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>).	2013	In Advances in Aquaculture Hatchery Technology edited by Geoff Allan and Garvin Burnell- chapter 16

Cần thơ, ngày 05 tháng 05 năm 2017

Xác nhận của cơ quan

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

TL.HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Kèm theo Thông tư số: 38/2010 /TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: ĐỖ THỊ THANH HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 05/05/1962

Nơi sinh: Thốt Nốt, Cần Thơ

Quê quán: Tân Lộc, Thốt Nốt, Cần Thơ

Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: Tiến sĩ

Năm, nước nhận học vị: 2006

Chức danh khoa học cao nhất: PGs

Năm bổ nhiệm: 2010

Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Trưởng bộ môn

Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Bộ môn Dinh dưỡng và chế biến thủy sản

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: 9/118, đường 30/4, Xuân Khánh, Ninh Kiều, tp. Cần Thơ

Điện thoại liên hệ: CQ: 84-71-3830931 NR:

DD:

Fax: 84-71-3830323

Email: dtthuong@ctu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: chính qui

Nơi đào tạo: Đại học Cần Thơ

Ngành học: Nuôi trồng thủy sản

Nước đào tạo: Việt Nam

Năm tốt nghiệp: 1986

Bằng đại học 2:

Năm tốt nghiệp:

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Nuôi trồng thủy sản

Năm cấp bằng: 1998

Nơi đào tạo: Đại học thủy sản

- Tiến sĩ chuyên ngành: Khoa học Thủy sản

Năm cấp bằng: 2006

Nơi đào tạo: Đại học TOKYO

Tên luận án: Physiological studied on molting and osmoregulation in the giant freshwater prawn, *Macrobrachium rosenbergii* and the whiteleg shrimp *Litopenaeus vannamei*.

3. Ngoại ngữ: 1. Tiếng anh

Mức độ sử dụng: Thông thạo

2.

Mức độ sử dụng:

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
1986 - 1996	Khoa Thủy sản, trường Đại học Cần thơ	Giảng viên
1996 - 1998	Bộ môn Môi trường và QLTNTN, Khoa Nông nghiệp, trường Đại học Cần thơ	Giảng viên
1998-2000	Nghiên cứu tại JIRCAS, Nhật bản.	Nghiên cứu
2000-2003	Khoa Thủy sản, trường Đại học Cần thơ	Giảng viên
2003-2006	Trường Đại học TOKYO, Nhật bản	Đi học Tiến sĩ
2006-2007	Khoa Thủy sản, trường Đại học Cần thơ	GVC, Phó trưởng bộ môn
2008-2010	Khoa Thủy sản, trường Đại học Cần thơ	GVC, Trưởng Bộ môn

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Ảnh hưởng của thuốc trừ sâu lên chỉ tiêu huyết học của cá rô phi, mè vinh và cá chép	1998	Cấp trường	Chủ nhiệm
2	Thử nghiệm sản xuất giống lươn đồng (<i>Monopterus albus</i>)	2007	Cấp bộ	Thành viên
3	Ảnh hưởng của mật độ đến sự thay đổi sinh lý sinh hóa của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) nuôi thâm canh	2008	Cấp bộ	Chủ nhiệm

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
4	Nghiên cứu và đào tạo về Sinh lý động vật Thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu long	2009	Hợp tác quốc tế	Thư ký khoa học
5	Phát triển các kỹ thuật phân tích sinh và hóa học nhằm hỗ trợ nghề nuôi thủy sản bền vững ở Việt Nam ”.	2007-2009	Cấp nhà nước	Thành viên
6	Ảnh hưởng của các loại giá thể và mật độ lên tăng trưởng và tỉ lệ sống của lươn đồng (<i>Monopterus albus</i>)	2010	Cấp trường	Chủ nhiệm
7	Cải thiện giải pháp quản lý và an toàn trong sử dụng hóa chất nhằm phát triển bền vững nghề nuôi thủy sản nước ngọt ở Đồng bằng sông cửu long	2009-2014	Hợp tác quốc tế	Thư ký khoa học
8	Ảnh hưởng của vận chuyển đến mức độ stress của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) giai đoạn giống và biện pháp hạn chế	2012	Cấp trường	Thành viên
9	Quản lý bùn thải trong ao nuôi cá tra ở Đồng bằng sông Cửu long, Việt nam (SUPA)	2012-2015	Hợp tác quốc tế	Thành viên
10	Biến đổi khí hậu trong nuôi trồng thủy sản (Interdisciplinary Project on Climate change in Tropical Aquaculture)	2013-2017	Hợp tác quốc tế	Đồng chủ nhiệm
11	Ảnh hưởng của Fructooligosaccharide	2013-2014	Cấp trường	Chủ nhiệm

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	trong thức ăn lên một số chỉ tiêu sinh lý, enzym tiêu hóa, tăng trưởng và khả năng chịu đựng stress của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) giống		(TCN 2014-01)	

2. Các công trình khoa học đã công bố: (tên công trình, năm công bố, nơi công bố...)

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Margot Andrieu, Andreu Rico, Tran Minh Phu, Do Thi Thanh Huong , Nguyen Thanh Phuong, Paul J. Van den Brink Ecological risk assessment of the antibiotic enrofloxacin applied to Pangasius catfish farms in the Mekong Delta, Vietnam.	2015	Chemosphere, 119: 407-414
2	Sjannie L., T. Wang, A. Jensen, N. V. Cong, D.T.T. Huong , N.T. Phuong and M. Bayley. Air-breathing fishes in aquaculture. What can we learn from physiology?. Review paper.	2014	Journal of Fish Biology doi:10.1111/jfb.12302
3	Rasmus Ern, Do Thi Thanh Huong , Nguyen Thanh Phuong, Tobias Wang, Mark Bayley . Oxygen delivery does not limit thermal tolerance in a tropical eurythermal crustacean.	2014	The Journal of Experimental Biology. 217: 1-6. doi:10.1242/jeb.094169.

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
4	Sjannie Lefevre, Tobias Wang, Do Thi Thanh Huong , Nguyen Thanh Phuong, Mark Bayley . Partitioning of oxygen uptake and cost of surfacing during swimming in the air-breathing catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>).	2013	J Comp Physiol B 183:215–221
5	Ramus Ern, Do Thi Thanh Huong , Van Cong Nguyen, Tobias Wang, Mark Bayley. Effects of salinity on standard metabolic rate and critical oxygen tension in the giant freshwater prawn (<i>Marcobrachium rosenbergii</i>).	2012	Aquaculture Research 1-12
6	Pil Birkefeldt Moller Pedersen, Kasper Hansen, Do Thi Thanh Huong , Mark Bayley & Tobias Wang. Effects of salinity on osmoregulation, growth and survival in Asian swamp eel (<i>Motopterus albus</i>) (Zuiew 1793).	2012	Aquaculture Research: 1-7
7	Sjannie Lefevre, Do Thi Thanh Huong , Nguyen Thanh Phuong, Tobias Wang, Mark Bayley. Effects of hypoxia on the partitioning of oxygen uptake and the rise in metabolism during	2012	Aquaculture 364-365: 137-142.

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	digestion in the air-breathing fish <i>Channa striata</i> .		
8	Sjannie Lefevre, Frank B. Jensen, Do T.T. Huong , Tobias Wang, Nguyen T. Phuong, Mark Bayley. Haematological and ion regulatory effects of nitrite in the air-breathing snakehead fish <i>Channa striata</i> .	2012	Aquatic Toxicology, 118–119, 48-53.
9	Sjannie Lefevre, Frank B. Jensen, D.T.T. Huong , Tobias Wang, Nguyen T. Phuong, Mark Bayley. Effects of nitrite exposure on functional haemoglobin levels, bimodal respiration, and swimming performance in the facultative air-breathing fish <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> .	2011	Aquatic Toxicology 104: 86–93
10	Lefevre, S., D. T. T. Huong , N. T. K. Ha, T. Wang, N. T. Phuong, M. Bayley. A telemetry study of swimming depth and oxygen level in a Pangasius pond in the Mekong Delta.	2011	Aquaculture 315: 410–413
11	Sjannie Lefevre, Frank B. Jensen, D.T.T. Huong , Tobias Wang, Nguyen T. Phuong, Mark Bayley. Effects of nitrite exposure on functional	2011	Aquatic Toxicology 104: 86–93

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	haemoglobin levels, bimodal respiration, and swimming performance in the facultative air-breathing fish <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> .		
12	Iversen N. K., D. T. T. Huong , M. Bayley, T. Wang. Autonomic control of the heart in the Asian swamp eel (<i>Monopterus albus</i>).	2011	Comparative Biochemistry and Physiology, Part A 158: 485–489
13	Lefevre S., D. T. T. Huong , T. Wang, N. T. Phuong, M. Bayley. Hypoxia tolerance and partitioning of bimodal respiration in the striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>).	2011	Comparative Biochemistry and Physiology, Part A 158: 207–214.
14	Đỗ Thị Thanh Hương và Cao Châu Minh Thư. Ảnh hưởng của Nitrite lên chu kỳ lột xác và tăng trưởng của tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>).	2012	Tạp chí Khoa học. Đại học Cần Thơ. Số 21b: 19-28.
15	Đỗ Thị Thanh Hương và Trần Nguyễn Thế Quyên. Ảnh hưởng của độ mặn lên sự phát triển phôi và điều hòa áp suất thẩm thấu của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) giai đoạn bột và hương.	2012	Tạp chí Khoa học. Đại học Cần Thơ. Số 21a: 29-37.
16	Phạm Thành Nam và Đỗ Thị Thanh Hương . Ảnh	2011	Tạp chí Khoa học. Đại học Cần Thơ. Số 20b: 39-47

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	hưởng của độ mặn khả năng điều hòa áp suất thẩm thấu, ion và tăng trưởng của cá trê vàng lai (<i>Clarias macrocephalus</i> Gunther X <i>Clarias gariepinus</i>).		
17	Nguyễn Chí Lâm, Đỗ Thị Thanh Hương , Vũ Nam Sơn và Nguyễn Thanh Phương. Ảnh hưởng của độ mặn lên thay đổi sinh lý và tăng trưởng của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) giống.	2011	Tạp chí Khoa học. Đại học Cần Thơ. Số 17a: 60-69.
18	Triệu Thanh Tuấn, Mark Bayley và Đỗ Thị Thanh Hương . Ảnh hưởng của oxy hòa tan lên sử dụng thức ăn và tăng trưởng của tôm càng xanh (<i>macrobrachium rosenbergii</i>)	2011	Tạp chí Khoa học. Đại học Cần Thơ. Số 17a: 240-250.
19	Nguyễn Thị Quế Trân, Đỗ Thị Thanh Hương và Nguyễn Thanh Phương. Ảnh hưởng của thuốc trừ sâu Kinalux 25EC chứa hoạt chất Quinalphos lên hoạt tính men Cholinesterase (ChE) cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>).	2011	Tạp chí Khoa học. Đại học Cần Thơ. Số 18a: 46-55.
20	Trần Cẩm Tú, Trương Quốc Phú và Đỗ Thị Thanh Hương . Ảnh hưởng của Chlorine đến sự hình thành hợp chất Chloramine và	2011	Tạp chí Khoa học. Đại học Cần Thơ. Số 18b: 01-09

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	Methemoglobine trong máu cá rô phi (<i>Oreochromis niloticus</i>)		
21	Đỗ Thị Thanh Hương , Mai Diệu Quyên, Sjannie Lefevre, Tobias Wang và Mark Bayley. Ảnh hưởng của Nitrite lên một số chỉ tiêu sinh lý cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) giống.	2012	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Thủy sản lần thứ 4: 156-166
22	Do Thi Thanh Huong , Safiah Jasmani, Vidya Jayasankar and Marcy Wilder. Na/K-ATPase activity and osmo-ionic regulation in adult whiteleg shrimp <i>Litopenaeus vannamei</i> exposed to low salinities.	2010	<i>Aquaculture</i> 304 : 88-94
23	Do Thi Thanh Huong , TobiasWang, Mark Bayley & NguyenThanh Phuong. Osmoregulation, growth and moulting cycles of the giant freshwater prawn (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) at different salinities.	2010	<i>Aquaculture Research</i> : 41 (9) pp: e135-e143
24	Thuy, N.H., L. A. Tien, P. N. Tuyet, D. T. T. Huong , N. V. Cong, M. Bayley, T. Wang, and S. Lefevre. Critical oxygen tension increases during digestion in the perch <i>Perca fluviatilis</i> . <i>Journal of Fish Biology</i> 76: 1025-	2010	<i>Journal of Fish Biology</i> 76: 1025-1031

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	1031		
25	Đỗ Thị Thanh Hương, Nguyễn Lệ Hoa và Nguyễn Anh Tuấn . Nuôi vỗ thành thục và kích thích lươn đồng (<i>Monopterus albus</i>) sinh sản bằng hCG (human Chorionic Gonadotropine).	2010	Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. Số 14: 258–268
26	Nguyễn Thanh Phương, Phương Ngọc Tuyết, Nguyễn Văn Công và Đỗ Thị Thanh Hương. Ảnh hưởng của thuốc trừ sâu decis lên điều hòa áp suất thẩm thấu và tăng trưởng tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>).	2010	Tạp chí Khoa học. Đại học Cần Thơ. Số 14:107–118
27	Châu Tài Tảo, Đỗ Thị Thanh Hương, Trần Ngọc Hải và Nguyễn Thanh Phương. Biến đổi hàm lượng protein tạo noãn hoàng của tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) trong quá trình thành thục và sinh sản.	2010	Tạp chí Khoa học. Đại học Cần Thơ. Số 14: 213–221
28	Lý Văn Khánh, Trần Ngọc Hải, Đỗ Thị Thanh Hương và Nguyễn Thanh Phương. Nghiên cứu một số chỉ tiêu sinh lý sinh sản của cá nâu (<i>Scatophagus argus</i>) ở Đồng Bằng Sông Cửu Long.	2010	Tạp chí Khoa học. Đại học Cần Thơ. Số 14: 186–194
29	Nguyễn Hương Thùy và Đỗ Thị Thanh Hương.	2010	Tạp chí Khoa học. Đại học Cần Thơ. Số 14b: 127-139

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	Ảnh hưởng của độ mặn lên tăng trưởng và một số chỉ tiêu sinh lý của lươn đồng (<i>Monopterus albus</i>).		
30	Đoàn Xuân Diệp, Đỗ Thị Thanh Hương và Nguyễn Thanh Phương. Ảnh hưởng của hàm lượng oxy hòa tan lên tăng trưởng và tiêu hao oxy cơ sở của tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>).	2010	Tạp chí Khoa học. Đại học Cần Thơ. Số 14b: 76-89
31	Nguyễn Thị Nhát Phương và Đỗ Thị Thanh Hương. Tiêu hao oxy cơ bản và tiêu hao oxy tiêu hóa của cá bống tượng giống (<i>Oxyeleotris marmorata</i>) ở các độ mặn khác nhau.	2010	Tạp chí Khoa học. Đại học Cần Thơ. Số 14b: 99-107
32	Huỳnh Hiếu Lộc và Đỗ Thị Thanh Hương. Ảnh hưởng của độ mặn lên điều hòa áp suất thẩm thấu, ion và tăng trưởng của cá bống tượng (<i>Oxyeleotris marmoratus</i>).	2010	Tạp chí Khoa học. Đại học Cần Thơ. 14b: 117-126
33	Nguyễn Trọng Hồng Phúc, Đỗ Thị Thanh Hương, Nguyễn Văn Công và Nguyễn Thanh Phương. Ảnh hưởng của fenobucarb lên các chỉ tiêu huyết học và hoạt tính men cholinesterase (ChE) của cá chép (<i>Cyprinus carpio</i>).	2010	Tạp chí Khoa học. Đại học Cần Thơ. 14b: 175-187

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
34	Lâm Ngọc Bửu, Trần Ngọc Hải, Đỗ Thị Thanh Hương và Nguyễn Thanh Phương. Khả năng sử dụng cây năn tượng (<i>Scirpus littoralis</i>) xử lý dinh dưỡng nước thải từ nuôi tôm.	2010	Tạp chí Khoa học. Đại học Cần Thơ. Số 14b: 56-65
35	Nguyễn Kim Hà, Quách, Chí Tâm, Đỗ Thị Thanh Hương và Nguyễn Thanh Phương. Ảnh hưởng của việc sử dụng Dipterex lên một số chỉ tiêu huyết học và tăng trưởng của cá tra (<i>Pagasianodon hypophthalmus</i>)	2010	Tạp chí Khoa học. Đại học Cần Thơ. Số 16a: 141-150
36	Nguyễn Trọng Hồng Phúc, Đỗ Thị Thanh Hương, Nguyễn Kim Hà và Nguyễn Thanh Phương. Ảnh hưởng của Bassan 50 EC lên khả năng tăng trưởng và hoạt tính men Cholinesterase của cá chép (<i>Cyprinus carpio</i>)	2010	Tạp chí Khoa học. Đại học Cần Thơ. Số 16b: 221-229
37	Đoàn Xuân Diệp, Đỗ Thị Thanh Hương và Nguyễn Thanh Phương. Ảnh hưởng của độ mặn lên điều hòa áp suất thẩm thấu và tăng trưởng của tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>).	2009	Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ. Số 11b Trang 206-216
38	Wang, T., S. Lefevre, Huong D.T.T. , N.V. Cong and M. Bayley. Effects of hypoxia on	2009	In <i>Fish Physiology</i> (vol 27): Hypoxia. Academic Press. pp. 361-396

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	growth and digestion (2009).		
39	Wilder N.M., Huong D.T.T. , S. Jasmani, V. Jayasankar, Kaneko, T., Aida, K. Hatta T., Nemoto S., and A. Wigginton. Hemolymph osmolality, ion concentrations and calcium in the structural organization of the cuticle of the giant freshwater prawn <i>Macrobrachium rosenbergii</i> changes with the molt cycle.	2009	Aquaculture 292: 104-110.
40	Jayasankar, V., Jasmani, S., Nomura, T., Nohara, S., Huong D.T.T. , Wilder N.M. Low salinity rearing of the Pacific White Shrimp <i>Litopenaeus vannamei</i> : Acclimation, Survival and Growth of postlarvae and juveniles.	2009	<i>Japan Agricultural Research Quarterly</i> , Vol. 43 (4) 345-350.
41	Jasmani, S., V. Jayasankar, Huong D.T.T. , Wilder N.M. Reproductive mechanisms and osmoregulatory control in the giant freshwater prawn <i>Macrobrachium rosenbergii</i> .	2008	Proceedings of the International Seminar on the Giant Malaysian Prawn 28 th – 29 th March 2008, Kuala Lumpur, Malaysia: 91-94
42	Đỗ Thị Thanh Hương. Ảnh hưởng của độ mặn thấp lên điều hòa áp suất thẩm thấu và hoạt tính của men Na^+/K^+ ATPase ở	2008	Tạp chí khoa học Đại học Cần thơ (1): 91-100

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>)		
43	Đỗ Thị Thanh Hương , Nguyễn Thị Hồng Thắm và Nguyễn Anh Tuấn. Kết quả bước đầu về sản xuất giống nhân tạo Lươn đồng (<i>Monopterus albus</i>)	2008	Tạp chí khoa học Đại học Cần thơ (2): 50-58
44	Trần Minh Phú, Đào Thị Hồng Sen, Đỗ Thị Thanh Hương và Trần Thị Thanh Hiền. Xác định thời gian tồn lưu Enrofloxacin trên cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	2008	Tạp chí khoa học Đại học Cần thơ (2): 215-218
45	Lý Văn Khánh, Phan Thị Thanh Vân, Nguyễn Hương Thùy và Đỗ Thị Thanh Hương . Nghiên cứu đặc điểm sinh học dinh dưỡng và sinh sản lươn đồng (<i>Monopterus albus</i>)	2008	Tạp chí khoa học Đại học Cần thơ (1): 101-112.
46	Phuong, N. T.; T.N. Hai; T. T. T. Hien; T. V. Bui; Huong D. T. T. ; V. N. Son; Y. Morooka; Y. Fukuda and M. N. Wilder Current status of freshwater prawn culture in Vietnam and the development and transfer of seed production technology.	2006	Fisheries science 72: 1-12
47	Huong D.T.T. , V. Jayasankar, S. Jasmani, H. Saido-Sakanaka, A. Wigginton, and M.N.	2004	Fisheries Science (2004) 70: 518-520

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	Wilder. Na/K-ATPase activity during larval development in the giant freshwater prawn <i>Macrobrachium rosenbergii</i> and the effects of salinity on survival rates.		
48	Huong, D. T. T. , Hang, B. T. B., Bui, T. V., Kaneko, T., Aida, K., and Wilder, M. N. Na/K-ATPase activity in the giant freshwater prawn <i>Macrobrachium rosenbergii</i> and larval rearing under low salinities in the Mekong Delta region of Vietnam. Trends in Comparative Endocrinology:	2004	Proceedings of the Fifth Congress of the Asia and Oceania Society for Comparative Endocrinology, March 26-30, 2004, Nara, Japan: 194-196.
49	Jasmani, S., Jayasankar, V., Huong, D. T. T. , Tsutsui, N., and Wilder, M. N. Regulation of egg hatching in the giant freshwater prawn, <i>Macrobrachium rosenbergii</i> . Trends in Comparative Endocrinology:	2004	Proceedings of the Fifth Congress of the Asia and Oceania Society for Comparative Endocrinology, March 26-30, 2004, Nara, Japan: 360-362.
50	Đỗ Thị Thanh Hương , Bùi Thị Bích Hằng, Trần văn Bùi. Nghiên cứu hoạt tính men $\text{Na}^+/\text{K}^+\text{ATPase}$ và ương ấu trùng tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) ở các nồng	2004	Tạp chí khoa học Đại học Cần thơ: 80-90

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	độ muối khác nhau.		
51	Đỗ Thị Thanh Hương , Châu Tài Tảo. Khảo sát thay đổi một số chỉ tiêu sinh lý của tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) trong môi trường nuôi có nồng độ muối thấp.	2004	Tạp chí khoa học Đại học Cần thơ: 91-95
52	Đỗ Thị Thanh Hương , Lê Quốc Việt và Bùi thị Bích Hằng. Tìm hiểu ảnh hưởng của Formalin, BKC và Dipterex lên sự lột xác của tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)	2004	Tạp chí khoa học Đại học Cần thơ: 96-103
53	Okuno A., W. J. Yang, V. Jayasankar, H. S. Sakanaka, D. T. T. Hương , S. Jasmani, M. Atmomarsono, T. Subramoniam, N. Tsutsui, T. Ohira, I. Kawazoe, K. Aida and M. N. Wilder. Deduced Primary Structure of Vitellogenin in the Giant Freshwater Prawn, <i>Macrobrachium rosenbergii</i> , and Yolk	2002	Processing During Ovarian Maturation. Journal of Experimental zoology 292: 417-429.
54	Huong, D.T.T. , W-J. Yang, A. Atsuro and M. N. Wilder. Changes in free amino acids in the hemolymph of giant freshwater prawn <i>Macrobrachium rosenbergii</i> exposed to varying salinities: relationship to osmoregulatory ability.	2001	Comparative Biochemistry and Physiology Part A 128: 317-326

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
55	Wilder, M.N., D. T. T. Huong , A. Atsuro; M. Atmomarsono and W-J. Yang. Ouabain-sensitive Na/ATPase activity increases during embryogenesis in the giant freshwater prawn (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>).	2001	Fisheries Science (2001); 67: 182-184.
56	Wilder, M.N., D. T. T. Huong , M. Atmomarsono, T. T. T. Hien, T. Q. Phu and W-J. Yang. Characterization of Na/K ATPase in <i>Macrobrachium rosenbergii</i> and the effects of changing salinity on enzymatic activity.	2000	Comparative Biochemistry and Physiology Part A. 125: 377-388 (2000).
57	Yang, W. J., T. Ohira, N. Tsutsui, T. Subramoniam, D. T. T. Huong , K. Aida, M. N. Wilder. Determination of amino acid sequences and site of mRNA expression for four vitellins in the giant freshwater prawn, <i>Macrobrachium rosenbergii</i> .	2000	Journal of Experimental Zoology 287: 413-422 (2000)

Cần thơ, ngày 05 tháng 05 năm 2017

Xác nhận của cơ quan

Người khai ký tên

TL.HIỆU TRƯỞNG

(Ghi rõ chức danh, học vị)

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Kèm theo Thông tư số: 08/TT- BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: PHẠM THANH LIÊM

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 02/04/1967

Nơi sinh: Vĩnh Long

Quê quán: Phường 5, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: Tiến sĩ

Năm, nước nhận học vị: 2009 - Malaysia

Chức danh khoa học cao nhất và năm bổ nhiệm:

Chức vụ: Giảng viên chính, Phó Trưởng bộ môn

Đơn vị công tác: Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: 91/5/1 đường 30/4, Hưng Lợi, Ninh Kiều, Cần Thơ

Điện thoại liên hệ: CQ: 0710 3831542,

DD: 090 9685552

Fax: 0710 3830323,

Email: ptliem@ctu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính qui tập trung

Nơi đào tạo: Đại học Cần Thơ

Ngành học: Nuôi trồng thủy sản

Nước đào tạo: Việt Nam

Năm tốt nghiệp: 1990

2. Sau đại học

Thạc sĩ ngành/chuyên ngành: Nuôi trồng Thủy sản

Năm cấp bằng: 2001

Nơi đào tạo: Đại học Putra Malaysia Terengganu (UPM), Malaysia

Tiến sĩ chuyên ngành: Nuôi trồng thủy sản

Năm cấp bằng: 2009

Nơi đào tạo: Đại học Malaysia Terengganu (UMT), Malaysia

Tên luận án Tiến sĩ: Sự sinh sản và di truyền các tính trạng của cá trê lai *Clarias macrocephalus* x *C. gariepinus* (Breeding performance and traits inheritance of hybrid catfish *Clarias macrocephalus* vs *C. gariepinus*)

3. Ngoại ngữ:

1. Anh Văn

Mức độ sử dụng: thành thạo

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
1991-1992	Trại cá giống số 1 - Ô Môn, Công ty dịch vụ nuôi trồng Thủy sản, Tỉnh Hậu Giang	Kỹ thuật viên
1993-1995	Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ	Nghiên cứu viên
10/1995-12/1998	Khoa Nông nghiệp, Đại học Cần Thơ	Tập sự giảng dạy
12/1998-04/2001	Khoa Nông nghiệp, Đại học Cần Thơ Trường Đại học Putra Malaysia (UPM) Terengganu, Malaysia	Cán bộ giảng dạy, Học viên Cao học
04/2001-06/2003	Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ	Giảng viên
06/2003-08/2007	Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ Trường Đại học Malaysia Terengganu (UMT), Malaysia	Giảng viên Nghiên cứu sinh
08/2007 đến nay	Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ	Giảng viên

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu/ lĩnh vực ứng dụng	Năm hoàn thành	Đề tài cấp (Cơ sở, bộ ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Xây dựng trang trại nuôi cá tra trình diễn công nghệ tiên tiến bền vững tại Việt Nam	Đang thực hiện	Dự án VIDATEC	Chủ nhiệm
2	Nghiên cứu đặc điểm sinh học và sản xuất giống cá Dày (<i>Channa lucius</i>)	Đang thực hiện	Cơ sở (Tỉnh)	Tham gia
3	Bảo tồn nguồn gen cá rô đồng đầu	2014	Cơ sở (Tỉnh)	Tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu/ lĩnh vực ứng dụng	Năm hoàn thành	Đề tài cấp (Cơ sở, bộ ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	vuông ở tỉnh Hậu Giang			
4	Nghiên cứu đặc điểm thành thực và kích thích sinh sản cá trê Phú Quốc (<i>Clarias gracilentus</i>) trong điều kiện nuôi	2014	Trường	Chủ nhiệm
5	Nghiên cứu hiệu lực của một số vacxin phòng bệnh do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây ra trên cá tra (<i>Pangasius hypophthalmus</i>)	2011	Cấp Bộ (GD&ĐT)	Chủ nhiệm
6	Nghiên cứu xây dựng các hệ thống thông tin hỗ trợ việc phòng chống dịch bệnh cây trồng và thủy sản cho vùng kinh tế trọng điểm	2010	Cấp Nhà nước (Bộ KH&CN)	Tham gia
7	Nghiên cứu đặc điểm sinh học và khả năng thuần dưỡng cá Bông lau (<i>Pangasius krempfi</i>) trong ao nuôi	2005	Cấp Bộ (GD&ĐT)	Chủ nhiệm
8	Nghiên cứu phát triển thức ăn và nuôi thâm canh cá rô đồng (<i>Anabas testudineus</i>) trong ao và bè	2005	Cấp Bộ (Thủy sản)	Tham gia
9	Nghiên cứu hoàn thiện qui trình kỹ thuật sản xuất giống tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) áp dụng mô hình nước xanh cải tiến.	2003	Cấp Bộ (Thủy sản)	Tham gia
10	Phân loại, khai thác và duy trì sự đa dạng sinh học nhằm phát triển sự đa dạng và bền vững cá da trơn ở Đông Nam Á (Đề tài hợp tác quốc tế gồm Pháp, Bỉ, Indonesia và Việt Nam)	2000	(Đề tài hợp tác quốc tế gồm Pháp, Bỉ, Indonesia và Việt Nam)	Tham gia

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1.	Dương Thúy Yên và Phạm Thanh Liêm . Mối quan hệ giữa kích cỡ và các chỉ tiêu sinh	2014.	Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ, Số 34 (2014): 77-83

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	sản của cá rô đầu vuông (Anabas testudineus)		
2.	Dương Thúy Yên, Ung Hữu Em, Trần Ngọc Hải và Phạm Thanh Liêm . Đặc điểm hình thái và sự đa dạng di truyền của các quần thể tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) ở các tỉnh phía Nam.	2014	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, Số 3-4 (2014): 148-154
3.	Phan Phương Loan, Nguyễn Thị Hồng Vân, Bùi Minh Tâm và Phạm Thanh Liêm . Sự phát triển ống tiêu hóa cá rô biển (<i>Pristolepis fasciata</i>).	2014	Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ, Số 32 (2014): 123-129
4.	Cao Văn Thích, Phạm Thanh Liêm và Trương Quốc Phú. Ảnh hưởng mật độ nuôi đến chất lượng nước, sinh trưởng và tỉ lệ sống của cá Lóc (<i>Channa striata</i>) nuôi trong hệ thống tuần hoàn.	2014	Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ, Số Chuyên đề Thủy sản 2014 (Tập 2): 79-85
5.	Phan Phương Loan, Phạm Thanh Liêm và Bùi Minh Tâm. Đặc điểm sinh học sinh sản của cá rô biển (<i>Pristolepis fasciata</i>).	2014	Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ, Số Chuyên đề Thủy sản 2014 (Tập 2): 256-262
6.	Lý Văn Khánh, Phạm Thanh Liêm và Nguyễn Thanh Phương. Sự lựa chọn thức ăn của cá Nâu bột (<i>Scatophagus argus</i>)	2014	. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ, Số Chuyên đề Thủy sản 2014 (Tập 1): 145-157

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
7.	Phan Phương Loan, B.M. Tâm và P.T. Liêm . Nghiên cứu một số chỉ tiêu sinh lý cá rô biển.	2014	Tạp chí Thủy sản Việt Nam. Số 11(186): 48-51
8.	Nguyễn Thành Tâm và P.T. Liêm . So sánh sự đa dạng di truyền của tôm càng xanh Việt Nam và Trung Quốc.	2012	Tạp chí Khoa học, Đại học Huế. Số 6 (2012) 135-142
9.	Nguyễn Thành Tâm và P.T. Liêm . So sánh sự đa dạng di truyền của tôm càng xanh Việt Nam và Trung Quốc.	2012	Tạp chí Khoa học, Đại học Huế. Số 6 (2012) 135-142
10.	Lý Văn Khánh, N.H. Xuân, P.T. Liêm và N.T. Phương. Ảnh hưởng của thức ăn lên sinh trưởng và tỉ lệ sống cá nâu (<i>Scatophagus argus</i>) giai đoạn 15 ngày tuổi.	2011	Kỷ yếu Hội nghị khoa học thủy sản lần 4, Trường Đại học Cần Thơ (26/01/2011). Nhà xuất bản Nông nghiệp, pp. 352-360
11.	Nguyễn Hoàng Xuân, L.V. Khánh, N.T. Phương và P.T. Liêm . Sự phát triển ống tiêu hóa của cá nâu (<i>Scatophagus argus</i>) giai đoạn bột.	2011	Kỷ yếu Hội nghị khoa học thủy sản lần 4, Trường Đại học Cần Thơ (26/01/2011). Nhà xuất bản Nông nghiệp, pp. 191-201.
12.	Phạm Thanh Liêm , A.B. Abol-Munafi, M.A. Ambak, S.S. Siraj và Đ.N. Phương. Khả năng kháng bệnh của cá trê lai (<i>Clarias macrocephalus</i> x <i>C. gariepinus</i>) thế hệ F1 và con lai sau F1 với	2008	Tạp chí khoa học – Đại học Cần Thơ, 2008 (1): 195-203

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	vi khuẩn <i>Aeromonas hydrophila</i> .		
13.	Nguyễn Anh Tuấn, N.T. Phương, P.T. Liêm , và N.V. Thường. Kết quả nghiên cứu về cá trôn thuộc giống <i>Pangasius</i> và những định hướng phát triển..	2003	Tuyển tập nghề cá sông Cửu Long. Số đặc biệt. Nhà xuất bản nông nghiệp. pp:129-134
14.	Phạm Thanh Liêm , A.B. Abol-Munafi, M.A. Ambak, A. Hassan, và A. Zainal Abidin. Sự phát triển ống tiêu hóa của cá bống tượng (<i>Oxyeleotris marmoratus</i>).	2002	Tạp chí khoa học – Đại học Cần Thơ. Quyển số 4 (2002), pp: 332-337
15.	Phạm Thanh Liêm , A.B. Abol-Munafi và M.A. Ambak. Sự chọn lựa thức ăn của cá bống tượng <i>Oxyeleotris marmoratus</i> giai đoạn cá bột,. 2012. p 212-216	2002	Tạp chí khoa học – Đại học Cần Thơ. Quyển số 4 (2002), pp: 338-345
16.	Duong Thuy Yen, Pham Thanh Liem , Huynh Ky and Tran Ngoc Hai. Strain evaluation of giant freshwater prawn (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) based on morphology and genetic diversity.	2013	Proceedings of the International Fisheries Symposium 2012. Cantho, 6-8 December, 2012. p 239-244
17.	Abol-Munafi, A.B., Liêm, P.T. , Van, M.V., Ambak, M.A., Effendy, A.W.M. and Awang	2006	Journal of Sustain. Sci. & Mngt., 2006 Vol. 1(2): 79-86

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	Soh, M. Histological ontogeny of the digestive system of marble goby <i>Oxyeleotris marmoratus</i> larvae.		
18.	Abol-Munafi A.B., Liem, P.T. , Ambak, M.A., and Siraj, S.S. Effects of maturational hormone treatment on spermatogenesis of hybrid catfish (<i>Clarias macrocephalus</i> x <i>C. gariepinus</i>).	2006	Journal of Sustainability Science and Management 2006, Vol. 1(1): 24-31
19.	Cacot, P., Legendre, M., Dan, T.Q., Tung, L.T., Liem, P.T. , Mariojouis, C., and Lazard, M. Induced ovulation of <i>Pangasius bocourti</i> (Sauvage, 1880) with a progressive hCG treatment.	2002	Aquaculture, 213:199-206
20.	Phuong, N.T., Liem, P.T. , Toan, V.T., Hien, T.T.T. and Tinh, L.V. Study on the effects of feeding diets on growth of climbing perch (<i>Anabas testudineus</i>) cultured in garden ditches.	2002	Proceeding of the 2002 annual workshop of JIRCAS Mekong Delta Project, 26-28/11/2002. College of Agriculture, Can Tho University, Can Tho, Vietnam
21.	Xuan, L.N., and Liem, P.T. Preliminary results on the induced spawning of two catfish species, <i>Pangasius conchophilus</i> and <i>Pangasius</i> sp1, in the Mekong Delta. In:	1999	Proceeding of the mid-term workshop of the "Catfish Asia Project" Cantho, Vietnam, 11-15 May 1998. pp 103-106

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	Legendre M, Pariselle A (Eds), <i>The Biological Diversity and Aquaculture of Clariid and Pangasiid Catfishes in South East Asia.</i>		
22.	Campet, M., Cacot, P., Lazard, Dan, T.Q., Muon, D.T., and Liem, P.T. Egg quality of an Asian catfish of the Mekong River (<i>Pangasius hypophthalmus</i>) during the process of maturation induced by HCG injections. In: Legendre M, Pariselle A (Eds), <i>The Biological Diversity and Aquaculture of Clariid and Pangasiid Catfishes in South East Asia.</i>	1999	Proceeding of the mid-term workshop of the "Catfish Asia Project" Cantho, Vietnam, 11-15 May 1998. pp 113-117
23.	Liem, P.T. , and Tu, H.T. Rearing of <i>Pagasius</i> catfish fry (<i>Pangasius bocourti</i>) fed different diets in concrete tanks. In: Legendre M, Pariselle A (Eds), <i>The Biological Diversity and Aquaculture of Clariid and Pangasiid Catfishes in South East Asia.</i>	1999	Proceeding of the mid-term workshop of the "Catfish Asia Project" Cantho, Vietnam, 11-15 May 1998. pp 187-189
24.	Kiem, N.V., and Liem, P.T. Some biological characteristics of <i>Clarias batrachus</i> and	1999	Proceeding of the mid-term workshop of the "Catfish Asia Project" Cantho, Vietnam, 11-15 May 1998. pp 191-193

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	preliminary results on the hybridisation between <i>Clarias batrachus</i> and <i>Clarias gariepinus</i> . In: Legendre M, Pariselle A (Eds), <i>The Biological Diversity and Aquaculture of Clariid and Pangasiid Catfishes in South East Asia</i> .		
25.	Nguyen Thi Hong Nho, Pham Thanh Liem and Truong Quoc Phu. Nutrients mass balance in recirculation system for nursing striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>).	2013	Proceedings of the International Fisheries Symposium 2012. Cantho, 6-8 December,

Cần thơ, ngày 05 tháng 05 năm 2017

Xác nhận của cơ quan

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

TL.HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Kèm theo Thông tư số: 38/2010 /TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: PHẠM THỊ TUYẾT NGÂN

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 23/8/1963

Nơi sinh: Mỏ Cày, Bến Tre

Quê quán: Minh Đức, Mỏ Cày, Bến Tre

Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: Tiến sĩ

Năm, nước nhận học vị: 2012

Chức danh khoa học cao nhất:

Năm bổ nhiệm:

Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): trưởng Bộ môn

Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Bộ môn Thủy sinh học ứng dụng, Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: A4-T82, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Điện thoại liên hệ: CQ: 07103.830.046

NR:

DD: 090716106

Fax:

Email: pttngan@ctu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: chính qui

Nơi đào tạo: Đại học Cần Thơ

Ngành học: Nuôi trồng thủy sản

Nước đào tạo: Việt Nam

Năm tốt nghiệp: 1987

Bằng đại học 2:

Năm tốt nghiệp:

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Nuôi trồng Thủy sản

Năm cấp bằng: 2000

Nơi đào tạo: Bỉ

- Tiến sĩ chuyên ngành: Nuôi trồng Thủy sản

Năm cấp bằng: 2012

Nơi đào tạo: Đại học Cần Thơ

Tên luận án: “**Nghiên cứu quần thể vi khuẩn chuyển hóa đạm trong bùn đáy ao nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*)**”.

3. Ngoại ngữ: 1. Tiếng Anh Mức độ sử dụng: tốt
2. Mức độ sử dụng:

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
10/1987-10/1989	Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ	Nghiên cứu viên
10/1989-2000	Trung tâm phát triển Tôm-Artemia và Viện khoa học thủy sản, nay là khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ.	Nghiên cứu viên
10/2000-10/2005	Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ.	Nghiên cứu viên
10/2005-12/2006	Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ.	Nghiên cứu viên
1/2007- 4/2011	Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ.	Giảng viên
4/2011- nay	Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ.	Giảng viên chính

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1.	Ảnh hưởng của chế độ dinh dưỡng lên chất lượng của bố mẹ và ấu trùng của biển <i>Scylla paramamosain</i>)	2003-2005	Cấp Bộ	Chủ nhiệm đề tài
2.	Xác định vi khuẩn chuyển hóa đạm trong bùn đáy ao nuôi tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) B2008-16-90.	2008-2009	Cấp Bộ	Chủ nhiệm đề tài
3.	Sự biến động các yếu tố	2009	Cấp Trường	Chủ nhiệm đề tài

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	môi trường và mật độ vi khuẩn <i>Bacillus</i> trong bể nuôi tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) TNCS-04			
4.	Xác định mật số và tính đa dạng của vi khuẩn Nitrate hóa trong mô hình nuôi tôm sú thâm canh bằng phương pháp MPN và kỹ thuật sinh học phân tử T2010-02.	2010	Cấp Trường	Chủ nhiệm đề tài
5.	Ảnh hưởng của vi khuẩn <i>Bacillus</i> (8, 37, 38) chọn lọc lên khả năng cải thiện chất lượng nước trong bể nuôi tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) (TNCS2010-08)	2010	Cấp Trường	Chủ nhiệm đề tài
6.	Xác định vị trí phân loại vi khuẩn chuyển hóa đạm bằng kỹ thuật sinh học phân tử (T2011-09)	2011	Cấp Trường	Chủ nhiệm đề tài
7.	Hiệu quả xử lý nước của khuẩn <i>Bacillus</i> chọn lọc lên tôm thẻ chân trắng (<i>Penaeus vannamei</i>) trong hệ thống lọc tuần hoàn (TNCS2011-12)	2011	Cấp Trường	Chủ nhiệm đề tài

2. Các công trình khoa học đã công bố: (tên công trình, năm công bố, nơi công bố...)

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1.	Phạm Thị Tuyết Ngân , Bosteels. T và Vũ Đỗ Quỳnh. Ngâm nước muối bảo hoà để cải tiến chất lượng nở của trứng bào	1995	Trong Tuyển tập công trình khoa học công nghệ Đại học Cần Thơ năm 1993-1995, trường Đại học

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	xác <i>Artemia</i> sản xuất tại Việt Nam.		Cần Thơ. Trang 7-11.
2.	Phạm Thị Tuyết Ngân và Nguyễn Văn Hòa. Tìm hiểu cơ chế tìm sinh và phương pháp chế biến bảo quản trứng bào xác <i>Artemia</i> .	2004	Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ chuyên ngành Thủy sản. Trang 329-335.
3.	Phạm Thị Tuyết Ngân , Tô Công Tâm và Phạm Trần Nguyên Thảo. Sự thay đổi mô học và thành phần chất béo, acid béo của buồng trứng của biển (<i>Sylla paramamosain</i>)	2008	Tạp chí Nghiên cứu Khoa học, trường Đại học Cần Thơ quyển 1. 200-208
4.	Phạm Thị Tuyết Ngân , Tô Công Tâm và Trương Quốc Phú. Ảnh hưởng của bổ sung dầu ăn lên sự đa dạng quần thể vi sinh vật trong bể lọc sinh học.	2008	Tạp chí thủy sản Đại học Cần Thơ (quyển 1). Trang 33-43
5.	Phạm Thị Tuyết Ngân , Trần Thị Kiều Trang và Trương Quốc Phú. Biến động mật độ vi khuẩn trong ao nuôi tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) ghép với cá rô phi đỏ ở Sóc Trăng.	2008	Tạp chí thủy sản Đại học Cần Thơ, (quyển 1). Trang 187-194
6.	Phạm Thị Tuyết Ngân , Nguyễn Hữu Hiệp. Biến động mật độ vi khuẩn hữu ích trong ao nuôi tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) thâm canh.	2010	Trong tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ, 2010, số 14, trang 166-176.
7.	Phạm Thị Tuyết Ngân và Trương Quốc Phú. Biến động các yếu tố môi trường ao nuôi tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) thâm canh tại Sóc Trăng.	2010	Trong tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ, 2010, số 151, trang 179-188.

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
8.	Lê Đông Cung, Phạm Thị Tuyết Ngân và Trương Quốc Phú. Xác định khả năng chuyển hóa đạm của nhóm vi khuẩn hữu ích trong hệ thống ương tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) nước tuần hoàn.	2010	Trong tạp chí khoa học, Đại học Cần Thơ, 2010, số: 14B, trang 15-25.
9.	Phạm Thị Tuyết Ngân , Trương Quốc Phú. Biến động các yếu tố môi trường và mật độ vi khuẩn <i>Bacillus</i> sp trong bể nuôi tôm sú.	2010	Trong tạp chí khoa học, Đại học Cần Thơ, 2010, số: 14B, trang 29-42.
10.	Phạm Thị Tuyết Ngân và Trương Quốc Phú. Ảnh hưởng của vi khuẩn <i>Bacillus</i> (B8, B37, B38) lên chất lượng nước bể tôm sú (<i>P. monodon</i>).	2010	Kỷ yếu Hội nghị khoa học Thủy sản lần 4. NXB NN TP. HCM, trang 28-41.
11.	Ngô Thị Thu Thảo và Phạm Thị Tuyết Ngân . Ảnh hưởng của bổ sung các loại chế phẩm sinh học chứa vi khuẩn <i>Bacillus</i> trong ương ấu trùng ốc hương (<i>Babylonia areolata</i>).	2010	Kỷ yếu Hội nghị khoa học Thủy sản lần 4. NXB NN TP. HCM, trang 55-64.
12.	Phạm Thị Tuyết Ngân và Nguyễn Hữu Hiệp. Định danh các nhóm vi khuẩn chuyển hóa đạm bằng phép thử sinh hóa và kỹ thuật sinh học phân tử	2011	Kỷ yếu Hội nghị khoa học Thủy sản lần 4, NXB NN TP. HCM, trang 42-54.
13.	Phạm Thị Tuyết Ngân , Trần Nhân Dũng và Dương Minh Viễn. Khảo sát mật độ và sự đa dạng của vi khuẩn nitrate hóa trong ao nuôi tôm.	2011	TCKH, ĐHCT, số: 20B, trang 69-78.
14.	Phạm Thị Tuyết Ngân , Vũ Ngọc Út, Trương Quốc Phú và	2011	TCKH, ĐHCT số: 20B, trang 59-68.

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	Nguyễn Hữu Hiệp. Ảnh hưởng của vi khuẩn hữu ích lên các yếu tố môi trường và tôm sú (<i>P. monodon</i>) nuôi trong bể.		

Cần thơ, ngày 05 tháng 05 năm 2017

Xác nhận của cơ quan

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

TL.HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Kèm theo Thông tư số: 38/2010 /TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: LAM MỸ LAN

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 21/8/1972

Nơi sinh: Phụng Hiệp, Hậu Giang

Quê quán: Phú Hữu, Châu Thành, Hậu Giang

Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: Tiến sĩ

Năm, nước nhận học vị: 2006, Bỉ

Chức danh khoa học cao nhất:

Năm bổ nhiệm:

Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Giảng viên

Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Bộ môn Kỹ thuật nuôi nước ngọt, Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: 53/3B, đường Cách mạng tháng 8, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, tp Cần Thơ

Điện thoại liên hệ: CQ:0710.3.831.542

NR:

DD:

Fax: 0710.3.830.323

Email: lmlan@ctu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: chính qui

Nơi đào tạo: Đại học Cần Thơ

Ngành học: Nuôi trồng thủy sản

Nước đào tạo: Việt Nam

Năm tốt nghiệp: 1995

Bằng đại học 2:

Năm tốt nghiệp:

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Nuôi trồng thủy sản

Năm cấp bằng: 1999

Nơi đào tạo: Viện Công nghệ Châu Á, AIT, Thái Lan

- Tiến sĩ chuyên ngành: Nuôi trồng thủy sản

Năm cấp bằng: 2006

Nơi đào tạo: Đại học Namur, Bỉ

- Tên luận án: Freshwater prawn - rice culture: The development of a sustainable system in the Mekong Delta, Vietnam.

3. Ngoại ngữ: 1. Tiếng Anh

Mức độ sử dụng: C

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
1995 - 1997	Bộ Môn Kỹ Thuật Nuôi, Khoa Thủy Sản, ĐH Cần Thơ	Cán bộ nghiên cứu
1997-1999	Học chương trình thạc sĩ tại Viện Công nghệ Châu Á (AIT), Thái Lan	Cán bộ nghiên cứu
2000 - 2001	Bộ Môn Kỹ Thuật Nuôi, Khoa Nông Nghiệp, ĐH Cần Thơ	Cán bộ giảng dạy
2001 - 2003	Bộ Môn Kỹ Thuật Nuôi, Khoa Thủy Sản, ĐH Cần Thơ	Cán bộ giảng dạy
2003 - 2006	Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ. Học Tiến sĩ Đại học Namur – Vương quốc Bỉ, hệ không tập trung.	Giảng viên
2006 - nay	Bộ môn Kỹ thuật nuôi thủy sản nước ngọt, Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ	Giảng viên

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Khảo sát chất lượng nước và tình hình nuôi thủy sản ở tỉnh Cần Thơ	1995	Cấp tỉnh	Cán bộ tham gia
2	Nghiên cứu chất lượng nước trong mô hình cá lúa - tôm lúa	2000	Hợp tác với JICA	Cán bộ tham gia
3	Ương nuôi cá lóc bằng thức ăn tổng hợp tự chế	2002	Cấp Bộ	Cán bộ tham gia
4	Các mô hình nuôi cá - heo, nuôi ghép cá ở Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	2001 - 2003	Hợp tác với JIRCAS	Cán bộ tham gia
5	Xây dựng mô hình nuôi tôm càng xanh trong ruộng lúa tại Long An	2003-2005	Cấp tỉnh	Cán bộ tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
6	Nuôi cá rô đồng thâm canh trong ao đất tại Long An	2005	Cấp tỉnh	Cán bộ tham gia
7	Thực nghiệm nuôi ghép cá thát lát còm trong ao đất	2009	Dự án Bèo – Lục Bình	Cán bộ tham gia
8	Thực nghiệm nuôi cá lóc trong giai lưới	2009	Dự án Bèo – Lục Bình	Cán bộ tham gia
9	Triển khai mô hình nuôi cá Lóc trong bể lót bạt ở tỉnh An Giang	2011	Dự án cấp tỉnh	Cán bộ tham gia
10	Nghiên cứu kỹ thuật ương và nuôi thương phẩm cá leo (<i>Wallago attu</i>) tại An Giang	2012	Cấp tỉnh	Cán bộ chủ trì
11	Nghiên cứu sử dụng thức ăn chế biến để nuôi thương phẩm cá lát lát còm (<i>Chitala chitala</i> Hamilton, 1822)	2013	Cấp tỉnh	Cán bộ chủ trì
12	Nghiên cứu xây dựng công thức thức ăn cho cá lát lát còm (<i>Chitala chitala</i>) trong giai đoạn nuôi thương phẩm	2013	Cấp Bộ	Cán bộ tham gia
13	Nghiên cứu các mô hình thủy sản phát triển bền vững tại Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam	2008-2013	Hợp tác với ĐH Yokohama, Nhật Bản	Cán bộ tham gia

2. Các công trình khoa học đã công bố: (tên công trình, năm công bố, nơi công bố...)

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1.	Lam My Lan , Duong Nhut Long, Takeshi Watanabe, Duong Thi Hoang Oanh, Nguyen Van Lanh and Le Thi Ngoc	2001	In: Proceedings of the 2001 Annual Workshop of JIRCAS Mekong Delta Project: <i>Development of New Technologies and their Practice for Sustainable Farming Systems in the Mekong Delta</i> . p. 218-220

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	Thanh. On Farm trial on Fish Stocking Density in Polyculture under Pig - Fish Integrated Farming Systems.		
2.	Lam My Lan , Duong Nhut Long, Nguyen Van Lanh, Le Thi Ngoc Thanh and Nguyen Tan Huy. The water quality and prawn growth in the rice - prawn integrated farming system in Omon District, Cantho Province. p 83-87.	2002	In Proceedings of the Final Workshop on "Improvement of Environmental Education in Agricultural Sciences. Pubished by Cantho University - Japan International Cooperation Agency Mini Project, College of Agriculture, Cantho University, Vietnam.
3.	Takeshi Watanabe, Duong Nhut Long, Lam My Lan , Duong Thi Hoang Oanh, Nguyen Van Lanh and Le Thi Ngoc Thanh. Nitrogen and Phosphorus Balance in Fishponds under Pig - Fish System in the Mekong Delta.	2002	JIRCAS (Japan International Research Center for Agricultural Sciences) Working Report No. 26: Development of New Technogies and Their Practice for Sustainable Farming Systems in the Mekong Delta. p 57-64
4.	Long, D.N., N.V Lanh, L.M. Lan and J.C. Micha. Experiment on an integrated rice fish polyculture system (6 species, 1-2 fish/m ²) in the Mekong Delta,	2002	Tropicultura Vol. 20 No.3, ISSN 0771-3312, 140-149.
5.	Lam My Lan , Duong Nhut Long, Pham Van Manh, Nguyen	2003	In: Proceedings of the 2002 Annual Workshop of JIRCAS Mekong Delta Project: <i>Development of New</i>

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	Van Lanh, Le Thi Ngoc Thanh, Ryuichi Yamada and Takeshi Watanabe. Optimal Stocking Population in Freshwater Fish Polyculture in Tan Phu Thanh Village, Chau Thanh A District, Cantho Province		<i>Technologies and their Practice for Sustainable Farming Systems in the Mekong Delta.</i> p 327-334
6.	Duong Nhut Long, Lam My Lan , Phan Cong Oanh, Bui Chau Truc Dan, Ryuichi Yamada and John S. Caldwell. Effects on Fish Yield and Enviromental Quality of Biogas Digestion and Supplemental Fish Feed in Integrated Pig - Fish Production in Tan Phu Thanh Village, Chau Thanh A District, Cantho Province	2003	In: Proceedings of the 2003 Annual Workshop of JIRCAS Mekong Delta Project: <i>Development of New Technologies and their Practice for Sustainable Farming Systems in the Mekong Delta.</i> p 335-344.
7.	Lam Mỹ Lan , Dương Nhựt Long và Takeshi Watanabe. 2003. Thử nghiệm nuôi cá ở các mật độ khác nhau trong mô hình cá – heo ở đồng bằng sông Cửu Long.	2003	Tạp chí Thủy sản 8/2003.

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
8.	Yang Yi, Lam My Lan and C. K. Lin. Using effluents from an intensive catfish (<i>Clarias macrocephalus</i> X <i>C. gariepinus</i>) culture pond to irrigate rice crop.	2006	In: S. Ohgaki, K. Fukushi, H. Katayama, S. Takizawa, C. Polprasert (eds.), Southeast Asian Water Environment I - Biodiversity and Water Environment. International Water Association, ISBN: 1-843390-98-1 , 181-188. IWA Publishing, London, UK
9.	Duong Nhut Long, Nguyen Anh Tuan, Nguyen Van Trieu, Le Son Trang, Lam My Lan , Jean-Claude Micha. Artificial Reproduction, Larvae Rearing and Market Production Techniques of a New Species for Fish Culture: Snakehead (<i>Channa striata</i> Block, 1795).	2004	Mededelingen der Zittingen, Koninklijke Academie Voor Overzeer Wetenschappen, Bullentin des Seances 50(4): 497-517. Academi Royale des Sciences d'outre-Mer.
10.	Lam My Lan , Micha J.C., Long D.N. and Yen P.T. Effects of density and culture system on growth, survival, yield and economic return of freshwater prawn, <i>Macrobrachium rosenbergii</i> , farming in the rice field in the Mekong Delta, Vietnam.	2006	<i>Journal of Applied Aquaculture</i> 18 (1) , 43-62. The Haworth Press.
11.	Lam My Lan , Long D.N., Yen P.T. and Micha J.C. Comparison of	2006	<i>International Conference: Hubs, Harbours and Deltas in Southeast Asia: Multidisciplinary and Intercultural Perspectives</i> , Phnom

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	freshwater prawns, <i>Macrobrachium rosenbergii</i> production in the integrated and rotational rice - prawn systems in the Mekong Delta, Vietnam.		Penh - Cambodia 6-8 February 2006. pp. 439-452. Royal Academy of Overseas Science.
12.	Lam My Lan , Long D.N., and Micha J.C. The effects of stocking density and feed type on the production of <i>Macrobrachium rosenbergii</i> culture in the rotational rice - freshwater prawn system..	2006	<i>Aquaculture Research</i> 37 , 1297-1304. Balckwell Synergy Publisher
13.	Yang Yi, Lam My Lan and C. K. Lin. Using effluents from an intensive catfish (<i>Clarias macrocephalus</i> X <i>C. gariepnus</i>) culture pond to irrigate rice crop. In: S. Ohgaki, K. Fukushi, H. Katayama, S. Takizawa, C. Polprasert (eds.), Southeast Asian Water Environment I - Biodiversity and Water Environment.	2006	International Water Association. pp. 181-188. IWA Publishing, London, UK
14.	Lam My Lan . Freshwater prawn -	2006	FUNDP Ph.D Dissertation. 159 p. Presses Universitaires de Namur,

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	rice culture: the development of a sustainable system in the Mekong delta, Vietnam.		Belgique.
15.	Duong Nhut Long, Lam My Lan , Nguyen Anh Tuan and Jean-Claude Micha. Artificial Propagation and Culture of Climbing perch (<i>Anabas testudineus</i> Block, 1792) in the Mekong Delta..	2006	Mededelingen der Zittingen, Koninklijke Academie Voor Overzeer Wetenschappen, Bullentin des Seances 52(3): 279-302. Academi Royale des Sciences d'outre-Mer
16.	Lam My Lan , Duong Nhut Long, Pham Van Manh, Nguyen Van Lanh, Le Thi Ngoc Thanh, Ryuichi Yamada and Takeshi Watanabe. Optimal Stocking Composition in Freshwater Fish Polyculture in Tan Phu Thanh Village, Chau Thanh A District, Haugiang Province.	2007	JIRCAS (Japan International Research Center for Agricultural Sciences) Working Report No. 52, p 57-61
17.	Lam My Lan , Jean-Claude Micha, Duong Nhut Long and Tran Thanh Hai. The on farm trials of the rotational rice – prawn farming system in a semi-deep water area.	2008	<i>Journal of Applied Aquaculture</i> 20 (3), 168-183. The Haworth Press.

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
18.	Lam Mỹ Lan , Dương Nhựt Long và Jean-Claude Micha. So sánh biện pháp kỹ thuật và hiệu quả kinh tế mô hình nuôi tôm càng (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) xanh xen canh và luân canh với trồng lúa.	2008	Tạp chí khoa học, ĐHCT (Chuyên ngành Thủy sản), 82 – 88.
19.	Akiko Ikeguchi, Lam My Lan and Duong Nhut Long. The rice – fish aquaculture system and marketing in the Mekong Delta, Vietnam.	2008	Journal of the Faculty of Education and Human Sciences, Yokohama National University, No.10, 11-27, ISSN 1344-4638
20.	Lam Mỹ Lan và Trần Bảo Trang. Nghiên cứu sử dụng thức ăn chế biến ương cá leo (<i>Wallago attu</i>) giai đoạn hương lên giống.	2011	Kỷ yếu hội nghị khoa học thủy sản lần 4. Nhà xuất bản Nông nghiệp, 361-369.
21.	Lam Mỹ Lan , Phan Thị Mỹ Hạnh và Phạm Minh Khuron. Thử nghiệm nuôi cá leo (<i>Wallago attu</i>) trong bể nhỏ tại An Giang.	2011	Kỷ yếu hội thảo khoa học lần 4. Nhà xuất bản Nông nghiệp, 370-380.
22.	Lam Mỹ Lan , Nguyễn Thanh Hiệu và Dương Nhựt Long. Nuôi cá lóc (<i>Channa sp.</i>) trong bể lót bạt tại tỉnh Hậu Giang.	2011	Kỷ yếu hội nghị khoa học thủy sản lần 4. Nhà xuất bản Nông nghiệp, 395-404.
23.	Lam My Lan , Ho Duc Toan, Trinh Minh	2013	International Fisheries Symposium – IFS 2012, Agriculture Publishing

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	Tam and Nguyen Thanh Hieu. Study on the culture of clown knife fish (<i>Chitala chitala</i>) using home-made feeds. Proceedings of the		House, 63 – 69. Published No. 236-2013/CXB/47-07/NN, Permission No. 059/QĐ-CN NXBNN- dated 1/11/2013.
24.	Trần Thị Thanh Hiền, Nguyễn Hữu Bon, Lam Mỹ Lan và Trần Lê Cẩm Tú. Nghiên cứu xác định nhu cầu protein và lipid của cá thát lát còm (<i>Chitala chitala</i>) giai đoạn giống.	2013	Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Số 26, 196 – 204, ISSN 1859-2333.
25.	Nguyễn Thị Linh Đan, Trần Thị Thanh Hiền, Trần Lê Cẩm Tú và Lam Mỹ Lan . Khả năng thay thế bột cá bằng bột đậu nành làm thức ăn cho cá thát lát còm (<i>Chitala chitala</i> Hamilton, 1822).	2013	Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Số 29, 109 - 117. ISSN 1859-2333.
26.	Tiêu Quốc Sang, Dương Nhựt Long and Lam Mỹ Lan . Ảnh hưởng của mật độ lên tăng trưởng, tỷ lệ sống và hiệu quả tài chính của mô hình nuôi cá lóc (<i>Channa striata</i>) thương phẩm trong bể lót bạt.	2013	Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Số 25, 223 - 230. ISSN 1859-2333
27.	Lam Mỹ Lan , Trần Thị Thanh Hiền, Huỳnh Tấn Đạt và Trần Lê Cẩm Tú. Nghiên cứu xác định	2014	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, số 12, ISSN 1859-4581 , 78 - 84

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	nhu cầu protein và lipid của cá thát lát còm (<i>Chitala chitala</i>) giai đoạn 50 - 100 g.		
28.	Lam Mỹ Lan , Trần Ngọc Thảo và Đỗ Thị Thanh Hương. Ảnh hưởng của độ mặn lên điều hòa áp suất thẩm thấu và tăng trưởng của cá leo (<i>Wallago attu</i>).	2014	Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Số chuyên đề Thủy sản tập 1, ISSN 1859-2333, 319-325.
29.	Nguyễn Thanh Hiệu, Dương Nhật Long và Lam Mỹ Lan , 2014. Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học cá heo (<i>Botia modesta</i> Bleeker, 1865).	2014	Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Số chuyên đề Thủy sản tập 1, ISSN 1859-2333, 69-77.
30.	Dương Nhật Long, Nguyễn Thanh Hiệu, Nguyễn Thanh Sử và Lam Mỹ Lan . nghiên cứu nuôi vỗ thành thục và kích thích cá heo (<i>Botia modesta</i> Bleeker, 1865) sinh sản.	2014	Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Số chuyên đề Thủy sản tập 1, ISSN 1859-2333, 264-272.
31.	Trần Văn Hận, Dương Nhật Long và Lam Mỹ Lan . Nghiên cứu tuyển chọn và nuôi tôm càng xanh đực trong ruộng lúa luân canh.	2014	Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Số chuyên đề Thủy sản tập 2, ISSN 1859-2333, 95-100.
32.	Phan Hải Đăng, Dương Nhật Long và Lam Mỹ Lan . Khảo sát hiện trạng và biện pháp kỹ thuật nuôi tôm càng xanh	2014	Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Số chuyên đề Thủy sản tập 2, ISSN 1859-2333, 86-94.

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	(<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) trong ruộng vườn dừa tại huyện Thạnh phú tỉnh Bến Tre.		

Cần thơ, ngày 05 tháng 05 năm 2017

Xác nhận của cơ quan

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

TL.HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Kèm theo Thông tư số: 38/2010 /TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: TRẦN MINH PHÚ

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 29-04-1980

Nơi sinh: Cần Thơ

Quê quán: Thới An, Ô Môn, Cần Thơ

Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: Tiến sĩ khoa học

Năm, nước nhận học vị: 2015, Đan Mạch

Chức danh khoa học cao nhất:

Năm bổ nhiệm:

Chức vụ: Giảng viên

Đơn vị công tác: Bộ Môn Dinh dưỡng và Chế biến Thủy sản, Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: 112 Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ

Điện thoại liên hệ: CQ: 07103830931

NR:

DD: 0908512101

Fax: 07103830323

Email: tmphu@ctu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy

Nơi đào tạo: Trường Đại học Cần Thơ

Ngành học: Nuôi trồng thủy sản

Nước đào tạo: Việt Nam

Năm tốt nghiệp: 2004

Bằng đại học 2:

Năm tốt nghiệp:

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Nuôi trồng thủy sản.

Năm cấp bằng: 2010

Nơi đào tạo: Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Na Uy (NTNU, Na Uy)

- Tiến sĩ chuyên ngành: Miễn dịch học và bệnh truyền nhiễm. Năm cấp bằng: 2015

Nơi đào tạo: Trường Đại học Copenhagen, Đan Mạch

- Tên luận án: Sử dụng hóa chất, chất lượng kháng sinh và thời gian đào thải của một số loại kháng sinh trong nuôi cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*) vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam

“Chemical use, antimicrobial quality and withdrawal time of selected antimicrobials in striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) aquaculture in Mekong Delta, Vietnam”

3. Ngoại ngữ: 1. Tiếng Anh
2.

Mức độ sử dụng: thành thạo

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
2004-2011	Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ	Nghiên cứu viên, thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học tại Khoa Thủy sản.
2011-2016	Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ	Giảng viên, giảng dạy và thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học tại Khoa Thủy sản.

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Cải thiện thức ăn cho nuôi cá tra quy mô nông hộ ở Việt Nam và Campuchia “Improving feeds and feeding for small scale aquaculture in Vietnam and Cambodia”	2004-2009	Đề tài hợp tác quốc tế	Thành viên, thu mẫu, bố trí thí nghiệm và phân tích mẫu dinh dưỡng
2	Cải thiện nuôi tôm bền vững và an toàn tại Việt Nam ”Model of Quality Manual for the Certification of the Quality (Safety) of Shrimp Production in	2004-2007	Đề tài hợp tác quốc tế	Thành viên, bố trí thí nghiệm, thu mẫu và phân tích mẫu tồn lưu kháng sinh

	Vietnam”			
3	Xác định tồn lưu Enrofloxacin và Norfloxacin trên cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	2007-2008	Đề tài cấp Trường	Chủ nhiệm đề tài
4	Khảo sát chất lượng nước trong ao nuôi cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) vùng đồng bằng sông cửu long	2007-2009	Đề tài hợp tác quốc tế	Thành viên, thu mẫu và phân tích mẫu tồn lưu kháng sinh
5	Cải thiện thực hành quản lý và an toàn thực phẩm trong việc sử dụng hóa chất trong nuôi trồng thủy sản nước ngọt vùng Đồng bằng sông Cửu Long “Improving management practices and food safety related to the use of chemicals for a sustainable freshwater aquaculture in the Mekong delta”	2009-2014	Đề tài hợp tác quốc tế	Thành viên, bố trí thí nghiệm, thu mẫu và phân tích mẫu tồn lưu kháng sinh
6	Phân tích tồn lưu trifluralin trong sản phẩm cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) bằng hệ thống sắc ký	2010-2011	Đề tài cấp Trường	Chủ nhiệm đề tài
7	Nuôi trồng thủy sản theo tiêu chuẩn thương mại “Sustaining Ethical Aquaculture Trade” (SEAT; www.seatglobal.eu)	2009-2014	Đề tài hợp tác quốc tế	Thành viên, bố trí thí nghiệm, thu mẫu và phân tích mẫu tồn lưu kháng sinh
8	Khảo sát tồn lưu kháng sinh trong môi trường ao nuôi và công nghiệp ven	2013-2016	Đề tài hợp tác quốc tế	Thành viên, thu mẫu tồn lưu

	biển liên quan đến sự phổ biến của vi khuẩn kháng thuốc “Assessment of antibiotic residues in environments of farms and marine industries in regard to the widespread of resistant bacteria”			kháng sinh
9	Ảnh hưởng của beta-glucan lên khả năng chịu đựng của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) trong quá trình vận chuyển	2014-2015	Đề tài cấp Trường	Chủ nhiệm đề tài
10	Tồn lưu amoxicillin trên cá rô phi đỏ	2016	Đề tài cấp Trường	Chủ nhiệm đề tài

2. Các công trình khoa học đã công bố: (tên công trình, năm công bố, nơi công bố...)

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Trần Minh Phú , Trần Lê Cẩm Tú và Trần Thị Thanh Hiền. 2006. Thực nghiệm nuôi cá rô (<i>Anabas testudineus</i>) bằng các loại thức ăn khác nhau	2006	Tạp chí khoa học Đại Học Cần Thơ. Chuyên đề thủy sản
2	Trần Minh Phú , Đào Thị Hồng Sen, Đỗ Thị Thanh Hương và Trần Thị Thanh Hiền. 2008. Xác định thời gian tồn lưu Enrofloxacin trên cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>).	2008	Tạp chí khoa học Đại Học Cần Thơ. Chuyên đề thủy sản
3	Hultmann Lisbeth, Tran Minh Phu , Tobiassen Torbjørn, Aas-Hansen Øyvind, Rustad Turid. 2012. Effects of pre-slaughter stress on proteolytic enzyme activities and muscle quality of farmed Atlantic cod (<i>Gadus morhua</i>).	2012	Food chemistry 134 (3), 1399–1408.
4	Marie-Aline Pierrard, Patrick Kestemont, Nguyen Thanh Phuong, Minh Phu Tran , Edouard Delaive, Marie-Laëtitia Thezenas, Marc Dieu,	2012	Journal of Proteomics 75(8), 2454-67

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	Martine Raes, Frédéric Silvestre. 2012. Proteomic analysis of blood cells in fish exposed to chemotherapeutics: evidence for long term effects.		
5	Andreu Rico, Tran Minh Phu , Kriengkrai Satapornvanit, Jiang Min, A.M. Shahabuddin, Patrik J.G. Henriksson, Francis J. Murray, David C. Little, Anders Dalsgaard, Paul J. Van den Brink. 2013. Use of veterinary medicines, feed additives and probiotics in four major internationally traded aquaculture species farmed in Asia.	2013	Aquaculture 412–413, 231–243
6	Trần Minh Phú , Trần Thủy Tiên, Nguyễn Lê Anh Đào và Trần Thị Thanh Hiền. 2014. Đánh giá chất lượng cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) thương phẩm ở các khu vực nuôi khác nhau	2014	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ Số chuyên đề: Thủy sản (2014)(1): 15-21
7	Trần Thị Thanh Hiền, Trần Lê Cẩm Tú, Nguyễn Vĩnh Tiến, Nguyễn Bảo Trung, Trần Minh Phú , Phạm Minh Đức và Bengston David. Thay thế bột cá bằng một số nguồn bột đậu nành trong thức ăn cho cá lóc (<i>Channa striata</i>)	2014	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ Số chuyên đề: Thủy sản (2014)(1): 310-318
8	Nguyễn Quốc Thịnh, Trần Minh Phú , Huỳnh Sô Ni, Sebastien Quennery, Đỗ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thanh Phương, Patrick Kestemont, Marie-Louise Scippo. 2014. Tình hình sử dụng thuốc hóa chất trong mô hình lúa - cá kết hợp, cá tra ao đất và cá điêu hồng trong lồng bè ở Đồng bằng sông Cửu Long	2014	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ Số chuyên đề: Thủy sản (2), 278-283
9	Margot Andrieu, Andreu Rico, Tran Minh Phu , Do Thi Thanh Huong, Nguyen Thanh Phuong, Paul J. Van den Brink. 2015. Ecological risk assessment of the antibiotic	2015	Chemosphere 119, 407–414.

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	enrofloxacin applied to Pangasius catfish farms in the Mekong Delta, Vietnam.		
10	Lisbeth Hultmann, Torbjørn Tobiassen, Øyvind Aas-Hansen, Tran Minh Phu , Turid Rustad. 2015. Muscle quality and proteolytic enzymes of farmed Atlantic cod (<i>Gadus morhua</i>) during storage: Effects of pre-slaughter handling and increased storage temperature.	2015	Journal of Aquatic Food Product Technology
11	Tran Minh Phu , Nguyen Thanh Phuong, Tu Thanh Dung, Dao Minh Hai, Vo Nam Son, Andreu Rico, Jesper H Clausen, Henry Madsen, Francis Murray, Anders Dalsgaard. 2015. An evaluation of fish health management practices and occupational health hazards associated with Pangasius catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) aquaculture in the Mekong Delta, Vietnam.	2015	Aquaculture Research. 1-17
12	Tran Minh Phu , Nguyen Thanh Phuong, Marie-Louise Scippo, Anders Dalsgaard, A. 2015. Quality of antimicrobial products used in striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) aquaculture in Vietnam.	2015	PLoS ONE 10(4): e0124267. doi:10.1371/journal.pone.0124267
13	Tran Minh Phu , Caroline Douny, Marie-Louise Scippo, Edwin De Pauw, Nguyen Quoc Thinh, Do Thi Thanh Huong, Huynh Phuoc Vinh, Nguyen Thanh Phuong, Anders Dalsgaard. 2015. Elimination of enrofloxacin in striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) following on-farm treatment.	2015	Aquaculture. 438, 1-5.
14	Tran Minh Phu , Marie-Louise Scippo, Nguyen Thanh Phuong, Cao Thi Kieu Tien, Co Hong Son,	2015	Aquaculture. 437, 256-262

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	Anders Dalsgaard. 2015. Withdrawal time for sulfamethoxazole and trimethoprim following treatment of striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) and hybrid red tilapia (<i>Oreochromis mossambicus</i> x <i>Oreochromis niloticus</i>).		
15	Gazi Md. Noor Uddin, Marianne Halberg Larsen, Henrik Christensen, Frank M. Aarestrup, Tran Minh Phu , Anders Dalsgaard. 2015. Identification and Antimicrobial Resistance of Bacteria Isolated from Probiotic Products Used in Shrimp Culture	2015	PLoS ONE 10(7): e0132338. doi:10.1371/journal.pone.0132338
16	Gazi M. Noor Uddin, Marianne H. Larsen, Lisa Barco, Tran M. Phu , Anders Dalsgaard. Clonal Occurrence of Salmonella Weltevreden in Cultured Shrimp in the Mekong Delta, Vietnam	2015	PLoS ONE 10(7): e0134252. doi:10.1371/journal.pone.0134252
17	Henriksson, P.J., Rico, A., Zhang, W., Ahmad-Al-Nahid, S., Newton, R., Phan, L.T., Zhang, Z., Jaithiang, J., Dao, H.M., Phu, T.M. and Little, D.C., 2015. Comparison of Asian Aquaculture Products by Use of Statistically Supported Life Cycle Assessment.	2015	Environmental science & technology, 49(24), pp.14176-14183.
18	Hien, Tran Thi Thanh, Dinh, Tran Dac, Phu, Tran Minh and Bengtson, David A. 2015. Assessment of the Trash-fish Diet for Snakehead Aquaculture in Vietnam: Species Composition and Chemical Characterisation.	2015	Asian Fisheries Society 28(4), 165-173.
19	Châu Tài Tảo, Trần Minh Phú. Ảnh hưởng của độ kiềm lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của ấu trùng và hậu ấu	2015	Tạp chí Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn. Số tạp chí 3+4(2015)

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	trùng tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>)		Trang: 192-197
20	Hien, T.T.T., Phu, T.M., Tu, T.L.C., Tien, N.V., Duc, P.M. and Bengtson, D.A., 2016. Effects of replacing fish meal with soya protein concentrate on growth, feed efficiency and digestibility in diets for snakehead, <i>Channa striata</i> .	2016	Aquaculture Research.
21	Hien, Tran Thi Thanh, Duc, Pham Minh, Tu, Tran Le Cam, Phu, Tran Minh, Thy, Dang Thuy Mai, Bengtson, David A. Growth Performance and Immune Response of Snakehead, <i>Channa striata</i> (Bloch 1793) Fed Soy Diets with Supplementation of Mannan Oligosaccharides	2016	Asian Fisheries Science 29 (2016):67-81
22	Nguyễn Quốc Thịnh, Trần Minh Phú, Caroline Douny, Nguyễn Thanh Phương, Đỗ Thị Thanh Hương, Patrick Kestemont, Nguyễn Văn Quý, Hồ Thị Bích Tuyền và Marie-Louise Scippo, 2016. Nồng độ quinalphos trong nước, cá chép (<i>Cyprinus carpio</i>) và cá mè vinh (<i>Barbonymus gonionotus</i>) trong mô hình lúa cá kết hợp.	2016	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 44b: 58-65.

Cần thơ, ngày 05 tháng 05 năm 2017

Xác nhận của cơ quan

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

TL.HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC

PHỤ LỤC 3:

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THAM
KHẢO CỦA MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI
HỌC Ở NƯỚC NGOÀI**

PHỤ LỤC 4:
CÁC BIÊN BẢN CÓ LIÊN QUAN

PHỤ LỤC 5:
MINH CHỨNG VỀ NGHIÊN CỨU
KHOA HỌC

PHỤ LỤC 6:
MINH CHỨNG VỀ CÔNG TRÌNH ĐÃ
CÔNG BỐ